

Blaise Pascal và việc bênh vực Kitô Giáo (Chuyển ngữ Phần II cuốn *Pensées*)

Vũ Văn An
17/May/2021

Dẫn Nhập

Với những tiến bộ vượt bậc hiện nay của khoa học và kỹ thuật, người ta có khuynh hướng coi tôn giáo như không còn liên quan đến cuộc sống con người nữa. Thậm chí, một số người còn coi tôn giáo như một thứ phản động, không hề yêu thương như vẫn rêu rao mà toàn một thứ ngôn từ kỳ thị, ghét bỏ, cần bị loại trừ khỏi quảng trường công cộng.

Họ đâu có ngờ một trong các cha đẻ của kỹ thuật tân thời mang đến cho họ những phát kiến tân kỳ làm cho họ có cảm tưởng như họ mới là chủ nhân thực sự của vũ trụ này chứ không phải một Thượng Đế xa xôi nào khác, cùng một lúc, là người hết lòng ca ngợi vị Thượng Đế xa xôi này và dùng hết trí thông minh thiên phú của Ông để chứng minh về Người. Đó chính là Blaise Pascal, người đầu tiên sáng chế ra máy tính, đặt đề những bước đầu tiên cho máy vi tính sau này.



Vài nét tiểu sử

Về tiểu sử của Blaise Pascal, bạn đọc hẳn đã quen thuộc, nhất là phần nói về thiên tài toán học, hình học, vật lý và các sáng chế của ông liên quan đến máy tính, qua nhiều bài viết bằng tiếng Việt, nhất là mục viết về ông trên Từ điển mở Wikipedia tiếng Việt. Ở đây, chúng tôi chỉ xin trình bày một số nét liên quan tới tư duy tôn giáo của thiên tài này.

Có thể nói, ông đã dùng thiên tài khoa học và toán học của mình để nói về “Thiên Chúa của Ápraham, của Ixaác và của Giacóp, chứ không phải của các triết gia”. Bà Périer tức Gilberte Pascal, chị ruột ông kể rằng sau nghiên cứu về chân không, lúc chưa tới 24 tuổi, Chúa quan phòng tạo cơ hội buộc ông phải đọc các trước tác đạo đức, nhờ thế ông hoàn toàn hiểu rằng Kitô giáo buộc ta chỉ sống cho một mình Thiên Chúa mà thôi. Và chân lý này hiển nhiên, cần thiết và hữu ích đối với ông đến nỗi đã kết thúc mọi nghiên cứu khác của ông.

Nhưng, theo Bà Périer, dù cương quyết không nghiên cứu gì khác ngoài tôn giáo, ông không bao giờ quan tâm đến “những vấn đề thần học kỳ dị” mà chỉ dùng hết tâm trí vào việc biết và thực hành sự toàn thiện của luân lý Kitô giáo, chuyên chăm suy niệm lẽ luật Thiên Chúa ngày đêm. Tuy nhiên, ông không làm ngơ trước những lạc giáo do những đầu óc tinh tế tạo ra để phỉnh lừa thiên hạ. Đó là trường hợp tại Rouen, nơi cha ông làm việc, có người giảng dạy “một thứ triết lý mới” lôi cuốn nhiều người hiếu kỳ. Đến nỗi chính ông cùng hai người bạn đến nghe. Ngõ ngàng trước việc người này diễn dịch từ các nguyên lý triết học của mình nhiều hệ luận về đức tin mâu thuẫn với các phán quyết của Giáo Hội. Ông này cho rằng thân xác Chúa Giêsu không được kết thành bởi máu của Đức Trinh Nữ mà bởi một chất thể tạo dựng khác hẳn. Ông và hai người bạn trình việc cho Tổng Giám Mục Rouen và vị này đã ra

lệnh bác bỏ các sai lạc của người này.

Từ đó, Blaise Pascal tiếp tục tìm cách làm vui lòng Thiên Chúa và tình yêu của ông trong việc tuyên xưng đức tin Kitô giáo nung đốt tâm hồn ông đến nỗi mọi người trong nhà cũng chịu ảnh hưởng. Gilberte cho rằng đến cha của bà cũng không “xấu hổ thụ huân con trai, tiếp nhận một lối sống chính xác hơn qua việc liên tục thực hành các nhân đức cho đến chết... Và em gái bà, Jacqueline, “xúc động về các ngôn từ của em trai tôi đến nỗi đã từ bỏ mọi lợi thế cho đến lúc đó, những lợi thế em rất yêu mến, để hiến mình hoàn toàn cho Thiên Chúa”.

Gilberte sau đó nói đến tình trạng thường xuyên đau yếu của em trai đến nỗi không nuốt được chất lỏng nếu không nóng và uống từng giọt; mắc chứng đau đầu chịu không thấu, ruột nóng bừng bừng và nhiều chứng khác. Quả là một cực hình, khiến ai cũng ái ngại, nhưng ông không bao giờ than thở. Dù thuốc men có làm ông đỡ phần nào, nhưng sức khỏe ông không bao giờ hoàn toàn hồi phục, khiến các bác sĩ khuyên ông nên bỏ mọi sinh hoạt tâm trí, và nên tìm cách giải khuây.

Thoạt đầu, ông không chịu nghe lời khuyên ấy vì nó hàm chứa nguy hiểm. Nhưng cuối cùng, ông đã nghe theo và “bước vào thế gian”. Tuy nhiên, thế gian này, nhờ ơn Chúa, được “miễn trừ các thói hư”, một phần nhờ em gái Jacqueline, người mà trước đây vốn nhờ tác phong của anh trai mà đã hiến mình cho Thiên Chúa. Nay bà dùng sức mạnh và sự dạn dạc thuyết phục anh tuyệt đối “từ bỏ thế gian”, coi ơn cứu rỗi đáng yêu mến hơn bất cứ điều gì khác.

Lúc đó, 30 tuổi, Ông quyết định đổi chỗ ở và về sống ở nhà quê và đặt phương châm cho cuộc sống trên hai điều: từ bỏ mọi lạc thú và mọi tính phù phiếm. Chính để thực thi hai điều đó, ông đã không còn dựa vào việc phục dịch của người nào, mà tự làm lấy mọi việc; dọn giường lấy, dọn bữa ăn tại nhà bếp và tự đem về phòng... Mọi thì giờ khác được ông dành cho việc cầu nguyện và đọc sách thánh: ông lấy thế làm một điều vui thích khôn tả. Ông cho rằng Sách Thánh không phải là một khoa học của trí khôn, mà là một khoa học của cõi lòng, và chỉ có thể hiểu được bởi một tâm hồn ngay thẳng, trong khi tối tăm đối với những tâm hồn khác.

Ông chăm chỉ đọc Sách Thánh đến thuộc lòng. Người nào trích dẫn sai, ông sửa ngay và cho biết chỗ nào trong Sách Thánh. Ông cũng đọc các chú giải rất cẩn trọng. Vì, theo Gilberte, lòng tôn kính đối với đạo trong đó, ông vốn được dưỡng dục từ tấm bé, nay đã biến thành một tình yêu nồng nàn và mẫn cảm đối với mọi chân lý đức tin.

Chính tình yêu ấy đã thúc đẩy ông làm việc không ngừng nhằm triệt hạ tất cả những gì mâu thuẫn với các chân lý ấy. Đến đây, Gilberte thuật lại nguyên do dẫn đến tác phẩm đề dòi của ông là cuốn sau này người ta đặt tên cho là *Pensées* (Các Suy Tưởng).

Bà cho rằng Blaise Pascal có một tài hùng biện rất tự nhiên đem lại cho ông một khả năng tuyệt diệu nói lên những điều ông muốn; nhưng ông còn biết thêm vào đó những quy luật chưa ai nghĩ ra và được ông sử dụng một cách đầy lợi thế đến nỗi làm chủ được văn phong của mình, không những nói mọi điều ông muốn mà còn nói theo cách ông muốn nữa và ngôn từ của ông thực hiện được hiệu quả ông muốn. Và lối viết tự nhiên, ngây thơ, và cùng một lúc mạnh mẽ, rất của riêng và hết sức đặc thù, đến nỗi ngay khi thấy xuất hiện *Các Lá Thư Gửi Người ở Tỉnh* (Lettres au Provincial), người ta biết ngay là của ông, dù chính ông dấu tên, dấu luôn cả với người thân.

Cũng vào lúc ấy, Chúa đã chữa lành con gái của Gilberte khỏi chứng chảy mủ mắt (fistule

lacrymale), không những qua mắt mà còn qua cả mũi và miệng, nặng đến nỗi “các nhà giải phẫu cừ khôi nhất của Paris” đều coi là bất trị. Nhưng chỉ nhờ đụng đến “gai thánh” ở Tu Viện Port Royal mà được khỏi. Phép lạ này được chứng thực bởi các y sĩ nổi tiếng nhất và bởi các nhà phẫu thuật tài năng nhất của Pháp cũng như được long trọng nhìn nhận bởi thẩm quyền Giáo Hội.

Blaise Pascal xúc động trước ơn thánh này, ơn thánh mà ông coi chính ông được hưởng, vì không những đây là đứa cháu gái duy nhất của ông mà còn là con đỡ đầu của ông lúc chịu Phép Rửa. Và lại sự an ủi của ông lên đến cực điểm khi thấy Thiên Chúa tỏ hiện quá rõ ràng trong một thời “đức tin xem ra đã tắt ngúm trong tâm hồn phần đông người ta. Niềm vui trước biến cố này lớn đến tràn ngập con người ông”.

Chính trong bối cảnh ấy “Thiên Chúa đã linh hứng cho ông vô vàn tư tưởng kỳ diệu về phép lạ. Các tư tưởng này, trong khi đem lại cho ông nhiều ánh sáng mới về tôn giáo, đã tăng bội tình yêu và lòng tôn trọng em vốn có đối với tôn giáo. Và chính dịp này đã làm xuất hiện ý nguyện ‘cực kỳ’ làm việc để bác bỏ các điều chủ yếu và các lý lẽ sai lầm nhất của những người vô thần. Em đã nghiên cứu họ rất kỹ, và đã dùng hết trí khôn để tìm tòi mọi phương thế thuyết phục họ. Em dành hết mình cho ý nguyện này. Năm cuối cùng công việc của mình, em dành tất cả để thu thập các tư tưởng đa dạng thuộc chủ đề này: nhưng Thiên Chúa, Đấng đã linh hứng kế sách này và mọi tư tưởng của em, đã không dẫn em đến chỗ hoàn thành, vì những lý do ta không được biết”.

Chính vì thế mà Gilberte Pascal đã không nhắc đến chính tựa đề của tác phẩm. Theo chú thích của bản in năm 1858 của Librairie De Firmin Didot Frères, Fils Et Cie, Imprimeurs De L'institut De France, thì đây chính là nguyên lai của cuốn sách mà các nhà xuất bản sẽ đặt tựa là *Pensées*. Chúng được viết không thứ tự trên những tờ giấy rời. Các thành viên của Tu Viện Port Royal đã thu thập chúng thành ấn bản đầu tiên không đầy đủ vào năm 1670. Sau đó, Cha Desmolets thuộc dòng Oratoire, đã thu thập thành một cuốn phụ gồm các tư tưởng bị bỏ sót. Cuối cùng, một ấn bản đầy đủ đã được công bố tại Paris năm 1687 với tiểu sử Pascal do người chị ruột là Bà Périer, nhũ danh Gilberte Pascal, viết. Nhưng chính tu viện trưởng Charles Bussut đã cho xuất bản vào năm 1779 cuốn *Pensées* đầy đủ như ta có ngày nay.

Gilberte tiếp tục cho hay: Tất cả những nhà trí thức hồi đó, bất luận có đức tin hay không, đều đánh giá cao các tư tưởng ông vừa phát kiến hoặc tìm tòi được. Điều này khiến Pascal lo âu, sợ rơi vào tính phù phiếm, nên ông đã hăm mình ép xác nghiêm ngặt hơn bằng cách làm dây lưng bằng sắt có gai nhọn cột ngay vào da thịt mình, cho đến lúc qua đời, dù sức khỏe ông ngày càng tệ đi.

Gilberte cho hay: ông hoạt động như trên trong 5 năm từ lúc 30 tuổi tới lúc 35 tuổi. Bốn năm sau đó là “một suy kiệt liên tục”, không hẳn một chứng bệnh mới cho bằng một sự nhân đôi thể tạng vẫn có từ hồi còn trẻ. Và đến lúc này, nó tấn công ông một cách vũ bão đến nỗi ông quy luôn, không còn phút nào dành cho “tác phẩm lớn mà em tôi đã khởi đầu cho tôn giáo”. Không còn cho người đến thỉnh ý bất cứ ý kiến nào dù bằng miệng hay bằng chữ viết.

Ông đau răng đến mất ngủ. Chính trong lúc mất ngủ ấy ông bỗng khám phá ra các ý nghĩ về trò chơi *roulette* (cò quay). Nhưng vì ông đã nguyện không bàn đến những chuyện bị ông coi là phù phiếm nữa, nên ông không muốn viết ra. Tuy nhiên, theo lời khuyên của một người “đáng kính”, cuối cùng ông đã viết ra và công trình này đã được công bố.

Các chứng bệnh tiếp tục hành hạ ông. Nhưng ông chịu đựng chúng “một cách hết sức thanh

thản và kiên nhẫn”, tin rằng Thiên Chúa muốn chuẩn bị cho ông như thế để xuất hiện trước nhan Người. Và ông tiếp tục sống nhiệm nhặt đến độ từ chối mọi khoái cảm kể cả trong lúc ăn uống. Câu ông vẫn thường nói là ăn vì dạ dày đòi chứ không phải vì khoái khẩu.

Theo Gilberte, trong các nhân đức được ông thực hành, đức khó nghèo được ông lưu ý nhất, tin rằng đức khó nghèo là phương thế lớn lao để được ơn cứu rỗi. Ông bảo, thuê người làm nên thuê những người nghèo nhất, chứ không phải thuê những người khéo tay nhất. Ông năng làm việc bổ thí, dù tài sản ông không là bao và các chi phí y tế của ông rất cao. Ông khuyên cả người chị tận hiến cho người nghèo, trong chừng mực không làm hại đến việc phục vụ gia đình. Vì đây là ơn gọi chung của mọi Kitô hữu, theo đó, Chúa Giêsu sẽ phán xét ta.

Phương châm ông là “cách được lòng Thiên Chúa hơn cả là phục vụ người nghèo một cách nghèo” (*servir les pauvres pauvrement*) nghĩa là mỗi người tùy khả năng của mình.

Gilberte nhắc đến “bức tranh em tôi vẽ về chính mình trên một tờ giấy tự tay viết như sau: 'tôi yêu đức khó nghèo, vì Chúa Giêsu Kitô đã từng yêu nó. Tôi yêu những của cải vì chúng mang lại phương thế để trợ giúp người nghèo. Tôi giữ lòng thủy chung với mọi người. Tôi không lấy điều xấu báo oán những người hại tôi, nhưng mong họ được điều kiện như tôi, trong đó, họ không nhận điều xấu hay điều tốt từ phần lớn người ta. Tôi cố gắng luôn chân thật, thành thật, và trung thành với mọi người, và tôi có một sự âu yếm trong lòng đối với những người kết hợp với tôi cách chặt chẽ, và bất kể ở một mình hay trước mặt người ta, trong mọi hành động của tôi, tôi đều thấy Thiên Chúa, Đấng sẽ phán xét chúng và là Đấng tôi đã tận hiến hoàn toàn. Đó là các tâm tư của tôi, và suốt đời tôi, tôi chúc tụng Đấng Cứu Chuộc đã đặt chúng trong tôi, và là Đấng từ một con người đầy rẫy yêu đuối, nghèo hèn, tự dục, kiêu căng, và tham vọng, đã biến thành một con người không bị vướng các nét xấu nhờ sức mạnh của ơn thánh mà mọi điều đều tùy thuộc, trong khi tôi chỉ có khôn cùng và kính tâm”.

Gilberte cho hay ông có lòng mộ mến Kinh Thần Vụ, nhất là các giờ nhỏ, vì chúng có thánh vịnh 118, trong đó, ông tìm thấy những điều kỳ diệu, khiến ông đọc lên thấy sung sướng. Khi đàm đạo với bạn bè về vẻ đẹp của thánh vịnh này, ông như người xuất thần.

Ông không bỏ qua các hình thức sùng kính bình dân. Gilberte cho hay mấy năm cuối đời, vì không còn làm việc được nữa, nên giải khuây duy nhất của ông là đi viếng các nhà thờ có trưng bày các thánh tích hay có các cử hành trọng thể. Ông có cả cuốn sổ ghi ngày tháng và nơi chốn có các sùng kính đặc thù này.

Nhận định của Gilberte là “em làm những điều trên một cách rất sùng kính và rất đơn thành đến nỗi những người trông thấy đều phải ngạc nhiên: điều này đã khiến người ta có những nhận xét tốt đẹp như sau về một con người rất nhân đức và rất thông thái: ơn thánh của Thiên Chúa đã được tỏ lộ nơi các đầu óc vĩ đại qua các điều nhỏ mọn và nơi các đầu óc tầm thường qua các điều vĩ đại”.

Blaise Pascal yêu quý người nghèo đến độ ông muốn được chết ở nơi người nghèo. Chính vì thế, lúc sắp chết, ông muốn được chôn ở Viện *Incurables* (những người không thể chữa trị được). Dĩ nhiên, các y sĩ không cho phép điều này.

Sau đây là mô tả của Gilberte về giờ phút cuối cùng cuộc đời thánh thiện của em trai mình: “Khoảng nửa đêm, em bị chúng co giật mạnh đến nỗi, khi nó qua đi, chúng tôi tưởng em đã chết, và chúng tôi có nỗi buồn cực kỳ này, cùng với bạn hữu của em, là thấy em chết mà

không được chịu Bí Tích Cực Thánh, sau khi đã khẩn khoản rất nhiều lần. Nhưng Thiên Chúa, Đấng muốn thưởng một ước nguyện sốt sắng và chính đáng dường ấy, đã, như một phép lạ, ngưng cơn cơn giận kia, và trả lại hoàn toàn phán đoán của em, như lúc em còn sức khỏe hoàn hảo; đến nỗi, khi bước vào phòng em với Bí Tích Cực Thánh, cha xứ hô lên: Đây là Đấng con hằng khao khát. Những lời này đánh thức em dậy; và khi cha xứ đến gần để cho em Rước lễ, em đã nỗ lực, và một mình chỗi dậy, để đón nhận Mình Thánh với nhiều tôn kính hơn; và cha xứ, theo thông lệ, đã hỏi em về các màu nhiệm chính của đức tin, em trả lời rõ ràng: Vâng, thưa cha, con hết lòng tin tất cả những điều đó. Sau đó, em đã tiếp nhận của ăn đàng thánh thiện và xúc dầu sau cùng với những tâm tình âu yếm đến rơi nước mắt. Em trả lời tất cả mọi điều, cảm ơn cha xứ; và khi ngài ban phúc lành cho em bằng bình đựng Mình Thánh, em nói: xin Chúa đừng bao giờ bỏ rơi con! Đó giống như những lời cuối cùng của em; vì, sau khi tạ ơn, một lúc sau các cơn cơn giận của em lại tiếp tục, và không bao giờ rời em nữa, và không để lại cho em một giây phút tự do tâm trí nào: chúng kéo dài cho đến khi em qua đời, tức là hai mươi bốn giờ sau, ngày mười chín tháng tám một nghìn sáu trăm sáu mươi hai, lúc một giờ sáng, hưởng dương ba mươi chín năm hai tháng”.

Đêm lửa, trải nghiệm huyền nhiệm

Bà Périer kết thúc tiểu sử của em trai mình ở đây. T. S. Eliot trong phần dẫn nhập cho bản dịch Anh ngữ cuốn *Pensées* của nhà E.P. Dutton & Co., Inc. xuất bản năm 1958, nhấn mạnh biến cố diễn ra năm 1654, lúc Blaise Pascal trải qua một kinh nghiệm huyền nhiệm và được ông ghi lại trên giấy và khâu vào áo khoác. Người ta chỉ tìm thấy tờ giấy này sau khi ông qua đời với nội dung như sau:



“Năm ơn thánh 1654.

Thứ Hai, 23 tháng 11, lễ Thánh Clémentê, Giáo Hoàng Tử Đạo, và các thánh khác trong Hạnh Tử Đạo,

Vọng lễ Thánh Chrysôgônô, Tử đạo và các thánh khác.

Từ khoảng 10 giờ 30 đêm tới 12 giờ 30 đêm.

Lửa

‘Thiên Chúa của Apraham, Thiên Chúa của Ixaác, Thiên Chúa của Giacóp’, chứ không phải của các triết gia và học giả.

Chắc chắn, chắc chắn, tận đáy lòng, hân hoan, bình an.

Thiên Chúa của Chúa Giêsu Kitô.

Thiên Chúa của Chúa Giêsu Kitô.

Thiên Chúa của Thầy và Thiên Chúa của anh em

‘Thiên Chúa của mẹ cũng là Thiên Chúa của con’.

Thế giới bị lãng quên, và mọi sự trừ Thiên Chúa.
Chỉ có thể tìm thấy Người qua các cách được giảng dạy trong các sách Tin Mừng.
Sự vĩ đại của linh hồn con người.
'*Lạy Cha là Đấng công chính, thế gian đã không biết Cha, nhưng con, con đã biết Cha*'.
Hân hoan, hân hoan, hân hoan, khóc vì hân hoan.
Tôi đã tự cắt đứt khỏi Người.
Chúng đã bỏ Ta là mạch nước trường sinh.
Lạy Thiên Chúa của con, sao Chúa bỏ rơi con?
Đừng để con bị cắt đứt khỏi Chúa bao giờ!
'Mà sự sống đời đời đó là họ nhận biết Cha, Thiên Chúa duy nhất và chân thật, và nhận biết Đấng Cha đã sai đến, là Giêsu Kitô'
Lạy Chúa Giêsu Kitô.
Lạy Chúa Giêsu Kitô.
Tôi đã cắt đứt khỏi Người, tôi đã xa lánh Người, bác bỏ Người, đóng đinh Người.
Đừng để con bị cắt đứt khỏi Người!
Chỉ có thể giữ được Người theo những cách được giảng dạy trong Tin Mừng.
Từ bỏ dịu ngọt và hoàn toàn.
Hoàn toàn từng phục Chúa Giêsu Kitô và vị linh hướng của tôi.
Hân hoan mãi mãi đôi lấy một ngày cố gắng dưới đất.
Con sẽ không quên lời Chúa phán. Amen

Từ lúc ấy trở đi, ông liên hệ nhiều hơn với Tu viện Port-Royal, có thể gọi là trụ sở của Phong trào Jansenism, một thứ dị giáo theo quan điểm chính thống Công Giáo, và là nơi em gái ông vốn tu trì. Pascal đứng hẳn về phía chủ thuyết Jansenius để chống lại Dòng Tên, qua 18 *Lá Thư Gửi Người Ở Tĩnh*, một tác phẩm trình bày một lối văn xuôi làm "nền cho văn phong cổ điển Pháp, và tính bút chiến không ai địch nổi kể cả Demosthenes, Cicero, hay Swift".

Tuy nhiên, Eliot cho rằng sẽ không công bằng khi cho rằng các *Lá Thư Gửi Người Ở Tĩnh* công kích Dòng Tên. Chúng chỉ công kích khoa giải nghi học (casuistry) của Dòng Tên, đại biểu bởi Escobar và Molina, mà thôi, một khoa bị coi là nới lỏng các đòi hỏi nghiêm ngặt của Tòa Giải Tội.

Theo Eliot, không nên coi các bức thư này là khảo luận thần học, vì quả tình, Pascal không phải là một thần học gia chuyên nghiệp. Tuy nhiên, với tư cách bút chiến, chúng là "công trình của một trong các đầu óc toán học tinh tế nhất mọi thời, và của một người thế tục nói với, không phải các nhà thần học, mà là thế giới nói chung, tất cả những người có học vấn cũng như rất nhiều người kém học vấn hơn trong hàng ngũ giáo dân Pháp; và với công chúng này, chúng tạo được một thành công đáng ngạc nhiên".

Các Suy Tưởng

Còn về tác phẩm sau này có tên là *Pensées* (Các Suy Tưởng), Eliot cho rằng, Pascal khởi đầu vào năm 1660. Mục tiêu là bênh vực Kitô giáo, một thứ Hộ Giáo rõ ràng, trình bày các lý do để thuyết phục trí hiểu.

Như đã nói, Pascal không phải là một thần học gia cũng không phải là một triết gia có hệ thống. Ông là một người có thiên tài mênh mông về khoa học, và cùng một lúc, là một tâm lý gia và luân lý gia tự nhiên. Là một nghệ sĩ văn chương tài ba, sách của ông cũng là cuốn tự truyện của ông về phương diện tâm linh viết bằng một văn phong hết sức có bản ngã. Trên hết, ông là người của các đam mê mạnh mẽ; và đam mê trí thức muốn biết sự thật của ông

được tăng cường nhờ việc ông không hài lòng chút nào với cuộc sống con người nếu không tìm được một giải thích thiêng liêng cho nó.

Pensées chỉ là những ghi chép ban đầu cho một công trình chính ông không hoàn thành. Trong cuốn *Port-Royal*, Sainte-Beuve ví nó như “tòa tháp mà các viên đá đã được chồng lên nhau, nhưng chưa được kết với nhau bằng xi-măng, và cấu trúc chưa hoàn thành”.

Dù thế, nó vẫn “chiếm một vị trí độc đáo trong lịch sử văn chương Pháp và trong lịch sử suy tư tôn giáo”. Theo Eliot, phương pháp của Pascal là phương pháp của một tín hữu thông minh. Thực vậy, nhà tư tưởng Kitô giáo, tức người cố gắng, một cách hữu thức hay vô thức, giải thích cho mình trình tự dẫn đến cao điểm đức tin, chứ không phải là nhà hộ giáo công khai, luôn khởi diễn bằng việc bác bỏ và loại trừ. Ông thấy thế giới là thế này thế nọ, ông thấy nó không thể giải thích bằng bất cứ lý thuyết nào không có tính tôn giáo; trong số các tôn giáo, ông thấy Kitô giáo, và là Kitô giáo Công Giáo, giải thích được thế giới một cách thỏa đáng nhất, nhất là đối với thế giới luân lý; và do đó, vì các lý do mà Đức Hồng Y Newman gọi là “mạnh mẽ và đồng quy”, ông thấy ông nhất thiết phải cam kết với tín điều Nhập Thể. Đối với người không tin, phương pháp này không hay vì người không tin ít khi quan tâm đến việc giải thích thế giới cho chính họ, ít khi quan tâm đến khía cạnh bất trật tự của thế giới.

Phải nói rằng Pascal là một người thế gian sống giữa những nhà khổ hạnh, và là một nhà khổ hạnh sống giữa những người thế gian: ông vừa có nhận thức về tính thế gian lẫn cái đam mê đối với lối sống khổ hạnh; nơi ông, hai thế giới này hoà lẫn thành một toàn bộ có tính cá thể. Phần lớn con người có đầu óc lười lĩnh, không biết tò mò, chạy theo những chuyện phù vân và lãnh đạm trong cảm xúc, và do đó, thiếu khả năng đối với cả hoài nghi lẫn đức tin; và khi một người bình thường tự cho mình là kẻ hoài nghi hay không tin tưởng, thì thường đó chỉ là một bộ tịch giả tạo, che dấu xu hướng không muốn suy nghĩ bất cứ điều gì cho tới kết luận.

Trái với giải thích của một số người cho rằng việc ông phân tích một cách sáng suốt các điểm yếu của con người chứng tỏ trước đây ông vốn là một người không tin, thực ra, việc phân tích này rất khách quan vì các điểm yếu ấy chính là những thời khắc có tính yếu tính trong tiến bộ của một linh hồn trí thức, giống như đêm đen vốn là giai đoạn chủ yếu trong hành trình của nhà huyền nhiệm Kitô giáo, một bản đạo đầu đưa tới niềm vui đức tin.

Eliot cho rằng ảnh hưởng của phái Jansenism thấy rõ ở phần đầu cuốn *Pensées* của Pascal qua việc ông nhấn mạnh tới tình trạng sa đọa và vô vọng của con người trong việc phân tích tuyệt diệu các động lực và lo lắng của họ.

Eliot cũng nhận định rằng “mặc dù ông đem vào công trình này cùng những khí lực như khi nói đến khoa học, nhưng ông không tự trình bày mình như một nhà khoa học. Dường như ông không muốn nói với độc giả: tôi là một trong những nhà khoa học sáng chói nhất thời đại; tôi hiểu nhiều vấn đề luôn mâu nhiệm đối với các bạn, và qua khoa học, tôi đã đến với đức tin; do đó, các bạn, những người chưa được dẫn đạo vào khoa học nên có đức tin nếu tôi đã có. Ông hoàn toàn ý thức được sự khác nhau của vấn đề chủ đề; và sự phân biệt nổi tiếng của ông giữa tinh thần hình học (*esprit de géometrie*) và tinh thần tinh tế (*esprit de finesse*) là điều ta cần xem xét. Chính sự kết hợp của nhà khoa học, chính nhân quân tử (*honnête homme*), và bản chất tôn giáo với một khao khát Thiên Chúa cháy bỏng đã làm Pascal thành độc đáo”.

Đối với Eliot, “ai đọc cuốn sách này sẽ ngay lập tức nhận ra tính mảnh vụn của nó; nhưng chỉ

với một nghiên cứu nào đó, họ sẽ tri nhận điều này: tính mảnh vụn chỉ ở trong cách diễn tả hơn là ở trong tư tưởng. ‘Các tư tưởng’ không thể tách biệt khỏi nhau và được trích dẫn như những tư tưởng tự chúng đã hoàn hảo. Câu ‘trái tim có những lý lẽ mà lý trí không hề biết’ được trích dẫn không biết bao nhiêu lần và thường bị trích dẫn không đúng mục tiêu! Vì đây không hề là một tuyên dương ‘trái tim’ hơn ‘đầu óc’, một suy tôn điều vô lý (unreason). Theo từ vựng của Pascal, trái tim thực sự hữu lý nếu nó là trái tim thực sự. Với ông, trong các vấn đề thần học, trọn nhân cách đều can dự vào.

“Chúng ta không thể hiểu rõ bất cứ thành phần nào, dù chúng mảnh vụn bao nhiêu, nếu không hiểu cái toàn bộ. Thí dụ, chủ yếu là việc ông phân tích ba trật tự: trật tự tự nhiên, trật tự tâm trí, và trật tự đức ái. Ba trật tự này có tính bất liên tục (discontinuous); trật tự cao hơn không hàm chứa trong trật tự thấp hơn như trong lý thuyết biến hóa. Trong sự phân biệt này, ông cung ứng nhiều điều để thế giới hiện đại suy tư”.

Trong bản dịch *Pensées* của Ông do Nhà Penguin Books xuất bản năm 1966, Tiến sĩ A.J. Krailsheimer cho rằng 300 năm sau khi qua đời, Pascal được tưởng niệm không hẳn vì thiên tài khoa học, một phần có lẽ vì các nhà khoa học hiện nay bận nghĩ đến tương lai nhiều hơn. Ông được tưởng niệm nhiều hơn như một tác giả được nhiều người sùng mộ, được “xếp vào hàng những người có sách luôn bán chạy hơn hết của thế giới”.

Về cuốn *Pensées*, tiến sĩ Krailsheimer cho hay: khi thấy cháu gái được chữa lành cách lạ lùng vào ngày 25 tháng 3 năm 1655, trong khi vẫn tiếp tục viết các *Thư Gửi Người ở Tỉnh* (đến lá thứ 11, ông nói chuyện trực tiếp với các cha Dòng Tên), Pascal bắt đầu thu thập tài liệu về phép lạ nhằm để viết cuốn *Bệnh Vực Kitô Giáo* của ông, cuốn sau này mang tên *Pensées*. Đến năm 1658, công trình này tiến xa đủ để ông diễn thuyết tại Port-Royal, trình bày phương pháp và các luận điểm chính của ông.

Điều được tiến sĩ Krailsheimer nhấn mạnh là chính những mảnh vụn, những tờ giấy rời được Pascal dùng ghi lại các tư tưởng chọt lóe lên trong bộ óc thiên tài của ông. Hình chụp những mảnh rời này đã được trưng bày nhân dịp kỷ niệm 300 năm ngày ông qua đời tại Paris. Tiến sĩ cho rằng đây là “tài liệu thật cảm động cho thấy sự vội vã hối hả Pascal dùng để ghi các tư tưởng xuống trước khi chúng vượt mắt, những sửa chữa và bôi bỏ, việc sắp xếp ở nhiều mảnh dưới hình thức thi ca chứ không phải tản văn, và cùng khắp là cái năng động tinh và cái dòng chảy mạnh mẽ các chữ viết tay của một thiên tài”.

Pascal viết trên những khổ giấy lớn, ghi xuống bất cứ tư tưởng mới nào thuộc bất cứ chủ đề nào xuất hiện trong đầu, chỉ phân biệt bằng một hàng kẻ. Khoảng trước năm 1659, ông bắt đầu sắp xếp có hệ thống các tư tưởng dành cho cuốn *Hộ Giáo*: ông cắt các tờ giấy theo các tư tưởng thành tổ làm nên cuốn sách, sắp xếp chúng thành 28 tựa đề và cột chúng lại với nhau. Nhưng sau đó, vì bệnh hoạn, ông phải ngưng công việc này. Nên, chỉ có các mảnh 1 đến 382 là được ông sắp xếp. Các mảnh 383-829 không được ông sắp xếp, các mảnh 830-912 phần lớn về các phép lạ, tuy cũng bao gồm nhiều chủ đề khác. Các mảnh 913-969 là các ghi chép có tính bản thân hay bản thảo cho các *Thư Gửi Người Ở Tỉnh*.

Tiến sĩ Karen Attar của Đại học London

(<https://talkinghumanities.blogs.sas.ac.uk/2020/06/18/pascals-jottings-in-defence-of-christianity-turns-350>), cho biết thêm: Khi cộng đoàn Port-Royal hiệu đính để xuất bản cuốn *Pensées* lần đầu tiên năm 1670, họ đã bỏ đi nhiều mảnh và sắp xếp các mảnh còn lại một cách gán bó để phù hợp với ý muốn của họ là cổ vũ chính nghĩa Jansenist, chứ không theo cách phân chia của chính Pascal như ta biết hiện nay. Cuối thế kỷ 17, cháu trai của Pascal là Louis

Périer đã dán các mảnh nguyên thủy vào một cuốn album. Tuy nhiên, thú vị của Périer cũng có vấn đề ở chỗ ông đã tự ý cắt các mảnh giấy riêng biệt thành nhiều mảnh để dán vào chỗ trống trong cuốn album...

Bản tại School of Advanced Study của Đại Học London được Tiến Sĩ Attar giới thiệu là bản xuất bản năm 1844 của Prosper Faugère (1810-87), xuất phát từ một phức trình của triết gia Victor Cousin năm 1842 có nhắc đến công trình của Périer và yêu cầu một ấn bản dựa theo bản vừa nói. Do đó, ấn bản của Faugère “lần đầu tiên phù hợp với các bản chép tay nguyên thủy và phần lớn chưa được công bố”. Tuy nhiên, công trình của Faugère sau đó đã bị thay thế bởi công trình của Léon Brunschwig Zacharie Tournour (1904 rồi 1938-1942) và Louis Lafuma (1951-1964).

Theo Tiến sĩ Krailsheimer, hiện có đến nửa tá cách sắp xếp khác nhau. Cách sắp xếp trong bản dịch của ông gồm 4 phần: Phần đầu gồm 27 tiêu đề do chính Pascal sắp xếp và đặt tên, phần 2 gồm các mảnh chưa được Pascal sắp xếp, phần 3 gồm các mảnh nói về phép lạ và phần 4 gồm các mảnh không có trong bản chép tay nguyên thủy, trong đó có mảnh nói tới đêm “Lửa”.

Hậu quả là khi tham chiếu số mảnh, người đọc nên lưu ý số mảnh đó là của ấn bản nào.

Tiến sĩ Krailsheimer cho rằng “mục đích của *Pensées* có tính tích cực và phổ quát hơn các *Lá Thư Gửi Người Ở Tĩnh*: đem con người tới Thiên Chúa qua Chúa Kitô, trong Giáo Hội Công Giáo. *Pensées* không phải là một khảo luận của phe Jansenist, nhưng, như người ta vốn nghĩ, nó cho thấy các dấu ấn chịu ảnh hưởng rõ ràng của Thánh Augustinô...” nhất là sự tương phản rõ nét giữa con người trong trạng thái sa ngã và trong trạng thái ơn thánh. Đặc điểm của học thuyết Augustinô, theo tiến sĩ Krailsheimer, là bản tính con người, vì sự sa ngã, sa đọa đến nỗi chỉ có sự can thiệp trực tiếp của ơn thánh Thiên Chúa, qua trung gian ơn cứu chuộc của Chúa Kitô, mới giúp con người làm được điều tốt và được cứu rỗi.

Phái Jansenist có thể còn đi xa hơn bằng cách tin vào thuyết định mệnh: chỉ được cứu rỗi những ai được Thiên Chúa chọn lựa và số này không nhiều. Nhưng mặc dù thực hành nhiều nhiệm nhặt như của phái này, Pascal không hẳn là thành viên của nhóm, ít nhất về mặt tư tưởng.

Hai cực trong luận điểm của Pascal cho thấy điều ấy: “sự khôn khổ của con người không có Thiên Chúa / Hạnh phúc của con người có Thiên Chúa. Nói cách khác, Bản nhiên sa đọa, được chứng minh bởi chính bản nhiên / Có Đấng Cứu Chuộc, được chứng minh bởi Kinh Thánh (mảnh 6 trong bản dịch của tiến sĩ Krailsheimer). Ở đây, ta thấy việc nhấn mạnh của học thuyết Augustinô về sự sa đọa của bản nhiên đi liền với phương thuốc đầy hứa hẹn.

Trái với Eliot, tiến sĩ Krailsheimer cho rằng qua *Pensées*, Pascal muốn bộc lộ sự thật về chính mình. Ông nói với một người rành rỏi với lối sống xã hội, thành thạo với thế giới thượng lưu, với các trò giải trí quen thuộc như săn bắn, đánh bài, khiêu vũ, và quần vợt, hiểu biết các khám phá mới của khoa học đương thời...

Tuy nhiên, giống như Eliot, tiến sĩ Krailsheimer cũng cho rằng “toàn bộ ý niệm bênh vực Kitô giáo dựa cả vào sự tương phản đã nhắc trên đây giữa trạng thái bản nhiên và trạng thái ơn thánh lẫn ý niệm của Pascal về 3 trật tự”.

Ý niệm trên khởi thủy bắt nguồn từ toán học, và Pascal sử dụng nó vào nhiều bối cảnh khác

trước khi áp dụng vào tôn giáo. Các đường thẳng, các hình vuông và các khối (hay x , x^2 , x^3) không thể cộng vào với nhau được vì thuộc ba bậc khác nhau thế nào, thì trong lãnh vực nhận thức của con người cũng vậy những gì thuộc thân xác (các giác quan), thuộc trí khôn (lý trí) và thuộc trái tim cũng thuộc ba trật tự khác nhau mà ta cần phân biệt để tránh lầm lẫn. Trong viễn ảnh của Pascal, trái tim là mánh chuyễn thích đáng của nhận thức trực giác, để nắm được các nguyên lý đầu tiên vốn có tính tiền thuần lý (pre-rational) và chấp nhận các mệnh đề siêu thuần lý (supra-rational) cũng như các biểu thức xúc cảm và thẩm mỹ. Mảnh cần đề hiệu ý niệm này là mảnh 110 trong bản dịch Krailsheimer.

Trong phạm vi tôn giáo, trái tim là nơi ở và nơi nhận đức ái và chỉ trong nội kết này, ta mới có thể coi nó như một cơ năng thượng đẳng. Vì trong mọi vụ việc tự nhiên, mỗi trật tự này đều có vai trò để đóng mà trật tự kia không thể áp dụng được.

Diễn hình là việc Descartes cho rằng có thể dùng lý trí thuần túy để chứng minh trong thiên nhiên không hề có khoảng chân không, do đó, đã ủng hộ các tin tưởng của phái Aristot và Kinh viện nói chung, những người chuyên dựa niềm tin của họ vào thế giá các vĩ nhân và truyền thống cả hàng thế kỷ hơn là vào lý trí. Đối với Pascal, một hiện tượng vật lý phải được khảo sát bằng phương tiện vật lý, nghĩa là chứng cứ của giác quan, bằng cách đọc những gì dụng cụ ghi được. Một khi các sự kiện đã được thiết lập, lúc ấy, lẽ tất nhiên lý trí phải phân tích và lên qui luật, cũng như lý trí phải đưa ra các giả thuyết để các giác quan thử nghiệm. Cả trong hai trường hợp, trái tim không đóng được vai trò nào có tính quyết định. Còn trong các vấn đề siêu nhiên, các giác quan hoàn toàn bất lực và quả là ảo tưởng sỗ sàng khi con người gán những lời sau cùng cho lý trí.

Ông vốn cho rằng từ cái đồng lý lẽ thuần lý, người ta không thể rút ra dù chỉ là một tia đức ái. Hình ảnh chiếc giếng có thể soi sáng phần nào: chỉ bao giờ chiếc khoan khoan đủ sâu thì cái vỏ lý trí và thói quen mới mỏng đủ để triều ơn thánh Thiên Chúa vọt lên. Pascal không phải là nhà giả kim (alchemist) có thể hoá chuyễn các yếu tố, mà chỉ là người tìm vàng, phá mìn các chướng ngại vĩ đại để lộ ra kho báu.

Pascal tin rằng chỉ có lý trí mới thuyết phục được lý trí thấy mình bất cập. Ông loại bỏ có hệ thống những chông đỡ con người thường dùng để hỗ trợ các ảo tưởng của họ. Các giá trị trân quý được ông trình bày như chỉ là những nhượng bộ tương tượng, vô đoán cho thuận tiện hay thiên kiến của một thời. Các liên hệ và định chế nhân bản đều bất nhất, các bản năng được coi là tự nhiên có thể bị thay đổi hoàn toàn, và thói quen đóng một vai trò thống trị trong đời ta đến nỗi có thể được coi là bản nhiên thứ hai (mảnh 126). Chính lý trí cũng chỉ có thể hành động từ các tư liệu thô do bản năng hay các giác quan cung cấp, không hề có bảo đảm. Mọi sự đều bất nhất, tương đối, không chắc chắn.

Xác định thân phận con người như “bất nhất, buồn nản, lo âu” (Mảnh 24), Pascal dành trọn tiết nói về Giải Khuây (Diversions) để chứng minh con người cố gắng ra sao trong việc kiểm soát sự buồn nản, lo âu của mình. Bao lâu con người không phải suy nghĩ, họ có thể tiếp tục sống, bị đánh thuốc mê bởi sinh hoạt, vốn tự nó vô nghĩa, nhưng căng thẳng đủ để tiêu hao năng lực của họ. Các triết gia, đi tìm sự thiện tối cao, cũng chẳng thành công gì hơn những người tầm thường vốn chỉ mưu cầu hạnh phúc. Từ đó, Pascal lý luận rằng, dù thực sự bất hạnh như thế, con người sẽ không hỏi hã đi tìm một thứ hạnh phúc khó thấy nếu từ một chỗ nào đó trong chính họ, vốn không có một tia sáng hạnh phúc đã có nào: nơi một hữu thể bất toàn người ta chỉ có thể tìm thấy sự bất toàn, và nếu con người không tìm mục đích của họ ở ngoài chính họ, vấn đề của họ không bao giờ được giải quyết.

Thành thử điều đơn giản là con người phải lắng nghe Thiên Chúa. Dù khó tin đối với một tạo vật mất tinh thần và bé bỏng đến thế, Thiên Chúa vẫn không những có thể mà còn sẵn sàng kết hợp với họ.

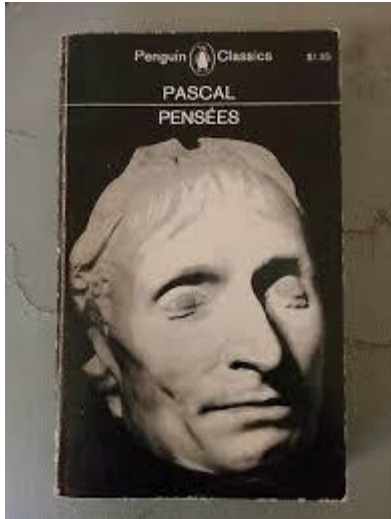
Tiến sĩ Krailsheimer cho rằng những điểm trên khá có tính xúc cảm nhưng sức mạnh tấn công chính phát sinh từ lý trí, bị Pascal phơi bày các yếu điểm một cách không thương tiếc. Chính trong giai đoạn này, ông mời người đọc ít nhất lên đường đi tìm chân lý, dù rất có thể không tìm ra, vì việc này hữu lý hơn là ở lý trong cảnh đứng đưng.

Hơn nữa, chỉ trong Chúa Kitô cái nghịch lý khôn khéo và cao cả mới được giải quyết. “Biết Thiên Chúa mà không có Chúa Kitô không những không thể mà còn vô ích nữa” (mảnh 191). Do đó, chủ nghĩa duy thần tự nhiên (deism), tức tôn giáo của các triết gia, đối với Pascal, gần xa rời Kitô giáo như chính chủ nghĩa vô thần (mảnh 449). Chính tư tưởng và một mình tư tưởng tạo nên sự vĩ đại của con người, và do đó, quyền lợi và bổn phận của lý trí là khảo sát các sự kiện thuộc thân phận con người. Sự nghịch lý và tính nhị nguyên trong bản chất ta là bí ẩn mà tôn giáo đích thực có thể và phải giải đáp. Tín lý Sa Ngã, không thể tách biệt với các tín lý Nhập Thể và Cứu Chuộc, đối với Pascal, là giải đáp duy nhất khả hữu. Không có Sa Ngã, con người vẫn có thể hạnh phúc, không có Cứu Chuộc, con người chỉ có thể mãi khôn khéo, còn trong Nhập Thể, Thiên Chúa tự mạc khải Người ra trong hình thức duy nhất có thể hiểu được đối với một tạo vật có hiểu biết hữu hạn, cân bằng một cách mong manh giữa vô cùng nhỏ nhoi và vô cùng lớn lao. Nhờ tham dự vào nhân tính, Chúa Kitô thánh hóa một trạng thái không hẳn của thú vật mà cũng không hẳn của thiên thần, mà là của cả hai. Con người sẽ không bao giờ nên giống thần mình, như lời hứa của con rắn; Thiên Chúa đã trở thành người phạm và hạnh phúc là bước theo Chúa Kitô, vừa là Thiên Chúa vừa là người phạm.

Phần sau của *Pensées* liên quan đến việc bênh vực tín lý thần học về cuộc Sa Ngã và Cứu Chuộc bằng các chứng cứ khác nhau của Kinh Thánh và nhiều nguồn khác. Như phần lớn các người thời ông, Pascal tiếp nhận theo nghĩa đen các trình thuật Môsê về lịch sử con người và theo ông, cuộc Sa Ngã là một biến cố lịch sử, được chứng thực bởi những người viết trong một chuỗi tiếp xúc không gián đoạn với nguyên tổ của nhân loại. Ông hết sức có ấn tượng trước sự sống còn hết sức bền bỉ của dân tộc Do Thái, coi nó như dấu chỉ rõ ràng ơn quan phòng của Thiên Chúa, chứ không thể giải thích cách nào khác hơn thế được. Ôn quan phòng này được ông giải thích như sau: dân tộc được mạc khải và ủy thác niềm hy vọng thiên sai vừa bác bỏ Đấng Thiên Sai khi Người đến vừa được bảo tồn để chứng thực cho một truyền thống hết sức chủ yếu đối với Kitô giáo.

Phương pháp Hộ giáo của Pascal

Theo Tiến sĩ Phil Fernandes, một chuyên gia về hộ giáo người Mỹ (<http://leaderu.org/pascalmethodology.html>), phương pháp hộ giáo của Pascal rất thích hợp với xã hội ngày nay. Phương pháp này không giống phương pháp truyền thống trong việc chứng minh Thiên Chúa hiện hữu.



Thực vậy, theo Pascal: “các chứng cứ siêu hình chứng minh Thiên Chúa hiện hữu quá xa vời đối với lối suy luận của con người và do đó ít có tác dụng, và nếu chúng có giúp đỡ được ai, thì cũng chỉ gây lát trong lúc họ nghe chứng minh, vì một giờ sau đó họ sợ họ đã mắc lầm lỗi (mảnh 190, trong bản dịch của Tiến Sĩ Krailsheimer)

“Và do đó, ở đây, tôi sẽ không đảm nhiệm việc chứng minh bằng lý lẽ tự nhiên cả sự hiện hữu của Thiên Chúa, lẫn Ba Ngôi Thiên Chúa, tính Bất Tử của linh hồn, hay bất cứ điều gì thuộc loại này: không phải chỉ vì tôi không cảm thấy có khả năng tìm thấy trong tự nhiên các lập luận có thể thuyết phục được các nhà vô thần cứng lòng, mà còn vì nhận thức

ấy, nếu không có Chúa Giêsu, thì vô ích và vô dụng. Cho dù có ai đó xác tín rằng các tỷ lệ giữa các con số đều là các sự thật vô chất, trường cửu, tùy thuộc vào sự thật thứ nhất trong đó chúng hiện tồn, tức Thiên Chúa, tôi vẫn không nên cho là họ tiến được bao xa hướng về ơn cứu rỗi. Thiên Chúa của Kitô hữu không chỉ hệ ở một Thiên Chúa là tác giả của các sự thật toán học và trật tự các yếu tố. Đó là số phận của dân ngoại và phái Epicure” (mảnh 449).

Pascal tin rằng dù các lập luận đó có giá trị, ít người biết suy luận đủ tốt để được chúng thuyết phục. Và nếu các lập luận đó có thuyết phục được ai, người ấy vẫn không được cứu rỗi. Pascal quan tâm đến việc dẫn người ta đến với Chúa Kitô, chứ không chỉ đến với chủ nghĩa độc thần. Do đó, ông tin rằng các lập luận cổ truyền về sự hiện hữu của Thiên Chúa không hữu hiệu.

Joel Hodge, giảng sư phân khoa Triết Thần của Đại Học Công Giáo Úc (<https://www.abc.net.au/religion/yearning-for-infinity-in-defence-of-pascals-wager/10100382>), cũng cùng một quan điểm như thế khi cho rằng Pascal đã di chuyển quá bên kia các cuộc tranh luận khôn nguôi về sự hiện hữu của Thiên Chúa để tái tập chú cuộc nói chuyện về Thiên Chúa vào bối cảnh thích đáng của nó tức bối cảnh đời sống và cuộc hiện hữu của ta.

Điều ấy, theo Hodge có nghĩa: khi mọi “vấn nạn khoa học” đã kết thúc, chúng ta vẫn cần phải giải quyết thực tại hiện hữu và lý do tại sao ta hiện hữu.

Trong việc chứng minh sự hiện hữu của Thiên Chúa, Tiến Sĩ Fernandes cho rằng Pascal chống đối chủ nghĩa thuần duy lý của Descartes. Vì theo ông có nhiều lối tìm ra chân lý chứ không phải chỉ có lối dựa vào lý trí mà thôi. Như bằng trái tim chẳng hạn. Đối với Pascal, trái tim là điều chúng ta biết một cách trực giác chứ không qua suy luận diễn dịch. Chúng ta tri nhận và tin Thiên Chúa bằng trái tim ta. Chúng ta muốn bằng trái tim ta. Chúng ta biết các nguyên lý đệ nhất bằng trái tim. Không những thừa nhận việc ngoài lý trí ra, có nhiều cách khác để nhận thức, ông còn cho rằng lý trí con người thường bị các nhân tố khác gây ảnh hưởng. Con người không luôn trung thực với lý trí của họ.

Ông viết: “chúng ta biết sự thật không chỉ nhờ lý trí mà còn nhờ trái tim. Chính nhờ trái tim, chúng ta biết các nguyên lý đệ nhất, trong khi lý trí... cố gắng vô vọng để bác bỏ chúng. Những người hoài nghi không có mục tiêu nào khác thế, và họ làm thế chẳng có mục đích gì. Ta biết mình không mơ, nhưng bất luận ta thiếu khả năng chứng minh nó một cách thuận lý

ra sao, sự thiếu khả năng này không chứng minh được gì ngoài sự yếu kém của lý trí ta, chứ không phải sự thiếu chắc chắn trong mọi nhận thức của ta, như họ chủ trương. Vì nhận thức các nguyên lý đệ nhất như không gian, thời gian, chuyển động, con số, là điều chắc chắn như bất cứ nguyên lý nào dẫn khởi bởi lý trí, và lý trí phải dựa vào nhận thức này, một nhận thức vốn phát xuất từ trái tim và bản năng, và đặt nó làm căn bản cho mọi lập luận của mình... Quả là vô nghĩa và vô lý khi lý trí đòi trái tim phải trưng bằng chứng cho các nguyên lý đệ nhất trước khi chịu chấp nhận chúng... Việc thiếu khả năng này, do đó, chỉ có ích trong việc làm cho lý trí phải khiêm nhường, một lý trí luôn muốn làm quan án mọi điều, chứ không dùng để bác bỏ sự chắc chắn của chúng ta, như thể lý trí là cách duy nhất để chúng ta học hỏi” (mảnh 110).

Thực ra, dù tự coi là thẩm phán tối cao của thế giới, lý luận của nó không hẳn hoàn chỉnh vì luôn như có ruồi nhặng vù vù bên tai; điều này đủ làm nó không có khả năng đưa ra những tư vấn tốt (mảnh 48).

Há bạn đã không từng nói vị thẩm phán này, mà tuổi đáng kính buộc người ta hết thủy phải kính phục, chỉ bị hướng dẫn bởi lý trí thuần túy, cao cả, và phán xử sự việc y như chúng là, không hề lưu ý tới những hoàn cảnh tầm phào vốn chỉ chi phối trí tưởng tượng của những con người yếu đuối hơn đó sao? Bạn hãy xem vị thẩm phán này đến nghe một bài giảng... Khi vị giảng thuyết xuất hiện, có thể vị thẩm phán này chỉ chú ý xem liệu thiên nhiên có dành cho vị giảng thuyết một giọng nói khàn khàn hay không, khuôn mặt trông có kỳ dị hay không, thợ cạo của ngài có cạo cho ngài tẹt hay không và do đó, liệu ngài trông có sạch sẽ hay không; trong trường hợp như thế, vị giảng thuyết có công bố bất cứ chân lý cao cả như thế nào, tôi đánh cuộc là vị thẩm phán của chúng ta cũng không có khả năng giữ được một bộ mặt ngay thẳng... Bất cứ ai quyết bước chân theo lý trí mà thôi sẽ tự chứng tỏ là người đàn... Lý trí không bao giờ có thể thắng vượt hoàn toàn trí tưởng tượng, trong khi điều ngược lại là điều quá thông thường (mảnh 44).

Bởi thế ông nói với lý trí: “Hãy khiêm hạ, hồi lý trí bất lực! Hãy câm miệng, hồi bản nhiên yếu ớt! Hãy biết rằng con người vượt quá con người cách vô tận, hãy nghe thân phận chân thực của người từ vị thầy của người, vị thầy người vốn không biết. Hãy lắng nghe Thiên Chúa” (mảnh 131).

Đối với ông, “trọn bộ triết học không đáng một giờ cố gắng” (mảnh 84) và “trái tim có những lý lẽ mà lý trí không biết” (mảnh 423).

“Chính trái tim tri nhận Thiên Chúa chứ không phải lý trí. Đức tin là thế đấy: Thiên Chúa được tri nhận bởi trái tim, chứ không phải bởi lý trí” (mảnh 424).

Ấy thế nhưng Pascal không hề là người chủ trương phi lý. Ông nhìn nhận rằng lý trí có chỗ đứng của nó; ông chỉ muốn nhắc nhở: có những lỗi khác để tìm ra sự thật ngoài lý trí: “Có hai thái cực: loại bỏ lý trí, không chấp nhận điều gì mà chỉ chấp nhận lý trí” (mảnh 183).

Theo ông, “bước cuối cùng của lý trí là nhìn nhận rằng có vô tận con số sự vật vượt quá nó. Nhưng nó yếu đuối khi không tiến xa đủ để nhìn nhận việc đó. Nếu ngay những sự vật tự nhiên đã vượt xa nó, thì ta còn phải nói sao về những sự vật siêu nhiên?” (mảnh 188).

Đối với tôn giáo, ông bảo “nếu chúng ta bắt mọi điều lệ thuộc lý trí, thì tôn giáo của chúng ta sẽ không còn chi là mầu nhiệm hay siêu nhiên cả” (mảnh 173).

Nhưng ông cũng không phải là người duy tín (fideist). Ông tin rằng trong các cuộc thảo luận tôn giáo, có chỗ cho lý trí. Ông sẵn lòng dùng lý trí để bênh vực đức tin Kitô giáo. Nhưng ông nhìn nhận rằng con người không phải chỉ là cỗ máy suy nghĩ. Con người có đủ các thiên kiến, các cảm xúc, ý chí và một óc tưởng tượng sống động. Toàn bộ con người phải được phúc âm hóa, chứ không phải chỉ trí khôn mà thôi.

Peter Kreeft, trong *Christianity for Modern Pagans* (San Francisco: Ignatius Press, 1993), cho rằng “giống thánh Augustinô, Pascal biết rằng trái tim sâu sắc hơn đầu óc, nhưng cũng như Thánh Augustinô, ông không bác bỏ đầu óc hay làm nó đi bằng thuyết tương đối và duy chủ quan và ‘não trạng cõi mơ’ đến nỗi đầu óc rơi rụng”.

Trước khi lý trí có thể khởi sự, một số điều giả thiết phải có trước. Tuy nhiên, không như những người hiện đại chủ trương thuyết tiền giả định (presuppositionalists), Pascal cho rằng những nguyên lý đệ nhất này có thể được ta biết một cách chắc chắn qua trực giác của trái tim. Đối với Pascal, việc Descartes mưu toan chứng minh mọi điều bằng lý trí mà thôi hoàn toàn vô dụng. Các nguyên lý đệ nhất là các sự thật hiển nhiên được trái tim nhận ra một cách trực giác. Chúng không thể được chứng minh bằng lý trí: chúng phải được giả thiết để con người có thể bắt đầu lý luận.

Có thể nói Pascal đã đi trước thời ông. Ông thấy trước chủ nghĩa duy lý của Descartes sẽ dẫn con người tới đâu. Khi chủ nghĩa duy lý thuần túy (vốn là đặc điểm của triết học hiện đại) không đưa ra được câu trả lời như mong chờ, nó sẽ thoái hóa trở thành chủ nghĩa hoài nghi và phi lý (chủ nghĩa hậu hiện đại). Chỉ vì đã không chịu thừa nhận giới hạn của lý trí.

Nay là lúc chín mùi của nền hộ giáo Pascal. Khi chủ nghĩa duy lý thuần túy bị kết án, các nhà hộ giáo Kitô hữu phải học cách nói với các trái tim, cũng như các bộ óc của con người.

Các khía cạnh đặc thù của nền hộ giáo Pascal

Đi vào những điểm đặc thù, trước nhất Pascal nói đến nghịch lý trong bản tính con người. Rick Wade (<https://probe.org/blaise-pascal-an-apologist-for-our-times>) cũng tin rằng Pascal là nhà hộ giáo của thời nay, theo nghĩa ông không bắt đầu và dừng lại ở lãnh vực ý niệm. Trái lại ông bắt đầu tìm hiểu thân phận con người và sử dụng cái hiểu này như khởi điểm và điểm tiếp xúc của khoa hộ giáo.

Tiền sĩ Fernandes thì cho rằng theo Pascal, chỉ có Kitô giáo mới có thể giải thích đúng đắn bản chất con người, một bản chất nghịch thường. Con người vừa hèn hạ vừa cao cả. Nhiều tôn giáo nhìn nhận sự cao cả của con người, không thấy sự hèn hạ của họ. Đó là trường hợp của Phong trào Tân Đại (New Age); con người là Thượng Đế, tội lỗi là ảo tưởng. Các tôn giáo khác thừa nhận sự hèn hạ của con người nhưng làm ngơ sự cao cả của họ. Những nhà duy nhân bản hiện đại coi con người như thú vật; những người duy tác phong (Behaviorists) coi con người như bộ máy. Chỉ có Kitô giáo mới coi con người như họ thực sự là; họ vừa hèn hạ vừa cao cả.

Pascal tin rằng các học lý về tạo dựng và sa ngã mà thôi đủ để giải thích nghịch lý trên của con người: họ cao cả do sự kiện họ được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa; họ hèn hạ vì đã sa ngã, xa rời Đấng Tạo Dựng. Ông cho rằng con người chỉ có thể hiểu được sự khốn cùng của mình khi nhớ lại sự cao cả họ đã đánh mất khi sa ngã.

Pascal viết: “con người chỉ là cây sậy, yếu ớt nhất trong thiên nhiên, nhưng họ là cây sậy biết suy nghĩ. Chẳng cần toàn bộ vũ trụ phải cầm khí giới đe dọa họ: một chút hơi, một giọt nước cũng đủ sát hại họ. Nhưng cho dù vũ trụ có thể đe dọa họ, họ vẫn cao thượng hơn kẻ sát hại họ, vì họ biết họ sắp chết, và lợi điểm vũ trụ có hơn họ. Vũ trụ không hề biết việc đó. Như thế, mọi phẩm giá của ta hệ ở tư tưởng” (mảnh 200).

Sự cao cả của con người phát xuất từ việc biết họ hèn hạ. Như thế hèn hạ là biết mình hèn hạ, nhưng có sự cao cả ở chỗ biết mình hèn hạ (mảnh 114).

Mọi điển hình hèn hạ đều chứng minh sự cao cả của họ. Nó là sự hèn hạ của một ông chúa cao cả, sự hèn hạ của một ông vua mất ngôi (mảnh 116).

Sự cao cả và hèn hạ của con người hiển nhiên đến nỗi tôn giáo chân thực nhất thiết phải dạy chúng ta rằng nơi con người có một nguyên lý vĩ đại nào đó về sự cao cả và một nguyên lý nào đó về sự hèn hạ (mảnh 149).

Câu bất hủ của Pascal mà nhiều người thuộc làm lòng là: “con người không phải là thiên thần mà cũng không phải là thú dữ” (mảnh 678).

Do đó, trong đức tin, có hai chân lý trường cửu như nhau. Một là con người, trong trạng thái được tạo dựng hay trong trạng thái ơn thánh, được hiển dương trên toàn bộ thiên nhiên, được tạo dựng giống như Thiên Chúa và được chia sẻ thần tính của Người. Hai là trong tình trạng sa đọa và tội lỗi, họ đã xa rời trạng thái thứ nhất và trở thành giống thú dữ... (mảnh 131).

Thành thử, muốn chân thực, một tôn giáo phải biết bản chất ta; nó phải biết sự cao cả và nhỏ hèn của nó, và lý do cho cả hai. Tôn giáo nào ngoài Kitô giáo biết điều đó? (mảnh 215).

Thế lưỡng nan của con người, tức việc họ vừa cao cả vừa hèn hạ, rất dễ chứng tỏ bằng tài liệu. Hồ phân cách giữa thú vật và con người quá lớn đến nỗi việc biến hóa không thể giải thích một cách thỏa đáng. Không loài vật nào đã tạo ra được một Platông hay một Aristot bao giờ. Ấy thế nhưng, sự độc ác của con người chống lại con người chưa bao giờ nghe thấy trong thế giới động vật. Không loài động vật nào đã sản xuất ra một Hitler hay một Stalin.

Đối với Pascal, chỉ có Kitô giáo với học lý tạo dựng và sa ngã mới giải thích thỏa đáng cả hai khía cạnh của con người.

Ông cũng nhấn mạnh đến phận người: tối hậu, họ chỉ có con đường một chiều dẫn đến cái chết. Ai cũng biết thế, nhưng lại sống như thể mình không bao giờ chết. Nhờ đâu họ có thể sống như thế?

Nhờ giải khuây, dửng dưng và tự đánh lừa. Thay vì nhìn nhận sự khốn cùng và cái chết để tìm phương giải cứu, chúng ta lại làm ngơ phận người và tự lừa dối chính mình.

Về giải khuây, Pascal viết: “Không có khả năng cứu chữa sự chết, sự khốn cùng và dốt nát, con người quyết định không nghĩ đến những thứ ấy, để được hạnh phúc” (mảnh 133). Nếu thân phận ta thực sự hạnh phúc, ta đâu có cần phải giải khuây để không nghĩ đến nó (mảnh 70). Chúng ta lơ đãng lao vào hố thẳm sau khi đã đặt trước mình một thứ gì đó để khỏi nhìn thấy hố thẳm này (mảnh 166). “Tôi có thể thấy rõ điều làm một người hạnh phúc là giải khuây để khỏi suy nghĩ những khốn cùng riêng của họ bằng cách làm họ không lưu tâm đến

bất cứ điều gì khác ngoài nhảy nhót cho khéo...” (mảnh 137).

Nhất là xã hội hiện đại, họ có không biết bao nhiêu hình thức giải khuây: truyền thanh, truyền hình, kịch trường, biển cổ thể thao, ngay nghề nghiệp cũng là cách khiến ta bận bịu đến quên sự chết và lẽ khôn cùng của mình. Pascal cho rằng con người nhờ các vui chơi tạm thời che khuất các sự thật họ muốn làm ngơ.

Dửng dưng là cách khác để con người tránh đối đầu với cái chết đang tới của họ. Pascal viết:

“Tính bất tử của linh hồn là một điều hết sức quan trọng đối với chúng ta, ảnh hưởng sâu đậm đến chúng ta, đến nỗi ai đó hẳn mất hết mọi cảm xúc mới không lưu tâm đến việc biết các sự kiện của vấn đề... Do đó, sự kiện có những người dửng dưng trước việc đánh mất hữu thể mình và nguy cơ đời đời khôn cùng hoàn toàn đi ngược lại bản nhiên. Đối với mọi điều khác, họ rất khác; họ sợ những điều tầm phào nhất, tiên báo và cảm nhận chúng; và cùng một con người biết bao đêm ngày nổi sùng và thất vọng vì mất chức vụ hay tưởng tượng bị làm mất danh dự của mình cũng là người biết rằng mình sắp sửa mất hết mọi sự qua cái chết nhưng chẳng cảm thấy lo âu hay xúc động gì. Quả là quái đản khi thấy cùng một trái tim vừa nhạy cảm đến thế đối với những sự việc nhỏ mọn đồng thời vừa vô cảm cách lạ lùng đối với những sự việc trọng đại nhất” (mảnh 427).

Con người không những làm ngơ sự khiếp đảm đối với sự khôn cùng và cái chết sắp tới của mình nhờ giải khuây và dửng dưng. Họ còn tự lừa dối mình và lừa dối người khác trong mưu toan che dấu sự thật: “Tự ái. Bản chất tự ái và bản ngã nhân bản này là chỉ yêu mình và chỉ lưu ý tới mình... Nó hết sức quan tâm đến việc che dấu các lỗi lầm phát xuất từ chính nó và người khác, và không chịu đựng được việc chúng bị phơi bày hoặc lưu ý... Vì há không đúng là chúng ta ghét sự thật và những người nói với chúng ta sự thật và chúng ta thích họ bị đánh lừa để có lợi cho ta và muốn họ quý mến ta vì con người khác với con người thực sự của chúng ta đó sao?... người ta thậm trọng hơn để không xúc phạm đến những người mà tình bạn của họ hữu ích cho ta và sự thù nghịch của họ nguy hiểm nhất đối với ta. Ông hoàng có thể là trò cười của Âu Châu và là người duy nhất không biết gì về điều đó” (mảnh 978).

Theo Tiến sĩ Fernandes “Blaise Pascal thấy rằng sử dụng lý trí không thôi sẽ dẫn rất ít người tới Chúa Giêsu. Ông biết con người bị thống trị bởi đam mê nhiều hơn lý trí. Nên phương pháp hộ giáo của ông tập chú vào việc đánh thức con người khỏi sự dửng dưng và loại bỏ tính ưa giải khuây của họ. Nền hộ giáo của ông nhắc nhở con người rằng các vấn đề vĩnh cửu đáng giá nhiều hơn gấp bội các vấn đề chỉ có tính tạm bợ. Ông không tìm cách lý luận để người ta hướng tới nước Thiên Chúa; ông cố gắng thuyết phục để ý chí họ tin rằng Kitô giáo chân thật. Ông khuyến khích họ tha thiết đi tìm Thiên Chúa của Kinh Thánh...”

“Lập luận trừu tượng không lôi cuốn phần lớn người ta. Pascal cho rằng đúng hơn, con người thích thảo luận những chuyện cụ thể của đời sống hàng ngày. Cho nên, Pascal khởi đầu nền hộ giáo của ông ở điểm phần lớn người ta cảm thấy thoải mái nhất với chính con người của họ. Sau đó, ông mới cố gắng bừng con người ra khỏi vùng êm ái của họ bằng cách cho họ thấy các sự thật đau ản và không lôi cuốn về con người, như sự khôn cùng, cái chết, và tự đánh lừa. Tất cả các điều này được thực hiện để đánh thức người ta ra khỏi cái nông cạn của đời này và hướng tới những điều vĩnh cửu của Thiên Chúa.

Nói tóm lại, Pascal không phải là một nhà hộ giáo truyền thống, vì ông bác bỏ các lập luận truyền thống trong việc chứng minh Thiên Chúa hiện hữu. Nhưng như trên đã nói, ông không phải là một nhà duy tín (fideist) mà cũng không phải là một nhà duy giả định

(presuppositionalist), cả hai phái đều không cung cấp được các chứng cứ lịch sử cho đức tin Kitô giáo.

Về chứng cứ trên, Ông viết:

“Các lời tiên tri. Nếu một người đơn độc viết một cuốn sách báo trước thời gian và cách Chúa Giêsu xuống thế gian và Chúa Giêsu quả đã xuống thế gian đúng như các lời tiên tri này, thì hẳn người này có tầm quan trọng vô tận. Nhưng ở đây, còn hơn thế nữa. Có một sự nối tiếp nhau của những con người suốt hơn 4,000 năm qua, nhất quán đến rỗi đi không gián đoạn, tiên đoán cùng một việc xuất hiện; có cả một dân tộc để công bố nó, hiện hữu cả 4,000 năm nay để cùng nhau làm chứng cho sự chắc chắn họ từng cảm nhận về nó, điều mà họ không bao giờ sao lãng bất kể họ phải chịu các đe dọa hay bách hại nào. Đây quả thuộc một thứ bậc quan trọng khác hẳn” (mảnh 332).

Về dân tộc Do Thái, Pascal viết: “Các lợi điểm của dân tộc Do Thái... Dân tộc này không những có tính cổ xưa đáng kể nhưng còn kéo dài trong một thời gian hết sức lâu, liên tục trải dài từ nguồn gốc của nó cho đến ngày nay. Vì trong khi nhiều dân tộc của Hy Lạp và Ý, của Sparta, Athens, Rome, và các nước khác, tuy đến sau nhiều hơn, nhưng đã tiêu vong từ lâu, thì dân tộc này vẫn hiện hữu, bất chấp các cố gắng của rất nhiều ông vua hùng cường mưu toan hàng trăm lần nhằm xóa bỏ họ...Tuy nhiên, họ luôn được bảo toàn, và việc bảo toàn của họ đã được tiên báo” (mảnh 451).

Họ được bảo toàn để làm chứng cho lời đã hứa: Chúa Giêsu xuống thế gian. Về Chúa Giêsu, Pascal dựa vào chứng cứ lịch sử là các tông đồ. Ông viết: “Các chứng cứ về Chúa Giêsu Kitô. Giả thiết cho rằng các tông đồ bất lương là điều hoàn toàn phi lý. Các bạn hãy theo dõi câu chuyện cho tới đoạn kết và tưởng tượng ra cảnh 12 người đàn ông này họp nhau sau cái chết của Chúa Giêsu và toa rập tạo ra câu chuyện Người đã sống lại từ cõi chết. Điều này có nghĩa tấn công mọi quyền lực có thể có. Trái tim con người đặc biệt dễ bất định, thay đổi, dễ bị ảnh hưởng bởi hứa hẹn, đút lót. Một người trong số họ chỉ cần bác bỏ câu chuyện ấy dưới những động lực xui khiến ấy hay tệ hơn nữa do đe dọa ngồi tù, tra tấn và chết chóc, thì tất cả sẽ tiêu vong. Các bạn hãy theo dõi điều đó” (mảnh 310).

Ở chỗ khác, ông viết: “các tông đồ một là những người bị lừa hai là những người đi lừa. Cả hai giả thiết đều khó có thể có, vì không thể có việc tưởng tượng một người sống lại từ cõi chết. Trong khi Chúa Giêsu còn ở với họ, Người có thể nâng đỡ họ, nhưng sau đó, nếu Người không còn hiện ra với họ, ai làm họ hành động?” (mảnh 322).

Pascal không nói với người không tin “hãy tin đi”. Ông trình bày với họ chứng cứ chứng minh sự thật của Kitô giáo, chứng cứ này không nói với lý trí mà thôi, mà nói với toàn bộ con người.

Đánh cuộc của Pascal

Tiền sĩ Fernandes cho rằng cao điểm của nền hộ giáo Pascal là việc đánh cuộc (wager): đánh cuộc đời ta bằng Thiên Chúa. Ông viết:

“... ta hãy nói: ‘một là có Thiên Chúa hai là không có Thiên Chúa’. Nhưng ta nghiêng về quan điểm nào? Lý trí không thể quyết định vấn đề này. Sự hỗn mang vô tận phân cách chúng ta. Ở tận cùng khoảng cách vô tận này, một đồng tiền được tung lên sẽ rơi xuống thành ngựa hay sấp. Bạn sẽ đánh cuộc như thế nào? Lý trí không thể giúp bạn chọn lựa, lý trí cũng

không thể chứng minh sai... Đúng, nhưng bạn phải đánh cược. Không có chọn lựa nào khác, bạn đã can dự vào rồi. Như thế bạn phải chọn bên nào?... Ta hãy cân đo phần được phần thua khi chọn giữa nghĩa là có Thiên Chúa. Ta hãy lượng định hai trường hợp: nếu bạn thắng, bạn sẽ thắng mọi sự, còn nếu bạn thua, bạn không thua bất cứ điều gì. Như thế bạn đừng do dự gì nữa; bạn hãy đánh cược rằng Người quả hiện hữu... Và như thế, vì bạn buộc phải chơi, bạn phải từ bỏ lý trí nếu bạn trân trọng gìn giữ đời bạn hơn là đánh cược nó lấy một cái thắng vô tận, cũng như có thể xảy ra một cái thua nhưng chẳng mất điều gì... Do đó, lập luận của chúng ta mang theo một sức nặng vô tận, khi tiền đánh cược có tính hữu hạn trong một trò chơi trong đó, có các may rủi thắng thua như nhau và có thể thắng giải vô tận” (mảnh 418).

Pascal muốn nói với người đọc: ta phải đánh cược đời ta bằng việc Thiên Chúa hiện hữu hay Thiên Chúa không hiện hữu. Vì các giới hạn của nó, lý trí không thể quyết định cho ta. Mà chúng ta cũng không thể tránh phải chọn; vì không đánh cược cũng tương đương như đánh cược chống Thiên Chúa.

Nếu bạn đánh cược bằng Thiên Chúa, chỉ có thể có hai kết quả. Nếu Người hiện hữu, bạn thắng cuộc sống vĩnh cửu. Nếu Người không hiện hữu, bạn đâu mất gì.

Tuy nhiên, nếu bạn đánh cược Thiên Chúa không hiện hữu, cũng có thể có hai hậu quả. Nếu Người không hiện hữu, bạn không mất gì. Nhưng nếu Người quả hiện hữu, bạn mất mọi sự. Cho nên, vì không mất điều gì và được mọi điều, người khôn ngoan đương nhiên sẽ đánh cược rằng Thiên Chúa hiện hữu.

Robert Velarde (<https://www.equip.org/article/more-than-a-wager-blaise-pascal-and-the-defense-of-the-faith>) cho rằng đánh cược có lẽ là lập luận triết lý nổi tiếng nhất của Pascal, nhưng cũng là lập luận gây tranh cãi nhiều hơn cả. Được ca ngợi là lỗi lạc, bị bác bỏ như lầm lẫn, việc đánh cược của Pascal tiếp tục gây ra nhiều cuộc tranh luận cả học thuật lẫn bình dân. Theo chiều hướng này, ít nhất, nó vẫn là một lập luận khiến người ta tham dự vì cảm thấy hứng thú.

Một điều cần thừa nhận là lập luận đánh cược này thường bị trình bày và giải thích sai. Điều này một phần do chính sự kiện Pascal chưa bao giờ khai triển trọn vẹn lập luận này, cộng thêm việc rất khó sắp xếp mảnh này cho có thứ tự dễ hiểu. Bất chấp đây là một trong những mảnh khá dài, các nhận định về việc đánh cược ít đưa đến một giải thích đơn nhất. Theo một tác giả (Douglas Groothuis, *On Pascal*), “Nó được viết ở cả 4 cạnh của một tờ giấy gấp. Một số đoạn được lồng vào bản văn chính, các câu khác được viết theo chiều dọc đến tận lề, và có những phần được viết ngược trên cùng trang giấy”. Không lạ gì các học giả và nhà chú giải khó sắp xếp thứ tự của mảnh này theo ý định của Pascal.

Vả lại, trong cố gắng hộ giáo toàn diện, không rõ Pascal muốn đặt lập luận đánh cược vào chỗ nào. Phần lớn cho rằng Pascal không có ý định biến đánh cược thành một lập luận hoàn bị, đứng một mình, tách biệt khỏi các lập luận hộ giáo khác, nhưng không ít người lại cho đó là ý định của Pascal. Các học giả như A.J. Kraisheimer chẳng hạn nghĩ rằng đánh cược xuất hiện mãi về sau so với phương thức tổng quát của Pascal, dùng làm một thứ “bản lề” sau khi “người không tin đã sẵn sàng bằng lòng thử Kitô giáo” (*Pascal*, tr. 57).

Dù là thành phần của một khoa hộ giáo tổng thể hay như một lập luận độc lập, đánh cược một lần nữa cho thấy phương thức của Pascal là ngoài lý trí ra, ông muốn vận động toàn diện con người của người không tin, nhất là ý chí của họ để dẫn họ tới gặp gỡ Chúa Kitô. Đánh cược chính là để nói với ý chí người không tin. Douglas Groothuis, trong *On Pascal*, chương 9,

cho rằng qua lập luận này, Pascal muốn người không tin dần thân vào một trải nghiệm sùng kính rất có thể sẽ dẫn họ tới đức tin tự nhiên và ơn cứu rỗi.

Nói tóm lại, Pascal dựa vào chính bản nhiên con người với những nghịch lý hết sức hiển nhiên của nó để đánh động ý chí người không tin, khiến họ phải đi tìm lý do của những nghịch lý này. Chính Pascal viết: “Nỗi khát khao này, và nỗi bất lực này còn công bố điều gì khác hơn là có lần nơi con người đã có một hạnh phúc đích thực, một hạnh phúc nay chỉ còn lại dấu và vết trống rỗng? Con người cố gắng vô vọng trong việc lấp đầy khoảng trống này bằng mọi sự có xung quanh họ, tìm trong những sự vật không có ở đây sự giúp đỡ họ không thể tìm thấy trong những sự vật có ở đó, dù không sự vật nào giúp được, vì cái hỏ thăm vô tận này chỉ có thể lấp đầy bằng một đối tượng vô tận và bất khả đổi thay; nói cách khác là bằng Thiên Chúa” (mảnh 148, 428).

Tiền sĩ Fernandes cho rằng phương pháp hộ giáo của Pascal rất thích hợp với con người thời nay, những chủ thể hết sức quan tâm tới trải nghiệm hiện sinh của họ. Nhiều người đang đi tìm ý nghĩa cho đời sống họ; họ muốn các khát vọng sâu sắc nhất của họ được thỏa mãn. Đồng thời, rất nhiều người thấy các khát vọng ấy không được như lòng họ mong muốn.

Pascal muốn họ nhìn vào chính họ, nhận ra bản chất thực của họ cũng như các nghịch lý bao hàm trong đó để đi tìm nguyên do và nguyên do đó chỉ có thể là bản chất đó tốt đẹp khi được dựng nên, sau đó, bị chính ta làm ra khốn cùng do sa ngã. Nguyên do đó chỉ có Kitô giáo kiên trì rao giảng và do đó là mới tôn giáo đích thực.

Nguyên văn Phần II trong Pensées trực tiếp nói đến Kitô giáo

Như trên đã nói, phần lớn các bản dịch sang tiếng Anh hiện nay dựa vào hình thức y như Pascal để lại, nghĩa là từng mảnh một, tuy phần đầu, có được ông sắp xếp thành một số đề mục. Hình thức này dĩ nhiên là để tôn trọng công trình của Pascal trong nguyên bản của nó, nhưng nó không cho biết đại cương ý hướng của tác giả tức việc hộ giáo. Bởi thế, trong chiều hướng trình bày nền hộ giáo đặc biệt của Pascal, chúng tôi dựa vào bản tiếng Pháp xuất bản năm 1858 của Librairie De Firmin Didot Frères, Fils Et Cie, Imprimeurs De L'institut De France, để chuyển ngữ phần thứ hai của tác phẩm tức phần trực tiếp nói đến tôn giáo theo sắp xếp của Nhà Xuất Bản này. Cách sắp xếp theo ý hướng hộ giáo nói chung này chắc chắn phát xuất từ Tu Viện Port Royal, vì ngoài phần tiểu sử của Pascal do người chị ruột, Bà Périer, nữ danh Gilberte Pascal, còn có một tuyển lựa một số bài viết của Pierre Nicole, một tu sĩ trụ cột của Tu Viện này, người mà Wikipedia cho rằng từng có công lớn trong việc thu thập các *Lá Thư Gửi Người Ở Tĩnh* của Pascal và dịch nó sang tiếng Latinh. Nicole cũng là người hơn bất cứ ai khác đã thành công trong việc trình bày chủ trương của Tu viện Port Royal với thế giới. Chủ trương này là điều người ta vẫn gọi là phái Jansen (Jansénisme), một phái mà cả gia đình Pascal lui tới, sinh hoạt với, tham gia trực tiếp. Nếu có ai nắm bắt được tư duy hộ giáo của Pascal thì hẳn phải là những người lãnh đạo tu viện này.

Pensees de Pascal

Blaise Pascal
Des Pierre De Nicole

Trong khi chuyên ngữ, chúng tôi có tham khảo bản dịch tiếng Anh năm 1958 của Nhà Xuất Bản E. P. Dutton & Co., Inc, New York với lời dẫn nhập của T.S. Eliot, bản dịch tiếng Anh của Tiến sĩ A.J.Krailsheimer do Penguin Books xuất bản năm 1966, và bản tiếng Anh của Isaac Taylor do William Collins, Glasgow, xuất bản năm 1838. Bản cuối cùng có cái lợi là theo thứ tự của bản tiếng Pháp chúng tôi dựa vào, nhưng xét về nội dung dịch, có phần lỏng lẻo hơn; vả lại, bản dịch được thực hiện phần nào do ảnh hưởng Thệ Phản vì dịch giả muốn Pascal là Thệ Phản hơn Công Giáo Rôma được dịch giả coi là “papism, romanism, popery...”, những hạn từ đôi chút hạ giá.

PHẦN THỨ HAI, CHỨA CÁC TƯ TƯỞNG TRỰC TIẾP LIÊN QUAN TỚI TÔN GIÁO.

MỤC THỨ NHẤT: Các mâu thuẫn gây ngạc nhiên tìm thấy trong bản tính con người đối với chân lý, hạnh phúc, và nhiều điều khác.

I. Không có gì kỳ lạ trong bản chất của con người hơn các mâu thuẫn người ta phát hiện ở đó liên quan tới mọi sự vật. Họ được tạo dựng để biết sự thật; họ khao khát nó một cách hăng say, họ tìm kiếm nó; tuy nhiên, khi cố gắng nắm bắt nó, họ bị choáng ngợp và bối rối đến mức đặt thành chủ đề tranh cãi về việc nắm giữ nó. Đó là điều đã sinh ra hai phái là Pyrrhon và duy giáo điều, trong đó phái thì muốn cướp đi của con người mọi nhận thức về sự thật, nhóm lại cố gắng bảo đảm với họ về sự thật đó; nhưng mỗi nhóm có những lý do ít chân thực

đến mức làm tăng thêm sự hàm hồ và bối rối của con người, khi không có ánh sáng nào khác ngoài ánh sáng họ tìm thấy trong bản chất con người.

Lý do chính của phái Pyrrhon là chúng ta không có gì chắc chắn về chân lý của các nguyên lý ngoài đức tin và mặc khải, nếu không là việc chúng ta cảm nhận chúng một cách tự nhiên bên trong chúng ta. Hay, họ nói, tình cảm tự nhiên này không phải là bằng chứng thuyết phục về sự thật của chúng, vì không có gì chắc chắn bên ngoài đức tin, liệu con người được tạo dựng bởi một vị thần tốt lành hay một con quỷ độc ác, liệu họ luôn luôn hiện hữu, hay chỉ được tạo ra cách tình cờ, họ nghi ngờ liệu những nguyên tắc được trao cho chúng ta này là đúng, hay sai, hay không chắc chắn, theo nguồn gốc của chúng ta. Hơn nữa, không ai có thể bảo đảm, ngoài đức tin, liệu mình đang thức hay đang ngủ, vì trong khi ngủ, người ta không ít tin một cách chắc chắn họ đang thức hơn là đang thức thực sự. Người ta tin mình thấy các không gian, các hình, các chuyển động; người ta cảm thấy thời gian trôi qua, người ta đo lường nó, và cuối cùng người ta hành động theo cách tương tự như lúc tỉnh táo. Đến nỗi, một nửa đời sống trôi qua trong giấc ngủ theo sự thừa nhận của chính chúng ta, trong đó, bất cứ điều gì xuất hiện với chúng ta, chúng ta đều không biết có thật hay không, mọi tâm tình của chúng ta lúc đó đều là ảo ảnh; ai biết được liệu nửa đời còn lại kia trong đó chúng ta nghĩ mình đang thức không phải là một giấc ngủ hơi khác giấc ngủ đầu, mà chúng ta thức khi nghĩ rằng mình ngủ, như người ta thường mơ thấy mình mơ, chông chất hết giấc mơ lên giấc mơ nọ?

Tôi bỏ qua các phát biểu mà phái Pyrrhon đưa ra chống lại những ấn tượng về phong tục, giáo dục, cách cư xử, quốc gia và những điều tương tự khác, khiến hầu hết mọi người chỉ biết giáo điều hóa dựa trên những nền tảng viển vông này.

Điểm mạnh duy nhất của phái duy giáo điều là khi nói một cách ngay lành và chân thành, người ta không thể nghi ngờ các nguyên lý tự nhiên. Họ nói, chúng ta biết sự thật, không chỉ bằng lý luận, mà còn bằng tình cảm, và bằng trí hiểu sống động và sáng láng; và chính từ loại thứ hai này mà chúng ta biết những nguyên lý đầu hết. Thật vô dụng khi việc lý luận, vốn không dự phần vào đó, cố gắng chống trả chúng. Phái Pyrrhon, những người chỉ có điều này làm đối tượng, đã cố gắng ở điểm này một cách vô ích. Chúng ta biết rằng chúng ta không hề mơ, tuy nhiên chúng ta bất lực xiết bao trong việc chứng minh điều đó bằng lý trí. Sự bất lực này không kết luận điều gì khác ngoài sự yếu kém của lý trí chúng ta, nhưng không phải là sự không chắc chắn của mọi nhận thức của chúng ta, như họ tuyên bố: vì việc nhận thức các nguyên lý đầu hết, như có không gian, thời gian, chuyển động, số lượng, vật chất, chắc chắn như bất cứ nguyên lý nào lý luận đem đến cho chúng ta. Và chính trên các nhận thức của trí hiểu và tình cảm mà lý trí phải dựa vào, và nó đặt cơ sở cho mọi diễn ngôn của nó. Tôi cảm thấy có ba chiều trong không gian, và các con số là vô hạn; và sau đó, lý trí chứng minh rằng không hề có hai số bình phương mà số này lại gấp đôi số kia. Các nguyên lý tự cảm nhận, các định đề tự kết luận; tất cả đều chắc chắn, dù qua các con đường khác nhau. Và cũng thật nực cười khi lý trí đòi hỏi tình cảm và trí hiểu phải chứng minh những nguyên lý đầu hết này mới chịu chấp nhận chúng, thật nực cười khi trí hiểu yêu cầu lý trí một tình cảm về tất cả những mệnh đề mà nó chứng minh. Sự bất lực này do đó chỉ có thể làm lý trí phải khiêm nhường, một lý trí luôn muốn phán xét mọi sự; nhưng không phải để chống lại sự chắc chắn của chúng ta, như thể chỉ có lý trí mới có thể giáo huấn chúng ta. Trái lại, nhờ ơn Thiên Chúa, chúng ta không bao giờ cần điều đó, và chúng ta biết mọi sự bằng bản năng và tình cảm! Nhưng bản nhiên đã bác bỏ chúng ta điều thiện hảo này, và nó cho chúng ta rất ít nhận thức thuộc loại này: tất cả những điều khác chỉ có thể đạt được bằng việc lý luận.

Đó là cuộc chiến tranh diễn ra giữa những con người. Mỗi người đều phải đứng về một phía, và nhất thiết phải đứng về phía duy giáo điều hay phía Pyrrhon; vì bất cứ ai nghĩ mình đứng

trung lập sẽ là người thuộc phái Pyrrhon hạng nhất: tính trung lập này vốn là bản chất của phái Pyrrhon; ai không chống lại họ là ủng hộ họ cách tuyệt vời. Người ta sẽ làm gì trong trạng thái trên? Họ có nghi ngờ mọi sự không? Họ có nghi ngờ mình có đang thức hay không, có bị véo hay bị phỏng hay không? Có nghi ngờ là mình nghi ngờ hay không? Có nghi ngờ là mình hiện hữu hay không? Không ai tiến xa như thế; và tôi thực sự cho rằng chưa bao giờ có một người theo Pyrrhon hữu hiệu và hoàn toàn cả. Bản nhiên nâng đỡ lý trí bất lực, và ngăn nó không đi quá xa như thế. Ngược lại, người nào đó, nếu ít được thúc đẩy, có sẽ nói họ chắc chắn nắm được sự thật không khi không thể chứng minh được quả quyết của mình, và buộc phải buông tay?

Ai sẽ tháo gỡ sự rối bời này? Bản nhiên khiến phái Pyrrhon nhầm lẫn, và lý trí khiến phái duy giáo điều bối rối. Vậy, hỡi con người, người sẽ ra sao, kẻ tìm kiếm thân phận thực sự của mình bằng lý trí tự nhiên? Người không thể tránh khỏi một trong các phái này, cũng như không thể tồn tại trong bất cứ phái nào. Đó là điều con người đối xử với con người liên quan tới sự thật.

Bây giờ chúng ta hãy xem xét con người, liên quan tới hạnh phúc mà họ rất tha thiết tìm kiếm trong mọi hành động của họ; vì mọi người đều mong muốn được hạnh phúc: điều này không có ngoại lệ. Bất kể phương tiện khác nhau được họ sử dụng vào đó, tất cả đều hướng đến mục tiêu đó. Điều khiến một ai đó lên đường tham chiến và ai kia không lên đường chính là do cùng một mong muốn như nhau này ở cả hai, chỉ là do những nẻo đường khác nhau mà thôi. Ý chí không bao giờ thực hiện một bước nhỏ nhất nào ngoại trừ hướng về đối tượng này. Đó là động cơ cho mọi hành động của mọi con người, kể cả những kẻ tự tử và tự treo cổ. Tuy nhiên, trong suốt bao nhiêu năm qua, chưa bao giờ có ai, không nhờ đức tin, đã từng đạt đến đối tượng này, nơi mọi người đều không ngừng hướng tới. Tất cả đều phàn nàn, hoang tử, thần dân; quý tộc, thường dân; người già, người trẻ; kẻ mạnh người yếu; thông thái ngu dốt; khỏe khoắn ốm đau; thuộc bất cứ quốc gia nào, thuộc bất cứ thời nào; ở mọi lứa tuổi và mọi thân phận.

Một bằng chứng quá lâu dài, quá liên tục và quá độc dạng như thế, hẳn sẽ thuyết phục chúng ta về sự bất lực chúng ta không thể đạt được hạnh phúc bằng nỗ lực của mình: nhưng điển hình này không dạy chúng ta điều gì cả. Nó không bao giờ giống y như nhau đến mức không có một sự khác biệt tinh tế nào; và chính từ đó chúng ta mới mong rằng, hy vọng của chúng ta sẽ không bị thất vọng vào dịp này cũng như vào dịp khác. Vì vậy, hiện tại không bao giờ thỏa mãn chúng ta, hy vọng lừa bịp chúng ta, và, từ bất hạnh này sang bất hạnh khác, dẫn chúng ta đến cái chết, đó là đỉnh cao vĩnh cửu của nó.

Điều kỳ lạ là không có gì trong thiên nhiên có khả năng thế chỗ cho cùng đích và hạnh phúc của con người, các vì sao, các nguyên tố, thực vật, động vật, côn trùng, bệnh tật, chiến tranh, tệ nạn, tội ác, v.v. Vì con người đã rơi khỏi trạng thái tự nhiên của họ, nên không có gì không lừa bịp họ hướng tới. Vì họ đã đánh mất sự thiện đích thực, mọi sự đối với họ đều xem ra tốt lành, kể cả sự hủy diệt của họ, hoàn toàn trái ngược với lý trí và tự nhiên. Người thì tìm kiếm hạnh phúc trong quyền hành, người thì tìm kiếm nó trong sự tò mò và trong khoa học, lại có những người tìm nó trong khoái lạc. Ba tư duy này đã tạo nên ba phái; và những người được gọi là triết gia thực sự không làm gì khác ngoài việc tuân theo một trong ba phái. Những người đã tiếp cận chúng hơn cả đều cho rằng điều cần thiết là sự thiện phổ quát, mà mọi người đều mong muốn, và trong đó, mọi người đều phải có phần, không nên nằm trong bất cứ sự vật đặc thù nào mà một mình họ không thể sở hữu, và, là những điều đặc thù khi bị chia sẻ, sẽ làm khổ người chiếm hữu chúng nhiều hơn vì việc thiếu thốn phần họ không có, hơn là chúng thỏa mãn họ bằng cách hưởng thụ phần thuộc về họ. Họ hiểu rằng sự thiện đích thực

phải như thế nào để mọi người có thể sở hữu nó cùng một lúc mà không bị suy giảm và không có sự đổ kỵ, và không ai có thể đánh mất nó trái với ý muốn của họ. Họ hiểu điều đó, nhưng họ không thể tìm thấy nó: và thay vì một điều thiện vững chắc và hữu hiệu, họ chỉ ôm lấy hình ảnh trống rỗng của một nhân đức tuyệt vời.

Bản năng của chúng ta khiến chúng ta cảm thấy phải tìm kiếm hạnh phúc trong chính mình. Các đam mê của chúng ta đẩy chúng ta ra bên ngoài, ngay cả khi không có các đối tượng để kích thích chúng. Các đối tượng từ bên ngoài cám dỗ chúng ta và mời gọi chúng ta, ngay cả khi chúng ta không nghĩ tới chúng. Vì vậy, các triết gia nói một cách vô vọng: Hãy vào trong chính mình bạn, bạn sẽ thấy điều tốt của mình ở đó; không ai tin họ: và những người tin họ đều là những kẻ trống rỗng nhất và ngu ngốc nhất. Vì còn có gì lỗi bịch và viên vông hơn những gì các nhà Khắc kỷ đề xuất, và sai lầm hơn tất cả những lý luận của họ? Họ kết luận rằng chúng ta luôn có thể làm những gì chúng ta thỉnh thoảng làm được; và vì ham muốn vinh quang khiến thực hiện được một vài điều cho những người sở hữu nó, những người khác cũng có thể làm như vậy. Đó là những xuẩn động mà người lành mạnh không nên bắt chước.

II. Cuộc chiến tranh nội bộ của lý trí chống lại các đam mê khiến những người muốn có hòa bình bị chia thành hai phái. Một phái muốn từ bỏ đam mê và trở thành thần thánh; phái kia muốn từ bỏ lý trí và trở nên dã thú. Nhưng họ không thể làm thế được, không phải phái này cũng không phải phái kia; và lý trí vẫn luôn còn đó, để buộc tội tính hèn hạ và bất công của các đam mê, và gây rối sự an nghỉ của những kẻ phó mình theo chúng; và các đam mê vẫn luôn sống động trong chính những người muốn từ bỏ chúng.

III. Đó là điều con người có thể tự mình làm được và bằng nỗ lực của chính mình đối với điều chân và điều thiện. Chúng ta không có khả năng để chứng minh, bách chiến bách thắng đối với mọi chủ nghĩa giáo điều: chúng ta có ý niệm về sự thật, bách chiến bách thắng đối với mọi thuyết Pyrrhon. Chúng ta mong muốn sự thật, và chỉ tìm thấy trong mình sự không chắc chắn. Chúng ta tìm kiếm hạnh phúc, và không tìm thấy gì ngoài đau khổ. Chúng ta không thể không mong muốn sự thật và hạnh phúc, và chúng ta không có khả năng và sự chắc chắn cũng như hạnh phúc. Lòng mong ước này còn lại trong chúng ta để trừng phạt chúng ta cũng như khiến chúng ta cảm thấy mình đã từ nơi đâu sa xuống.

IV. Nếu con người không được tạo dựng cho Thiên Chúa, tại sao họ chỉ hạnh phúc trong Thiên Chúa? Nếu con người được tạo dựng cho Thiên Chúa, tại sao họ lại trái ngược với Thiên Chúa?

V. Con người không biết phải đặt mình vào hàng ngũ nào. Họ rõ ràng bị lạc đường, và cảm thấy bên trong mình vết tích của một trạng thái hạnh phúc, mà họ đã sa khỏi, và không thể phục hồi. Họ lo lắng tìm kiếm nó khắp mọi nơi và không thành công trong bóng tối không thể chọc thủng.

Đó chính là nguồn gốc của những cuộc đấu tranh nơi các triết gia, một số nhận nhiệm vụ đề cao con người bằng cách khám phá ra các sự vĩ đại của họ, và số khác hạ thấp con người bằng cách trình bày các khốn cùng của họ. Điều kỳ lạ nhất là mỗi bên sử dụng các lý lẽ của bên kia để thiết lập ra ý kiến của mình; vì sự khốn cùng của con người kết cục bằng sự vĩ đại của họ, và sự vĩ đại của họ kết cục bằng sự khốn cùng của họ. Vì vậy, một số người đã kết luận sự khốn cùng một cách tốt hơn nhiều khi họ lấy sự vĩ đại làm bằng chứng; và những người khác kết luận sự vĩ đại với nhiều sức mạnh hơn nhiều, khi họ dựa vào chính sự khốn cùng này. Tất cả những điều mà nhóm này đã nói để chứng minh sự vĩ đại chỉ là sử dụng lối lý luận của những người khác để kết luận về sự khốn cùng, vì càng từ trên cao xuống rơi

xuống thì càng khôn khổ hơn: còn những người khác thì ngược lại. Họ vượt lên nhau trong một vòng tròn bất tận: chắc chắn khi con người có nhiều ánh sáng hơn, họ ngày càng khám phá ra nhiều hơn sự khôn cùng và vĩ đại nơi con người. Tóm lại, con người biết mình khôn cùng. Nên, họ khôn cùng, vì họ biết điều ấy; nhưng họ rất vĩ đại, vì họ biết họ khôn cùng. Vậy thì con người phù phiếm xiết bao? Mới lạ, hỗn loạn, mâu thuẫn xiết bao! Phán xét vạn vật, sâu giòi đần độn của trái đất, lưu giữ chân lý, đầy rẫy bất định, vinh quang và chối bỏ của vũ trụ: nếu họ tự huênh hoang, tôi sẽ hạ họ xuống; nếu họ tự hạ thấp, tôi sẽ khen ngợi họ; và luôn nói ngược lại họ, cho đến khi họ hiểu ra rằng họ là một con quái vật không thể hiểu nổi.

MỤC THỨ II: Cần nghiên cứu tôn giáo.

Ước chi những người chống lại tôn giáo ít nhất chịu học hỏi xem nó là gì, trước khi chống đối nó. Nếu tôn giáo nào tự hào cho là mình có một cái nhìn rõ ràng về Thiên Chúa, và sở hữu được Người một cách công khai không che đậy, thì người ta sẽ chống lại nó bằng cách nói rằng mình không thấy bất cứ điều gì trên thế giới có thể chứng minh được Người qua bằng chứng này. Nhưng ngược lại, khi tôn giáo này nói rằng con người sống trong tối tăm và xa cách Thiên Chúa, đến nỗi Người giấu mình khỏi sự hiểu biết của họ, và thậm chí tên Người tự đặt cho Người trong Kinh thánh là, *Deus absconditus* (Thiên Chúa ẩn mình); và cuối cùng khi tôn giáo này cố gắng không kém để thiết định hai điều này: Thiên Chúa đã đặt các dấu ân hữu hình trong Giáo hội để làm Người được nhận biết đối với những ai thành tâm tìm kiếm Người; tuy nhiên, Người che đậy các dấu ân này theo cách mà chỉ những ai hết lòng tìm kiếm Người mới thấy được: nếu thế, tôi yêu cầu những người không mấy cho là mình nghiêm túc cần cù, để có thể xác quyết được chân lý liên quan đến tôn giáo, làm sao họ có thể nghĩ là họ đem được một lập luận chống tôn giáo, bằng cách phản đối cho rằng mình không thấy nó chân thật, khi chính sự kiện họ không tri nhận được bằng chứng nào đã thiết lập một trong hai điểm vừa bàn mà không đụng tới điểm kia; và do đó đã xác nhận tín lý của Giáo Hội thay vì hủy diệt nó.



Để chống lại nó, có lẽ họ phải tuyên bố rằng họ đã nỗ lực hết sức để tìm kiếm nó ở khắp mọi nơi, ngay cả lắng nghe mọi điều Giáo hội đề xuất để được giáo huấn về nó, nhưng vẫn không được thỏa mãn. Nếu họ nói như vậy, họ có thể đã thực sự chiến đấu chống lại một trong những chủ trương của tôn giáo này. Nhưng tôi hy vọng chứng minh ở đây rằng không có người hữu lý nào lại có thể nói cách đó; và tôi dám nói rằng chưa có ai làm thế. Người ta đủ biết những người có tinh thần này hành động như thế nào. Họ tin họ đã nỗ lực rất nhiều để tự giáo dục bản thân, nhưng thực ra, họ chỉ dành vài giờ để đọc Kinh thánh, và chỉ chất vấn một giáo sĩ nào đó về các chân lý đức tin. Sau đó, họ huênh hoang đã tìm kiếm nhưng không thành công trong sách vở và với nhiều người. Nhưng, nói thật, tôi không thể ngăn mình nói với họ điều tôi thường nói, rằng không thể hỗ trợ sự lơ là này. Ở đây không phải là việc tầm phào của một người xa lạ; mà là việc của chính chúng ta, của tất cả chúng ta.

Sự bất tử của linh hồn là một điều rất quan hệ đối với chúng ta, và nó đung đến chúng ta một cách sâu sắc đến nỗi phải mất hết tình cảm mới có thể thờ ơ đối với việc biết những gì có trong đó. Mọi hành động và mọi suy nghĩ của chúng ta hẳn phải theo những lộ trình khác nhau, tùy thuộc vào việc liệu có các sự thiện vĩnh cửu để hy vọng hay không, đến mức không thể hành động một cách có cảm thức và phán đoán, mà không luôn được điều hướng bởi niềm tin của ta vào điểm này, và biến nó thành quan tâm chính của chúng ta. Vì vậy, mỗi quan tâm đầu tiên và nhiệm vụ đầu tiên của chúng ta là làm chúng ta hiểu rõ chủ đề này, chủ đề mà trọn tác phong của chúng ta phụ thuộc vào. Và đó là lý do tại sao, trong số những người không bị thuyết phục về nó, tôi đưa ra sự khác biệt tốt cùng giữa những người cố gắng hết sức mình để tìm hiểu về nó, và những người sống mà không lo lắng về nó và không suy nghĩ về nó. Tôi chỉ có thể có lòng cảm thương đối với những người chân thành buồn bã trong việc nghi ngờ này, những người coi nó như nỗi bất hạnh cuối cùng, và là những người, vì không tiếc điều gì để thoát ra khỏi nó, đã biến cuộc tìm kiếm này thành công việc chính và nghiêm túc nhất của họ. Còn đối với những người sống cả cuộc đời họ mà không nghĩ đến cùng đích đời mình, và những người, vì lý do duy nhất họ không tìm thấy trong mình các ánh sáng có thể thuyết phục họ, họ bỏ qua việc tìm kiếm nơi khác và khảo sát ngọn nguồn xem ý kiến này là thuộc những nguồn mà mọi người đón nhận một cách đơn sơ dễ tin, hay thuộc các nguồn, dù tự nó không rõ ràng, tuy nhiên có một nền tảng rất vững chắc; tôi coi họ hoàn toàn khác nhau. Sự lo là này trong một vấn đề đung đến bản thân họ, đến sự sống vĩnh cửu của họ, để toàn bộ con người họ, làm tôi khó chịu hơn là dễ chịu; nó làm tôi kinh ngạc và khiếp sợ; đó là một con quái vật đối với tôi. Tôi không nói điều này vì sự nhiệt thành của lòng sùng mộ thiêng liêng. Ngược lại, tôi cho rằng lòng tự trọng, sự quan tâm của con người, ánh sáng đơn giản nhất của lý trí hẳn phải đem đến cho chúng ta những tình cảm này. Vì vậy, trong vấn đề này, không nên chỉ nhìn những điều những người kém thông sáng nhìn thấy.

Không nhất thiết phải có một tâm hồn rất cao siêu mới hiểu rằng ở đây không hề có sự thỏa mãn chân thực và vững chắc; mọi thú vui của chúng ta đều là phù phiếm; các sự xấu của chúng ta là vô hạn; và cuối cùng cái chết, điều đe dọa chúng ta mọi lúc, hẳn, trong vài năm, và có lẽ trong vài ngày, sẽ đặt chúng ta vào trạng thái hạnh phúc vĩnh cửu, hoặc bất hạnh, hoặc hủy diệt. Giữa chúng ta và thiên đường, địa ngục hay hư vô, do đó chỉ có sự sống, là điều mong manh nhất trên đời; và thiên đàng chắc chắn không dành cho những ai nghi ngờ liệu linh hồn của họ có bất tử hay không, họ chỉ còn cách chờ đợi hỏa ngục hoặc cõi hư vô. Không có gì thực hơn thế, cũng không có gì khủng khiếp hơn thế. Chúng ta hãy nâng mình cao lên bao nhiêu có thể: đây là cùng đích đang chờ đợi cuộc sống tươi đẹp nhất trên thế giới. Điều vô dụng là con người từ khước, không nghĩ đến cõi vĩnh hằng đang chờ đợi họ, như thể họ có thể tiêu diệt nó bằng cách không nghĩ đến nó. Nó tồn tại bất chấp họ, nó diễn tiến; và cái chết, điều hẳn sẽ mở nó ra, trong một thời gian ngắn, sẽ nhất định đặt họ vào thế nhất thiết đáng sợ phải hiện hữu hoặc bị tiêu diệt, hoặc bất hạnh vĩnh viễn.

Đó là một nghi ngờ có hậu quả khủng khiếp; và chắc chắn đây là một điều xấu xa rất lớn khi sống trong sự nghi ngờ này; nhưng ít nhất đây là một nhiệm vụ nhất thiết phải tìm kiếm khi người ta ở trong đó. Vì vậy, kẻ nghi ngờ và không tìm kiếm vừa rất bất công vừa rất bất hạnh. Nếu họ thanh thản và hài lòng, tự tuyên bố như thế, và cuối cùng huênh hoang về nó, và biến tình trạng này thành chủ đề cho niềm vui và sự phù phiếm của họ, thì tôi không còn từ ngữ nào để mô tả một tạo vật ngông cuồng như vậy.

Người ta có được các tình cảm đó từ đâu? Người ta tìm thấy chủ đề vui tươi nào khi chỉ còn mong chờ những khốn cùng không phương sách? Chủ đề huênh hoang nào khi thấy mình trong cảnh tối tăm mịt mù? Niềm an ủi nào khi không bao giờ mong đợi một đấng an ủi? Sự an lòng vì ngu dốt này, là một điều quái dị, và ta cần làm cho những người dành đời sống

họ cho nó cảm nhận được tính nông cuồng và ngu ngốc này, bằng cách trình bày cho họ những gì diễn ra trong chính họ, để làm họ bối rối khi nhìn thấy sự điên rồ của họ: vì đó là cách con người lý luận, khi họ chọn sống trong cảnh ngu dốt, không biết mình là gì, và không tìm kiếm bất cứ sự soi sáng nào.

Tôi không biết ai đã sinh ra tôi, cũng không biết thế giới là gì, cũng như bản thân tôi là chi. Tôi ngụp lặn trong ngu dốt khủng khiếp đối với mọi sự vật. Tôi không biết cơ thể mình là gì, các giác quan của tôi là chi, linh hồn của tôi là gì: và chính cái phần trong tôi này, cái phần nghĩ ra những gì tôi nói, và khiến tôi suy tư về mọi sự và về chính nó, cũng không biết chính nó hơn những phần còn lại. Tôi thấy những khoảng không gian đáng sợ này của vũ trụ bao quanh tôi, và tôi thấy mình dính chặt vào một góc của không gian rộng lớn này, mà không biết tại sao tôi lại được đặt vào nơi này thay vì vào nơi khác, cũng như tại sao khoảng thời gian ít ỏi này được ban cho tôi để sống lại được chỉ định cho tôi ở thời điểm này hơn là ở thời điểm khác trong cõi vĩnh cửu vốn diễn ra trước tôi, và cõi vĩnh cửu sẽ theo sau tôi. Tôi chỉ nhìn thấy những vô hạn ở mọi thành phần, đang nuốt chửng tôi như một nguyên tử, và như một cái bóng chỉ tồn tại trong giây lát mà không quay trở lại. Tất cả những gì tôi biết chỉ là chẳng bao lâu nữa tôi sẽ chết; nhưng điều tôi làm ngơ hơn hết chính là cái chết này, cái chết mà tôi không biết tránh ra sao.

Như tôi không biết mình từ đâu đến thế nào, tôi cũng không biết mình sẽ đi đâu thế ấy; tôi chỉ biết rằng khi tôi ra khỏi thế giới này, tôi sẽ mãi mãi rơi vào hoặc cõi hư vô, hoặc vào bàn tay của một Thiên Chúa giận dữ, mà không biết mình phải chia sẻ đến vô tận thân phận nào trong hai thân phận này.

Đó là trạng thái của tôi, đầy khốn cùng, yếu đuối, tăm tối. Và từ tất cả những điều này, tôi kết luận tôi phải dành mọi ngày của đời tôi để không nghĩ chi tới những điều sẽ xảy ra với tôi; và tôi chỉ nên theo khuynh hướng của mình không cần suy tư và lo lắng, dù trong một diễn trình tôi biết rõ mình sẽ rơi vào nỗi bất hạnh vĩnh viễn, nếu quả có một trạng thái như thế. Có thể tôi sẽ tìm được một số soi sáng nào đó trong những nghi ngờ của tôi; nhưng tôi không muốn mất công về điều đó, cũng không muốn thực hiện bất cứ bước nào để tìm kiếm nó; và, đối xử một cách khinh thường với những ai cố gắng theo hướng này, tôi muốn tiếp tục tiên bước trong việc thử nghiệm một tương lai như thế, không cần dự kiến và sợ hãi, và để bản thân mình được vui vẻ trên đường dẫn đến cái chết, mà không biết chắc thân phận của mình sẽ ra sao trong cõi vĩnh viễn.

Quả thật, điều vinh dự cho tôn giáo là đã có những kẻ vô lý như thế làm kẻ thù; và việc chống đối của họ ít nguy hiểm đối với tôn giáo đến nỗi, ngược lại, tôn giáo đã dùng nó để thiết lập ra các chân lý chính của mình để dạy dỗ chúng ta. Vì đức tin Kitô giáo chủ yếu chỉ diễn tiến để thiết lập ra hai điều này, sự sa đọa của tự nhiên, và ơn cứu chuộc của Chúa Giêsu Kitô. Nay, nếu chúng không phục vụ việc chứng minh sự thật của ơn cứu chuộc bằng tính thánh thiện trong phong hóa của họ, thì ít nhất chúng cũng phục vụ một cách đáng ngưỡng mộ việc chứng minh sự sa đọa của tự nhiên bằng những tình cảm bất tự nhiên như thế.

Không có gì quan trọng đối với con người bằng tình trạng của họ; không có gì đáng sợ đối với họ bằng sự vĩnh cửu. Và do đó, nếu có những người thờ ơ với việc đánh mất chính con người của họ, và với nguy cơ vĩnh viễn khốn khổ, điều này mới không hề tự nhiên. Họ khác hẳn đối với mọi sự khác: họ sợ hãi đối với điều nhỏ nhất nhất, họ dự kiến trước, cảm nhận chúng; và cũng chính con người này sống ngày sống đêm trong thịnh nộ và tuyệt vọng vì mất một chức vụ, hoặc vì một hành động tương tự bị xúc phạm đến danh dự của mình, cũng là người dù biết mình sẽ mất tất cả khi chết, nhưng lại không lo lắng gì, không có xáo trộn và

không có cảm xúc chi. Sự vô cảm kỳ lạ với những điều khủng khiếp nhất này, trong một trái tim quá nhạy cảm với những điều tầm phào nhất, là một điều quái dị; đó là một sự mê hoặc không thể hiểu nổi, và một thiếp ngũ siêu nhiên.

Một con người trong ngục giam, không biết liệu việc mình bị bắt có được thực hiện hay chưa, chỉ còn một giờ nữa để học biết điều này, và nếu họ biết việc họ bị bắt đã được thực hiện, một giờ này đủ để vận động cho nó bị hủy bỏ; thì điều trái tự nhiên là họ cứ sử dụng giờ này, không phải để tìm xem việc họ bị bắt đã được thực hiện hay chưa, nhưng để vui chơi và giải khuây. Đó là trạng thái của hạng người này; với sự khác biệt này là những việc xấu mà họ đang bị đe dọa khác với việc đơn giản mất mạng sống và nhục hình tạm thời mà người tù này có lẽ hiểu rõ. Tuy nhiên, họ lại vô tư lao xuống hố thăm, sau khi đã đặt một vật gì đó trước mắt họ, để ngán họ nhìn thấy nó, và họ cười nhạo những ai cảnh báo họ về nó.

Như thế, không những sự sốt sắng của những người tìm kiếm Thiên Chúa, mà cả sự mù quáng của những người không tìm kiếm Người, và những người sống trong sự sao lãng khủng khiếp này đều chứng minh tôn giáo chân chính. Hẳn phải có một sự đảo ngược kỳ lạ trong bản chất con người, người ta mới sống trong tình trạng này, và hơn nữa còn huênh hoang về nó. Vì, nếu họ hoàn toàn biết chắc rằng họ sẽ không có gì phải sợ khi chết ngoài việc rơi vào hư vô, thì đó chẳng phải là vấn đề tuyệt vọng hơn là vấn đề phù phiếm hay sao? Do đó, không phải là một sự điên rồ khó tưởng tượng hay sao, khi không chắc chắn, mà vẫn huênh hoang sống trong sự nghi ngờ này?

Và, tuy thế, điều chắc chắn là con người đánh mất tự nhiên (dénaturé) đến nỗi trong trái tim họ, có một mầm mống của niềm vui đối với điều đó. Sự thư thái tàn bạo giữa nỗi sợ hãi địa ngục và hư vô này dường như đẹp đến nỗi không chỉ những người thực sự sống trong sự nghi ngờ bất hạnh ấy tự hào về nó, mà cả những người không sống trong đó cũng tin rằng giả vờ sống trong đó cũng đủ về vang rồi. Vì kinh nghiệm cho chúng ta thấy: hầu hết những người muôn pha mình vào đó đều thuộc loại vừa kể; đó là những người tự giả mạo chính mình, và là những người không giống như họ muốn tỏ ra: Đó là những người đã nghe đồn thổi rằng cách cư xử tốt nhất ở trên đời hệ ở việc làm cho mình thành người thành đạt. Đó là điều họ gọi là thoát ách; và hầu hết làm điều đó chỉ để bắt chước người khác.

Nhưng, nếu họ còn một chút lương tri, thì việc làm cho họ hiểu rằng họ đã tự lừa dối bản thân khi tìm cách làm mình nổi tiếng cách đó sẽ không khó. Đó không phải là cách để đạt được lòng quý mến, ngay cả nơi những người có tinh thần thế gian nhưng biết đánh giá mọi điều một cách lạnh mạnh; những người này sẽ nói cho họ hay cách duy nhất để có được tiếng tốt là tỏ ra trung thực, trung thành, sáng suốt và có thể phục vụ bạn bè của mình một cách hữu ích; bởi vì theo lẽ tự nhiên, người ta chỉ yêu những gì có thể hữu ích đối với họ. Bây giờ, có lợi gì cho chúng ta khi nghe đồn thổi rằng một ai đó đã thoát ách; rằng họ không tin có một Thiên Chúa hằng trông chừng các hành động của họ; rằng họ tự coi họ là chủ nhân duy nhất của tác phong họ; rằng họ chỉ nghĩ đến việc giải trình về nó cho chính họ? Họ có nghĩ họ đã dẫn chúng ta cách đó để từ nay ta tin tưởng vào họ nhiều hơn, và mong đợi ở họ các an ủi, các lời khuyên và giúp đỡ trong mọi nhu cầu của cuộc sống không? Họ có nghĩ họ đã làm cho chúng ta hân hoan, khi nói với chúng ta rằng họ nghi ngờ không biết linh hồn chúng ta có gì khác ngoài một chút gió và khói, và có lẽ còn nói với chúng ta bằng một giọng điệu tự hào và tự mãn? Đó có phải là điều để nói một cách vui vẻ không? Và, ngược lại, há đó không phải là điều phải nói một cách buồn bã, giống như điều buồn bã nhất ở trên đời hay sao?

Nếu những người trên suy nghĩ về nó cách nghiêm túc, họ sẽ thấy tác phong của họ bị phán đoán quá sai lầm, trái với lương tri, ngược với sự trung thực, và xét theo bất cứ cách nào,

cũng xa lìa lẽ thói tốt lành mà họ tìm kiếm, không có gì có thể thu hút hơn sự khinh miệt và ác cảm của người ta đối với họ, và làm họ bị coi như những người không có tinh thần và không biết phán đoán. Và, quả thực, nếu người ta bắt họ giải thích các tình cảm của họ, và các lý do khiến họ nghi ngờ tôn giáo, họ sẽ nói những điều quá yếu ớt và quá tầm thường đến mức họ sẽ thuyết phục đúng hơn điều ngược lại. Đó là điều một ngày nào đó ai đó có thể sẽ nói với họ cách hợp thời. Họ nói: Nếu bạn tiếp tục nói chuyện như thế này, quả thật bạn đang làm tôi hoán cải. Và người này có lý; vì ai lại không khiếp đảm khi thấy mình có những người đáng khinh như vậy làm bạn đồng hành?

Vì vậy, những người chỉ biết giả hình trong những tình cảm như vậy, họ rất bất hạnh khi cưỡng chế bản tính tự nhiên của mình để trở thành những người ngu dại nhất loài người. Nếu tận đáy lòng họ, họ tức giận vì không có tia sáng nào, thì ước chi họ đừng che giấu điều đó: một thú nhận như thế không có gì đáng xấu hổ cả. Chỉ đáng xấu hổ khi không tuyên bố như thế. Không có gì cho thấy mình thiếu lương tri cho bằng việc không biết rõ điều này: bất hạnh xiết bao cho ai không có Thiên Chúa; không có gì đánh dấu sự thấp hèn tội độ của trái tim hơn việc không ước muốn sự thật trong những lời hứa hẹn trường cửu; không gì hèn nhất hơn lòng dũng cảm chống lại Thiên Chúa. Vì vậy, ước chi họ từ bỏ các điều vô đạo ấy cho những người sinh ra đã khuyết tật, không thể trở thành những người có khả năng về phương diện này; ước chi ít nhất họ là những người trung thực, nếu họ chưa thể là các Kitô hữu; và cuối cùng ước chi họ nhận ra rằng chỉ có hai loại người mà người ta có thể gọi là hữu lý; hoặc những người hết lòng phụng sự Thiên Chúa, vì họ nhận biết Người; hoặc những kẻ hết lòng tìm kiếm Người, vì họ chưa nhận biết Người.

Do đó, đối với những người chân thành tìm kiếm Thiên Chúa, và những người, nhờ nhận ra sự khốn cùng của họ, thực sự mong muốn thoát khỏi nó, điều chính đáng là cố gắng, nhằm giúp họ tìm thấy ánh sáng mà họ vốn không có.

Nhưng đối với những người sống mà không biết Người và không tìm kiếm Người, họ tự cho mình là không đáng được quan tâm, không đáng quan tâm đến người khác; và cần phải có đức bác ái của tôn giáo mà họ coi thường để đừng khinh miệt họ đến mức bỏ rơi họ trong sự điên rồ của họ. Nhưng vì tôn giáo này bắt buộc chúng ta phải luôn coi họ, bao lâu họ còn ở sống ở đời này, như những người có khả năng lãnh nhận ơn thánh có thể soi sáng họ; và tin rằng trong một thời gian ngắn nữa, họ có thể tràn đầy đức tin hơn chúng ta; và ngược lại, chúng ta có thể sa vào tình trạng mù quáng hiện nay của họ; chúng ta phải làm cho họ những gì chúng ta muốn người khác làm cho chúng ta nếu chúng ta rơi vào tình trạng của họ, và kêu gọi họ thương hại chính họ, và ít nhất, thực hiện một vài bước để thử xem họ có tìm thấy chút ánh sáng nào không. Ước chi họ dành một số thì giờ họ vốn dành vô ích cho những nơi khác để đọc tác phẩm này: có lẽ họ sẽ gặp được điều gì đó ở đó, hoặc ít nhất họ sẽ không mất mát bao nhiêu trong đó. Nhưng đối với những người mang vào đó lòng thành thực hoàn toàn và mong ước thực sự muốn biết sự thật, tôi hy vọng rằng họ sẽ tìm được sự hài lòng trong đó và họ sẽ được thuyết phục bởi các chứng cứ của một tôn giáo hết sức thần thánh mà người ta đã thu thập ở đó.

MỤC III. Khó có thể chứng minh sự hiện hữu của Thiên Chúa bằng ánh sáng tự nhiên; nhưng điều an toàn nhất là tin sự hiện hữu đó.

I. Chúng ta hãy nói theo ánh sáng tự nhiên. Nếu có một Thiên Chúa, thì Người hoàn toàn không thể hiểu được, vì, không có bộ phận cũng như giới hạn, Người không có nét gì giống chúng ta: do đó chúng ta không có khả năng biết được cả việc Người là gì lẫn Người có hiện

hữu hay không. Vì sự thực là như vậy, ai dám tìm cách giải đáp vấn đề này? Không phải chúng ta, những người không có gì giống như Người.



II. Ở đây, tôi sẽ không tìm cách chứng minh bằng những lý lẽ tự nhiên, cả sự hiện hữu của Thiên Chúa lẫn Chúa Ba Ngôi, hay sự bất tử của linh hồn, hay bất cứ điều gì thuộc bản chất này; không những bởi vì tôi không cảm thấy đủ mạnh để tìm thấy trong tự nhiên bất cứ điều gì có thể thuyết phục những người vô thần cứng lòng, mà còn bởi vì nhận thức này, nếu không có CHÚA GIÊSU KITÔ, thì vô ích và vô dụng. Khi một người được thuyết phục rằng tỷ lệ số là các sự thật phi vật chất, trường cửu, và phụ thuộc vào sự thật đầu hết nhờ đó chúng tồn tại, điều người ta vốn gọi là Thiên Chúa, tôi không thấy họ tiến bao nhiêu trong ơn cứu rỗi của họ.

III. Thật là một điều lạ khi không có một tác giả kinh điển nào đã dùng thiên nhiên để chứng minh sự hiện diện của Thiên Chúa: Tất cả họ đều có khuynh hướng làm cho Người được tin; và không bao giờ họ nói: Không hề có khoảng chân không; vậy thì phải có một Thiên Chúa. Hẳn họ phải khôn khéo hơn những người khôn khéo nhất từ trước đến nay, từng đã sử dụng các luận điểm như thế.

Nếu việc chứng minh Thiên Chúa bằng tự nhiên là một dấu chỉ sự yếu kém, thì đừng coi thường Kinh thánh: nếu việc biết các mâu thuẫn này là dấu chỉ sức mạnh, thì hãy quý trọng Kinh thánh.

IV. Đơn vị nổi dài tới vô tận không gia tăng được gì, chỉ là một bộ Anh so với chiều dài vô hạn. Thể hữu hạn hóa ra không trước sự hiện diện của thể vô hạn, và trở thành hư vô thuần túy. Tinh thần của chúng ta trước mặt Thiên Chúa cũng thế; công lý của chúng ta trước công lý của Thiên Chúa cũng thế. Sự chênh lệch không lớn như thế giữa đơn vị và vô hạn cho bằng giữa công lý của chúng ta và công lý của Thiên Chúa.

V. Chúng ta biết rằng vô hạn có hiện hữu, nhưng đồng thời bản chất của nó có thể là điều ta không tài nào hiểu nổi. Như thế, chúng ta biết, chẳng hạn, sẽ sai lầm khi cho rằng các con số là hữu hạn: nên phải suy đoán rằng chúng vô hạn. Nhưng chúng ta không biết vô hạn này là gì. Nói nó chẵn cũng sai, mà nói nó lẻ cũng sai; vì, bằng cách thêm một đơn vị vào, bản chất của nó vẫn không thay đổi: tuy nhiên, nó là con số, mà mọi con số đều chẵn hoặc lẻ; ít nhất điều này đúng đối với mọi con số hữu hạn. Như thế, chúng ta có thể biết rõ rằng có một Thiên Chúa mà không biết Người là gì: và bạn không nên kết luận rằng không hề có Thiên Chúa, căn cứ vào việc chúng ta không biết đầy đủ về bản chất của Người. Để thuyết phục bạn về sự hiện hữu của Người, tôi sẽ không nại đến đức tin, một điều vốn làm chúng tôi không thể hoài nghi về nó, cũng như bất cứ bằng chứng nào khác mà chúng tôi vốn có về nó, vì bạn không muốn tiếp nhận chúng. Tôi chỉ muốn hành động với bạn theo các nguyên tắc của bạn; và tôi có ý định làm bạn thấy, theo cách bạn vẫn lý luận hàng ngày về những điều ít gây hậu quả nhất, bạn phải suy luận kiểu gì trong việc này, và bạn phải theo phía nào để quyết định vấn đề quan trọng này về sự hiện hữu của Thiên Chúa. Bây giờ, bạn nói rằng chúng ta không có khả năng biết liệu có một Thiên Chúa hay không. Tuy nhiên, điều chắc chắn là Thiên Chúa hoặc hiện hữu, hoặc không hiện hữu; không hề có điểm ở giữa. Nhưng chúng ta sẽ nghiêng về phía nào? Bạn nói, lý trí không thể xác định bất cứ điều nào. Có sự hỗn mang vô tận ngăn cách chúng ta (với Thiên Chúa). Ở khoảng cách vô tận này, một trò chơi được chơi, trong đó, sẽ có hoặc sắp hoặc ngừa. Bạn sẽ đánh cuộc bên nào? Căn cứ vào lý trí, bạn không thể chắc chắn điều này hay điều nọ; căn cứ vào lý trí, bạn cũng không thể bác bỏ một trong hai.

Vì vậy, đừng đổ lỗi sai lầm cho những người làm một lựa chọn; vì bạn không biết liệu họ có

sai hay không, và liệu họ có lựa chọn tệ hay không.

Tôi sẽ đổ lỗi cho họ không phải vì đã chọn bên này, hay bên kia: nhưng đã chọn bất cứ bên nào: kẻ chọn sấp, và kẻ chọn ngửa, cả hai đều sai: không đặt cuộc mới là điều đúng hơn cả.

Đúng, nhưng bạn phải đặt cuộc: điều này không phải là điều muốn làm hay không muốn làm; bạn đã xuống tàu rồi; và không đặt cuộc rằng Thiên Chúa hiện hữu, là đặt cuộc rằng ngài không hiện hữu. Vậy bạn sẽ chọn điều nào? Ta hãy xem điều gì khiến bạn quan tâm ít nhất: bạn có hai điều để mất, điều chân và điều thiện; và hai điều cần can dự vào, lý trí và ý chí của bạn, nhận thức và hạnh phúc (béatitude) của bạn: và bản chất của bạn có hai điều cần tránh, sai lầm và khốn cùng. Vậy, bạn hãy đánh cuộc rằng Người hiện hữu, không nên do dự: lý trí của bạn không bị tổn hại hơn khi chọn điều này hơn điều kia, vì điều nhất thiết là phải chọn. Thế là một điếm đã được khai quang; nhưng còn hạnh phúc của bạn? Ta hãy cân nhắc cái được và cái thua: chọn bên sấp, nếu thắng, bạn thắng tất cả; nếu thua, bạn không mất gì. Vì vậy, hãy tin, nếu bạn có thể.

Điều ấy thật kỳ diệu: vâng, phải tin; nhưng có lẽ tôi mạo hiểm quá chăng.

Chúng ta hãy xem sao: vì dù cơ may được và thua y như nhau, khi bạn chỉ có hai mạng sống để thắng lấy một, bạn vẫn có thể đánh cuộc. Và nếu có mười mạng sống để thắng, há bạn không điên rồ hay sao khi không mạo hiểm một mạng sống của mình để thắng mười mạng sống trong một trò chơi trong đó có cùng cơ may thua và thắng như nhau? Nhưng ở đây, có vô tận mạng sống vô cùng hạnh phúc để thắng, với cùng cơ may thua và thắng; và điều bạn chơi không đáng kể, không thể kéo dài như bạn muốn, thì thật là ngu ngốc khi còn dè dặt trong dịp này.

Cũng không hẳn là một luận bác thực sự khi nói rằng không chắc gì có thắng hay không, và chắc chắn đây chỉ là chuyện may rủi; và khoảng cách vô hạn giữa sự chắc chắn về những gì người ta liệu mình đánh cuộc và sự không chắc chắn về những gì người ta có thể thắng đặt sự thiện hữu hạn, điều mà người ta chắc chắn sẽ thua, ngang hàng với điều vô hạn vốn không chắc chắn sẽ được. Nhưng không phải như vậy: mọi người chơi đều liệu mình một cách chắc chắn mình sẽ thắng một cách không chắc chắn; thế nhưng, họ chắc chắn đã liệu một điều tốt hữu hạn để đạt được một điều tốt khác cũng hữu hạn một cách không chắc chắn, mà đâu có chống lại lý trí. Điều không đúng là nói rằng có khoảng cách vô hạn giữa sự chắc chắn này về những gì người ta sẽ thua và sự không chắc chắn của việc thắng. Quả có sự vô tận giữa sự chắc chắn thắng và sự chắc chắn thua. Nhưng sự không chắc chắn thắng tỷ lệ thuận với sự chắc chắn của điều người ta thử liệu, theo tỷ lệ của các may rủi thắng và thua; và do đó, nếu có cơ may như nhau cho cả hai phía, thì trò chơi phải được chơi ngang ngửa; và lúc đó độ chắc chắn của điều người ta liệu mình thua bằng với độ không chắc chắn thắng, vì nó cách xa điều sau vô hạn. Và như thế, định đề của chúng ta có sức mạnh vô hạn, khi, như trong trường hợp này, ta chỉ liệu một điều hữu hạn trong một trò chơi cơ may thắng thua bằng nhau, để lấy một điều vô hạn. Điều này đã được minh chứng; và nếu người ta có khả năng biết một số sự thật nào đó, họ phải có khả năng biết sự thật này.

Tôi thú nhận điều ấy, tôi thừa nhận điều ấy. Nhưng há không hề có cách nào để thấy điều nằm ở bên dưới của trò chơi này hay sao?

Có, bằng Kinh thánh, và bằng tất cả những bằng chứng khác về tôn giáo, vốn có tính vô hạn.

Bạn nói rằng những ai hy vọng vào ơn cứu rỗi của họ đều hạnh phúc vì điều này; nhưng há

họ không có nỗi sợ hãi hỏa ngục làm đổi trọng đó sao?

Nhưng ai có nhiều lý do để sợ hãi hỏa ngục, đó là người không biết liệu có hỏa ngục hay không, và liệu chắc chắn có bị đầy xuống đó hay không, nếu có; hay là người xác tín rằng có hỏa ngục, nhưng hy vọng được cứu thoát?

Bất cứ ai, khi chỉ còn tám ngày để sống, mà không phán đoán rằng phía an toàn nhất là tin rằng tất cả những điều này không phải là một sự may rủi, đều hoàn toàn mất trí. Bây giờ, nếu các đam mê không đánh lừa chúng ta, tám ngày và một trăm năm đều như nhau.

Và điều tệ hại nào sẽ xảy ra với bạn khi bạn quyết định tin? Bạn sẽ là người trung thành, trung thực, khiêm tốn, biết ơn, nhân từ, chân thành, chân thực. Quả thật, bạn sẽ từ bỏ các thú vui gây hại, các xa hoa, và khoái lạc của thế gian. Nhưng há bạn không thể không có những thú vui khác hay sao? Tôi nói với bạn rằng bạn sẽ là người thắng cuộc ngay ở đời này; và với mỗi bước bạn đi trên con đường này sẽ cho bạn thấy rất nhiều chắc chắn sẽ thắng cuộc, và không hề liệu mình mất điều chi, cho đến cuối cùng bạn sẽ nhận biết rằng bạn đã đánh cuộc một điều chắc chắn và vô hạn, và bạn đã không mất gì để có được nó.

Đúng, nhưng tay tôi bị trói và miệng tôi bị chặn; tôi buộc phải đánh cuộc, và tôi không được tự do, người ta không buông tha tôi; và tôi được tạo dựng theo cách tôi không thể tin. Vậy bạn muốn tôi làm gì?

Ít nhất bạn hãy học biết việc bạn không thể tin, vì lý trí dẫn bạn đến chỗ tin, thế nhưng bạn không thể tin. Vậy thì, bạn hãy cố gắng thuyết phục bản thân, không phải bằng cách gia tăng các bằng chứng về Thiên Chúa, mà bằng cách giảm bớt các đam mê của bạn. Bạn muốn đi đến đức tin, nhưng bạn không biết đường đi; bạn muốn được chữa khỏi sự bất trung, và bạn yêu cầu các biện pháp khắc phục: hãy học hỏi những điều này từ những người trước đây từng như bạn nhưng bây giờ không còn nghi ngờ nữa. Họ biết con đường bạn muốn đi; và họ đã được chữa khỏi sự dữ mà bạn hiện muốn được chữa khỏi. Bạn hãy làm theo cách họ từng bắt đầu; hãy bắt chước các hành động bên ngoài của họ, nếu bạn chưa thể bước vào các thiên hướng bên trong của họ; hãy từ bỏ những trò tiêu khiển vô dụng vốn chiếm hữu trọn con người bạn.

Bạn nói, có lẽ tôi sẽ sớm từ bỏ những thú vui này, nếu tôi có đức tin. Và tôi, tôi nói với bạn rằng bạn sẽ sớm có đức tin nếu bạn từ bỏ những thú vui này. Nhưng việc bắt đầu là tùy ở bạn. Nếu có thể, tôi đã cho bạn đức tin rồi; nhưng tôi không thể cho được, và do đó, không thể chứng minh sự thật của những điều bạn nói; nhưng bạn có thể từ bỏ những thú vui này, và chứng minh rằng điều tôi nói là đúng.

Lời phát biểu trên kích động tôi, làm tôi thích thú.

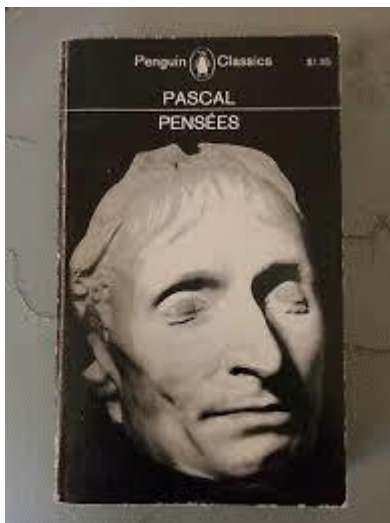
Nếu lời phát biểu ấy làm hài lòng bạn và có vẻ mạnh mẽ đối với bạn, bạn hãy biết rằng nó được thực hiện bởi một người đã quỳ gối trước và sau khi nói nó, để cầu xin Hữu thể vô hạn và không thiên vị ấy, Đáng mà người này trao phó mọi điều mình có, giúp bạn cũng phó thác mọi điều bạn có, vì sự thiện của chính bạn và vì vinh quang của Người; và nhờ thế sức mạnh toàn năng của Người sẽ tự thích ứng với sự yếu hèn của bạn.

VI. Không nên hiểu lầm bản thân: chúng ta là cả thể xác lẫn tinh thần, và do đó, công cụ nhờ đó việc thuyết phục được thực hiện không phải chỉ là chứng minh mà thôi. Những điều được chứng minh không có bao nhiêu đâu! Bằng chứng chỉ thuyết phục được tinh thần. Tập quán

biến các bằng chứng của ta thành mạnh mẽ nhất; nó ảnh hưởng đến các giác quan, các giác quan lồi cuốn tinh thần không cần suy nghĩ. Ai đã chứng minh rằng sẽ có ngày mai, và chúng ta sẽ chết? nhưng có điều gì được mọi người tin tưởng hơn thế không? Do đó, tập quán thuyết phục chúng ta điều đó; chính nó tạo ra rất nhiều anh Thổ Nhĩ Kỳ và anh ngoại giáo; chính nó tạo ra nghề ngỗng, những anh lính, v.v. Đúng là không nên bắt đầu với nó để tìm ra sự thật; nhưng cần phải nhờ đến nó một khi tinh thần đã nhìn thấy đâu là sự thật, để làm chúng ta thỏa mãn và lên màu sắc cho thứ niềm tin luôn luôn vượt thoát chúng ta này; vì quả là quá đáng khi luôn đòi phải có ngay các bằng chứng. Cần phải thu nhận được một niềm tin dễ dàng hơn, vốn là niềm tin của tập quán, thứ không cần áp lực, không cần nghệ thuật, tranh luận, chúng ta mới tin vào sự việc và làm cho mọi năng lực của chúng ta tự nhiên hướng về niềm tin này, đến nỗi linh hồn chúng ta tự nhiên rơi vào đó. Chỉ tin bằng sức mạnh của xác tín là không đủ, nếu các giác quan dẫn dắt chúng ta tin điều ngược lại. Do đó, cần phải làm cho hai phần của chúng ta cùng đi với nhau: tinh thần, với những lý do mà chỉ cần nhìn thấy một lần trong đời là đủ, cùng với các giác quan, nhờ tập quán, không tự để chúng nghiêng về phía ngược lại.

MỤC IV: Các đặc điểm của tôn giáo chân chính.

I. Tôn giáo chân chính phải có đặc điểm buộc phải yêu mến Thiên Chúa. Điều này rất chính đáng. Và tuy thế, không tôn giáo nào khác ngoài tôn giáo của chúng tôi đã truyền phải như thế; tôn giáo ấy cũng phải biết đến tư dục của con người, và sự thiếu khả năng tự mình có được nhân đức. Tôn giáo ấy phải mang lại các phương thuốc, trong đó cầu nguyện là phương thuốc chính. Tôn giáo của chúng tôi đã làm tất cả những điều này; và không tôn giáo nào khác đã từng cầu xin Thiên Chúa được yêu thương và đi theo Người.



II. Để một tôn giáo được chân chính, nó phải biết bản chất của chúng ta; vì bản chất thực sự của con người, sự thiện thực sự, nhân đức thực sự và tôn giáo chân chính, là những điều mà nhận thức về chúng không thể tách rời nhau. Tôn giáo ấy phải biết sự vĩ đại và sự thấp hèn của con người, và lý lẽ của cả hai. Còn tôn giáo nào ngoài Kitô giáo biết tất cả những điều này?

III. Các tôn giáo khác, như ngoại giáo, phổ biến hơn; vì chúng đều hệ ở mọi điều ở bên ngoài: nhưng chúng không dành cho những người khôn khéo. Một tôn giáo thuần túy trí thức sẽ tương xứng hơn với những người thông thái; nhưng nó sẽ không phục vụ người dân thường. Chỉ riêng Kitô giáo là tương xứng với mọi người, tổng hợp cả bên ngoài lẫn bên trong. Nó

nâng người dân thường ở bên trong lên, và hạ những người thông thái ở bên ngoài xuống; và không hoàn hảo nếu không có cả hai: vì dân chúng cần phải hiểu tinh thần của chữ nghĩa, và người thông thái phải bắt tinh thần phục tùng chữ nghĩa, bằng cách thực hành những gì có từ bên ngoài.

IV. Chúng ta đáng ghét; lý trí thuyết phục chúng ta như thế. Bây giờ, không tôn giáo nào khác ngoài Kitô giáo đề nghị ghét chính mình. Do đó, không tôn giáo nào khác có thể được tiếp nhận bởi những người biết rằng họ chỉ đáng bị ghét bỏ. Không tôn giáo nào khác ngoài Kitô giáo đã biết rằng con người là tạo vật tuyệt vời nhất, đồng thời cũng là tạo vật khốn cùng nhất. Tôn giáo thì, vì biết thực tại xuất sắc của con người, nên đã coi các tình cảm thấp hèn mà con người tự nhiên có về mình là hèn nhất và vô ơn; còn tôn giáo khác, vì biết rõ sự thấp hèn này hữu hiệu xiết bao, nên đã đối xử một cách hết sức kỳ cục các tình cảm cao cả, vốn cũng rất tự nhiên đối với con người. Không tôn giáo nào ngoài tôn giáo của chúng tôi đã dạy rằng con người sinh ra trong tội lỗi; không phái triết học nào nói điều đó: do đó không đâu nói sự thật.

V. Thượng đế ản mình (caché), bất cứ tôn giáo nào không nói rằng Thiên Chúa ản mình là không nói thật; và bất cứ tôn giáo nào không đưa ra lý lẽ cho điều đó đều thiếu sót. Tôn giáo của chúng tôi thực hiện tất cả những điều ấy. Tôn giáo này, một tôn giáo hệ ở việc tin rằng con người đã sa ngã từ một trạng thái hiển vinh và được thông hiệp với Thiên Chúa xuống trạng thái buồn khổ, sám hối và xa cách Thiên Chúa, nhưng cuối cùng sẽ được phục hồi bởi một Đấng Mêxia sẽ đến, luôn luôn hiện diện trên trần gian. Mọi điều đã qua đi, còn tôn giáo này thì vẫn tồn tại mà vì nó mọi điều đã hiện hữu. Vì Thiên Chúa, khi muốn lập một dân thánh cho riêng Người, đã tách nó khỏi mọi quốc gia khác, giải phóng nó khỏi kẻ thù, đặt nó vào một nơi an nhàn, đã hứa sẽ làm như vậy và đến thế gian vì điều này; và Người đã báo trước qua các tiên tri về thời gian và cách thức Người sẽ đến. Chưa hết, để củng cố niềm hy vọng của dân Người đã chọn mãi mãi, Người đã luôn khiến họ nhìn thấy những hình ảnh và hình tượng; và Người không bao giờ bỏ rơi họ mà không bảo đảm với họ quyền năng và ý chí cứu vớt họ của Người. Vì trong việc tạo dựng con người, Adam là nhân chứng và là người lưu giữ lời hứa về Đấng Cứu Rỗi, Đấng sẽ được sinh ra bởi người đàn bà. Và mặc dù loài người, vẫn còn rất gần gũi với việc tạo dựng đến nỗi đáng lẽ không thể quên được việc họ được dựng nên và việc họ sa ngã, cũng như lời hứa mà Thiên Chúa đã hứa với họ về một Đấng Cứu Chuộc, thế mà, ngay trong thời đại đầu tiên của thế giới, họ đã để mình bị cuốn hút vào đủ loại rối loạn. Tuy nhiên vẫn có những vị thánh, như Enoch, Lamech và những vị khác, những người kiên nhẫn chờ đợi Chúa Kitô, từng được hứa từ lúc bắt đầu có thế giới. Sau đó, Thiên Chúa đã sai Nôê, người đã nhìn thấy các ác tâm của loài người ở mức độ cao nhất; và Thiên Chúa đã cứu ông khi nhận chìm cả trái đất, bằng một phép lạ đánh dấu cả sức mạnh Người có để cứu thế giới, lần ý muốn Người muốn làm vậy, và làm cho sinh ra từ người phụ nữ Đấng Người đã hứa. Phép lạ này đủ để củng cố niềm hy vọng của loài người: và trong khi ký ức về nó vẫn còn khá mới mẻ giữa họ, Thiên Chúa đã đưa ra các lời hứa với Ápraham, người lúc đó sống giữa những người thờ ngẫu tượng, và Thiên Chúa đã cho ông biết mầu nhiệm về Đấng Mêxia mà Người sẽ phải phái đến. Vào thời Ixaác và Giacóp, sự ghê tởm khủng khiếp lan tràn khắp mặt đất, nhưng các vị thánh này vẫn sống trong đức tin; và Giacóp, lúc sắp chết và lúc chúc lành cho con cái, trong một rung động khiến ông phải cắt ngang các lời phát biểu của mình, đã thốt lên: **Lạy ĐỨC CHÚA**, con trông chờ Đấng Cứu Thế mà Ngài đã hứa: *Salutare tuum exspectabo, Domine (St. 49:18)*.

Người Ai Cập bị nhiễm cả việc thờ ngẫu tượng lẫn ma thuật; cả dân Thiên Chúa cũng bị lôi cuốn bởi gương xấu của họ. Nhưng Môsê và những vị khác đã thấy Đấng mà họ không thấy, và thờ phượng Người khi nhìn thấy các sự thiện vĩnh cửu mà Người đã chuẩn bị sẵn cho họ.

Người Hy Lạp và người Latinh sau đó đã làm cho các thần thánh giả tạo thống trị; các nhà thơ đã đưa ra nhiều nền thần học khác nhau; các triết gia tự chia thành hàng ngàn phái khác nhau; nhưng giữa lòng Giuđêa luôn có những người được tuyên chọn để tiên đoán sự ra đời của Đấng Mêxia này, người chỉ được họ biết đến.

Cuối cùng Người đã đến trong thời gian viên mãn: và kể từ đó, mặc dù người ta đã chứng kiến sự ra đời của rất nhiều lý giáo và dị giáo, rất nhiều việc lật đổ các Nhà Nước, rất nhiều thay đổi đủ mọi sự, Giáo hội này, Giáo Hội tôn thờ Đấng đã luôn được tôn thờ, luôn tồn tại, không gián đoạn. Và điều đáng ngưỡng mộ, có một không hai và hoàn toàn thần thánh là tôn giáo này, vốn luôn trường tồn, đã luôn bị chống đối. Một ngàn lần nó đã ở vào thế gần như bị hủy diệt hoàn toàn; và bất cứ lúc nào Giáo Hội này ở trong tình trạng như thế, Thiên Chúa đều đã nâng nó dậy bằng những việc can thiệp phi thường do chính sức mạnh của Người. Đó là điều đáng kinh ngạc, và Giáo Hội này đã tự duy trì mà không bị khuất phục theo ý muốn của các bạo chúa.

VI. Các Nhà nước sẽ bị diệt vong nếu người ta không làm cho các luật lệ thường xuyên phù hợp với nhu cầu. Nhưng tôn giáo này chưa bao giờ phải chịu điều này, và không bao giờ quen thuộc với nó. Người ta cũng cần các thích ứng, hoặc các phép lạ. Không có gì lạ khi người ta tự sinh tồn bằng cách tuân phục, nhưng điều đó thực ra không hẳn là tự sinh tồn đúng nghĩa; vì cuối cùng họ cũng bị diệt vong hoàn toàn: không có ai tồn tại được một nghìn năm trăm năm. Nhưng nếu tôn giáo này luôn sinh tồn và không khuất phục, thì đó quả là điều thần thiêng.

VII. Sẽ có quá nhiều bóng tối nếu sự thật không có các đặc điểm hữu hình. Quả là điều đáng ngưỡng mộ, khi sự thật luôn được bảo quản trong một Giáo Hội và một cộng đồng hữu hình. Sẽ có quá nhiều rõ ràng nếu chỉ có một tinh cảm trong Giáo hội này; nhưng, để nhận ra đâu là điều đúng, người ta chỉ cần thấy điều đúng nào luôn luôn tồn tại: vì điều chắc chắn là điều đúng luôn hiện hữu và không có điều sai nào luôn ở đó cả. Như thế, Đấng Mêxia luôn được tin tưởng. Truyền thống về Adam vẫn còn mới mẻ thời Nôê và Môsê. Kể từ đó, các tiên tri đã tiên đoán điều đó, bằng cách luôn tiên đoán những điều khác mà các biến cố về chúng, thỉnh thoảng diễn ra trước mắt loài người, đã đánh dấu sự thật của sứ mệnh họ, và do đó sự thật của lời hứa của họ liên quan đến Đấng Mêxia. Hết thấy họ đều nói rằng lẽ luật mà họ có chỉ là chờ đợi lẽ luật của Đấng Mêxia; chỉ đến lúc đó nó mới vĩnh viễn, nhưng luật kia sẽ tồn tại đời đời; do đó, lẽ luật của họ, hoặc lẽ luật của Đấng Mêxia, mà nó là lời hứa, sẽ luôn hiện hữu trên trái đất. Thật vậy, nó đã luôn kéo dài; và CHÚA GIÊSU KITÔ đã đến trong mọi hoàn cảnh được báo trước. Người đã làm các phép lạ, và các tông đồ cũng thế, đã làm những người ngoại đạo trở lại; và do đó các lời tiên tri được ứng nghiệm, Đấng Mêxia được chứng minh mãi mãi.

VIII, Tôi thấy nhiều tôn giáo mâu thuẫn, và do đó tất cả đều sai, ngoại trừ một tôn giáo. Mỗi tôn giáo đều muốn được tin bởi chính thế giá của mình, và đe dọa những người không tin. Vì vậy, tôi không tin họ về điều đó; ai cũng có thể nói như vậy, ai cũng có thể tự xưng là tiên tri. Nhưng trong Kitô giáo, tôi tìm thấy những lời tiên tri đã ứng nghiệm, và vô số phép lạ đã được chứng thực rõ ràng đến nỗi người ta không thể nghi ngờ một cách hợp lý; và đây là điều tôi không tìm thấy nơi các tôn giáo khác.

IX. Tôn giáo duy nhất mâu thuẫn với tự nhiên trong tình trạng hiện nay, chống lại mọi khoái lạc của chúng ta, và trước hết có vẻ mâu thuẫn với lương tri (sens commun), chính là tôn giáo duy nhất luôn hiện hữu.

X. Mọi tác phong của sự vật phải có mục đích thiết lập ra tôn giáo và sự vĩ đại của nó; con người phải có các tình cảm bên trong họ phù hợp với những gì tôn giáo này dạy chúng ta; và cuối cùng tôn giáo này phải là đối tượng và trung tâm hướng tới của vạn vật, đến nỗi bất cứ ai hiểu rõ các nguyên tắc của nó có thể giải thích lý do, của cả bản chất con người nói riêng, lẫn mọi tác phong của thế giới nói chung.

Trên cơ sở đó, kẻ ác đã báng bổ Kitô giáo vì họ hiểu sai về tôn giáo này. Họ tự tưởng tượng rằng tôn giáo này chỉ hệ ở việc thờ phượng một vị Thiên Chúa được coi là vĩ đại, quyền năng và vĩnh cửu; điều đó chỉ đúng với chủ nghĩa duy thần (déisme), vốn xa rời Kitô giáo gần như chủ nghĩa vô thần, một chủ nghĩa hoàn toàn ngược lại với nó. Và từ đó họ kết luận rằng tôn giáo này là không đúng sự thật, bởi vì, nếu đúng sự thật, Thiên Chúa phải tự tỏ mình ra cho loài người bằng những chứng cứ có thể cảm nhận được bằng giác quan đến mức không ai có thể hiểu lầm Người được chứ.

Nhưng kết luận như thế là kết luận điều họ muốn chống lại chủ nghĩa duy thần, chứ không kết luận được điều gì chống lại Kitô giáo, một tôn giáo vốn công nhận rằng, vì tội lỗi, Thiên Chúa không hề tự tỏ mình ra cho loài người bằng mọi chứng cứ Người có thể đưa ra; và vốn chỉ quan tâm đến mầu nhiệm của Đấng Cứu Chuộc, Đấng, trong khi hợp nhất nơi Người hai bản tính, bản tính Thiên Chúa và bản tính loài người, đã kéo con người ra khỏi sự hư hỏng của tội lỗi để hòa giải họ với Thiên Chúa trong ngôi vị thần thiêng của Người.

Do đó, tôn giáo này dạy cho con người hai sự thật này: vừa có một Thiên Chúa mà họ có khả năng nhận biết, vừa có một sự hư hỏng trong bản chất khiến họ không xứng đáng với điều đó. Điều không kém quan trọng đối với con người là nhận biết cả hai điểm này; và đối với con người, điều nguy hiểm như nhau là nhận biết Thiên Chúa mà không nhận biết sự khốn cùng của mình, và biết sự khốn cùng của mình mà không nhận biết Đấng Cứu Chuộc, Đấng có thể chữa lành sự khốn cùng ấy. Chỉ một trong những nhận thức này mà thôi sẽ tạo ra một là niềm kiêu ngạo của các triết gia, những người nhận biết Thiên Chúa nhưng không nhận biết sự khốn cùng của họ, hai là nỗi tuyệt vọng của những người vô thần, những người nhận biết sự khốn cùng của họ mà không nhận biết Đấng Cứu Chuộc. Và như vậy, con người cần nhận biết cả hai điểm ấy thế nào, thì lòng thương xót của Thiên Chúa cũng cần làm cho chúng ta nhận biết chúng như vậy. Kitô giáo làm chính điều đó; nó hệ chính ở đó. Ước chi người ta căn cứ vào đó mà xem xét trật tự của thế giới, và xét xem liệu mọi sự có hướng về việc thiết lập ra hai điểm chính của tôn giáo này hay không.

XI. Nếu không biết mình đầy kiêu ngạo, tham vọng, tư dục, yếu đuối, khốn cùng, bất công thì quả người ta đã mù quáng. Và nếu đã nhận ra điều ấy mà vẫn không muốn được giải thoát khỏi đó, thì quả ta có thể nói người ấy rằng họ ít hữu lý xiết bao? Vậy thì người ta có thể có gì ngoài lòng quý trọng đối với một tôn giáo biết rất rõ các thiếu sót của con người, và ước ao sự thật của một tôn giáo hứa hẹn đem đến những phương thuốc khắc phục đáng mơ ước như thế?

XII. Không thể xem xét tất cả các chứng cứ của Kitô giáo, được thu thập lại với nhau mà không cảm nhận được sức mạnh của nó, sức mạnh mà không một con người hữu lý nào có thể cưỡng lại. Ước chi người ta xem xét việc thiết lập ra nó; một tôn giáo mâu thuẫn với tự nhiên như thế mà lại tự thiết lập vững vàng như vậy, một cách nhẹ nhàng, không có bất cứ lực lượng hạn chế nào, nhưng mạnh mẽ đến mức không có cực hình nào có thể ngăn cản các vị tử đạo tuyên xưng nó; và tất cả những điều này đã được thực hiện, không những không có sự hỗ trợ của bất cứ ông hoàng nào, mà bất chấp mọi hoàng tử của trái đất đã chiến đấu

chống lại nó. Ước chi người ta chịu xem xét sự thánh thiện, sự cao cả và đức khiêm nhường của một linh hồn Kitô hữu. Các triết gia ngoại giáo đôi khi tự nâng mình lên trên mọi người khác bằng một lối sống quy củ hơn, và bằng những tình cảm phù hợp phần nào với các tình cảm của Kitô giáo. Nhưng họ không bao giờ nhìn nhận cho nhân đức điều mà các Kitô hữu gọi là đức khiêm nhường, và thậm chí họ còn tin rằng nó không tương hợp với những nhân đức khác được họ tuyên xưng. Chỉ có Kitô giáo mới biết cách kết hợp những điều mà từ trước đến nay dường như rất chống đối nhau, và đã dạy cho con người biết rằng, không những đức khiêm nhường tương hợp với các nhân đức khác, mà nếu không có nó thì tất cả các nhân đức khác chỉ là thói hư và thiếu sót mà thôi.

Ước gì người ta chịu xem xét những điều kỳ diệu của Sách Thánh, vốn vô hạn, sự cao cả và sự cao quý vượt lên trên con người nơi những thứ nó chứa đựng, và sự đơn giản đáng ngưỡng mộ trong văn phong của nó, không có gì giả tạo, không có gì kiêu cách, và mang theo một đặc tính chân thật không ai có thể phủ nhận.

Ước chi người ta chịu xem xét con người của CHÚA GIÊSU-KITÔ cách riêng. Dù có cảm tình gì đối với Người, người ta không thể chối cãi việc Người có một tâm trí rất vĩ đại và rất cao quý được Người trình bày các đặc điểm từ lúc còn thơ ấu trước các tiên sĩ luật: tuy nhiên, thay vì chuyên chăm vun sỏi các tài năng này bằng việc nghiên cứu và giao tiếp với các học giả, Người đã dành ba mươi năm đời Người cho công việc tay chân và trong việc ẩn dật đối với toàn bộ thế giới; và, trong ba năm rao giảng, Người kêu gọi đến đồng hành với Người và chọn làm tông đồ của Người những người không biết khoa học, không học hành, không thế giá, và Người tự kéo cho mình làm kẻ thù những người được coi là uyên bác nhất và khôn ngoan nhất thời đại Người. Đó là tác phong kỳ lạ đối với một người đang có kế sách thiết lập một tôn giáo mới.

Ước gì người ta chịu đặc biệt xem xét các tông đồ được Chúa Giêsu Kitô chọn lựa, những người này không chữ nghĩa, không học hành, và đột nhiên thấy mình thông minh đủ để làm bối rối những triết gia khôn khéo nhất, và đủ mạnh để chống lại các vị vua và bạo chúa chống đối việc thiết lập Kitô giáo được các ngài công bố.

Ước gì người ta chịu xem xét loạt các nhà tiên tri kỳ diệu này, những người đã kế tiếp nhau trong hai nghìn năm, và tất cả đều đã tiên đoán nhiều cách khác nhau đến tận những tình huống nhỏ nhất nhất về cuộc đời của CHÚA GIÊSU KITÔ, về cái chết, sự phục sinh của Người, sứ mệnh của các tông đồ, việc rao giảng Tin Mừng, việc trở lại của các quốc gia, và nhiều việc khác liên quan đến việc thiết lập Kitô giáo và loại bỏ Do Thái giáo.

Ước gì người ta chịu xem xét sự ứng nghiệm đáng ngưỡng mộ của những lời tiên tri này, phù hợp với con người của CHÚA GIÊSU KITÔ một cách hoàn hảo, đến nỗi không thể không nhìn nhận nó, trừ khi người ta muốn tự làm mình hóa mù.

Ước gì người ta chịu xem xét tình thế của người Do Thái và trước và sau sự xuất hiện của CHÚA GIÊSU - KITÔ, tình thế phồn thịnh của họ trước khi Đấng Cứu Rỗi đến, và tình thế đầy khốn cùng kể từ khi họ bác bỏ Người; vì ngày nay họ không còn một đặc điểm tôn giáo nào, không còn đền thờ, không còn lễ tế, bị phân tán khắp trái đất, bị khinh miệt và chối bỏ bởi mọi quốc gia.

Ước gì người ta chịu xem xét sự trường tồn của Kitô giáo, luôn tồn tại từ khởi đầu thế giới, hoặc nơi các thánh của Cựu Ước, những người đã sống trong sự mong đợi CHÚA GIÊSU KITÔ trước khi Người đến; hoặc nơi những người đã tiếp nhận Người và những người đã tin

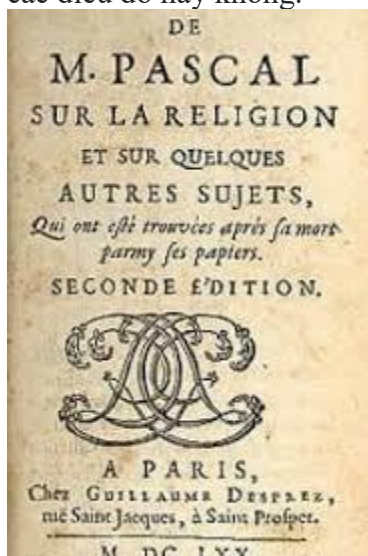
vào Người kể từ khi Người đến: thay vì không có tôn giáo nào khác có tính vĩnh viễn, vốn là đặc điểm chính của tôn giáo chân thật.

Cuối cùng, ước gì người ta chịu xem xét sự thánh thiện của tôn giáo này, tín lý, vốn giải thích mọi điều, cho đến những mâu thuẫn trong con người, và tất cả những điều kỳ dị, siêu nhiên và thần thánh khác bùng phát ở đó khắp phía.

Và ước gì sau tất cả những điều này người ta chịu đánh giá xem liệu còn có thể nghi ngờ Kitô giáo không phải là tôn giáo chân chính duy nhất, và liệu có bao giờ có tôn giáo nào gần giống với tôn giáo này hay không.

MỤC V: Tôn giáo chân chính được chứng minh bằng những mâu thuẫn trong con người, và bằng tội nguyên tổ.

I. Các sự vĩ đại và nỗi khốn cùng của con người hiển nhiên đến nỗi điều nhất thiết là tôn giáo chân chính phải dạy chúng ta rằng trong con người, có một nguyên lý lớn lao nào đó về sự vĩ đại, và đồng thời một nguyên lý lớn lao nào đó về sự khốn cùng; bởi vì tôn giáo chân chính phải biết tận gốc bản chất của chúng ta, nghĩa là nó phải biết mọi điều vĩ đại bản chất này có và mọi điều khốn cùng của nó, và lý do của cả hai điều. Cũng cần tôn giáo này phải giải thích lý do về những mâu thuẫn lạ lùng gặp thấy trong đó. Nếu chỉ có một nguyên lý duy nhất cho tất cả, một cùng đích duy nhất cho tất cả, thì tôn giáo chân chính phải dạy chúng ta chỉ thờ phượng Người và chỉ yêu mến Người mà thôi. Nhưng vì chúng ta bất lực tôn thờ điều chúng ta không biết và không yêu điều gì khác ngoài chúng ta, nên tôn giáo, khi đã dạy chúng ta bốn phận này, cũng phải dạy chúng ta sự bất lực kia, và dạy ta cách chữa trị. Muốn làm cho con người được hạnh phúc, tôn giáo này phải chỉ cho thấy có một Thiên Chúa; ta có nghĩa vụ yêu mến Người; hạnh phúc đích thực của ta là thuộc về Người, và bất hạnh duy nhất của ta là bị tách biệt khỏi Người; Nó phải dạy chúng ta rằng chúng ta đầy tâm tối, ngăn cản chúng ta biết Người và yêu mến Người; và do đó nhiệm vụ của chúng ta buộc chúng ta phải yêu mến Thiên Chúa, và vì tư dục của chúng ta khiến chúng ta quay lưng lại với Người, nên chúng ta đầy bất chính. Tôn giáo ấy phải giải thích cho chúng ta lý do chúng ta đưa ra để chống lại Thiên Chúa và sự thiện riêng của chúng ta; nó phải dạy chúng ta các phương thuốc chữa trị, và các phương tiện để có được những phương thuốc chữa trị này. Ước chi người ta chịu khảo sát mọi tôn giáo trên thế giới, và xét xem liệu có tôn giáo nào ngoài Kitô giáo thỏa mãn được các điều đó hay không.



Phải chăng là tôn giáo được các triết gia giảng dạy, những người đề xuất là rất tốt một điều tốt ở trong ta? Điều đó có phải là điều tốt thực sự hay không? Họ có tìm ra phương pháp chữa trị cho căn bệnh của chúng ta không? Nó có chữa khỏi sự cao ngạo của con người muốn bằng Thiên Chúa hay không? Và những người đặt chúng ta ngang hàng với các con thú, và đem lại cho chúng ta những thú vui trên trái đất coi như điều rất tốt, họ có cung cấp phương thuốc cho các tư dục của chúng ta không? Người thì nói, hãy hướng mắt các bạn về Thiên Chúa: hãy nhìn Đấng mà bạn trông giống và là Đấng đã dựng nên bạn để bạn thờ phượng Người; bạn có thể làm bạn giống như Người; sự khôn ngoan sẽ làm bạn ngang hàng với Người nếu bạn chịu theo nó. Người khác lại nói: Hãy hạ thấp tầm mắt của bạn xuống mặt đất, vì bạn chỉ là loài sâu bọ thấp hèn, và hãy nhìn những con thú mà bạn là kẻ đồng hành. Vậy, con người sẽ ra sao? Họ ngang hàng Thiên Chúa hay dã thú? Thật là một khoảng cách đáng sợ! Vậy chúng ta sẽ là gì? Tôn giáo nào sẽ dạy chúng ta chữa lành tính kiêu ngạo và tư dục? Tôn giáo nào sẽ dạy chúng ta sự thiện của chúng ta, các bổn phận của chúng ta, các điểm yếu khiến chúng ta quay lưng lại với chúng, các phương thuốc nào có thể chữa khỏi chúng, và làm thế nào để có được những phương thuốc này? Hãy xem điều đức Khôn Ngoan của Thiên Chúa nói với chúng ta trong Kitô giáo.

Hỡi con người, thật là vô ích khi bạn tìm kiếm trong chính bạn các phương thuốc chữa các khốn cùng của bạn. Mọi ánh sáng của bạn chỉ có thể tiến đến chỗ biết rằng bạn sẽ không tìm thấy sự chân hay sự thiện ở trong bạn. Các nhà triết học từng hứa hẹn với bạn điều đó, nhưng họ không thể thực hiện được. Họ không biết điều tốt thực sự của bạn, cũng không biết tình trạng đích thực của bạn. Làm thế nào họ sẽ cung cấp các biện pháp khắc phục các điều xấu của bạn, vì đơn giản họ không hề hiểu biết chúng? Các căn bệnh chính của bạn là sự kiêu ngạo, khiến bạn xa lìa Thiên Chúa, và tư dục, gắn chặt bạn vào trái đất; và chúng không làm gì ngoài việc nuôi dưỡng ít nhất một trong những bệnh tật đó. Nếu chúng đem Thiên Chúa lại cho bạn như một đối tượng, thì đó chỉ là để thực hiện sự kiêu ngạo của bạn mà thôi. Chúng khiến bạn suy nghĩ rằng bạn giống như Người trong bản chất. Còn những người thấy tính phiếm của sự cao ngạo này đã ném bạn vào một vực thẳm khác, bằng cách làm bạn hiểu rằng bản chất bạn chắc chắn giống như bản chất dã thú, và dẫn bạn đến việc tìm kiếm điều tốt của bạn trong các tư dục, vốn chung phần với các động vật. Đó không phải là con đường dạy bạn về các bất chính của bạn. Vậy, đừng mong đợi cả sự thật lẫn an ủi nơi con người. Ta là sự thật đã hình thành ra người, và là sự thật duy nhất có thể chỉ cho người biết người là ai. Nhưng người không còn ở trạng thái mà Ta đã hình thành ra người nữa. Ta đã tạo ra con người thánh thiện, vô tội, hoàn hảo; Ta đã làm nó đầy ánh sáng và trí hiểu; Ta đã thông truyền cho nó vinh quang và những điều kỳ diệu của Ta. Con mắt con người lúc đó đã nhìn thấy sự uy nghi của Thiên Chúa. Nó không ở trong bóng tối khiến nó hóa mù, cũng không ở trong tính mau chết và các khốn cùng làm nó khổ sở. Nhưng nó không thể chịu được bấy nhiêu vinh quang mà không rơi vào cao ngạo. Nó muốn biến mình thành trung tâm của chính nó, và không phụ thuộc vào sự giúp đỡ của Ta. Nó đã tự loại khỏi sự thống trị của Ta; và, tự coi mình ngang hàng với Ta bằng ước muốn tìm hạnh phúc của nó trong chính nó, Ta đã bỏ rơi nó cho chính nó, và, bằng cách gây phần nộ mọi tạo vật vốn phục tùng nó, Ta đã biến các tạo vật này thành kẻ thù đối với nó: đến nỗi, ngày nay, con người đã trở nên giống dã thú, và xa cách Ta đến nỗi con người đã trở nên giống như những con thú, và xa cách Ta đến nỗi hầu như chỉ còn lại nơi nó chút ánh sáng mơ hồ về tác giả của nó: rất nhiều nhận thức của nó đã bị dập tắt hoặc bị xáo trộn xiết bao! Các giác quan độc lập với lý trí, và thường làm chủ lý trí, đã dẫn dắt nó đi tìm lạc thú. Tất cả các tạo vật hoặc làm nó khốn khổ, hoặc cám dỗ nó, và thống trị nó, hoặc khuất phục nó hoặc bằng sức mạnh, hoặc quyến rũ nó bằng các ngọt ngào của chúng; một điều còn thống trị khủng khiếp và hống hách hơn.

Đó là trạng thái của con người ngày nay. Họ vẫn có một bản năng mạnh mẽ nào đó đối với hạnh phúc của bản chất đầu tiên của họ, nhưng họ lao đầu vào những khốn cùng của họ là sự mù quáng và tư dục của họ, những điều đã trở thành bản chất thứ hai của họ.

II. Từ những nguyên tắc mà tôi mở ra cho bạn, bạn có thể nhận ra nguyên nhân của biết bao mâu thuẫn gây ngạc nhiên cho mọi người khiến họ chia rẽ nhau. Bây giờ, bạn hãy quan sát mọi chuyển động của sự vĩ đại và vinh quang mà cảm thức về biết bao khốn cùng vẫn không thể bóp nghẹt, và hãy xét xem há nguyên nhân của chúng không phải là một bản chất khác hẳn hay sao.

III. Vậy, hỡi con người tuyệt vời, bạn hãy biết bạn nghịch lý xiết bao đối với chính bạn. Hỡi lý trí bất lực, hãy tự khiêm hạ; hỡi bản chất ngu đần, hãy câm miệng lại; hãy học điều này: con người vượt quá con người một cách vô tận, và hãy nhờ thầy của bạn mà hiểu rõ bản chất đích thực của bạn, một bản chất mà bạn vốn làm ngơ. Vì suy cho cùng, nếu con người chưa bao giờ bị tha hóa, họ đã tận hưởng được sự thật và hạnh phúc một cách chắc chắn rồi. Và nếu con người lúc nào cũng chỉ tha hóa, họ đã không có một ý niệm nào về sự thật hoặc hạnh phúc. Nhưng, dù chúng ta bất hạnh, tuy trong thân phận của mình, có một dấu vết vĩ đại nào đó, chúng ta vẫn có một ý niệm về hạnh phúc, chỉ là vì chúng ta không thể đạt được nó thôi; chúng ta vẫn cảm thấy một hình ảnh của sự thật, chỉ là vì chúng ta chỉ sở hữu được sự dối trá mà thôi: không thể dứt nát tuyệt đối và biết chắc chắn, nhưng điều hết sức rõ ràng là chúng ta đã ở trong một mức độ hoàn hảo nào đó, mà chúng ta đã không may sa ngã rời xa!

Vậy, sự khát khao này và sự bất lực này lớn tiếng nói với ta điều gì, nếu không phải là việc ngày xưa, trong con người, từng có một hạnh phúc đích thực, mà bây giờ chỉ còn lại dấu và vết hoàn toàn trống rỗng, mà cô gắng vô ích lấp đầy nó bằng mọi thứ xung quanh họ, bằng cách tìm trong những điều khiếm diện sự giúp đỡ mà họ không nhận được từ những điều hiện diện, và cả hai đều không có khả năng cho họ, vì vực thẳm vô hạn này chỉ có thể được lấp đầy bằng một đối tượng vô hạn và bất biến?



IV. Tuy nhiên, điều đáng ngạc nhiên là mâu nhiệm xa vời nhất đối với nhận thức của chúng ta, đó là mâu nhiệm thông truyền tội nguyên tổ, một điều không có nó chúng ta không thể có bất cứ nhận thức nào về chính chúng ta! Vì chắc chắn là không có gì làm lý trí chúng ta thấy chướng hơn là nói rằng tội lỗi của người đầu tiên khiến những người, quá cách xa nguồn này, xem như không thể tham dự vào, cũng mang tội. Đối với chúng ta, sự lưu truyền này xem ra không những không thể có, mà thậm chí nó còn có vẻ rất không công bằng nữa: vì còn có gì mâu thuẫn với các quy tắc của công lý nghèo nàn của chúng ta khi vĩnh viễn đầy sa hỏa ngục một đứa trẻ không có khả năng ý chí, vì một tội lỗi mà nó dường như dự phần rất ít vào việc vi phạm cả 6 ngàn năm trước khi nó được hiện hữu? Chắc chắn, không có gì làm chúng ta phật lòng một cách thô bạo hơn tín lý này; tuy nhiên, nếu không có mâu nhiệm này, mâu

nhiệm khó hiểu nhất này, chúng ta không thể hiểu được chính chúng ta. Máu chốt thân phận chúng ta nhận được những quay quắt và gấp gáp của nó trong vực thẳm này. Đến nỗi, con người không thể quan niệm nổi nếu không có mâu nhiệm này, đến nỗi mâu nhiệm này cũng không thể quan niệm nổi đối với con người.

Tội nguyên tổ là một điều điên rồ trước mặt con người; nhưng người ta coi nó như vậy thôi. Do đó, chúng ta không được trách cứ việc thiếu lý lẽ trong tín lý này, vì người ta không cho rằng lý trí có thể đạt được lý lẽ ấy. Nhưng điều điên rồ này khôn ngoan hơn tất cả sự khôn ngoan của loài người: *Quod stultum est Dei, sapientius est hominibus* (I Cr.1: 25). Vì, nếu không có điều này, thì người ta có thể nói được điều gì về con người? Toàn bộ tình huống của họ phụ thuộc vào điểm không thể tri nhận này. Và làm thế nào họ được lý trí họ nhận thức, vì đây là một điều vượt trên lý trí của họ; và lý trí của họ, vì không thể phát minh ra nó theo cách của mình, nên phải tránh xa nó khi người ta trình bày nó cho họ?

V. Vì hai tình huống vô tội và sa đọa này rất rõ ràng, nên chúng ta không thể không nhận ra chúng. Chúng ta hãy theo dõi các chuyển động của chúng ta, chúng ta hãy xét xem liệu chúng ta có tìm thấy trong đó các đặc điểm sống động của hai bản chất này hay không. Biết bao mâu thuẫn tìm thấy trong một chủ đề đơn giản này?

Tính hai mặt (duplicité) này của con người hiển nhiên đến nỗi có người nghĩ chúng ta có hai linh hồn: đối với họ, một chủ thể đơn giản không thể có những đa dạng và bất ngờ như thế, một cao vọng không tương xứng với sự hèn hạ tồi tệ của tâm hồn.

Vì vậy, tất cả những mâu thuẫn này, những mâu thuẫn xem ra khiến con người khó nhận biết một tôn giáo, thực ra lại là những điều sẽ dẫn họ đến tôn giáo đích thật.

Đối với tôi, tôi thừa nhận rằng ngay khi Kitô giáo khám phá ra nguyên tắc này, nguyên tắc cho rằng bản chất của con người hư hỏng và sa ngã khỏi Thiên Chúa, nó mở mắt để ta thấy ở mọi nơi đặc tính của sự thật này: bản nhiên đánh dấu ở khắp nơi một Thiên Chúa đã bị đánh mất, cả ở trong lẫn ở ngoài con người.

Nếu không có những kiến thức về Thiên Chúa này, con người đã có thể làm được gì, nếu không phải một là họ tự nâng mình lên trong cảm thức nội tâm còn lại với họ về sự vĩ đại trong quá khứ của họ, hai là hạ mình xuống chỉ còn nhìn thấy điểm yếu hiện tại của họ mà thôi? Bởi vì khi không nhìn thấy toàn bộ sự thật, họ không thể đạt đến một nhân đức hoàn hảo. Vì người thì coi bản nhiên như bị đứt đoạn, người lại coi nó như không thể sửa chữa, nên họ không thể chạy trốn cả sự kiêu ngạo lẫn sự lười biếng, vốn là hai nguồn của mọi thói hư; vì họ không thể, nếu không một là đầu hàng vì hèn nhất, hai là thoát khỏi nó bằng lòng kiêu ngạo. Vì, nếu họ biết sự xuất sắc của con người, thì họ lại quên khuấy sự sa đọa của con người; đến nỗi họ tránh được sự lười biếng, nhưng lại sa vào sự kiêu ngạo. Và nếu họ nhận ra sự yếu đuối của bản nhiên, thì họ lại quên khuấy phẩm giá của nó; đến nỗi họ có thể tránh được sự phù phiếm, nhưng lại lao vào tuyệt vọng.

Từ đó ra đời các phái khác nhau là phái Khắc kỷ (stoiciens) và phái khoái lạc (épicuriens), phái giáo điều và phái học thuật (académiciens), v.v. Chỉ một mình Kitô giáo mới chữa lành hai thói hư này, không phải bằng cách dùng phái này xua đuổi phái kia bằng sự khôn ngoan của thế gian, nhưng xua đuổi cả hai bằng sự đơn giản của Tin Mừng. Bởi vì tôn giáo này dạy người công chính rằng nó nâng người ta lên tới chỗ tham dự vào chính Thiên tính, rằng trong tình trạng tuyệt vời này họ vẫn mang nguồn gốc của mọi sa đọa vốn làm họ suốt đời dễ mắc lỗi lầm, khốn cùng, chết chóc, tội lỗi; và tôn giáo này nói lớn với những kẻ nghịch đạo nhất

rằng họ vẫn có khả năng nhận được ơn thánh của Đấng Cứu Chuộc họ. Vì vậy, bằng cách làm run rẩy những người nó công chính hóa, và an ủi những người nó lên án, tôn giáo này làm dịu một cách rất chính xác sự sợ hãi bằng niềm hy vọng nhờ khả năng kếp vốn là của chung mọi người, vừa có ơn thánh vừa có tội lỗi, đến nỗi nó hạ thấp một cách vô hạn hơn là một mình lý trí có thể làm, nhưng không tuyệt vọng; và nó nâng cao một cách vô hạn hơn là sự kiêu ngạo của bản nhiên, nhưng không hề kiêu căng: khiến nhờ đó, ta thấy rõ nhờ thoát khỏi mọi sai lầm và thói hư, nên chỉ có tôn giáo này mới nắm được cả việc dạy dỗ lẫn việc sửa trị con người.

VI. Chúng ta không quan niệm cả tình trạng vinh quang của Ađam, lẫn bản chất tội lỗi của ông, cả sự thông truyền tội lỗi đã diễn ra trong chúng ta. Đây là những điều đã xảy ra trong một tình trạng tự nhiên rất khác với tình trạng của chúng ta, và vượt quá khả năng hiện tại của chúng ta. Biết tất cả những điều này cũng vô ích để chúng ta thoát ra khỏi các khốn cùng của chúng ta; và điều quan trọng để chúng ta biết chỉ là qua Ađam chúng ta là những kẻ khốn cùng, hư hỏng, bị phân cách khỏi Thiên Chúa, nhưng được cứu chuộc bởi CHÚA GIÊSU KITO; và về những điều này chúng ta có các bằng chứng tuyệt vời trên trái đất.

VII. Kitô giáo thật kỳ lạ! Nó ra lệnh cho con người nhận biết rằng họ thấp hèn, và thậm chí đáng ghê tởm; và đồng thời tôn giáo này ra lệnh cho họ phải muốn được giống như Thiên Chúa. Nếu không có đối trọng như vậy, thì việc nâng cao này sẽ làm cho nó phù phiếm khủng khiếp, hoặc sự hạ thấp này sẽ khiến nó trở nên đê hèn khủng khiếp. Sự khốn cùng dẫn đến tuyệt vọng: sự vĩ đại truyền cảm hứng cho cao ngạo.

VIII. Nhập thể cho con người thấy sự vĩ đại của nỗi khốn cùng của họ, nhờ sự vĩ đại của phương thuốc mà họ đã sa mất.

IX. Người ta không tìm thấy trong Kitô giáo một sự hạ thấp đến khiến chúng ta không có khả năng làm điều tốt, cũng không tìm thấy sự thánh thiện miễn trừ mọi cái xấu. Không hề có tín lý nào thích đáng hơn cho con người cho bằng tín lý đó, tín lý dạy họ khả năng kếp của họ vừa tiếp nhận vừa đánh mất ơn thánh, vì nguy cơ kếp mà họ luôn bị phơi bày, hoặc tuyệt vọng hoặc kiêu ngạo.

X. Các triết gia không hề đề xuất được các tình cảm tương xứng với hai tình trạng trên. Họ truyền cảm hứng cho các chuyển động vĩ đại đơn thuần, nhưng đó không phải là tình trạng của con người. Họ truyền cảm hứng cho các chuyển động hèn hạ đơn thuần, và đó cũng không phải là tình trạng của con người. Cần có những chuyển động hèn hạ, không phải sự hèn hạ của bản nhiên, mà là của lòng thông hối; không phải để ở lại đó, nhưng để đi đến sự vĩ đại. Cần phải có những chuyển động vĩ đại, nhưng là sự vĩ đại phát xuất từ ơn thánh chứ không phải từ công đức, và sau khi đã trải qua sự hèn hạ.

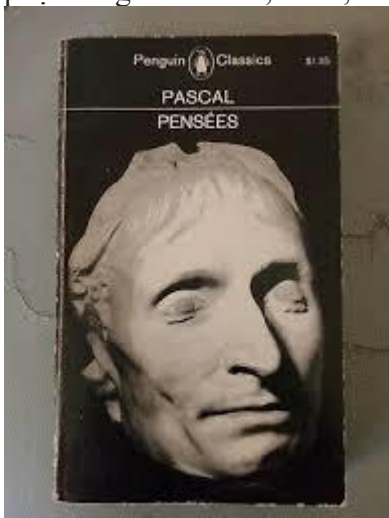
XI. Không ai hạnh phúc, hữu lý, nhân đức và đáng mến như một Kitô hữu chân chính. Với ít kiêu ngạo xiết bao khi Kitô hữu tin mình được kết hợp với Thiên Chúa? với ít khinh chê xiết bao khi họ tự đặt mình ngang hàng với xấu bọ trần gian?

Vậy thì ai có thể từ khước những ánh sáng thiên giới này mà không tin và thờ chúng? Vì há không rõ ràng hơn ban ngày việc chúng ta cảm thấy trong mình những đặc điểm ưu tú không thể xóa nhòa được đó sao? Và há không đúng sao khi chúng ta lúc nào cũng cảm thấy các hiệu quả của thân phận thảm hại của mình? Sự hỗn mang và hỗn độn quái dị này đang lớn tiếng nói với chúng ta điều gì, nếu không phải là sự thật của hai tình trạng này, với một giọng nói mạnh mẽ đến mức không thể cưỡng lại được?

XII. Điều khiến con người không tin họ có khả năng kết hợp với Thiên Chúa không là gì khác ngoài việc họ thấy sự thấp hèn của họ. Nhưng nếu họ có cái nhìn này một cách chân thành, và theo nó cũng một cách xa như tôi, thì họ sẽ nhận ra rằng sự thấp hèn này thực sự là như vậy đến nỗi tự bản thân chúng ta, chúng ta không có khả năng nhận biết liệu lòng thương xót của Người có thể làm cho chúng ta có khả năng vươn tới Người hay không. Vì tôi muốn biết từ đâu tạo vật này, kẻ tự nhận biết mình rất yếu đuối, lại có quyền đo lường lòng thương xót của Thiên Chúa, và đặt ở đó những giới hạn mà óc tưởng tượng của họ tự gọi ra cho họ. Con người biết rất ít việc Thiên Chúa là gì, đến nỗi họ không biết chính Người là gì: và, trong khi khá bối rối trong việc thấy tình trạng của chính mình, họ dám cả gan nói rằng Thiên Chúa không thể làm cho họ có khả năng thông đạt với Người! Nhưng tôi muốn hỏi họ liệu Thiên Chúa có yêu cầu điều gì khác ở nơi họ nếu không phải là họ yêu mến Người và nhận biết Người; và tại sao họ tin rằng Thiên Chúa không thể làm cho Người được họ nhận biết và yêu mến, vì theo bản nhiên, họ có khả năng yêu thương và nhận thức. Vì điều chắc chắn là ít nhất họ biết họ hiện hữu, và họ biết yêu một điều gì đó. Vậy, nếu họ nhìn thấy một điều gì đó trong bóng tối nơi họ đang hiện hữu, và nếu họ tìm thấy một chủ thể yêu thương nào đó trong số những chủ thể ở trên trái đất, thì tại sao, nếu Thiên Chúa ban cho họ một số tia sáng nào đó về yêu tính của Người, há họ lại không thể nhận biết Người và yêu mến Người theo cách Người vui lòng tự thông đạt với họ hay sao? Do đó, chắc chắn có một sự cao ngạo không thể chống đỡ trong những kiểu lập luận này, mặc dù chúng có vẻ được đặt trên một lòng khiêm tốn biểu kiến; lòng khiêm tốn này thực sự vừa không chân thành vừa không hữu lý, nếu nó chỉ khiến chúng ta thú nhận rằng, trong khi không biết mình là ai, chúng ta chỉ có thể học được điều đó từ Thiên Chúa.

MỤC VI. Sự phục tùng và sử dụng lý trí

I. Bước tiên cuối cùng của lý trí là biết rằng có vô tận những điều vượt quá nó. Nó sẽ rất yếu nếu không đi đến chỗ biết điều đó. Nó phải biết nghi ngờ chỗ nó phải nghi ngờ, phải quả quyết chỗ nó phải quả quyết, phải phục tùng chỗ nó phải phục tùng. Ai không làm như vậy, là không hiểu sức mạnh của lý trí. Có những người vi phạm ba nguyên tắc đó, bằng cách một là, trong khi quả quyết mọi điều đều có thể chứng minh được, nhưng lại không nhận ra mình trong các chứng minh này; hai là, trong khi nghi ngờ mọi điều, nhưng lại không biết phải phục tùng ở chỗ nào; ba là, trong khi phục tùng mọi điều, không biết chỗ nào để phán đoán.



II. Nếu người ta bắt mọi sự phục tùng lý trí, tôn giáo của chúng ta sẽ không có gì là màu

nhiệm hay siêu nhiên. Nếu chúng ta phạm đến các nguyên tắc của lý trí, tôn giáo của chúng ta sẽ trở nên phi lý và lỗi bịch. Theo Thánh Augustinô, lý trí sẽ không bao giờ chịu phục tùng, nếu nó không phán đoán rằng có những trường hợp nó phải phục tùng. Do đó, điều chính đáng là nó phải phục tùng khi nó tự phán đoán cần phải phục tùng; và nó sẽ không phục tùng, khi nó phán đoán có cơ sở rằng nó không nên làm như vậy: nhưng cần phải cẩn thận để không tự đánh lừa mình.

III. Lòng sùng đạo khác với mê tín. Đầy lòng sùng đạo đến chỗ mê tín là phá hủy nó. Những kẻ dị giáo khiến trách chúng ta về sự phục tùng mê tín này. Và chúng ta đáng bị họ khiển trách, khi chúng ta đòi phục tùng những điều không đáng được phục tùng. Không có gì phù hợp với lý trí bằng việc bác bỏ lý trí trong những điều thuộc về đức tin; và không có gì trái với lý trí bằng việc bác bỏ lý trí đối với những điều không thuộc về đức tin. Đó là hai sự thái quá nguy hiểm như nhau: loại trừ lý trí và chỉ chấp nhận lý trí.

IV. Đức tin nói rất hay những điều các giác quan không nói, nhưng không bao giờ nói ngược lại. Đức tin ở trên các giác quan, chứ không chống lại chúng.

V. Một số người nói, nếu có bao giờ tôi thấy một phép lạ, tôi sẽ trở lại. Họ sẽ không nói như thế, nếu họ biết trở lại nghĩa là gì. Họ tưởng tượng rằng đối với việc trở lại này, chỉ cần nhận biết rằng có một vị Thiên Chúa; và việc thờ phượng hệ ở việc thưa cùng Người những lời nhất định nào đó gần giống như những người ngoại giáo nói với ngẫu thần của họ. Việc trở lại đích thực hệ ở việc tự làm mình ra không trước Hữu thể tối cao này, Đáng mà người ta đã chọc tức biết bao lần, và là Đáng có thể làm chúng ta trầm luân một cách hợp pháp bất cứ lúc nào; nó hệ ở việc nhận ra rằng người ta không thể làm gì nếu không có Người, và chúng ta chẳng đáng công gì từ Người ngoại trừ mất ân sủng của Người. Nó hệ ở việc nhìn nhận rằng có một sự chống đối không thôi giữa Thiên Chúa và chúng ta; và, nếu không có một vị trung gian thì không thể có mối giao dịch nào.

VI. Đừng ngạc nhiên khi bạn thấy những người đơn sơ tin mà không cần lý luận. Thiên Chúa ban cho họ lòng yêu mến đức công chính của Người và việc ghét bỏ chính họ. Người làm trái tim họ nghiêng về việc tin tưởng. Người ta sẽ không bao giờ tin bằng một niềm tin hữu ích và bằng đức tin, nếu Thiên Chúa không làm trái tim họ nghiêng về phía ấy; và người ta sẽ tin ngay khi Người làm nó nghiêng về phía ấy. Và đó là điều mà Đavít biết rõ, khi ngài nói: *Inclina cor meum, Deus, in testimonia tua* (Lạy Thiên Chúa, xin Chúa hướng lòng con nghiêng về thánh ý Chúa) (Tv 119:36).

VII. Những người tin mà không cần xem xét các bằng chứng của tôn giáo, họ tin vì họ có một thiên hướng nội tâm rất thánh thiện, và những gì họ nghe nói về tôn giáo của chúng ta đều phù hợp với thiên hướng đó. Họ cảm thấy rằng có một Thiên Chúa đã tạo ra họ. Họ chỉ muốn yêu Người; họ chỉ muốn ghét chính họ. Họ cảm thấy họ không có sức mạnh làm điều đó; họ không có khả năng đến với Thiên Chúa; và nếu Thiên Chúa không đến với họ, họ không thể thông đạt với Người. Và họ nghe nói trong tôn giáo của chúng ta rằng chỉ cần yêu Thiên Chúa và ghét chính mình mà thôi: nhưng vì mọi người đều hư hỏng và không có khả năng đến với Thiên Chúa, Thiên Chúa đã trở thành người phạm để kết hợp với chúng ta. Không cần thuyết phục để những người có thiên hướng này cũng như có sự hiểu biết về bản phận và sự bất lực này tin.

VIII. Những người, vốn là Kitô hữu, nhưng không biết các lời tiên tri và các bằng chứng khác của tôn giáo, vẫn có thể phán đoán các chân lý của tôn giáo một cách chính xác như những người có nhận thức này. Họ phán đoán bằng trái tim, trong khi những người khác phán đoán

bằng tinh thần. Chính Thiên Chúa là Đấng làm họ nghiêng về phía tin; và do đó họ được thuyết phục rất hữu hiệu.

Tôi thú nhận rằng các Kitô hữu tin mà không cần bằng chứng này có lẽ sẽ không thuyết phục được một người vô tín ngưỡng thông thái. Nhưng những người biết các bằng chứng của tôn giáo dễ dàng chứng minh rằng các tín hữu này thực sự được Thiên Chúa linh hứng, mặc dù họ không thể tự mình chứng minh được điều đó.

MỤC VII: Hình ảnh về một người đã chán nản tìm kiếm Thiên Chúa chỉ bằng suy luận, và bắt đầu đọc Kinh thánh.

I. Thấy sự mù quáng và khôn cùng của con người, và những mâu thuẫn đáng kinh ngạc trong bản chất của họ; và nhìn vào toàn bộ vũ trụ im lìm, và con người không có ánh sáng, bị để mặc một mình, và như thể bị lạc trong xó xỉnh này của vũ trụ, không biết ai đã đặt mình vào đó, mình đến đó để làm gì, mình sẽ trở thành gì khi chết, tôi bước vào nỗi kinh hoàng như một người đang ngủ được đưa đến một hòn đảo hoang vắng và đáng sợ, và khi tỉnh dậy không biết mình đang ở đâu, và không có phương thể nào để thoát ra. Và về điều này, tôi hết sức ngạc nhiên về việc làm cách nào người ta không rơi vào tuyệt vọng khi đứng trước một trạng thái khôn cùng như vậy. Tôi thấy những người khác ở gần tôi, với bản chất tương tự: Tôi hỏi họ xem họ có hiểu biết hơn tôi hay không, thì họ nói với tôi là không; và đối với việc này, thay vì cảnh giác, những kẻ lang thang khôn khổ này, sau khi nhìn quanh họ, thấy một số đối tượng đầy quyến rũ, bèn để mình bị chúng lôi cuốn và gắn bó với chúng. Đối với tôi, tôi không thể dừng lại ở trạng thái đó, cũng không thể nghỉ ngơi trong xã hội của những người tương tự như tôi, khôn cùng như tôi, bất lực như tôi. Tôi thấy họ không thể giúp tôi lúc chết: Tôi sẽ chết một mình; do đó phải hành động như thể tôi ở một mình: bây giờ, nếu tôi ở một mình, tôi sẽ không xây nhà, tôi sẽ không bận tâm tới những nghề náo động, tôi sẽ không tìm kiếm sự quý mến của bất cứ ai; nhưng tôi sẽ chỉ cố gắng khám phá sự thật.

Do đó, nhờ thấy rõ ràng có nhiều điều khác hơn là điều tôi trông thấy, tôi đã tìm tòi xem liệu Thiên Chúa mà mọi người đang nói đến này có thể để lại một số dấu vết nào của Người hay không. Tôi nhìn về mọi phía, và chỉ thấy bóng tối ở khắp nơi. Bản nhiên không hiến cho tôi điều gì mà không là chất liệu gây nghi ngờ và lo lắng. Nếu tôi thấy không có gì trong đó như dấu chỉ một Thần tính, tôi quyết định sẽ không tin gì về Thần tính đó. Nếu tôi thấy dấu chỉ Đấng Tạo Hóa ở khắp nơi, tôi sẽ yên nghỉ trong đức tin. Nhưng, vì thấy quá nhiều điều để phủ nhận, và quá ít điều để chắc chắn, tôi rơi vào tình trạng đáng than thở, và trong đó tôi muốn hàng trăm lần rằng, nếu có một vị Thiên Chúa duy tri thiên nhiên, thì thiên nhiên này phải đánh dấu Người một cách không hàm hồ chứ; và, nếu các dấu mà thiên nhiên cung cấp là sai lệch, nó hẳn phải loại bỏ chúng một cách hoàn toàn chứ; nó hẳn phải nói tất cả hoặc không nói gì cả, để tôi biết mình nên theo bên nào. Thay vào đó, trong trạng thái hiện tại của tôi, trạng thái không biết mình là gì và phải làm gì, tôi không biết thân phận của mình, cũng như bản phận của mình. Trái tim tôi hoàn toàn hướng về việc biết đâu là điều tốt thực sự, để theo đuổi nó. Đối với tôi, không có gì là quá đắt để có được điều đó.

Tôi thấy vô số tôn giáo ở nhiều nơi trên thế giới, và trong mọi thời đại. Nhưng chúng không có nền luân lý làm tôi hài lòng, cũng không có bằng chứng có thể làm tôi dừng lại. Và vì vậy, tôi sẽ bác bỏ như nhau các tôn giáo của Mahomet, của Trung Hoa, của người La Mã cổ xưa, và của người Ai Cập, vì lý do duy nhất này là không tôn giáo nào có dấu hiệu chân lý hơn tôn giáo khác, và không có gì xác định được lý do phải nghiêng về phía này hơn là nghiêng về phía kia.



Nhưng, khi xem xét sự đa dạng bất nhất và kỳ lạ về phong tục và tín ngưỡng khác nhau trong những thời đại khác nhau, tôi thấy, tại một phần rất nhỏ của thế giới, một dân tộc đặc thù, tách biệt khỏi mọi dân tộc khác trên trái đất, và có lịch sử đi trước nhiều thế kỷ so với các lịch sử cổ kính nhất mà chúng ta có. Do đó, tôi thấy dân tộc lớn và đông đảo này thờ phượng một Thiên Chúa duy nhất, và tự hành xử theo một luật lệ mà họ nói là đã nhận được từ tay của Người. Họ chủ trương rằng họ là những người duy nhất trên thế giới được Thiên Chúa mặc khải các mệnh lệnh của Người; rằng mọi người đều đòi trụ và sống trong tình trạng mất ân nghĩa với Thiên Chúa; rằng mọi người đều bị bỏ mặc cho các giác quan và tinh thần riêng của họ; và từ đó xuất hiện những sai lạc kỳ cục và những thay đổi liên tục xảy ra giữa họ, cả về tôn giáo lẫn phong tục; thay vào đó, dân tộc này nhất quán không hề lay chuyển trong hành vi của họ: nhưng Thiên Chúa không để các dân tộc khác mãi mãi trong bóng tối như thế; nên sẽ có một đấng giải phóng mọi người; mà họ có mặt trên thế giới là để công bố điều đó; họ được đào tạo rõ ràng để trở thành những người loan báo trước sự kiện trọng đại này, và kêu gọi mọi dân tộc đoàn kết với họ trong sự chờ đợi vị giải phóng này.

Cuộc gặp gỡ của dân tộc này làm tôi kinh ngạc, và đối với tôi xem ra đáng được chú ý hết sức, bởi quá nhiều điều đáng ngưỡng mộ và kỳ lạ xuất hiện ở đó.

Đó là một dân tộc hoàn toàn được tạo thành từ các anh em: và, thay vì mọi dân tộc khác được hình thành từ sự tập hợp của một số vô tận các gia đình, dân tộc này, mặc dù phong phú một cách lạ lùng, nhưng tất cả đều phát xuất từ một người; và, do đó là một xương thịt và chi thể của nhau, họ tạo nên sức mạnh tột độ của một gia đình duy nhất. Đây là điều độc đáo.

Dân tộc này là dân tộc lâu đời nhất mà con người biết được; điều này đối với tôi dường như phải thu hút sự tôn kính đặc biệt đối với họ, và nhất là trong cuộc tìm tòi của chúng ta; vì nếu Thiên Chúa có lúc nào thông đạt với loài người, thì Người chạy lại với chính những người này để biết truyền thống của họ.

Dân tộc này không phải chỉ đáng kể bởi tính cổ kính của họ; nhưng nó còn độc đáo hơn nữa về độ thời gian tồn tại của họ, luôn tiếp diễn từ nguồn gốc của họ cho đến ngày nay: thay vào đó, các dân tộc Hy Lạp, Ý, Lacédémone (Sparte), Athens, La Mã, và những dân tộc khác có rất lâu sau đó, đã kết liễu cách đây rất lâu, dân tộc này vẫn luôn tồn tại; và, bất chấp các mưu

mô của rất nhiều vị vua thế lực từng hàng trăm lần cố gắng làm cho họ bị diệt vong, như các sử gia đã làm chứng, và như người ta dễ dàng phán đoán theo trật tự tự nhiên của mọi sự việc, trong một khoảng thời gian nhiều năm dài họ vẫn luôn tự bảo tồn; và, kéo dài từ thời gian đầu hết đến thời gian sau hết, lịch sử của họ bao trùm trong thời gian họ tồn tại sự tồn tại của mọi lịch sử của chúng ta.

Luật lệ mà dân tộc này được cai trị hoàn toàn là luật lâu đời nhất trên thế giới, hoàn hảo nhất và là luật duy nhất luôn được tuân giữ không bị gián đoạn trong một Quốc gia. Đó là điều Philo, một người Do Thái, đã chứng minh ở nhiều nơi khác nhau, và Josephus chống lại Appion một cách đáng ngưỡng mộ, khi ông cho thấy luật ấy cổ xưa đến nỗi chính tên của nó cũng được những người cổ xưa nhất và những người cả hàng nghìn năm sau biết đến; đến nỗi Homer, người đã nói về rất nhiều dân tộc, không bao giờ dám sử dụng nó. Và thật dễ dàng phán đoán sự hoàn hảo của luật này bằng cách đơn giản đọc nó, trong đó, người ta thấy mọi điều đã được dự liệu một cách khôn ngoan, công bằng, rất nhiều phán đoán, đến nỗi các nền lập pháp cổ xưa nhất của người Hy Lạp và La Mã, nhờ được soi sáng phần nào, đã vay mượn các luật lệ chính của họ; điều này thấy rõ trong các luật lệ họ gọi là *Mười Hai Bảng* (Douze Tables), và trong các điển hình khác được Josephus chứng minh.

Nhưng, đồng thời, luật này nghiêm khắc nhất và khắt khe nhất, buộc dân tộc này phải tuân giữ, như nghĩa vụ của họ, hàng ngàn tuân giữ đặc thù chi li, nếu không sẽ phải chịu hình phạt mất mạng. Đến nỗi, điều đáng kinh ngạc là nó luôn được tuân giữ trong nhiều thế kỷ bởi một dân tộc hết sức ưa nổi loạn và thiếu kiên nhẫn; trong khi tất cả các dân tộc khác thay đổi luật lệ của họ liên tục, mặc dù chúng dễ tuân giữ hơn nhiều.



II. Dân tộc này còn đáng ngưỡng mộ ở sự chân thành. Họ yêu thương và trung thành gìn giữ cuốn sách trong đó, Môsê tuyên bố rằng họ luôn luôn vô ơn với Thiên Chúa, và ông biết họ sẽ còn vô ơn hơn nữa sau khi ông chết; nhưng ông kêu gọi trời đất làm chứng chống lại họ, rằng ông đã nói đủ với họ rằng cuối cùng Thiên Chúa nổi giận với họ, sẽ phân tán họ tới mọi dân tộc trên trái đất: rằng khi họ chọc giận Người bằng cách thờ các thần không phải là thần của họ, thì Người sẽ giận họ bằng cách kêu gọi một dân tộc không phải là dân tộc của Người. Tuy nhiên, cuốn sách đó, cuốn sách vốn làm nhục họ về nhiều mặt, đã được họ bảo tồn bằng cách hy sinh chính mạng sống của họ. Đó là một lòng chân thành không hề có điển hình trên thế giới, cũng không có gốc rễ trong tự nhiên.

Ngoài ra, tôi không thấy có lý do gì để nghi ngờ sự thật của cuốn sách chứa đựng tất cả những điều ấy; vì có rất nhiều khác biệt giữa một cuốn sách do một người đặc thù tạo ra rồi truyền bá trong dân tộc và một cuốn sách tạo nên một dân tộc. Người ta không thể nghi ngờ việc cuốn sách này cổ xưa như chính dân tộc họ.

Đó là một cuốn sách được thực hiện bởi các tác giả đương thời. Bất cứ lịch sử nào không có tính đương thời đều bị nghi ngờ, như các sách nói về Sibylles và Trismégiste, và rất nhiều cuốn khác có giá trị trên thế giới, và bị phát hiện là sai lầm theo thời gian. Nhưng với các tác giả đương thời thì không như vậy.

III. Thật là khác biệt xiết bao giữa cuốn sách này với cuốn sách khác! Tôi không ngạc nhiên về việc người Hy Lạp tạo ra Iliad, cũng như người Ai Cập và người Trung Hoa tạo ra lịch sử của họ. Chỉ cần xem điều đó được phát sinh ra sao. Các nhà sử học lỗi lạc này không cùng thời với những điều họ viết. Homer viết một cuốn tiểu thuyết, mà chính ông coi là như vậy; vì không ai nghi ngờ rằng Troy và Agamemnon không hiện hữu gì hơn quả táo vàng. Ông cũng không nghĩ đến việc làm nó trở thành một sách lịch sử, mà chỉ là sách giải trí. Cuốn sách của ông là cuốn duy nhất cùng thời với ông: vẻ đẹp của tác phẩm khiến nó tồn tại mãi mãi: mọi người đều học hỏi và nói về nó: cần phải biết nó; ai cũng thuộc lòng nó. Bốn trăm năm sau, những người chứng kiến sự việc không còn sống nữa; do nhận thức của họ, không ai biết liệu đó là một câu chuyện ngụ ngôn hay một chuyện sử học: người ta chỉ học nó từ tổ tiên của họ, điều này có thể coi là đúng sự thật.

MỤC VIII. Xem xét Người Do Thái trong mối tương quan với tôn giáo của chúng ta.

I. Việc sáng tạo và trận hồng thủy đã trôi qua, và Thiên Chúa không còn phải hủy diệt thế giới nữa, cũng không phải tạo ra nó, cũng như ban cho những dấu ân vĩ đại về Người, Người bắt đầu thiết lập một dân tộc trên trái đất, được đào tạo có chủ đích, sẽ tồn tại cho tới lúc có dân mà Đấng Mêxia sẽ thành lập bằng chính thần khí của Người.



II. Thiên Chúa, vì muốn chứng tỏ Người có thể tạo nên một dân thánh có sự thánh thiện vô hình, và làm cho họ được vinh quang vĩnh cửu, đã làm trong các sự thiện của thiên nhiên điều Người làm trong những sự thiện của ơn thánh, để người ta phán đoán rằng Người có thể làm những điều vô hình, vì Người đã làm tốt những điều hữu hình. Vì vậy, Người đã cứu dân Người khỏi trận hồng thủy trong con người của Nô-ê; Người đã làm dân Người sinh ra từ Ápraham, và chuộc họ từ tay kẻ thù của họ, và đặt họ vào nơi an nhàn. Mục tiêu của Thiên Chúa không phải để cứu khỏi hồng thủy, và làm cả một dân tộc được sinh ra từ Ápraham, đưa họ vào một vùng đất màu mỡ. Nhưng, cũng như thiên nhiên là hình ảnh của ơn thánh thế nào, thì các phép lạ hữu hình này cũng là hình ảnh của những điều vô hình mà Người muốn thực hiện thế ấy.

III. Một lý do khác khiến Người thành lập dân tộc Do Thái, đó là, vì kế sách muốn loại bỏ khỏi dân Người mọi điều thuộc xác thịt và dễ hư của họ, Người muốn chứng tỏ bằng rất nhiều phép lạ rằng đó không phải là vì bất lực.

Dân này đắm chìm trong những suy nghĩ trần gian cho rằng Thiên Chúa yêu tớ phụ Ápraham của họ, xác thịt của ông và những gì từ đó phát sinh ra; và chính vì thế, Người đã nhân thừa họ lên, và phân biệt họ với mọi dân tộc khác, vì Người vốn không chịu được việc họ lẫn lộn với các dân tộc này; Người đã kéo họ ra khỏi Ai Cập với tất cả những đau lạ tuyệt vời mà Người đã làm có lợi cho họ; Người đã cho họ ăn ma-na trong hoang địa; Người đã dẫn họ vào một vùng đất hạnh phúc và dư dật; Người đã ban cho họ các vị vua và một đền thờ được xây dựng vững chắc, để dâng tiến các thú vật ở đó và để được thanh tẩy ở đó bằng máu của chúng; và Người đã phái Đấng Mêxia đến với họ, để biến họ thành chủ cả thế giới. Người Do

Thái đã quen với những phép lạ vĩ đại và rực rỡ; và, vì chỉ coi các biến cố vĩ đại của Biển Đỏ và xứ Canaan như bản tóm tắt các điều vĩ đại của Đấng Mêxia của họ, họ mong đợi những điều rực rỡ hơn nữa từ Người, và tất cả những gì Môsê làm đều chỉ là thí dụ. Do đó, sau khi họ sống lâu đời trong những lầm lẫn xác thịt này, CHÚA GIÊSU KITÔ đã đến vào thời điểm báo trước, nhưng không ở mức rạng rỡ như người ta mong đợi; và vì vậy họ không nghĩ đó là Người. Sau khi Người chết, Thánh Phaolô đã xuất hiện để nói với mọi người rằng tất cả những điều này đã xảy ra một cách hình tượng; vương quốc Thiên Chúa không phải trong xác thịt, nhưng trong tinh thần; kẻ thù của loài người không phải là người Babylon, mà là các đam mê của họ; Thiên Chúa không hài lòng với những đền thờ được làm bằng tay loài người, nhưng trong một tâm lòng trong sạch và khiêm nhường; việc cất bì cơ thể là vô ích, nhưng cần cất bì tâm hồn, v.v...

IV. Thiên Chúa vì không muốn cho dân tộc này khám phá ra các điều ấy vì họ không xứng đáng, và tuy thế, sau khi muốn tiên đoán chúng để chúng được tin, đã tiên đoán thời gian một cách rõ ràng, và đôi khi thậm chí còn phát biểu chúng một cách rõ ràng, nhưng thường là bằng hình tượng, để những ai thích nghĩa bóng dừng lại ở đó, và những ai thích những điều hình tượng sẽ thấy chúng trong đó. Đó là điều đã làm vào thời Đấng Mêxia, các dân tộc bị chia rẽ: người tâm linh tiếp nhận Người, còn người xác thịt, những người khước từ Người, vẫn còn để làm nhân chứng cho Người.

V. Những người Do Thái theo tính xác thịt không hiểu sự vĩ đại cũng như sự hạ mình của Đấng Mêxia từng được loan báo trước trong các lời tiên tri của họ. Họ không nhận ra Người trong sự vĩ đại của Người, như khi người ta nói Đấng Mêxia là chúa của Đavít, mặc dù là con trai của ông; Người có trước Ápraham, và ông đã nhìn thấy Người. Họ không tin rằng Người vĩ đại đến mức hiện hữu từ thuở đời đời; và họ không biết Người khi Người hạ mình xuống và trong cái chết của Người. Họ nói, Đấng Mêxia tồn tại mãi mãi, thế mà người này nói rằng mình sẽ chết. Nên, họ không tin Người là người tử sinh cũng như đáng vĩnh cửu: họ không tìm kiếm điều gì ở Người ngoài sự vĩ đại xác thịt. Họ yêu thích những điều tượng hình, và mong đợi chúng một cách độc đáo đến nỗi họ đã hiểu sai thực tại khi nó xảy đến vào lúc và theo cách đã được loan báo trước.

VI. Những ai khó tin đang tìm ở đó một chủ đề trong những điều người Do Thái không tin. Người ta nói rằng nếu điều đó rõ ràng như thế, tại sao họ không tin? Nhưng chính sự từ chối của họ là cơ sở cho niềm tin của chúng ta. Chúng ta sẽ ít có thiên hướng về niềm tin này hơn, nếu họ ở cùng phía với chúng ta. Lúc đó, có lẽ chúng ta sẽ có đủ cơ để không tin và ngờ vực. Thật đáng khâm phục khi thấy những người Do Thái là những người vĩ đại yêu thích những điều được báo trước và là kẻ thù vĩ đại của việc được ứng nghiệm, và sự ác cảm này đã được tiên báo!

VII. Để tin vào Đấng Mêxia, điều cần là có những lời tiên tri trước đó, và những lời tiên tri này phải được truyền tụng bởi những người không nghi ngờ, siêng năng, trung tín và nhiệt thành phi thường, và được cả trái đất biết đến. Để làm cho tất cả những điều này thành công, Thiên Chúa đã chọn dân tộc xác thịt này; nơi họ, Người đã ký thác những lời tiên tri từng tiên báo Đấng Mêxia như đáng giải phóng và phân phối các phước lành xác thịt mà dân tộc này hằng yêu thích; và vì vậy, họ đã có một lòng nhiệt thành phi thường đối với các vị tiên tri của họ, và đã truyền lại cho toàn thế giới thấy các sách này, trong đó Đấng Mêxia đã được tiên báo: bảo đảm với mọi dân tộc rằng Người sẽ đến, và đến theo cách đã được báo trước trong các sách của họ, các sách họ luôn mở ra cho toàn thế giới. Nhưng sau khi thất vọng trước việc Đấng Mêxia đến một cách nhục nhã và tồi tệ, họ trở thành những kẻ thù lớn nhất của Người. Do đó, đây là dân tộc trên thế giới ít bị nghi ngờ nhất trong việc có lợi cho chúng ta, những

người đã được dựng nên cho chúng ta, và là những người, vì hết lòng nhiệt thành đối với lề luật và các tiên tri của họ, đã mang theo và giữ gìn một cách chính xác không sai vạy, cả việc họ bị lên án, lẫn các bằng chứng của chúng ta.

VIII. Những người đã chối bỏ và đóng đinh Chúa Giê-su Kitô, Đáng đối với họ là một cơ vấp ngã, cũng cùng là những người truyền lại các sách làm chứng về Người, và nói rằng Người sẽ bị bác bỏ và làm cơ vấp ngã. Như thế, họ chứng minh Người là Đáng Mê-xia bằng cách bác bỏ Người; và Người cũng được chứng minh rất nhiều bởi những người Do Thái công chính đã tiếp nhận Người, và bởi những người bất chính đã bác bỏ Người: vì cả hai đều đã được tiên báo.

Chính vì thế, các lời tiên tri có một ý nghĩa thiêng liêng giấu ẩn, mà dân tộc này vốn thù nghịch, bên dưới ý nghĩa xác thật mà họ vốn yêu thích. Nếu ý nghĩa thiêng liêng có được tìm ra đi nữa, họ cũng không thể yêu mến nó; và, vì việc họ ghét bỏ khiến họ hết sức sáng trong việc bảo tồn các sách thánh và các nghi lễ của họ. Và nếu họ có yêu mến những lời hứa thiêng liêng này và giữ cho chúng khỏi bị biến chất cho đến khi Đáng Mê-xia đến đi nữa, thì lời chứng của họ vẫn sẽ không có giá trị, vì họ đứng về phe Người.

Đó là lý do tại sao ý nghĩa thiêng liêng cần được giấu kín. Nhưng, mặt khác, nếu ý nghĩa này bị che giấu đến mức hoàn toàn không tỏ hiện, thì nó không thể dùng làm bằng chứng cho Đáng Mê-xia. Như vậy điều gì đã xảy ra?

Ý nghĩa trên đã được tạm thời giấu kín trong vô số đoạn văn, và đã được tỏ hiện rõ ràng trong một số đoạn khác: ngoại trừ thời gian và tình trạng của thế giới đã được tiên báo rõ ràng như ban ngày. Và ý nghĩa thiêng liêng này được giải thích rõ ràng ở một số chỗ đến nỗi phải có một sự mù quáng giống sự mù quáng mà xác thật áp đặt lên tinh thần khi tinh thần trở thành nô lệ cho nó, mới không nhận ra.

Như thế, đó là cách Thiên Chúa hành xử. Ý nghĩa thiêng liêng này được che giấu bằng một ý nghĩa khác ở vô số chỗ, và được tỏ hiện ở một số chỗ, rất họa hiếm, thực sự như thế, nhưng một cách mà ở những nơi bị giấu ẩn, nó đều có tính lưỡng nghĩa, có thể đứng với cả hai cách giải thích: thay vào đó, những nơi nó được tỏ hiện thì chỉ có một nghĩa rõ ràng, và chỉ phù hợp với nghĩa thiêng liêng.

Do đó, không có lý do gì để sa vào lầm lẫn, và chỉ có một dân tộc có tính xác thật như dân tộc Do Thái mới có thể lầm lẫn mà thôi.

Vì, khi họ được hứa ban phước lành, điều gì ngăn cản họ hiểu các phước lành này là các phước lành đích thật, nếu không phải là lòng tham của họ, lòng tham đã làm họ giải thích chúng như những phước lành trần gian? Nhưng những người chỉ có phước lành trong Thiên Chúa thì liên hệ chúng vào một mình Thiên Chúa mà thôi.

Vì có hai nguyên tắc chia rẽ ý chí con người, lòng tham và lòng bác ái. Không phải là lòng tham không thể tồn tại với đức tin, và lòng bác ái không thể tồn tại với phước lành trần gian. Nhưng lòng tham lợi dụng Thiên Chúa và hưởng thụ thế gian; và ngược lại, lòng bác ái lợi dụng thế gian và vui hưởng Thiên Chúa.

Bây giờ, mục đích sau cùng là điều mô tả sự vật. Bất cứ điều gì ngăn cản chúng ta đạt cùng đích đó đều được gọi là kẻ thù. Vì vậy, các tạo vật, mặc dù tốt, là kẻ thù của người công chính khi chúng làm họ quay lưng lại với Thiên Chúa; và chính Thiên Chúa là kẻ thù của

những kẻ bị Người làm phiền lòng tham.

Như thế, chữ “kẻ thù” tùy thuộc vào mục đích cuối cùng, những người công chính hiểu đó là các đam mê của họ, và những kẻ xác thịt hiểu đó là những người Babylon: đến nỗi những thuật ngữ này chỉ tối nghĩa đối với những người bất chính. Và đó là điều Isaia đã nói: *Signa legem in discipulis meis* (hãy niêm phong lời giáo huấn ở giữa các môn đệ của Ta) (*Is. 8:16*); và Chúa Giêsu Kitô sẽ là một viên đá vấp ngã (*Is. 8:14*). Nhưng phúc cho những ai không vấp ngã nơi Người! (*Mt 11:16*). Hô-sê cũng nói điều đó một cách hoàn hảo: “Ai đủ khôn ngoan để hiểu được điều này? Vì đường lối Thiên Chúa rất mực ngay thẳng; trên con đường này, người công chính sẽ hiên ngang tiến bước, còn kẻ gian ác sẽ phải té nhào” (*Hs. 14:10*).

Tuy nhiên, Giao Ước này, được thiết lập theo cách trong khi soi sáng một số người, nó làm mù quáng nhiều người khác, ghi dấu chính nơi những người nó làm mù quáng sự thật cần được người khác biết đến; vì những phước lành hữu hình mà họ nhận được từ Thiên Chúa quá vĩ đại và thần thiêng, đến nỗi hiển nhiên Người có quyền ban cho họ những phước lành vô hình, và một Đấng Mê-xia.

IX. Thời điểm Chúa Giêsu Kitô đến lần đầu tiên đã được tiên đoán; thời điểm đến lần thứ hai thì không, vì lần thứ nhất phải được che giấu: còn lần thứ hai phải rực rỡ, và hiển hiện đến nỗi ngay cả các kẻ thù của Người cũng nhận ra. Nhưng, vì nó chỉ đến một cách tối mù, và chỉ được biết đến bởi những người biết thăm dò Kinh thánh, nên Thiên Chúa đã sắp xếp mọi sự để tất cả phục vụ việc làm cho nó được nhận ra. Người Do Thái đã chứng minh nó bằng cách tiếp nhận nó; vì họ là những người lưu giữ các lời tiên tri; và họ cũng đã chứng minh nó bằng cách không tiếp nhận nó, vì trong việc này, họ đã ứng nghiệm các lời tiên tri này.

X. Người Do Thái có những phép lạ, những lời tiên tri mà họ thấy đã ứng nghiệm; và lý thuyết về lẽ luật của họ là chỉ thờ lạy và chỉ yêu mến một Thiên Chúa mà thôi: lý thuyết này cũng có tính vĩnh viễn. Vì vậy, nó có mọi dấu hiệu của tôn giáo đích thực: nó cũng được chứng thực như vậy. Nhưng cần phân biệt lý thuyết của người Do Thái với lý thuyết về lẽ luật của người Do Thái. Vì, lý thuyết của người Do Thái không đúng, mặc dù nó có phép lạ, các lời tiên tri và tính vĩnh viễn, vì nó không có điểm khác là chỉ thờ phượng và yêu mến một mình Thiên Chúa mà thôi.

Do đó, tôn giáo Do Thái phải được xem xét cách khác trong truyền thống các vị thánh và trong truyền thống dân tộc của họ. Luân lý và hạnh phúc là điều bị chế giễu trong truyền thống dân tộc; nhưng nó vô sánh trong truyền thống các thánh của họ. Nền tảng của chúng rất đáng ngưỡng mộ. Đó là cuốn sách lâu đời nhất trên thế giới, và chân chính nhất; và, thay vào đó, để duy trì sách riêng của mình, Mahomet đã cấm đọc nó; Mô-sê, vì muốn duy trì sách riêng của mình, đã ra lệnh cho toàn thể gian đọc nó.

XI. Tôn giáo Do Thái hoàn toàn có tính thần thiêng trong thế giá của nó, trong thời gian kéo dài của nó, trong tính vĩnh viễn của nó, trong luân lý của nó, trong cách cư xử của nó, trong lý thuyết của nó, trong các hiệu quả của nó, v.v. Nó được hình thành để báo trước sự thật về Đấng Mê-xia; và sự thật của Đấng Mê-xia đã được tôn giáo của người Do Thái công nhận, vốn là hình bóng của Người. Nơi người Do Thái, sự thật chỉ là hình tượng. Trên trời, sự thật mới được tỏ hiện. Trong Giáo Hội, nó được che giấu, và được nhận biết nhờ nối kết với hình tượng. Hình tượng được tạo ra dựa vào sự thật, và sự thật được nhận biết dựa vào hình tượng.

XII. Ai phán xét tôn giáo của người Do Thái căn cứ vào những thành viên thô thiển của họ sẽ biết nó một cách tồi tệ. Tôn giáo này có thể được thấy rõ trong các sách thánh và trong truyền

thống các tiên tri, những vị đã chứng tỏ khá rõ ràng rằng họ không hiểu lề luật theo nghĩa đen. Tôn giáo của chúng ta, cũng thế, có tính thần thiêng trong Tin Mừng, trong các tông đồ và thánh truyền; nhưng nó hoàn toàn bị bóp méo nơi những người khinh thường nó.

XIII. Người Do Thái thuộc hai loại. Một số chỉ âu yếm người ngoại giáo, số khác âu yếm các Kitô hữu. Theo người Do Thái xác thật, Đấng Mêxia phải là một hoàng tử vĩ đại của thế gian. Theo các Kitô hữu xác thật, Người đến để miễn chức chúng ta khỏi việc yêu mến Thiên Chúa, và ban cho chúng ta các bí tích hoàn toàn có hiệu lực mà không cần chúng ta hợp tác. Cả hai đều không phải là Kitô Giáo, cũng không phải là Do Thái Giáo.

Các tín hữu Do Thái đích thực và các Kitô đích thực đều mong đợi một Đấng Mêxia sẽ làm họ yêu mến Thiên Chúa, và nhờ tình yêu này, họ chiến thắng các kẻ thù của họ.

XIV. Tấm màn che các sách Kinh thánh đối với người Do Thái cũng che đối với những Kitô hữu xấu, và tất cả những ai không tự ghét mình. Nhưng người ta có đủ thiên hướng để hiểu chúng và nhận biết Chúa Giêsu Kitô, khi họ thực sự ghét chính mình!

XV. Những người Do Thái xác thật đứng ở giữa các Kitô hữu và người ngoại giáo. Những người ngoại giáo không biết Thiên Chúa, và chỉ yêu trái đất. Người Do Thái biết Thiên Chúa thật và chỉ yêu trái đất. Các Kitô hữu biết Thiên Chúa thật, và không yêu trái đất. Người Do Thái và người ngoại giáo yêu cùng các của cải. Người Do Thái và Kitô hữu biết cùng một Thiên Chúa.

XVI. Rõ ràng đó là một dân tộc được tạo ra nhằm mục đích làm nhân chứng cho Đấng Mêxia. Họ mang các sách và yêu chúng, nhưng không hiểu chúng. Và tất cả những điều này đều được tiên báo; vì người ta nói rằng các phán xét của Thiên Chúa đã được thổ lộ với họ, nhưng như một cuốn sách được niêm phong.

Trong khi các tiên tri có nhiệm vụ duy trì lề luật, thì dân chúng lại đã lơ là. Nhưng từ khi họ không còn các tiên tri nữa, thì lòng nhiệt thành đã thế chỗ; đó là một sự quan phòng đáng ngưỡng mộ.

XVII. Khi việc tạo dựng thế giới bắt đầu đã lùi xa vào dĩ vãng, Thiên Chúa đã cung cấp một sử gia đương thời và ủy nhiệm cả dân tộc giữ gìn cuốn sách của ông, để lịch sử này trở nên chân chính nhất thế giới và mọi người đều có thể học được một điều hết sức cần phải biết, và người ta chỉ có thể biết điều đó bằng cách này mà thôi.

XVIII. Môsê là một người khôn khéo: điều đó rõ ràng. Vì vậy, nếu ông có ý định lừa dối, ông sẽ thực hiện một cách khiến người ta không thể tố cáo ông lừa dối. Nhưng ngược lại, ông đã viết một cách mà nếu chỉ là những truyện ngụ ngôn, thì bất cứ người Do Thái nào cũng nhận ra sự bịp bợm này.

Chẳng hạn, tại sao ông lại làm cho đời của những người đầu tiên dài đến như vậy và rất ít thế hệ như thế? Ông có thể giấu diếm sai lầm của mình bằng cách đưa vào thật nhiều thế hệ; vì chính con số thế hệ, chứ không phải số năm, đã làm cho mọi điều trở nên tối nghĩa, bị nghi vấn. Vì sự thật bị thay đổi khi truyền qua tay nhiều người.

Tuy nhiên, ông đã đưa ra hai điều đáng nhớ nhất chưa ai từng tưởng tượng, đó là việc sáng thế và trận đại hồng thủy, gần nhau đến mức chúng ta có thể chạm vào cả hai nhờ số ít thế hệ ông đã trình bày. Đến nỗi, lúc chúng được viết ra, ký ức về những điều này hẳn vẫn còn mới

như gần đây trong tâm trí mọi người Do Thái.

Shem, người đã thấy Lamech, người đồng thời của Adam, cũng đã thấy Ápraham; và Ápraham đã thấy Giacóp, người đã thấy những người thấy Môsê. Vì vậy, trận hồng thủy và việc tạo dựng là có thật. Điều này có tính kết luận nơi một số dân tộc hiểu rõ vấn đề.

Tuổi thọ của các tổ phụ, thay vì làm cho những chuyện quá khứ bị mai một, thì trái lại đã giúp bảo tồn chúng. Lý do đôi khi chúng ta không được thông tri đầy đủ về lịch sử tổ tiên là vì chưa bao giờ được thực sự sống với các ngài, và các ngài thường chết trước khi chúng ta đến tuổi có trí khôn. Nhưng, khi con người sống lâu như vậy, con cái cũng được sống lâu với các bậc cha ông, và vì vậy có thể đàm đạo lâu dài với các ngài. Nhưng, chúng đàm đạo với các ngài về điều gì, nếu không phải là lịch sử của tổ tiên chúng? Vì tất cả lịch sử được thu gọn vào đó, và hồi đó, người ta không có khoa học cũng như nghệ thuật để giành phần lớn các cuộc đàm đạo của cuộc sống cho chúng. Nhờ thế, người ta thấy các dân tộc thời đó đã đặc biệt quan tâm đến việc bảo tồn gia phả của họ.

XIX. Càng xem xét người Do Thái, tôi càng tìm thấy các sự thật ở đó; và đặc điểm này là họ không có các tiên tri lẫn vua chúa; và mặc dù họ là kẻ thù của chúng ta, họ vẫn là những nhân chứng đáng ngưỡng mộ về sự thật của những lời tiên tri này, trong đó đời sống của họ và thậm chí cả sự mù quáng của họ được tiên báo. Trong việc lòng vào này, tôi thấy tôn giáo này hoàn toàn có tính thần thiêng về thế giá, về thời gian kéo dài của nó, về tính vĩnh viễn của nó, về luân lý của nó, về cách cư xử của nó, về các hiệu quả của nó. Và do đó, tôi mở rộng vòng tay chào đón Đấng giải thoát tôi, Đấng vốn được tiên báo cả bốn ngàn năm trước, đã đến chịu đau khổ và chịu chết vì tôi trên trái đất vào những thời điểm và trong mọi hoàn cảnh đã được tiên báo; và nhờ ơn thánh của Người, tôi chờ đợi sự chết trong bình an, trong niềm hy vọng được kết hợp vĩnh viễn với Người; tuy nhiên, tôi sống vui tươi, bất chấp trong những sự thiệt Người vui lòng ban cho tôi, hoặc trong những điều xấu Người gửi cho tôi vì lợi ích của tôi, và dạy tôi chịu đựng theo gương Người.

Do đó tôi bác bỏ tất cả các tôn giáo khác : do đó, tôi tìm được câu trả lời cho mọi phản bác. Điều chính đáng là một Thiên Chúa trong sạch như thế chỉ có thể tỏ mình ra cho những ai có tâm hồn đã được thanh tẩy. Tôi thấy việc này hữu hiệu, vì ký ức của con người kéo dài, đây là một dân tộc tồn tại cổ xưa hơn bất cứ dân tộc nào khác. Họ thường xuyên thông báo cho loài người biết rằng loài người sống trong tình trạng hư hỏng phổ quát, nhưng một Đấng cứu chuộc sẽ đến: không phải một người nói ra điều đó, mà là vô hạn người, và cả một dân tộc đã nói tiên tri trong bốn nghìn năm.

MỤC IX. Các hình bóng; lề luật cũ có nghĩa bóng.

I. Có những hình bóng rõ ràng và có tính minh chứng; nhưng có những hình bóng khác có vẻ kém tự nhiên hơn, và chỉ có tính minh chứng đối với những người đã được thuyết phục rồi. Các hình bóng này tương tự như những hình bóng của những người dựa những lời tiên tri vào Sách Khải Huyền được họ giải thích theo óc tưởng tượng của họ. Nhưng sự khác biệt ở đây là họ không có bất cứ sự chắc chắn nào để hỗ trợ chúng. Đền nổi không có gì bất công bằng lúc họ cao ngạo cho rằng các lời tiên tri của họ cũng có cơ sở như một số lời của chúng ta; vì họ không có những lời có thể chứng minh được như của chúng ta. Sự so sánh vì thế không công bằng. Không nên đặt ngang hàng và làm lẫn lộn những điều này vì chúng có vẻ giống nhau ở điểm này, nhưng rất khác nhau ở điểm kia.



II. Một trong những lý do chính khiến các tiên tri che giấu các phước lành thiêng liêng được họ hứa hẹn dưới các hình bóng phước lành trần thế, đó là vì họ phải xử lý với một dân tộc xác thịt, những người họ phải biến thành những người lưu giữ giao ước thiêng liêng. CHÚA GIÊSU KITÔ, mà Giuse là hình bóng, người yêu quý của cha, được cha sai đi gặp anh em mình, là người vô tội bị anh em mình bán với giá hai mươi đồng bạc, nhưng vì thế, trở thành chúa của họ, vị cứu tinh của họ, và vị cứu tinh của những người xa lạ, và vị cứu tinh của thế giới; mà điều này sẽ không có nếu không có kế hoạch để mất anh ta, nếu không có sự mua bán và sự trừng phạt mà họ đã giành cho anh ta, Trong tù, Giuse vô tội giữa hai tội phạm: Chúa Giêsu trên thập giá cũng ở giữa hai kẻ trộm. Giuse đã tiên đoán việc cứu thoát cho người này, và cái chết cho người kia, tương tự như thế: CHÚA GIÊSU KITÔ cứu một người và bỏ người kia, dù họ phạm cùng một tội ác. Giuse chỉ dự đoán: CHÚA GIÊSU KITÔ thực hiện. Giuse hỏi người sẽ được cứu có nhớ đến ông khi ông bước vào vinh quang hay không; còn người mà CHÚA GIÊSU KITÔ cứu yêu cầu Người nhớ đến anh ta khi Người bước vào vương quốc của Người.

III. Ôn thánh là hình bóng của vinh quang; vì nó không phải là cùng đích. Nó có lẽ luật làm hình bóng, và bản thân nó là hình bóng của vinh quang; nhưng theo cách nó đồng thời là một phương tiện để đạt được vinh quang.

IV. Hội đường không bị diệt vong, vì nó là hình bóng của Giáo hội; nhưng vì chỉ là hình bóng nên nó rơi xuống cảnh tội đời. Hình bóng tồn tại đến lúc có sự thật, để Giáo hội luôn được hiển thị, một là trong bức tranh đã hứa hẹn nó, hai là trong hiệu lực.

V. Để chứng minh cùng một lúc hai Giao ước, chỉ cần xem liệu các lời tiên tri của giao ước này có được ứng nghiệm trong giao ước kia hay không. Để khảo sát các lời tiên tri, cần phải hiểu chúng: vì nếu người ta tin rằng chúng chỉ có một ý nghĩa, thì chắc chắn Đấng Mêxia sẽ không đến; nhưng nếu chúng có hai nghĩa, chắc chắn rằng Người sẽ đến trong CHÚA GIÊSU KITÔ. Do đó, toàn bộ vấn đề là phải biết liệu chúng có hai nghĩa hay không, chúng là hình nóng, hay là thực tại; nghĩa là, phải tìm kiếm điều gì đó khác với những gì xuất hiện trước nhất, hoặc liệu có phải dừng lại ở ý nghĩa đầu tiên được chúng trình bày hay không.

Nếu lẽ luật và hy lễ là sự thật, thì chúng phải làm đẹp lòng Thiên Chúa và không được làm mất lòng Người. Nếu chúng là hình bóng, chúng phải vừa làm vui lòng vừa làm mất lòng.

Bây giờ, trong trọn bộ Kinh thánh, chúng vừa làm hài lòng vừa làm mất lòng: vậy thì chúng là các hình bóng.

VI. Để thấy rõ Cựu ước chỉ có nghĩa bóng, và qua các phước lành tạm bợ, các tiên tri hiểu các phước lành khác, việc thứ nhất, cần phải thận trọng kéo bất xứng với Thiên Chúa khi chỉ kêu gọi con người vui hưởng hạnh phúc tạm bợ. Thứ hai, ngôn từ của các tiên tri phát biểu rõ ràng lời hứa về phước lành tạm bợ; nhưng họ cho biết lời lẽ của họ tối nghĩa, và ý nghĩa của chúng không phải là ý nghĩa họ diễn đạt một cách tỏ tường; người ta chỉ hiểu được nó vào lúc tận cùng thời gian. (*Grm* 23: 22 và 30: 24). Vì vậy, họ hiểu họ nói về các hy lễ khác, vị cứu tinh khác, v.v.

Cuối cùng, cần lưu ý rằng lời lẽ của họ sẽ mâu thuẫn và tự hủy lẫn nhau, nếu người ta nghĩ rằng qua các chữ lẽ luật và hy lễ, họ không hiểu gì khác ngoài lẽ luật của Môsê và các hy lễ của ông; và sẽ có sự mâu thuẫn tỏ tường và lộ liễu trong các sách của họ, và đôi khi trong cùng một chương. Từ đó cần phải hiểu là các điều khác.

VII. Người ta nói rằng lẽ luật sẽ được thay đổi; hy lễ sẽ được thay đổi; họ sẽ không có vua, không có hoàng tử và không có hy lễ; một giao ước mới sẽ được thiết lập; lẽ luật sẽ được đổi mới; các giới luật mà họ đã tiếp nhận là không tốt; hy lễ của họ đáng ghê tởm; Thiên Chúa không yêu cầu bất cứ điều gì như thế.

Ngược lại, có lời chép rằng lẽ luật sẽ tồn tại vĩnh viễn; giao ước này sẽ vĩnh cửu; hy lễ sẽ vĩnh cửu; vương trượng sẽ không bao giờ rời khỏi họ, vì nó không được rời xa họ ngoại trừ khi Vị vua vĩnh cửu xuất hiện.

Tất cả các đoạn văn trên có muốn nói đó là thực tại không? Không. Chúng có nói đó là hình bóng không? Không; nhưng một là thực tại, hai là hình bóng. Nhưng những đoạn đầu tiên, khi loại bỏ chúng là thực tại, có ý nói đó chỉ là hình bóng. Tất cả các đoạn văn này cùng với nhau không thể áp dụng vào thực tại; có thể nói tất cả đều nói về hình bóng: do đó chúng không nói về thực tại, mà là về hình bóng.

VIII. Muốn biết lẽ luật và hy lễ là thực tại hay hình bóng, cần phải xem liệu các tiên tri, khi nói về những điều này, có dừng tầm mắt và suy nghĩ của họ ở đó hay không, đến nỗi họ chỉ thấy giao ước cũ này mà thôi; hay liệu họ thấy trong đó một điều khác mà chúng chỉ là hình bóng; bởi vì trong một bức tranh, người ta thấy điều được hình dung. Muốn biết điều đó, chỉ cần khảo sát điều họ nói.

Khi họ nói rằng nó sẽ vĩnh cửu, có phải họ muốn nói đến giao ước mà họ nói rằng sẽ được thay đổi; và các hy lễ cũng thế, v.v.?

IX. Các tiên tri đã nói rõ ràng rằng Israel sẽ luôn được Thiên Chúa yêu thương, và lẽ luật sẽ trường tồn; và họ nói rằng người ta sẽ không hiểu được ý nghĩa của chúng, vì nó bị che giấu. Mật mã có hai ý nghĩa. Khi người ta nắm được một chữ quan trọng, trong đó họ tìm thấy một ý nghĩa rõ ràng, nhưng trong đó có lời chép rằng ý nghĩa đó bị che giấu và tối tăm; nó bị che giấu đến nỗi người ta nhìn thấy chữ đó nhưng thực ra không thấy nó, và hiểu nó nhưng thực ra không hiểu nó; người ta phải nghĩ sao, nếu không phải đó là một mật mã (*chiffre*) có nghĩa kép; và hơn thế nữa, người ta thấy ở đó nhiều mâu thuẫn tỏ tường theo nghĩa đen? Vậy, người ta phải quý trọng xiết bao những người khám phá ra mật mã cho chúng ta, và dạy chúng ta biết ý nghĩa giấu ẩn; và nhất là khi các nguyên tắc được họ sử dụng hoàn toàn tự nhiên và rõ ràng! Đây là điều Chúa Giêsu Kitô và các tông đồ đã làm. Các vị đã đập bể niêm

phong, phá vỡ tấm màn và phát lộ tinh thần. Qua việc này, các vị đã dạy chúng ta rằng kẻ thù của con người là các đam mê của họ; Đấng Cứu Chuộc sẽ là tâm linh; sẽ có hai biến cố: một có tính khôn cùng, để hạ thấp con người tuyệt diệu; biến cố kia có tính vinh quang, để nâng cao con người bị sỉ nhục; Chúa Giêsu Kitô sẽ là Thiên Chúa và là con người.

X. Chúa Giêsu Kitô không làm điều gì khác ngoài việc dạy con người rằng họ phải yêu thương nhau, và họ là nô lệ, mù quáng, bệnh hoạn, bất hạnh và tội lỗi; cần Người phải giải thoát, soi sáng, chữa lành và ban phước cho họ; điều này sẽ được thực hiện bằng cách ghét chính mình, và bước theo Người bằng sự khôn cùng và cái chết trên thập giá.

Chữ nghĩa giết người: vì mọi điều đều xuất hiện dưới hình thức hình bóng: Chúa Kitô phải chịu đau khổ. Một Thiên Chúa bị sỉ nhục, cắt bì trái tim, chay tịnh thật, hy lễ thật, đền thờ thật, luật kép, bảng luật kép, đền thờ kép, giam cầm kép, đó là mật mã mà Người đã ban cho chúng ta.

Cuối cùng, Người dạy chúng ta rằng tất cả những điều này chỉ là hình bóng, của những điều thực sự tự do, của người Israel thật, của phép cắt bì thật, của bánh từ trời thật, v.v.

XI. Trong những lời hứa này, mỗi người tìm thấy điều mình có tận trong đáy lòng, các phước lành tạm bợ, hoặc các phước lành thiêng liêng, Thiên Chúa, hay các tạo vật; nhưng với sự khác biệt này; những ai tìm các tạo vật ở đó sẽ tìm thấy chúng ở đó, nhưng với nhiều mâu thuẫn, với lệnh cấm yêu chúng, với lệnh chỉ thờ lạy Thiên Chúa và yêu mến Người và chỉ yêu mến Người; thay vào đó, những ai tìm kiếm Thiên Chúa ở đó sẽ tìm thấy Người, và không có bất cứ mâu thuẫn nào, và với giới răn chỉ yêu mến mình Người mà thôi.

XII. Nguồn gốc của những mâu thuẫn trong Kinh thánh là, một Thiên Chúa bị sỉ nhục cho đến chết trên thập giá, một Đấng Mêxia chiến thắng cái chết bằng cái chết của mình, hai bản tính trong Chúa Giêsu Kitô, hai biến cố, hai tình trạng trong bản nhiên con người.

Vì người ta chỉ có thể mô tả một tính khí tốt bằng cách làm cho mọi điểm mâu thuẫn của họ hoà hợp với nhau, và sẽ không đủ nếu chỉ nói đến một loạt các đức tính phù hợp nhau mà không có dung hòa các đức tính mâu thuẫn nhau; muốn hiểu ý nghĩa của một tác giả, chúng ta cần dung hòa mọi đoạn văn trái ngược nhau.

Vì vậy, để hiểu Kinh thánh, người ta phải biết ý nghĩa trong đó mọi đoạn trái ngược nhau đều ăn khớp với nhau. Sẽ không đủ nếu có một nghĩa phù hợp với nhiều đoạn giống nhau; nhưng cần phải có một nghĩa hòa giải được các đoạn rất trái ngược nhau.

Mỗi tác giả có một ý nghĩa mà mọi đoạn trái ngược nhau hợp nghĩa với nhau, hoặc nó không có ý nghĩa nào cả. Người ta không thể nói điều đó về Kinh thánh, hoặc các tiên tri. Hai thực tại này thực sự có quá nhiều nghĩa tốt. Do đó, cần phải tìm một nghĩa có thể hòa hợp mọi mâu thuẫn.

Do đó, nghĩa đích thực không phải là nghĩa của người Do Thái; nhưng trong Chúa Giêsu Kitô, mọi mâu thuẫn đều được hòa hợp. Người Do Thái không biết hòa hợp việc chấm dứt vương quyền và hoàng quyền, đã được Hôse tiên báo, bằng lời tiên tri của Giacóp. Nếu người ta coi lề luật, hy lễ và vương quốc là các thực tại, họ không thể hòa hợp mọi đoạn văn của cùng một tác giả, kể cả của cùng một cuốn sách, hoặc đôi khi của cùng một chương. Điều này cho thấy một cách khá rõ đâu là nghĩa của tác giả.

XIII. Không được phép hiến tế bên ngoài Giêrusalem, vốn là nơi Chúa đã chọn, thậm chí không được kiếm tiền thuế phần mười (décimes) ở nơi khác. Hôse đã tiên báo rằng họ sẽ không có vua, không có hoàng tử, không có hy lễ và không có các ngẫu thần; điều đã ứng nghiệm ngày nay, (người Do Thái) không thể hiến tế hợp pháp ở bên ngoài Giêrusalem.

XIV. Khi lời của Thiên Chúa, vốn là sự thật, mà sai theo nghĩa đen, nó phải đúng theo nghĩa thiêng liêng. *Sede a dextris meis* (hãy ngồi bên hữu Ta). Điều này sai theo nghĩa đen; nhưng đúng về mặt thiêng liêng. Trong những cách diễn tả này, người ta nói về Thiên Chúa theo cách loài người; và điều này không có nghĩa gì khác ngoại trừ ý định của con người khi cho ai ngồi bên hữu mình, thì Thiên Chúa cũng có ý định đó. Bởi thế, đó là dấu chỉ ý định của Thiên Chúa, chứ không phải cách Người thực hiện nó. Cũng vậy, khi người ta nói: Thiên Chúa chấp nhận mùi hương hoa của các bạn, và Người sẽ ban cho các bạn làm phần thưởng một vùng đất màu mỡ và dồi dào; điều đó muốn nói cùng một ý định như của một người, khi chấp nhận mùi hương hoa của các bạn, sẽ ban cho các bạn làm phần thưởng một mảnh đất dồi dào, Thiên Chúa cũng sẽ làm như thế cho các bạn, vì các bạn đã có cùng một ý định mà một con người vốn có đối với kẻ họ tặng hương hoa.

XV. Đối tượng duy nhất của Kinh thánh là đức bác ái. Mọi điều không nhằm mục tiêu duy nhất đó đều là hình bóng của nó: vì, bởi chỉ có một mục tiêu, mọi điều không nói đến nó bằng những chữ rõ ràng đều là hình bóng. Do đó, Thiên Chúa đa dạng hóa giới luật bác ái độc đáo này để thỏa mãn sự yếu đuối của chúng ta, những kẻ vốn tìm kiếm sự đa dạng, bằng sự đa dạng luôn dẫn chúng ta đến điều cần thiết duy nhất này. Vì chỉ một điều là cần thiết mà thôi, mà chúng ta, chúng ta lại yêu thích sự đa dạng; nên Thiên Chúa thỏa mãn cả hai điều bằng các sự đa dạng này, các sự đa dạng dẫn đến điều cần thiết duy nhất này.

XVI. Các giáo sĩ Do Thái lấy làm hình bóng bộ ngực của Cô dâu, và tất cả những điều không nói lên mục tiêu duy nhất mà họ có về các phước lành tạm bợ.

Có những người thấy rõ rằng không có kẻ thù nào khác của con người hơn tư dục, là điều đã làm họ quay lưng lại với Thiên Chúa; cũng như không có phước lành nào khác ngoài Thiên Chúa, chứ không phải là mảnh đất màu mỡ. Những ai tin rằng sự thiện của con người ở trong xác thịt, và sự ác ở chỗ khiến con người xa lìa các thú vui của giác quan; đến nỗi họ say sưa và chết trong đó. Nhưng những ai tìm kiếm Thiên Chúa tự tận đáy lòng mình; những ai không có điều gì mất lòng hơn là bị loại không được thấy Người; chỉ có mỗi khao khát là được có Người, không có kẻ thù nào hơn những kẻ làm họ xa lánh Người; những người khôn khổ khi thấy mình bị bao vây và thống trị bởi những kẻ thù như thế: hãy để họ tự an ủi chính họ; có một Đấng giải thoát họ, có một Thiên Chúa cho họ. Một Đấng Mêxia đã được hứa để giải thoát họ khỏi kẻ thù; và một vị đến để giải thoát khỏi tội ác, chứ không phải khỏi kẻ thù.

XVIII. Khi Đavít tiên đoán rằng Đấng Mêxia sẽ giải thoát dân tộc ông khỏi kẻ thù của họ, người ta có thể tin theo xác thịt rằng đó là những người Ai Cập; và lúc đó, có lẽ tôi không thể chứng minh rằng lời tiên tri đã được ứng nghiệm. Nhưng người ta cũng có thể tin rằng đó là các tội lỗi: vì thật ra, người Ai Cập không phải là kẻ thù; nhưng tội lỗi quả là những kẻ thù. Chữ kẻ thù này, do đó, lưỡng nghĩa. Nhưng nếu Người nói với con người, như Người vẫn nói ở chỗ khác, rằng Người sẽ giải thoát dân Người khỏi tội lỗi của họ, như Isaia và những người khác từng làm, thì sự lưỡng nghĩa sẽ được lấy đi, và nghĩa kép của chữ kẻ thù được rút gọn thành nghĩa tội lỗi đơn giản: vì, nếu trong tâm trí, Người nghĩ đến tội lỗi, Người có thể gọi chúng là kẻ thù; nhưng nếu Người nghĩ đến kẻ thù, Người không thể gọi chúng tội lỗi.

Bây giờ, Môse, Đavít và Isaia đã sử dụng cùng các hạn từ này. Vậy ai sẽ nói rằng họ không

có cùng một nghĩa và nghĩa của Đavít, người rõ ràng chỉ tội lỗi khi nói đến các kẻ thù, không giống với nghĩa của Môsê khi nói đến các kẻ thù?

Đanien, chương 9, cầu nguyện cho sự giải thoát của dân chúng khỏi sự giam cầm của kẻ thù; nhưng ông nghĩ đến tội lỗi: và, để chứng minh điều đó, ông nói rằng Gabriên đến báo cho ông hay lời cầu của ông đã được khứng nghe, và chỉ còn bảy mươi tuần chờ đợi; sau đó dân chúng sẽ được giải thoát khỏi tội ác, tội lỗi sẽ chấm dứt; và Đấng giải thoát, Đấng Cực Thánh sẽ mang lại công lý vĩnh cửu, không phải công lý pháp lý, mà là công lý vĩnh cửu.

Ngay khi người ta mở được bí mật này, không thể nào lại không thấy nó. Người ta hãy đọc Cựu Ước dưới ánh sáng này, và xem xem các hy lễ có đúng không, liệu quan hệ họ hàng với Ápraham có phải là nguyên nhân thực sự tạo ra tình bạn với Thiên Chúa hay không, liệu miền đất hứa có phải là nơi yên nghỉ thực sự hay không. Không. Vậy, đó là các hình bóng. Người ta hãy xem như thế mọi nghi lễ được ra lệnh và tất cả các điều răn không thuộc đức bác ái, họ sẽ thấy đó là các hình bóng.

MỤC X. Về Chúa Giêsu Kitô.

I. Khoảng cách vô tận giữa thân xác và tinh thần là hình bóng của khoảng cách vô cùng vô tận giữa các tinh thần và đức bác ái; bởi vì đức ái là siêu nhiên.

Tất cả vẻ sáng lạn của các sự vĩ đại không hề sáng lạn đối với những người đang tìm kiếm tinh thần. Sự vĩ đại của những người tinh thần đều vô hình đối với những người giàu, đối với những vua chúa, những kẻ chinh phục và đối với tất cả những kẻ vĩ đại xác thịt. Sự vĩ đại của khôn ngoan, vốn phát xuất từ Thiên Chúa, vô hình đối với những người xác thịt và những người tinh thần. Đó là ba thứ bậc thuộc các loại khác nhau. Những thiên tài vĩ đại có thể lực của họ, sự sáng chói, sự vĩ đại của họ, các chiến thắng của họ, và không hề cần đến các sự vĩ đại xác thịt, những thứ không liên quan gì đến những thứ họ tìm kiếm. Họ được nhìn bởi các tinh thần, không phải bởi các con mắt; nhưng thế là đủ. Các thánh có thể lực của họ, sự huy hoàng của họ, sự vĩ đại của họ, các chiến thắng của họ, và không hề cần đến các sự vĩ đại xác thịt hoặc tinh thần, những thứ không thuộc thứ bậc của họ, và không thêm cũng như không bớt sự vĩ đại mà họ mong muốn. Họ được nhìn bởi Thiên Chúa và các thiên thần, chứ không phải bởi các thân xác hay tinh thần tò mò: Thiên Chúa đã đủ cho họ.



Archimède, không có bất cứ sáng láng nào lúc sinh ra, vẫn đã được tôn kính như vậy. Ông không điều khiển trận chiến nào; nhưng ông đã để lại cho toàn vũ trụ những phát minh đáng ngưỡng mộ. Ôi ông vĩ đại và sáng ngời xiết bao đối với con mắt tinh thần! Chúa Giêsu Kitô, không của cải và không tạo ra khoa học nào ở bên ngoài, nhưng thuộc thứ bậc thánh thiện của Người. Người không tạo ra phát minh nào, Người không trị vì; nhưng Người khiêm nhường, nhẫn nại, thánh thiện trước mặt Thiên Chúa, đáng sợ đối với ma quỷ, không chút tội lỗi. Ôi, Người đến một cách long trọng tuyệt vời và uy nghi kỳ diệu xiết bao trong các con mắt trái tim, những con mắt nhìn thấy sự khôn ngoan!

Archimède sẽ vô ích nếu làm hoàng tử trong các sách hình học, cho dù ông là một ông hoàng. Sẽ vô ích đối với Chúa Giêsu Kitô của chúng ta nếu xuống thế gian như một vị vua, để sáng láng trong vương quốc thánh thiện của Người: nhưng Người đã đến với sự huy hoàng của thứ bậc Người!

Thật là nực cười khi vấp ngã vì sự hạ mình của Chúa Giêsu Kitô, như thể sự hạ mình này cùng thứ bậc với sự vĩ đại mà Người đến để làm nó xuất hiện. Ước chi người ta xem xét sự vĩ đại này trong cuộc đời của Người, trong cuộc khổ nạn của Người, trong bóng tối của Người, trong cái chết của Người, trong việc chọn các môn đệ của Người, trong việc họ trốn chạy, trong sự sống lại bí nhiệm của Người, và trong nhiều việc khác; người ta sẽ thấy nó quá vĩ đại, đến nỗi người ta sẽ không có lý do gì để vấp ngã vì không hề có sự hèn hạ ở đó. Nhưng có một số người chỉ có thể ngưỡng mộ các sự vĩ đại xác thịt, như thể không có các sự vĩ đại tinh thần; và có nhiều người khác chỉ ngưỡng mộ các sự vĩ đại tinh thần, như thể không có các sự vĩ đại vô cùng cao cả hơn trong đức khôn ngoan. Mọi thân xác, bầu trời, các vì sao, trái đất và các vương quốc cũng không có giá trị bằng một tinh thần nhỏ nhoi nhất; vì tinh thần này biết tất cả những thứ ấy, và chính mình; còn thân xác, không biết gì. Và mọi thân xác, và mọi tinh thần với nhau, và tất cả các sản phẩm của chúng, cũng không giá trị bằng một cử động bác ái nhỏ nhoi nhất; vì đức bác ái thuộc một thứ bậc vô cùng cao hơn. Từ mọi thân xác với nhau, người ta không thể rút ra được dù một suy nghĩ nhỏ nhất: điều này bất khả, và thuộc một thứ bậc khác. Mọi thân xác và tinh thần gộp lại với nhau cũng không thể tạo ra một cử động bác ái đích thực: điều đó bất khả hữu, và thuộc một thứ bậc khác, hoàn toàn siêu nhiên.

II. CHÚA GIÊSU từng sống trong bóng tối (theo điều mà thế gian gọi là bóng tối) đến nỗi các sử gia, những người chỉ viết những điều quan trọng, hầu như không nhận ra Người.

III. Con người nào đã từng sáng chói hơn Chúa Giêsu Kitô! Toàn thể dân tộc Do Thái đã tiên đoán về Người trước khi Người đến. Dân ngoại tôn thờ Người sau khi Người đã đến. Cả dân ngoại lẫn dân Do Thái đều coi Người là trung tâm của họ. Tuy nhiên, có người nào ít hưởng được sự huy hoàng này chưa? Trong ba mươi ba năm, Người đã sống ba mươi năm không xuất hiện công khai. Trong ba năm còn lại, Người bị coi như một kẻ bị bọm; các tư tế và các thủ lĩnh của nước Người bác bỏ Người; bạn bè và người thân của Người hiểu lầm Người. Cuối cùng Người chết với một cái chết nhục nhã, bị một người trong các môn đệ phản bội, bị môn đệ kia chối bỏ và bị tất cả các môn đệ khác bỏ rơi. Thử hỏi, Người đóng vai trò nào trong sự sáng chói này? Chưa bao giờ người ta được sáng chói như vậy; chưa bao giờ có người chịu nhục nhã hơn. Tất cả sự sáng chói này chỉ phục vụ chúng ta, để chúng ta làm cho Người dễ nhận biết; chứ không hề phục vụ Người.

IV: Chúa Giêsu Kitô nói đến các điều vĩ đại nhất một cách đơn giản đến mức dường như Người không nghĩ đến chúng; và tuy nhiên một cách rõ ràng đến nỗi người ta có thể thấy rõ điều Người nghĩ về nó. Sự rõ ràng này, kết hợp với sự đơn giản kia, thật đáng khâm phục. Ai

đã dạy các nhà chép tin mừng các phẩm tính của một linh hồn thực sự anh hùng, để vẽ nên điều đó một cách hoàn hảo như thế trong Chúa Giêsu Kitô? Tại sao họ lại làm Người ra yếu đuối trong cơn hấp hối? Há họ không biết mô tả một cái chết liên tục hay sao? Có, chắc chắn như thế; vì cùng một Thánh Luca đã mô tả cái chết của Thánh Stephanô mạnh mẽ hơn cái chết của Chúa Giêsu Kitô. Vì vậy, họ mô tả Người có khả năng sợ hãi trước khi việc cần phải chết xuất hiện, và sau đó hết sức mạnh mẽ. Nhưng khi họ mô tả Người bối rối, đó là lúc Người bối rối thực sự; và khi con người làm Người bối rối, Người lại rất mạnh mẽ.

Giáo Hội thấy mình buộc phải chứng tỏ rằng Chúa Giêsu Kitô là một con người, chống lại những người đã bác bỏ điều ấy, cũng như chứng tỏ rằng Người là Thiên Chúa; và các xác suất đều lớn như nhau. Chúa Giêsu Kitô là vị Thiên Chúa mà người ta đến gần mà không kiêng dè, và sống dưới quyền Người mà không tuyệt vọng.

V. Việc trở lại của người ngoại giáo được qui cho ơn thánh của Đấng Mêxia. Người Do Thái, hoặc không cố gắng, hoặc không thành công về phương diện này: tất cả những điều Salômôn và các tiên tri nói về nó đều vô ích. Các nhà thông thái, như Platông và Socrate, không thể thuyết phục người ta chỉ thờ phượng Thiên Chúa đích thực.

Tin Mừng chỉ nói đến sự đồng trình của Đức Trinh Nữ cho đến khi Chúa Giêsu Kitô ra đời, mọi sự đều liên quan đến Chúa Giêsu Kitô.

Hai Giao Ước coi Chúa Giêsu Kitô cũ như sự mong đợi Người, mới như hình mẫu Người; cả hai coi Người như trung tâm của chúng.

Các tiên tri đã báo trước, nhưng chính họ không được báo trước. Các vị thánh sau đó được báo trước, nhưng không phải là những người báo trước. Chúa Giêsu Kitô được báo trước và là Đấng báo trước.

Chúa Giêsu Kitô dành cho mọi người, Môsê dành cho một dân tộc.

Người Do Thái được chúc phúc trong Ápraham: *Ta sẽ chúc phúc cho kẻ chúc phúc người* (St 12: 3). Nhưng *mọi quốc gia đều được chúc phúc trong dòng dõi ông* (Đã dẫn 18:18).

Lumen ad revelationem gentium [ánh sáng soi đường cho dân ngoại] (Lc 2:32).

Đavít nói khi đề cập tới lề luật “Non fecit taliter omni nationi [Chúa không đối xử với dân nào như vậy] (Ps. 147, 20). Nhưng khi đề cập đến Chúa Giêsu Kitô, ông phải nói: *Fecit taliter omni nationi* [Chúa đối xử như thế với mọi dân tộc].

Chúa Giêsu Kitô cũng có tính phổ quát. Chính Giáo Hội chỉ dâng hy lễ cho các tín hữu: Chúa Giêsu Kitô thì dâng hy lễ thập giá cho tất cả mọi người.

MỤC XI. Bằng chứng về Chúa Giêsu Kitô qua các lời tiên tri

I. Bằng chứng lớn nhất về Chúa Giêsu Kitô là các lời tiên tri. Đây cũng là điều được Thiên Chúa dự phòng nhiều nhất; vì biến cố làm ứng nghiệm chúng là một phép lạ đã tồn tại cả từ khi Hội Thánh ra đời cho đến ngày tận thế. Do đó, Thiên Chúa cho xuất hiện các tiên tri trong một nghìn sáu trăm năm; và trong bốn trăm năm sau, Người đã phân tán mọi lời tiên tri này, cùng với mọi người Do Thái mang theo chúng, ra khắp nơi trên thế giới. Cách chuẩn bị cho việc ra đời của Chúa Giêsu Kitô, Đấng mà Tin Mừng của Người phải được mọi người tin, là

không những cần có những lời tiên tri để làm cho nó được tin, mà những lời tiên tri này cần được mọi người truyền bá, để làm cho nó được mọi người đón nhận.



Khi một người duy nhất viết một cuốn sách tiên đoán về Chúa Giêsu Kitô, về thời gian và cách thức, và Chúa Giêsu Kitô đến đúng như những lời tiên tri này, thì đó là một sức mạnh vô hạn. Nhưng ở đây không phải chỉ có thế. Đây là sự tiếp nối của nhiều người, trong suốt bốn nghìn năm, những người này, liên tục và không thay đổi, lần lượt đến tiên đoán cùng một biến cố đó. Đó là toàn thể một dân tộc công bố nó, và tồn tại trong bốn ngàn năm để liên tục làm chứng cho những đảm bảo mà họ vốn có về nó, và họ không thể quay lưng khỏi nó vì một số đe dọa và bất cứ cuộc đàn áp nào có thể xảy ra với họ: điều này quan trọng hơn nhiều.

II. Thời gian được tiên đoán bởi tình trạng của dân Do Thái, bởi tình trạng của dân ngoại, bởi tình trạng của đền thờ, bởi số năm.

Các tiên tri đã đưa ra nhiều dấu hiệu khác nhau, tất cả đều xuất hiện khi Đấng Mêxia xuất hiện, điều cần là mọi dấu hiệu này phải đến cùng một lúc; và do đó, chế độ quân chủ thứ tư cần phải đến, khi bảy mươi tuần của Đanien đã ứng nghiệm; hãy cất vương trượng khỏi Giuđa, rồi Đấng Mêxia sẽ đến. Và thế là Chúa Giêsu Kitô xuất hiện và xưng mình là Đấng Mêxia.

Có lời tiên báo rằng trong chế độ quân chủ thứ tư, trước khi đền thờ thứ hai bị phá hủy, trước khi việc thống trị người Do Thái được cất đi, và vào tuần thứ bảy của Đanien, dân ngoại sẽ được giáo huấn và dẫn đến việc nhận biết Thiên Chúa vốn được người Do Thái thờ phượng; những ai yêu mến Người sẽ được giải thoát khỏi kẻ thù của họ, và tràn đầy lòng kính sợ và yêu mến Người.

Và Người đã đến vào nền quân chủ thứ tư, trước khi đền thờ thứ hai bị phá hủy, v.v., những người ngoại giáo đã thờ phượng Thiên Chúa một cách đồng đảo, và sống một cuộc sống thiên thân; các cô gái dâng hiến trinh tiết và cuộc đời của mình cho Thiên Chúa; đàn ông từ bỏ mọi khoái cảm. Điều mà Platông không thể thuyết phục được nơi một số người được lựa chọn và có học thức, một lực lượng bí mật đã thuyết phục hàng trăm nghìn người ngu dốt tin nó chỉ nhờ một vài lời nói.

Tất cả những điều này là gì? Là điều đã được tiên đoán từ rất lâu trước đây: *Effundam spiritum meum super omnem carnem* [Ta sẽ đổ thần khí ta trên mọi xác phàm] (Ge, 3: 1). Mọi dân tộc từng bất trung và sống trong tư dục: nay tất cả trái đất đều khao khát đức ái; các hoàng tử từ bỏ các sự vĩ đại của họ; người giàu có để lại tài sản của họ; các cô gái chịu tử vì đạo; con cái bỏ nhà cha mẹ để đi sống trong sa mạc. Sức mạnh này do đâu mà có? Đó là vì Đấng Mêxia đã đến. Đó là hiệu quả và đặc điểm của việc Người xuất hiện.

Trong hai ngàn năm qua, Thiên Chúa của người Do Thái không được biết đến nơi vô vàn các dân tộc ngoại giáo: và trong thời gian đã được tiên đoán, những người ngoại giáo đã thờ phượng vị Thiên Chúa này rất đông đảo; các đền thờ đã bị phá hủy; đến các vị vua cũng phục tùng thập giá. Tất cả những điều này là sao? Là thần khí Thiên Chúa được đổ tràn xuống trái đất.

Có lời tiên đoán rằng Đấng Mêxia sẽ đến để thiết lập một giao ước mới, sẽ làm cho người ta quên đi cuộc xuất hành ra khỏi Ai Cập (*Grm 23:7*); Người sẽ đặt lề luật của Người, không phải ở bên ngoài, nhưng ở bên trong lòng người (*Is 51:7*); Người sẽ đặt việc kính sợ Người, trước đây vốn chỉ ở bên ngoài, nay vào giữa tâm lòng con người (*Grm 31:33* và *32:40*).

Người Do Thái sẽ khiển trách Chúa Giêsu Kitô, và họ sẽ bị Thiên Chúa khiển trách, vì cây nho được chọn đã chỉ cho nho dại (*Is. 5: 2, 3, 4, v.v.*). Dân được chọn sẽ bất trung, vô ơn và bất tín: *Populum non credentem et contradicentem* [dân bất tín và nói ngược ngạo](*Is. 65: 2*). Thiên Chúa sẽ giáng sự mù quáng trên chúng, và chúng sẽ dò dẫm giữa ban trưa như người mù lòa (*Đnl 28: 28, 29*).

Giáo hội sẽ nhỏ bé lúc khởi đầu, và sau đó sẽ lớn mạnh (*Edk 37* và tiếp theo).

Có lời tiên đoán rằng lúc đó việc thờ ngẫu tượng sẽ bị lật đổ; Đấng Mêxia này sẽ đón ngã mọi ngẫu thần, và đưa loài người vào việc thờ phượng Thiên Chúa thật (*Edk 30:13*).

Các đền thờ của ngẫu thần sẽ bị triệt hạ, và giữa mọi các quốc gia và ở mọi nơi trên thế giới, người ta sẽ dâng lên Người một bánh thánh tinh tuyền, chứ không phải động vật (*Mik 1:11*).

Người sẽ dạy con người con đường hoàn hảo (*Is. 2: 3. Mk. 4: 2, v.v.*).

Người sẽ là vua của người Do Thái và của dân ngoại (*Tv 2, và 8, 71, 8, v.v.*).

Và chưa bao giờ, cả trước lẫn sau, có người nào đã dạy một điều gì gần như thế.

Sau khi biết bao người tiên đoán về sự kiện này, cuối cùng Chúa Giêsu Kitô đã đến để nói: Ta đây, và đã đến lúc. Người đến để nói với mọi người rằng họ không có kẻ thù nào khác ngoài chính họ; chính các đam mê của họ đã tách họ khỏi Thiên Chúa; Người đến để giải thoát họ khỏi chính họ, và để ban ơn thánh của Người cho họ, để từ mọi người, thành lập một Giáo hội thánh thiện; Người đến để dẫn đưa người ngoại giáo và người Do Thái về với Giáo hội này; Người đến để tiêu diệt các ngẫu tượng của người này, và sự mê tín của người kia.

Người nói với họ, điều các tiên tri tiên đoán sẽ xảy ra, Ta nói cho các ông hay các tông đồ của Ta sẽ thực hiện điều ấy. Người Do Thái sẽ bị cự tuyệt; Giêrusalem sẽ sớm bị phá hủy; người ngoại giáo sẽ tiến đến chỗ nhận biết Thiên Chúa; và các tông đồ của Ta sẽ mang họ đến đó sau khi các người giết người thừa kế vườn nho.

Sau đó, các tông đồ đã nói với người Do Thái: Các ngươi sắp bị nguyên rủa; và với người ngoại giáo: các bạn sẽ tiến vào sự hiểu biết Thiên Chúa.

Mọi người sẽ chống đối điều này bởi sự chống đối tự nhiên của tư dục nơi họ. Vị vua của dân Do Thái và dân ngoại này bị áp bức bởi những người này người nọ, họ âm mưu giết chết

Người. Tất cả những gì lớn lao trên thế giới hợp nhất chống lại tôn giáo non trẻ này, các nhà thông thái, hiền triết, các vị vua. Người thì viết, người thì kết án. Và, bất chấp tất cả những sự chống đối này, Chúa Giêsu Kitô, trong một thời gian ngắn, sẽ trị vì mọi người, và phá hủy cả việc thờ phượng của người Do Thái ở Giêrusalem, là trung tâm của nó, và là nơi Người thành lập Giáo hội đầu tiên của Người, lẫn việc thờ cúng các ngẫu thần ở Rôma, vốn là trung tâm của nó, và từ đó Người đã lập Giáo Hội chính của Người. Những người đơn sơ và không lực lượng, như các tông đồ và các Kitô hữu đầu tiên, đối kháng mọi quyền lực trên trái đất, nhưng phục tùng các vị vua, các nhà thông thái và hiền giả, và tiêu diệt việc thờ ngẫu thần đã được thiết lập vững vàng. Và tất cả những điều này được thực hiện bởi sức mạnh duy nhất của lời lẽ đã tiên đoán về Người.

Người Do Thái, khi giết Chúa Giêsu Kitô để khởi tiếp nhận Người như Đấng Mêxia, đã dành cho Người dấu hiệu cuối cùng của Đấng Mêxia. Khi tiếp tục không nhận biết Người, họ đã trở thành các nhân chứng không thể chối cãi: và khi giết Người, và tiếp tục phủ nhận Người, họ đã ứng nghiệm các lời tiên tri.

Ai lại không nhận biết Chúa Giêsu Kitô trước không biết bao nhiêu điển hình đặc thù đã tiên đoán về Người? Vì có lời chép:

Sẽ có một vị tiên hô (*Mlk 3:1*).

Người sẽ sinh ra làm trẻ nhỏ (*Is 9: 6*).

Người sẽ sinh ra ở thành Bêlem (*Mk. 5: 2*); Người sẽ xuất thân từ nhà Giuđa (*St 49: 8* và tiếp theo), và từ dòng dõi Đavít (*2V 7:12* và tiếp theo; *Is 7:13* và tiếp theo). Người sẽ xuất hiện chủ yếu ở Giêrusalem (*Mlk 3: 1. Haggai 2: 10*).

Người sẽ làm mù quáng các hiền giả và người uyên bác (*Is. 6: 10*), và công bố Tin Mừng cho người nghèo và người nhỏ bé (*Is. 61:1*), mở mắt cho người mù, và phục hồi sức khỏe cho người ốm đau (*Is. 35: 5* và *6*), và dẫn đến ánh sáng những người đang mòn mỏi trong bóng tối (*Is. 42:16*).

Người sẽ dạy dỗ đường trọn lành (*Is 30:21*), và làm thầy dạy dân ngoại (*Is. 55: 4*).

Người sẽ là cửa lễ hy sinh chuộc tội lỗi thế gian (*Is. 53:5*).

Người sẽ là viên đá nền tảng và quý giá (*Is. 28:16*).

Người sẽ là viên đá vấp ngã và tai tiếng (*Is. 8:14*).

Giêrusalem sẽ vấp phạm viên đá này (*Is. 8:15*).

Những thợ xây dựng sẽ bác bỏ viên đá này (*Tv 117:22*).

Thiên Chúa sẽ làm cho viên đá này trở thành viên đá góc (*Ibid*).

Và viên đá này sẽ lớn lên trở thành một ngọn núi mệnh mông, và choán cả trái đất (*Đn 2:35*).

Vì vậy, Người sẽ bị bác bỏ (*Tv 117:22*), không được nhìn nhận (*Is. 53:2* và *3*), bị phản bội (*Tv 40: 10*), bị bán (*Dcr 11:12*), bị tát (*Is. 50:6*), bị chế giễu (*Is. 51: 16*), bị sàu não vô vàn

cách (Tv 68:27), bị uống mật đắng (Tv 68: 22); sẽ bị đâm thủng bàn chân và bàn tay (Tv 21:17); người ta sẽ nhỏ vào mặt Người (Is. 50:6); Người sẽ bị giết (Dn 9:26), và áo sồng Người được bắt thăm (Tv 21:19).

Người sẽ sống lại vào ngày thứ ba (Tv 15:10. Hs 6:3).

Người sẽ lên trời (Tv 56:6 và 67: 19), để ngự bên hữu Thiên Chúa (Tv 109:1.)

Các vị vua đó sẽ tự trang bị chống lại Người (Tv 2:2).

Khi ngự bên hữu Đức Chúa Cha, Người sẽ chiến thắng kẻ thù của Người (Tv 109:5).

Các vua trên trái đất và mọi dân tộc sẽ thờ phượng Người (Tv 71:11).

Người Do Thái sẽ tồn tại như một quốc gia (Grm 31:36). Họ sẽ là những kẻ lang thang (Am 9:9), không vua, không hy lễ, không bàn thờ, v.v. (Hs 3:4), không tiên tri (Tv 73:9), mong chờ ơn cứu rỗi, nhưng không tìm thấy nó (Is 59:9. Grm 8:15).

III. Đấng Mêxia đã phải một mình phát sinh ra một dân tộc vĩ đại, được tuyển lựa, thánh thiện và được chọn; dẫn dắt họ, nuôi sống họ, dẫn họ tới nơi nghỉ ngơi và thánh thiện; làm họ nên thánh đối với Thiên Chúa; biến họ thành đền thờ của Thiên Chúa, giao hòa họ với Thiên Chúa, cứu họ khỏi cơn thịnh nộ của Thiên Chúa, giải thoát họ khỏi làm tội lỗi đang ngự trị rõ ràng trong con người; ban lề luật cho dân tộc này, khắc ghi những lề luật này trong lòng họ, dâng mình cho Thiên Chúa vì họ, hy sinh bản thân vì họ, trở thành bánh thánh không tỳ vết, trở thành chính đấng tế lễ: Người phải dâng hiến, và hiến thân cùng máu Người, và, tuy nhiên, dâng bánh cùng rượu cho Thiên Chúa. Chúa Giêsu Kitô đã làm tất cả những điều này.

Có lời tiên báo rằng sẽ có một đấng giải thoát, người sẽ đập đập đầu ma quỷ, sẽ giải thoát dân tộc của Người khỏi tội lỗi của họ, *ex omnibus iniquitatibus* (Tv 129:8); phải có một Tân Ước sẽ tồn tại mãi mãi; phải có một chức linh mục khác theo hàng Menkixêđê; chức linh mục này sẽ vĩnh viễn; Chúa Kitô phải vinh hiển, quyền năng, mạnh mẽ, nhưng khôn cùng đến mức không được nhìn nhận; người ta sẽ không coi Người như thực sự Người là; Người sẽ bị bác bỏ, Người sẽ bị giết; dân của Người, dân đã bác bỏ Người, sẽ không còn là dân của Người nữa; những người thờ ngẫu thần sẽ tiếp nhận Người và chạy lại với Người; Người sẽ rời Sion để trị vì ở trung tâm việc thờ ngẫu thần; Tuy nhiên, người Do Thái vẫn luôn tồn tại; Người sẽ xuất thân từ Giu-đa, khi không còn vua nữa.

IV. Người ta nên xem xét rằng, kể từ khi bắt đầu thế giới, sự mong đợi hoặc thờ phượng Đấng Mêxia đã tồn tại không gián đoạn; Người cũng đã được hứa với người đầu tiên, ngay sau khi ông sa ngã; kể từ đó đã có những người nói rằng Thiên Chúa đã mạc khải cho họ biết rằng Đấng Cứu Chuộc sẽ được sinh ra để cứu dân tộc mình; sau đó, Ápraham xuất hiện nói rằng ông đã được mạc khải rằng Người sinh ra từ ông bởi một đứa con trai mà ông sẽ có; Giacóp đã tuyên bố rằng trong số mười hai người con của ông, chính từ Giuđa Người sẽ sinh ra; sau đó, Môsê và các tiên tri đã đến công bố thời gian và cách thức Người đến; họ nói rằng lề luật mà họ có chỉ là để chờ lề luật của Đấng Mêxia; lề luật của họ sẽ tồn tại cho đến lúc đó, nhưng lề luật kia sẽ tồn tại mãi mãi; vì thế, lề luật của họ hay lề luật của Đấng Mêxia, mà nó là lời hứa, sẽ luôn ở trên trái đất; thực vậy, nó đã luôn tồn tại; và cuối cùng Chúa Giêsu Kitô đã đến trong mọi hoàn cảnh đã được báo trước. Điều này thật đáng khâm phục.

Người ta sẽ nói, nếu điều này đã được tiên đoán rõ ràng như vậy cho người Do Thái, thì làm

sao họ lại không tin? hoặc làm thế nào họ không bị tận diệt vì đã chống lại một điều rõ ràng như vậy?

Tôi xin trả lời rằng cả hai đều đã được tiên đoán, và họ sẽ không tin một điều quá rõ ràng như thế, mà vẫn sẽ không bị tận diệt. Và không có gì vinh quang hơn đối với Đấng Mêxia; vì chỉ có các tiên tri mà thôi chưa đủ; những lời tiên tri của họ phải được bảo tồn mà không bị nghi ngờ. Thế mà, v.v.

V. Các tiên tri trộn lẫn các lời tiên tri đặc thù với các lời tiên tri về Đấng Mêxia, để các lời tiên tri về Đấng Mêxia không phải là không có bằng chứng, và những lời tiên tri đặc thù không phải là không có kết quả.

Người Do Thái nói: *Non habemus regem nisi Cæsarem* [chúng tôi không có vua nào khác ngoài Xêda] (*Ga 19:15*). Vì vậy, Chúa Giêsu Kitô là Đấng Mêxia, vì họ không có vua nào khác ngoài người ngoại quốc, và họ không muốn có vua nào khác.

Bảy mươi tuần của Đanien lưỡng nghĩa đối với việc khởi đầu, vì các lời tiên tri; và đối với việc kết thúc, vì sự đa dạng của các nhà biên niên sử. Nhưng tất cả sự khác biệt này chỉ diễn ra trong hai trăm năm.

Các lời tiên tri mô tả Chúa Giêsu Kitô nghèo cũng mô tả Người là chúa tể các quốc gia (*Is 53:2* và tiếp theo; *Dcr 9: 9, 10*).

Những lời tiên tri tiên đoán thời gian chỉ tiên đoán Người là chúa tể dân ngoại và chịu đau khổ; chứ không ở trên các đám mây, cũng không phải quan án; còn những lời tiên tri mô tả Người như quan án xử các quốc gia và vinh hiển, thì không nói chi tới thời gian. Còn khi Đấng Mêxia được nói đến như Đấng vĩ đại và vinh hiển, rõ ràng là để phán xét thế gian chứ không phải để cứu chuộc nó (*Is 66:15, 16*).

MỤC XII: Nhiều bằng chứng khác nhau về Chúa Giêsu Kitô.

I. Để không tin các tông đồ, phải nói rằng họ đã bị lừa dối, hoặc họ đã lừa dối. Cả hai đều khó tin. Bởi vì, đầu tiên, không thể lừa dối bản thân khi cho rằng một người nào đó đã phục sinh; và mặt khác, giả thiết cho rằng họ đã gian xảo là điều vô lý một cách kỳ lạ.

Người ta nên theo đuổi đến cùng; hãy tưởng tượng mười hai người đó tập hợp với nhau sau cái chết của Chúa Giêsu Kitô, cùng âm mưu nói rằng Người đã sống lại: làm như thế, họ đã tấn công mọi quyền lực. Trái tim con người có khuynh hướng kỳ lạ là nhẹ dạ, hay thay đổi, thích hứa hẹn, của cải. Rất ít người trong số này lại không bị những điểm hấp dẫn này thôi thúc, phương chi là phải ngồi tù, tra tấn và chết, mất hết. Người ta nên xem xét điều đó.

Trong khi Chúa Giêsu Kitô còn ở với họ, Người có thể nâng đỡ họ. Nhưng sau đó, nếu Người không xuất hiện với họ, ai làm họ hành động?

II. Phong cách của Tin Mừng đáng ngưỡng mộ ở vô vàn cách thức, và trong số này có cách thức các sử gia không có lời thóa mạ nào chống lại Giuđa hoặc Philatô, cũng không chống lại bất cứ kẻ thù hoặc đao phủ nào của Chúa Giêsu Kitô.

Giả như sự chùng mực trên của các sử gia Tin Mừng, cũng như rất nhiều đặc điểm khác của một đức tính đẹp đẽ, đã bị tác động và bị tác động vì mục đích lôi kéo chú ý, và cứ cho rằng

chính họ không dám nhận xét đi nữa, thì họ vẫn có thể nhờ bạn bè nhận xét có lợi cho họ. Nhưng vì họ đã hành động một cách không bị tác động và một cách hoàn toàn vô vị lợi, họ đã không làm cho ai lưu ý về nó cả: Tôi thậm chí không biết, cho đến nay, liệu điều đó đã được lưu ý chưa; và đó là điều minh chứng cho sự ngây thơ thành thật trong cách thực hiện sự việc.

III. Chúa Giêsu Kitô đã làm nhiều phép lạ, và các tông đồ cũng đã tiếp nối, rồi các vị thánh đầu tiên cũng đã làm nhiều phép lạ; bởi vì, các lời tiên tri, vì chưa được ứng nghiệm, và tự ứng nghiệm, nên không có gì làm chứng cho bằng các phép lạ. Có lời tiên đoán rằng Đấng Mêxia sẽ làm cho các quốc gia trở lại. Làm thế nào lời tiên tri này được ứng nghiệm mà không có việc các quốc gia trở lại? Và làm thế nào các quốc gia trở lại với Đấng Mêxia, nếu không nhìn thấy hiệu quả của những lời tiên tri vốn chứng minh về Người? Vì vậy, trước khi Người chết, trước khi Người sống lại, và các quốc gia trở lại, mọi sự đều chưa ứng nghiệm; và vì vậy cần có các phép lạ trong suốt thời gian đó. Bây giờ, không cần các phép lạ nữa để chứng minh sự thật của Kitô giáo, vì những lời tiên tri được ứng nghiệm đã là một phép lạ lâu dài.



IV. Tình trạng hiện nay của người Do Thái cũng là một bằng chứng vĩ đại cho tôn giáo của chúng ta. Vì điều hết sức ngạc nhiên là thấy dân tộc này tồn tại trong thời gian rất dài và họ luôn khốn khổ: điều cần thiết để làm bằng chứng cho Chúa Giêsu Kitô là họ tồn tại để chứng minh điều đó, và họ khốn khổ vì đã đóng đinh Người trên thập giá: và, cho dù việc chịu khốn khổ và việc tồn tại có trái ngược nhau, họ vẫn đã luôn tồn tại, bất chấp sự khốn khổ của họ.

Nhưng há họ đã không sống gần như trong cùng một tình trạng như lúc họ bị giam cầm hay sao? Không. Vương trượng không bị gián đoạn bởi việc bị giam cầm ở Babylon, vì sự hồi hương đã hứa ban và dự đoán. Khi Nabucôđônôso dẫn dân đi, vì sự họ không tin vương trượng đã bị lấy khỏi Giuđa, họ đã được báo trước rằng họ sẽ ở đó không lâu, và họ sẽ được khôi phục. Họ luôn được các tiên tri an ủi, và các vị vua của họ vẫn tiếp tục. Nhưng sự hủy diệt lần thứ hai thì không có lời hứa sẽ phục hồi, không có các tiên tri, không có vua, không có an ủi, không có hy vọng, bởi vì vương trượng bị lấy đi vĩnh viễn.

Trước đây tuy bị giam cầm nhưng còn có lời bảo đảm sẽ được giải thoát trong bảy mươi năm. Còn bây giờ, họ bị giam cầm mà không có bất cứ hy vọng nào nữa.

Thiên Chúa còn hứa với họ rằng Người sẽ phân tán họ ra đến tận cùng thế giới, nhưng, nếu họ trung thành với lề luật của Người, Người sẽ tái tụ họp họ lại với nhau. Vì vậy, họ rất trung thành với Người, trong khi bị áp bức. Vì vậy, Đấng Mêxia cần phải đến, và lề luật, chứa những lời hứa này, đã kết thúc bởi việc thiết lập một lề luật mới.

V. Nếu mọi người Do Thái đều đã được Chúa Giêsu Kitô làm cho trở lại, có lẽ chúng ta sẽ chỉ có những nhân chứng đáng ngờ vục; còn nếu họ bị tận diệt, có lẽ chúng ta sẽ không còn nhân chứng nào cả.

Người Do Thái bác bỏ Người, không phải tất cả. Các thánh đã tiếp nhận Người, chứ không phải những kẻ xác thịt. Và mặc dù việc này chống lại sự vinh quang của Người, nhưng chính đặc điểm cuối cùng đã làm cho Người được ứng nghiệm. Lý do họ có về nó và là lý do duy nhất tìm thấy trong các trước tác của họ, trong Talmud và trong các giáo sĩ Do Thái, chỉ là vì Chúa Giêsu Kitô đã không khuất phục các quốc gia bằng vũ khí trong tay. Họ nói rằng Chúa Giêsu Kitô đã bị giết; Người đã gục ngã; Người đã không khuất phục dân ngoại bằng sức mạnh của Người; Người đã không cho chúng ta các chiến lợi phẩm của chúng; Người không ban các của cải giàu có. Há họ chỉ có thể để nói hay sao? Chính trong điều này, Người đáng yêu đối với tôi. Tôi không thích điều họ tưởng tượng ra.

VI. Thật đẹp biết bao khi thấy, bằng con mắt đức tin, Darius, Cyrus, Alexander, người La Mã, Pompée và Hérode hành động, cho vinh quang Tin Mừng, mà không biết!



VII. Tôn giáo Môhamét dựa trên Kinh Cô-răng và Môhamét. Nhưng nhà tiên tri này, người hẳn là người cuối cùng được thế giới mong đợi, có được tiên đoán không? Và ông có đặc điểm nào mà những người tự xưng mình là tiên tri không có? Chính ông nói ông đã làm được những phép lạ nào? Theo chính truyền thống của ông, ông đã giảng dạy màu nhiệm nào? Nền luân lý và phước hạnh nào?

Môhamét không có thâm quyền. Do đó, điều cần là các lý lẽ của ông phải rất mạnh mẽ, phải có sức mạnh riêng của chúng.

VIII. Nếu hai người nói những điều có vẻ thấp hèn nhưng lời lẽ của một người có ý nghĩa kép, được những người theo họ hiểu còn lời lẽ của người kia chỉ có một ý nghĩa: nếu ai đó, không có bí quyết, nghe hai bên thảo luận cách này, họ sẽ nhận định như nhau. Nhưng nếu sau đó, trong phần còn lại của cuộc thảo luận, một người nói những điều thiên thần, còn người kia luôn nói những điều thấp hèn và thông thường, và thậm chí những điều vô nghĩa, thì người ta sẽ đánh giá người này nói một cách màu nhiệm, chứ không phải người kia: người này đã chứng tỏ đủ rằng họ không thể nói những điều vô nghĩa, và có thể nói những điều màu nhiệm; còn người kia không có khả năng nói những điều màu nhiệm và chỉ có khả năng nói những điều vô nghĩa.

IX. Không phải vì những điều tối tăm nơi Môhamét, được người ta coi có ý nghĩa màu nhiệm, mà tôi muốn người ta đánh giá về nó, nhưng vì những gì rõ ràng, vì thiên đàng của ông, và nhiều điều khác. Chính trong điều này, ông rất nực cười. Kinh thánh không như thế. Tôi muốn có những điều tối tăm trong đó; nhưng ở đó có những điều rõ ràng một cách đáng ngưỡng mộ, và các lời tiên tri đã được ứng nghiệm tỏ tường. Việc so sánh, do đó, không cân bằng. Không nên lẫn lộn và cân bằng những điều chỉ giống nhau ở việc tối tăm, chứ không

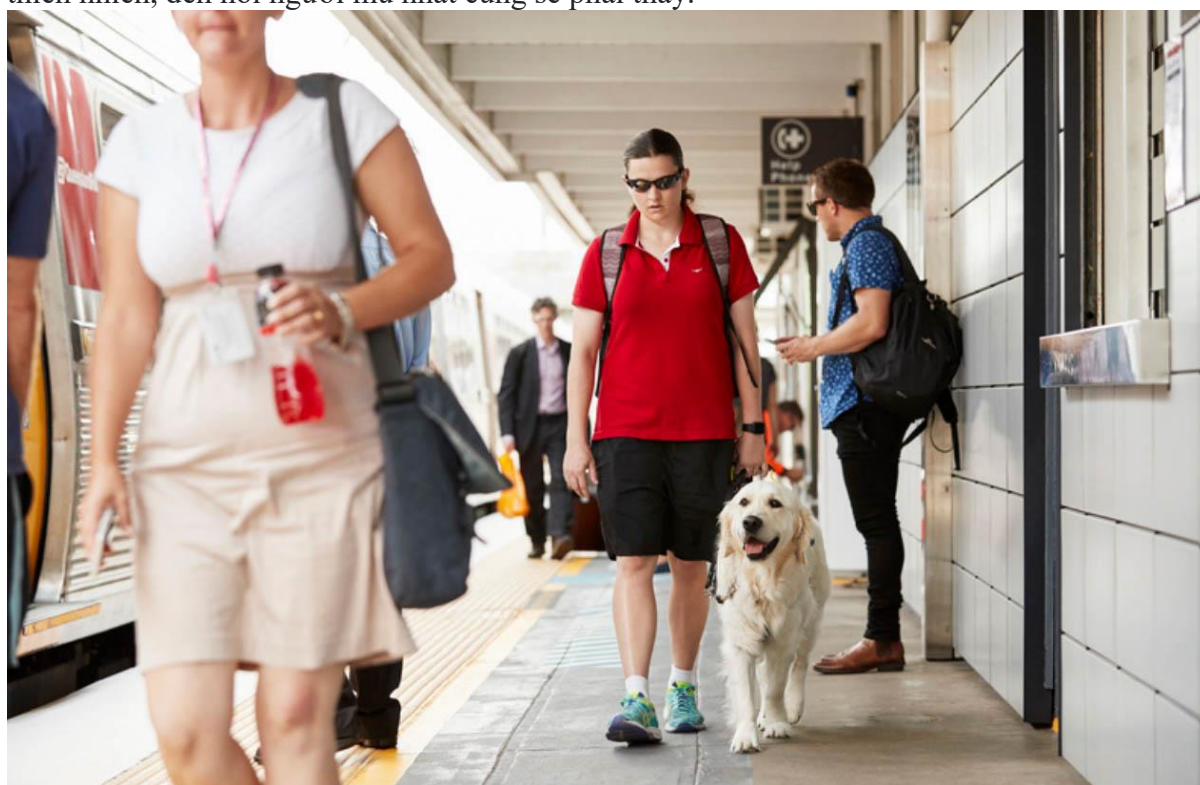
giống nhau ở việc rõ ràng, xứng đáng được người ta tôn kính các tội tã, khi chúng có tính thần thiêng. Kinh Cô-răng nói rằng Thánh Mát-thêu là người giàu có. Vậy, Mô-ham-mét là một tiên tri giả, vì cả việc gọi những người giàu có là kẻ ác, lẫn vì không tin họ do những điều họ nói về Chúa Giê-su Ki-tô.

X. Bất cứ người nào cũng có thể làm điều Mô-ham-mét đã làm; vì ông đã không hề làm phép lạ nào, không hề được tiên đoán, v.v. Không con người nào đã có thể làm những gì Chúa Giê-su Ki-tô đã làm.

Mô-ham-mét tự thiết lập bằng cách giết người, Chúa Giê-su Ki-tô thiết lập bằng cách làm cho các người theo Người bị giết; Mô-ham-mét cấm đọc, Chúa Giê-su Ki-tô truyền cho người ta đọc. Cuối cùng, điều này mâu thuẫn đến nỗi, nếu Mô-ham-mét đi theo con đường thành công của con người thì Chúa Giê-su Ki-tô đã đi theo con đường bị hủy diệt về phương diện con người. Và thay vì kết luận rằng, vì Mô-ham-mét thành công, nên Chúa Giê-su Ki-tô đã có thể thành công, cần phải nói rằng vì Mô-ham-mét thành công, nên Ki-tô giáo phải diệt vong, nếu nó không được nâng đỡ bởi một sức mạnh hoàn toàn thần thiêng.

MỤC XIII: Kế sách che giấu với người này và tỏ lộ với người kia.

I. Thiên Chúa muốn cứu chuộc loài người và ban ơn cứu rỗi cho những người tìm kiếm nó. Nhưng con người tự làm cho mình bất xứng với nó đến nỗi quả là chính đáng khi, vì việc ra cứng lòng của họ, Người từ chối ban cho một số người điều Người ban cho những người khác do lòng thương xót chứ không do công lao của họ. Nếu Người muốn thắng vượt sự cố chấp của những người cứng lòng nhất, Người có thể làm thế bằng cách tự tỏ mình ra cách tỏ tường cho họ đến nỗi họ không còn có thể nghi ngờ sự thật về sự hiện hữu của Người; và đó là cách Người sẽ xuất hiện vào ngày sau hết, với những tiếng sét vang dội và sự đảo ngược thiên nhiên, đến nỗi người mù nhất cũng sẽ phải thấy.



Người đã không muốn xuất hiện theo cách đó trong biến cố Người đến cách dịu dàng; bởi vì rất nhiều người đã tự làm cho mình bất xứng với lòng nhân từ của Người, nên Người muốn để họ ở trong tình trạng thiếu phước lành mà chính họ không muốn. Thành thử, sẽ không chính đáng khi Người xuất hiện một cách thần thiêng rõ ràng, và tuyệt đối có sức thuyết phục mọi người; nhưng cũng sẽ không chính đáng khi Người đến một cách giấu ẩn đến nỗi những người chân thành tìm kiếm Người cũng không thể nhận ra Người. Người muốn làm cho Người được những người này biết đến hoàn toàn; và vì vậy, vì muốn xuất hiện tỏ tường với những người tìm kiếm Người hết tâm hồn, và giấu ẩn với những người xa lánh Người hết tâm hồn, Người đã làm cho nhận thức của Người kém bén nhạy đi đến nỗi Người tự làm cho Người các đặc điểm tỏ tường với những người tìm kiếm Người và các đặc điểm giấu ẩn với những người không tìm kiếm Người.

II. Có đủ ánh sáng cho những người muốn thấy, và đủ bóng tối cho những người có xu hướng trái ngược. Có đủ rõ ràng để chiếu sáng những người được chọn, và đủ bóng tối để làm họ tối tăm. Có đủ bóng tối để làm mù những người bị trầm luân, và đủ rõ ràng lên án họ và khiến họ không thể bào chữa được.

Nếu thế giới tồn tại để giáo huấn con người về sự hiện hữu của Thiên Chúa, thì thần tính của Người phải tỏa sáng khắp trong đó một cách không thể chối cãi chứ; nhưng, vì nó chỉ tồn tại nhờ Chúa Giêsu Kitô và vì Chúa Giêsu Kitô, và để giáo huấn con người cả về sự sa đọa lẫn ơn cứu chuộc của họ, mọi sự ở đó đầy những bằng chứng về hai sự thật này. Điều gì xuất hiện ở đó cũng đều không đánh dấu một loại trừ hoàn toàn hoặc một sự hiện diện tỏ tường của thần tính, mà là sự hiện diện của một vị Thiên Chúa tự giấu ẩn: mọi sự đều mang đặc điểm này.

Nếu không có dấu hiệu nào của Thiên Chúa từng xuất hiện, thì sự thiếu vắng đời đời như thế sẽ mơ hồ lưỡng nghĩa và có thể gán như nhau cho sự thiếu vắng bất cứ thần tính nào và cho sự kiện con người không xứng đáng biết thần tính ấy; nhưng sự kiện đôi Người xuất hiện dù đôi khi chứ không luôn luôn đã gỡ bỏ mọi mơ hồ lưỡng nghĩa. Nếu Người có xuất hiện một lần, thì Người quả hiện hữu mãi mãi. Do đó, chúng ta không thể kết luận bất cứ điều gì khác, ngoại trừ có một vị Thiên Chúa, và con người không xứng đáng với Người.

III. Kế sách của Thiên Chúa là hoàn thiện ý chí hơn là tinh thần. Thế nhưng, sự rõ ràng hoàn toàn lại chỉ phục vụ tinh thần, và gây hại cho ý chí. Nếu không có sự tối tăm, con người sẽ không cảm thấy sự sa đọa của mình; nếu không có ánh sáng, con người sẽ không hy vọng có thuốc chữa.

Vì vậy, không những chỉ công bằng mà còn hữu ích cho chúng ta, khi Thiên Chúa bị che giấu một phần và được tỏ lộ một phần, vì quả là nguy hiểm ngang nhau cho con người khi họ biết Thiên Chúa mà không biết sự khốn cùng của họ, và biết sự khốn cùng của họ mà không biết Thiên Chúa.

IV. Mọi sự đều dạy dỗ con người biết thân phận của họ, nhưng họ phải hiểu chúng: vì điều không đúng là Thiên Chúa tự tỏ lộ, và tự giấu mình hoàn toàn. Và điều đúng là Người tự giấu Người đối với những kẻ thử thách Người, và Người tự tỏ mình Người đối với những người tìm kiếm Người, vì mọi con người đều vừa bất xứng đối với Thiên Chúa vừa có khả năng biết Thiên Chúa; bất xứng bởi sự sa đọa của họ, có khả năng do bản chất đầu tiên của họ.

V. Không có gì trên trái đất mà không biểu lộ một là sự khốn cùng của con người, hai là lòng thương xót của Thiên Chúa; một là sự bất lực của con người không có Thiên Chúa, hai là sức

manh của con người có Thiên Chúa.

Cả vũ trụ dạy con người một là họ hư hỏng, hai là họ được cứu chuộc; mọi sự đều dạy họ cả sự vĩ đại lẫn sự khốn cùng của họ. Việc từ bỏ Thiên Chúa xuất hiện nơi những người ngoại giáo; việc che chở của Thiên Chúa xuất hiện nơi những người Do Thái.

VI. Mọi sự trở nên tốt đẹp cho những người được tuyển chọn, kể cả các tội tằm của Kinh thánh; vì họ tôn kính chúng, nhờ các rõ ràng của Thiên Chúa mà họ thấy trong đó: và mọi sự trở nên tồi tệ với những kẻ trầm luân, kể cả các rõ ràng; vì họ báng bổ chúng do các tội tằm họ không hiểu.

VII. Nếu Chúa Giêsu Kitô chỉ đến để thánh hóa, thì trọn Kinh thánh và mọi sự chắc chắn sẽ qui hướng vào đó, và sẽ dễ dàng để thuyết phục những kẻ vô đạo. Nhưng vì Người đến *in sanctificationem et in scandalum* (để vừa thánh hóa vừa gây vấp ngã) như Isaia nói (Is. 8:14), chúng ta không thể thuyết phục sự cố chấp của kẻ ngoại đạo: nhưng điều đó không chống lại chúng ta, vì chúng ta nói rằng trong cách xử sự của Thiên Chúa, không hề có xác tín nào đối với những tinh thần ngoan cố, và không chân thành tìm kiếm sự thật. Chúa Giêsu Kitô đến, để những người không thấy được thấy, và để những người thấy trở thành mù quáng; Người đến để chữa lành người bệnh và để các vị thánh chết; kêu gọi người tội lỗi thống hối và làm họ nên công chính, và để mặc những người tin rằng mình công chính trong tội lỗi của họ; ban đầy tràn cho người thiếu thốn, và để người giàu có trở về tay không.

Các tiên tri nói gì về Chúa Giêsu Kitô? Có phải Người hiển nhiên là Thiên Chúa không? Không: nhưng Người là một vị Thiên Chúa thực sự giấu ẩn; Người sẽ bị ngộ nhận; người ta sẽ không nghĩ đó là chính Người; Người sẽ là một hòn đá làm cho một số người vấp ngã, v.v.

Chính để làm cho Đấng Mêxia được những người tốt biết đến, và bị những kẻ ác không nhận ra, mà Thiên Chúa đã làm cho Người được báo trước theo cách này. Nếu đường lối của Đấng Mêxia đã được tiên đoán rõ ràng thì sẽ không có sự tối tăm nào, ngay cả đối với những kẻ ác. Nếu thời gian được báo trước một cách mơ hồ, thì có sự tối tăm, ngay cả đối với những người tốt; bởi vì sự tốt lành của trái tim họ sẽ chỉ làm cho họ hiểu rằng một chữ *mem* (mem), chẳng hạn, có nghĩa là sáu trăm năm". Nhưng thời gian đã được tiên đoán rõ ràng còn cách thức thì được tiên đoán bằng các số liệu.

Nhờ cách đó, kẻ ác, vì coi những ơn phúc đã hứa là các của cải tạm bợ, nên đã lầm lạc dù thời gian đã được tiên đoán rõ ràng; còn những người tốt không lạc đường: vì việc hiểu các ơn phúc đã hứa tùy thuộc trái tim, là quan năng gọi là ơn phúc điều nó yêu mến; nhưng việc hiểu thời gian đã hứa không phụ thuộc trái tim; và do đó việc tiên đoán rõ ràng về thời gian, và tối tăm về ơn phúc chỉ đánh lừa những kẻ ác.

VIII. Đấng Mêxia sẽ phải như thế nào, vì nhờ Người mà vương trượng phải ở Giuđa mãi mãi, và khi Người đến, vương trượng phải bị lấy khỏi Giuđa?

Không điều nào khéo hơn điều này: làm cho họ nhìn, mà không thấy và làm cho họ nghe mà không hiểu.

Thay vì phàn nàn về việc Thiên Chúa tự giấu ẩn, ta phải cảm ơn Người vì Người đã tự tỏ mình ra như thế, và cũng cảm ơn Người đã không tự tỏ mình ra cho những người khôn ngoan của thế gian, cũng không cho những người kiêu ngạo, không xứng đáng biết một Thiên Chúa hết sức thánh thiện.

IX. Gia phả của Chúa Giêsu Kitô trong Cựu ước bị pha trộn bởi rất nhiều điều vô dụng khác, đến nỗi người ta không thể nào biện phân được. Nếu Môsê chỉ ghi lại các tổ tiên của Chúa Giêsu Kitô, thì gia phả đó đã hết sức rõ ràng rồi. Nhưng, dù sao, người nào nhìn kỹ sẽ thấy gia phả của Chúa Giêsu Kitô rõ ràng được biện phân qua Thamar, Ruth, v.v.

Các điểm yếu rõ ràng nhất là các điểm mạnh đối với những người biết nhìn rõ mọi sự vật. Ví dụ, hai gia phả của Thánh Mátthêu và Thánh Luca: điều rõ ràng là nó đã không được thực hiện một cách hợp ý với nhau.

X. Vì vậy, ước chi người ta đừng trách móc chúng ta vì sự thiếu rõ ràng, vì chúng ta vốn tuyên xưng điều đó. Nhưng ước chi họ nhìn nhận chân lý của tôn giáo ngay trong chính sự tối tăm của tôn giáo, trong một chút nhận thức chúng ta có về nó, và trong sự thờ ơ chúng ta có đối với việc biết nó.

Nếu chỉ có một tôn giáo, Thiên Chúa sẽ quá hiển hiện; nếu không có người tử vì đạo ngoại trừ trong tôn giáo của chúng ta, thì cũng thế.

Chúa Giêsu Kitô, vì muốn để cho kẻ ác trong cảnh mù tối nên đã không nói rằng Người không phát xuất từ Nadarét, cũng không phải là con trai của Thánh Giuse.

XI. Vì Chúa Giêsu Kitô vẫn sống vô danh giữa loài người, nên trong dư luận thông thường, sự thật cũng vẫn không được biết đến, không có sự khác biệt bên ngoài: Thánh Thể cũng như thế giữa các hình bánh thông thường.

Nếu lòng thương xót của Thiên Chúa quá lớn đến nỗi Người dạy dỗ chúng ta cách sinh ơn ích, ngay cả lúc Người tự giấu mình, thì chúng ta còn mong ánh sáng nào nữa khi Người tự rõ mình ra?

Chúng ta sẽ không hiểu gì về công việc của Thiên Chúa, nếu chúng ta không lấy làm nguyên tắc việc Người làm mù một số người và soi sáng một số người khác.

MỤC XIV: Các Kitô hữu đích thực và các người Do Thái đích thực có cùng một tôn giáo.

1. Tôn giáo của người Do Thái, trong yếu tính, hình như hệ ở dòng giống Ápraham, ở việc cắt bì, hy tế, nghi lễ, hòm bia, đền thờ Giêrusalem, và cuối cùng là trong lề luật và giao ước Môsê.

Tôi xin nói nó không hệ ở bất cứ điều gì trong số những điều ấy nhưng chỉ hệ ở tình yêu Thiên Chúa, và Thiên Chúa bác bỏ mọi điều khác. Thiên Chúa không quan tâm đến những con người xác thịt xuất phát từ Ápraham. Người Do Thái sẽ bị Chúa trừng phạt như những người ngoại quốc, nếu họ xúc phạm đến Người. *Nếu anh em quên Thiên Chúa, và theo các thần xa lạ, tôi tiên đoán anh em sẽ bị diệt vong cùng một cách như các quốc gia mà Thiên Chúa đã tận diệt trước mặt anh em (Đnl 8: 19, 20).*



Người ngoại quốc sẽ được Thiên Chúa đón nhận như người Do Thái, nếu họ yêu mến Người. Những người Do Thái đích thực chỉ trông mong công phúc của họ từ Thiên Chúa, chứ không phải từ Ápraham. *Quả chính Ngài là Cha chúng con! Chúng con không được ông Ápraham biết đến, không được ông Ítraen nhìn nhận, còn Ngài, lay ĐỨC CHÚA, Ngài mới là Cha, là Đấng cứu chuộc chúng con (Is. 63:16).*

Ngay cả Môsê cũng nói với họ rằng Thiên Chúa sẽ không thiên vị ai. Ông nói, *Thiên Chúa không thiên vị ai, cũng không chấp nhận hy lễ (Đnl 10:17.)*

Tôi cho rằng phép cắt bì trái tim được truyền lệnh: *Hãy cắt bì trái tim; hãy cắt bỏ những đồ dư thừa khỏi trái tim các ngươi, và đừng cứng lòng nữa, vì Thiên Chúa của các ngươi là Thiên Chúa vĩ đại, quyền năng và khả úy, Người không thiên vị ai (Đnl 10: 16, 17; Grm 4: 4).*

Thiên Chúa nói một ngày nào đó Người sẽ làm điều đó. *Chúa sẽ cắt bì trái tim ngươi và con cái ngươi, để ngươi yêu mến Người hết lòng (Đnl 30:6).*

Những kẻ không cắt bì trái tim sẽ bị phán xét. Vì Thiên Chúa sẽ phán xét các dân tộc không cắt bì và tất cả dân tộc It-ra-en, vì bởi vì họ không cắt bì trái tim. (Grm 9: 25, 26).

II. Tôi nói rằng cắt bì là một hình bóng đã được thiết lập để phân biệt dân tộc Do Thái với mọi dân tộc khác (St 17:11). Và do đó, khi ở trong sa mạc, họ đã không cắt bì: bởi vì họ không thể nhầm lẫn với các dân tộc khác, và từ khi Chúa Giê-su Kitô đến, điều này không còn cần thiết nữa.

Tình yêu Thiên Chúa được khuyến khích trong mọi sự. *Tôi lấy trời đất làm chứng tôi đã đặt trước anh (em) sự sống và sự chết để anh (em) chọn sự sống, để anh (em) yêu mến Thiên Chúa, vâng lời Người, vì Thiên Chúa chính là sự sống của anh (em) (Đnl 30:19, 20)*

Có lời chép rằng người Do Thái, vì thiếu tình yêu này, sẽ bị rầy bỏ vì tội ác của họ, và những người ngoại giáo sẽ được chọn thay thế họ. *Ta sẽ ẩn mặt đi khỏi chúng khi thấy các tội ác cuối cùng của chúng vì chúng là một dân tộc dữ dằn và bất trung (Đnl 32: 20, 21.) Chúng chọc giận Ta bằng những điều không thuộc các thần minh; và Ta sẽ khiêu khích chúng tới ghen tuông bằng một dân tộc không phải là dân tộc của Ta, và bằng một quốc gia không có khoa học và trí thông minh (Is 65).*

Các phước lành tạm bợ là giả dối và phước lành đích thực là được kết hợp với Thiên Chúa (Tv 72).

Các lễ lạy của họ không làm vui lòng Thiên Chúa (*Am 5: 21*).

Các hy lễ của người Do Thái không làm vui lòng Thiên Chúa, và không những chỉ của người Do Thái gian ác, nhưng Người thậm chí không hài lòng với các hy lễ của người Do Thái tốt lành trong những điều tốt lành, như thấy trong Thánh vịnh 49, trong đó, trước khi phát biểu với những kẻ ác, *Peccatori autem dixit Deus*, Người nói Người không muốn cá hy lễ bằng thú vật, cả máu của chúng cũng không (*Is 66; Grm 6:20*).

Các hy lễ của dân ngoại sẽ được Thiên Chúa tiếp nhận, và Thiên Chúa sẽ rút ý muốn của Người khỏi các hy lễ của người Do Thái (*Mlk. 1: 11*).

Thiên Chúa sẽ lập giao ước mới qua Đấng Mêxia, và giao ước cũ sẽ bị bác bỏ (*Grm 31: 31*).

Các điều cũ sẽ bị lãng quên (*Is 43:18, 19*).

Hòm bia sẽ không còn được tưởng nhớ nữa (*Grm 3:16*).

Đền thờ sẽ bị bãi bỏ (*Grm 7: 12, 13, 14*).

Các hy lễ sẽ bị bác bỏ, và những hy lễ tinh tuyền khác sẽ được thiết lập (*Mlk 1: 10, 11*).

Dòng tư tế Aarôn sẽ bị bác bỏ, và dòng tư tế Menkixêđê sẽ được thiết lập bởi Đấng Mêxia (*Tv 109*).

Dòng tư tế này sẽ vĩnh cửu (*vừa dẫn*).

Giêrusalem sẽ bị bãi bỏ, và một tên mới được ban cho (*Is 65*).

Tên sau cùng này sẽ tốt hơn tên của người Do Thái, và sẽ vĩnh cửu (*G. 56:5*).

Người Do Thái sẽ không có tiên tri, không có vua, không có hoàng tử, không có hy lễ, không có bàn thờ nữa (*Hs 3: 4*).

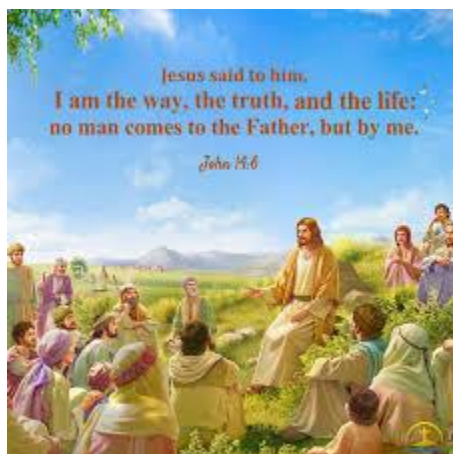
Tuy nhiên, người Do Thái sẽ vẫn luôn tồn tại như một dân tộc (*Grm 31: 36*).

MỤC XV: Người ta chỉ biết Thiên Chúa một cách hữu ích qua Chúa Giêsu Kitô.

I. Hầu hết những người dẫn thân vào việc chứng minh thần tính cho những kẻ vô đạo thường bắt đầu bằng các công trình của thiên nhiên, và hiếm khi họ thành công. Tôi không công kích sự vững chắc của các bằng chứng này từng được Sách Thánh thánh hiến: chúng phù hợp với lý trí; nhưng thường chúng không phù hợp đủ và không tỷ lệ thuận đủ với thiên hướng tinh thần của những người chúng được hướng tới.

Vì cần lưu ý điều này: người ta không ngờ lời phát biểu này cho những người có đức tin sống động trong lòng, và là những người thấy ngay lập tức rằng tất cả những gì hiện hữu đều không là gì ngoài là công trình của Thiên Chúa được họ tôn thờ. Đối với họ, toàn bộ thiên nhiên đều nói lên tác giả của nó, và các tầng trời đều công bố vinh quang Thiên Chúa. Nhưng đối với những người mà ánh sáng này đã bị giập tắt và nơi họ, người ta dự định hồi sinh nó, những người thiếu đức tin và lòng bác ái, những người chỉ thấy bóng tối và tối tăm trong toàn

bộ thiên nhiên, xem ra không phải là cách để dẫn họ đến đó nếu chỉ cung cấp cho họ, để làm bằng chứng cho chủ đề lớn lao và quan trọng này, đường đi của mặt trăng hoặc các hành tinh, hoặc các lý luận thông thường và họ liên tục cứng lòng chống lại chúng. Sự chai cứng tinh thần của họ đã khiến họ điếc đối với tiếng nói ấy của thiên nhiên, luôn vang lên bên tai họ; và kinh nghiệm cho thấy rằng dù người ta không thắng được họ bằng phương thế này, nhưng, trái lại, không có gì có khả năng làm họ chán nản và lấy mất niềm hy vọng tìm thấy sự thật, hơn là có tham vọng thuyết phục họ chỉ bằng những kiểu lý luận như thế, và nói với họ rằng họ phải nhìn thấy ở đây sự thật một cách tỏ tường.



Đây không phải là cách Kinh thánh, kinh biết hay hơn chúng ta những điều thuộc về Thiên Chúa, nói về điều đó. Nó quả có nói với chúng ta rằng vẻ đẹp của các tạo vật làm chúng ta biết tác giả của chúng; nhưng nó không nói với chúng ta rằng chúng tạo hiệu quả ấy nơi tất cả mọi người. Ngược lại, nó cảnh báo chúng ta rằng khi chúng tạo hiệu quả ấy, thì không phải do chúng mà do ánh sáng được Thiên Chúa, cùng một lúc, chiếu rọi trong tâm trí những kẻ được Người tự tỏ mình bằng phương thế đó: *Quod notum est Dei, manifestum est in illis; Deus enim illis manifestavit* [Những gì người ta có thể biết về Thiên Chúa, thì thật là hiển nhiên trước mắt họ, vì chính Thiên Chúa đã cho họ thấy rõ] (Rm 1:19.) Nó thường nói với bạn rằng Thiên Chúa là một Thiên Chúa giấu ẩn: *Verè tu es Deus absconditus* [Ngài quả thật là Thiên Chúa giấu ẩn] (Is. 45:15); và kể từ lúc thiên nhiên ra tha hóa, Người đã để con người trong cảnh mù lòa mà họ chỉ có thể thoát ra nhờ Chúa Giê-su Kitô, mà ngoài Người ra, mọi thông đạt với Thiên Chúa đều bị tước mất khỏi chúng ta: *Nemo novit patrem nisi filius, et cui voluerit filius revelare* [không ai biết rõ Chúa Cha, trừ người Con và kẻ mà người Con muốn mặc khải cho] (Mt 11: 27).

Một lần nữa, đây là điều Kinh thánh đánh dấu cho chúng ta, khi nói cho chúng ta biết ở rất nhiều chỗ rằng những ai tìm kiếm Thiên Chúa sẽ tìm thấy Người; vì người ta không nói như thế về một ánh sáng rõ ràng và hiển nhiên: người ta không tìm kiếm nó; nó tự biểu lộ và tự cho người ta thấy nó.

II. Những bằng chứng siêu hình về Thiên Chúa thật xa vời lý luận của con người và quá bao hàm (impliquées) đến nỗi chúng ít đánh động được ai; và dù điều này có thể hữu ích cho một số người, thì cũng chỉ chốc lát lúc họ mới thấy kiểu chứng minh này; nhưng, một giờ sau, họ đã sợ bị lừa rồi. *Quod curiositate cognoverint superbia amiserunt* [điều họ biết do tò mò, họ sẽ đánh mất ý nghĩa cao siêu?] (1).

Và lại, những loại chứng cứ này chỉ có thể dẫn chúng ta tới một nhận thức có tính suy lý về

Thiên Chúa mà thôi; và nếu chỉ biết Người theo cách này, thì không phải là biết Người.

Đối với các Kitô hữu, Thiên tính không hề ở một Thiên Chúa chỉ là tác giả các sự thật hình học và trật tự các yếu tố; đó là cái hiểu của người ngoại giáo.

Nó không chỉ hề ở một Thiên Chúa, Đáng thực hiện sự quan phòng của Người trên cuộc sống và trên các phước lành của con người, để ban các năm tháng hạnh phúc cho những người tôn thờ Người; đó là niềm hy vọng của người Do Thái. Nhưng Thiên Chúa của Ápraham và Giacóp, Thiên Chúa của các Kitô hữu, là một Thiên Chúa của tình yêu và an ủi: đó là một Thiên Chúa, Đáng tràn đầy linh hồn và trái tim mà Người sở hữu: đó là một Thiên Chúa khiến họ cảm thấy trong nội tâm sự khốn cùng của họ và lòng thương xót vô hạn của Người; Đáng kết hợp với họ trong nội tâm linh hồn họ; Đáng đổ đầy linh hồn họ đức khiêm tốn, lòng vui vẻ, tự tin, tình yêu; Đáng làm cho họ không có khả năng có bất cứ cùng đích nào ngoài Người ra.

Thiên Chúa của Kitô hữu là một Thiên Chúa làm cho linh hồn cảm thấy rằng Người là sự thiện duy nhất của nó; mọi nghỉ ngơi của nó là ở trong Người, và nó sẽ chỉ có niềm vui là yêu Người; và đồng thời, Người làm cho họ ghê tởm những trở ngại giữ chân họ, và ngăn chặn họ không yêu Người hết sức của họ. Tự ái và tự dục, những thứ giam hãm họ, Người không thể chịu đựng được. Vị Thiên Chúa này làm cho họ cảm thấy rằng tận đáy linh hồn họ là tự ái, và chỉ có Người mới có thể chữa trị được.

Đối với Kitô hữu, biết Thiên Chúa là như thế. Tuy nhiên, để biết Người cách này, cần phải đồng thời biết sự khốn cùng của họ, sự không xứng đáng của họ, và nhu cầu phải có một người trung gian để đến gần Thiên Chúa và hợp nhất với Người. Không được tách biệt các nhận thức này, vì khi bị tách biệt, không những chúng vô dụng, mà còn có hại nữa. Sự hiểu biết về Thiên Chúa mà không có sự hiểu biết về sự khốn cùng của chúng ta tạo ra kiêu ngạo. Sự hiểu biết về sự khốn cùng của chúng ta mà không có sự hiểu biết về Chúa Giêsu Kitô tạo ra sự tuyệt vọng. Nhưng sự hiểu biết về Chúa Giêsu Kitô làm chúng ta thoát khỏi cả sự kiêu ngạo lẫn sự tuyệt vọng, vì ở đó chúng ta thấy Thiên Chúa, sự khốn cùng của chúng ta, và cách duy nhất để sửa chữa nó.

Chúng ta có thể biết Thiên Chúa mà không biết các khốn cùng của chúng ta, hoặc các khốn cùng của chúng ta mà không biết Thiên Chúa; hoặc thậm chí biết Thiên Chúa và các khốn cùng của chúng ta, mà không biết cách để giải thoát chúng ta khỏi các khốn cùng vốn đè bẹp chúng ta. Nhưng chúng ta không thể biết Chúa Giêsu Kitô mà lại không biết mọi sự và Thiên Chúa, và các khốn cùng của chúng ta, và phương thuốc chữa các khốn cùng của chúng ta; vì Chúa Giêsu Kitô không chỉ là Thiên Chúa, mà Người là một vị Thiên Chúa sửa chữa các khốn cùng của chúng ta.

Vì vậy, tất cả những ai tìm kiếm Thiên Chúa mà không tìm Chúa Giêsu Kitô sẽ không tìm thấy ánh sáng nào có thể thỏa mãn họ, hoặc thực sự hữu ích cho họ. Vì hoặc họ không tiến đến chỗ nhận biết có một vị Thiên Chúa, hoặc, nếu họ có tiến tới chỗ đó đi nữa, thì cũng vô ích cho họ, vì họ tự tạo một phương thể thông đạt mà không có người trung gian với vị Thiên Chúa mà họ biết nhưng không có người trung gian: đến nỗi họ rơi hoặc vào thuyết vô thần hoặc vào thuyết duy thần (deism), hai điều bị Kitô giáo ghê tởm hầu như như nhau.

Do đó, cần phải cố gắng chỉ để biết Chúa Giêsu Kitô, vì chỉ nhờ một mình Người mà chúng ta mới có thể cho rằng mình biết Thiên Chúa một cách hữu ích cho chúng ta.

Chính Người là Thiên Chúa thật của loài người, nghĩa là những con người khốn cùng và tội lỗi. Người là trung tâm của mọi sự và là đối tượng của mọi sự: và ai không biết Người thì không biết gì cả trong trật tự thế giới, cũng như trong chính bản thân họ. Vì không những chúng ta chỉ biết Thiên Chúa qua Chúa Giêsu Kitô, nhưng chúng ta cũng chỉ biết chính mình nhờ Chúa Giêsu Kitô mà thôi.

Không có Chúa Giêsu Kitô, con người phải ở trong thói hư và khốn cùng; với Chúa Giêsu Kitô, con người thoát khỏi thói hư và khốn cùng. Nơi Người là tất cả hạnh phúc của chúng ta, nhân đức của chúng ta, sự sống của chúng ta, ánh sáng của chúng ta, hy vọng của chúng ta; và bên ngoài Người chỉ có thói hư, sự khốn cùng, bóng tối, tuyệt vọng, và chúng ta chỉ thấy tối tăm và bối rối trong bản tính Thiên Chúa và trong bản tính của chính chúng ta.

MỤC XVI. Các suy nghĩ về phép lạ.

I. Sự thật của tín lý phải được phán đoán bằng phép lạ, vốn được thực hiện để hỗ trợ tín lý. Thực tại của phép lạ phải được phán đoán bằng tín lý. Tín lý phân biệt phép lạ, và phép lạ phân biệt tín lý. Cả hai mệnh đề này đều đúng; nhưng không mâu thuẫn nhau.



II. Có những phép lạ là bằng chứng chắc chắn của sự thật; và có một số không phải là bằng chứng chắc chắn của sự thật. Bây giờ chúng ta phải có định mức để phân biệt chúng; nếu không chúng sẽ vô dụng. Nhưng, chúng không vô dụng, và ngược lại chúng còn nằm ở nền tảng niềm tin của chúng ta. Do đó, quy tắc mà người ta ra cho chúng ta phải sao đó để nó không phá hủy bằng chứng mà các phép lạ đích thực vốn đem lại cho sự thật, vì đó là cứu cánh chính của phép lạ.

Nếu các phép lạ không bao giờ giả thiết nâng đỡ sự giả mạo, thì hẳn chúng ta cảm thấy hoàn toàn chắc chắn. Nếu không có quy tắc nào để phân biệt các phép lạ đích thực, chúng sẽ vô dụng, và không cung cấp lý lẽ gì cho niềm tin.

Môsê đã đưa ra một định mức về phép lạ giả mạo, đó là, khi chúng dẫn đến việc thờ ngẫu thần (*Đnl* 13: 1, 2, 3); và Chúa Giêsu Kitô cho chúng ta một định mức nữa: Người từng phán rằng, không ai lấy danh nghĩa Thầy mà làm phép lạ, rồi ngay sau đó lại có thể nói xấu về Thầy (*Mc*, 9:38). Do đó, có thể suy diễn rằng bất cứ ai công khai tuyên bố chống lại Chúa Giêsu Kitô thì không thể làm phép lạ nhân danh Người. Vì vậy, nếu họ làm phép lạ, thì đó không phải là nhân danh Chúa Giêsu Kitô, và họ không đáng được lắng nghe. Trong Cựu Ước, khi họ làm bạn quay lưng lại với Thiên Chúa; trong Tân Ước, khi họ làm bạn quay lưng lại với Chúa Giêsu Kitô. Đây là những dịp loại trừ khỏi đức tin các phép lạ đặc thù. Không

nên thêm vào đó các loại trừ khác.

Do đó, trước tiên, nếu người ta chứng kiến một phép lạ, họ phải một là nhìn nhận bằng chứng của nó, hai là xét xem nó có bằng chứng giả mạo hay không; nghĩa là, phải xét xem liệu kẻ làm phép lạ ấy có phủ nhận Thiên Chúa, hay Chúa Giêsu Kitô và Giáo hội hay không.

III. Bất cứ tôn giáo nào cũng sai lầm, trong đức tin của họ, khi không tôn thờ một Thiên Chúa như nguyên lý đệ nhất của vạn vật, và khi, trong luân lý của họ, không yêu mến Thiên Chúa như cùng đích của vạn vật. Trong thời đại hiện nay của thế giới, bất cứ tôn giáo nào không nhìn nhận Chúa Giêsu Kitô đều nhất định là giả mạo, và các phép lạ không thể giúp họ được điều gì về phương diện này.

Người Do Thái có một tín lý về Thiên Chúa như chúng ta có một tín lý về Chúa Giêsu Kitô, và được xác nhận bằng các phép lạ với lệnh cấm tin các người làm phép lạ nào dạy họ một tín lý trái ngược; và hơn nữa, họ được truyền phải chạy tới các thượng tế, và tuân theo quyết định của các vị này. Và vì vậy, tất cả các lý do mà chúng ta có trong việc từ khước tin những người làm phép lạ, có vẻ như người Do Thái dùng chúng để chống lại Chúa Giêsu Kitô và các tông đồ.

Tuy nhiên, chúng ta biết chắc chắn rằng họ rất có lỗi khi từ khước tin các ngài vì các phép lạ của các ngài, vì Chúa Giêsu Kitô nói rằng họ sẽ không có tội nếu họ đã không nhìn thấy những phép lạ của Người: *Si opera non fecissem in eis quæ nemo alius fecit, peccatum non haberent* [Giả như Thầy không làm giữa họ những việc không một ai khác đã làm, họ đã không có tội] (Ga 15:24). Do đó, trong phán đoán của Người, các phép lạ của Người là bằng chứng chắc chắn về các chân lý Người giảng dạy, và người Do Thái, do đó, có nghĩa vụ phải tin Người. Và, thật vậy, tính tội lỗi trong việc thiếu lòng tin của họ chủ yếu hệ ở chỗ bác bỏ bằng chứng phát sinh từ các phép lạ. Vì các bằng chứng mà người ta có thể rút ra từ các trước tác Cựu Ước không thể dựa vào để chứng minh trong thời Chúa Giêsu Kitô. Thí dụ, người ta thấy ở đó Môsê tiên báo rằng Chúa sẽ cho xuất hiện một vị tiên tri giống như ông; nhưng điều đó không đủ bằng chứng cho thấy Chúa Giêsu Kitô là vị tiên tri đó; và đó là điều cần xác định. Những tuyên bố như thế chỉ cho thấy rằng Người rất có thể là Đấng Mêxia; và bằng chứng thêm của các phép lạ hẳn phải khiến người ta tin rằng Người thực sự là Đấng ấy.

IV. Chỉ những lời tiên tri mà thôi không thể chứng minh Chúa Giêsu Kitô là Đấng Mêxia lúc Người còn sống trên trần gian. Và vì vậy, người ta sẽ không có tội vì đã không tin vào Người trước khi Người qua đời, nếu các phép lạ không có tính chất quyết định. Như thế, phép lạ là đủ để buộc người ta phải tin, khi tín lý không trái ngược.

Chúa Giêsu Kitô đã chứng tỏ Người là Đấng Mêxia, bằng cách xác minh cả tín lý lẫn sứ mệnh của Người bằng các phép lạ hơn là Kinh thánh và các lời tiên tri.

Chính nhờ các phép lạ mà Nicôđêmô nhận ra rằng tín lý của Người phát xuất từ Thiên Chúa: *Scimus quia a Deo venisti, magister; nemo enim potest hæc signa facere quæ tu facis, nisi fuerit Deus cum eo* [Thưa Thầy, chúng tôi biết : Thầy là một vị tôn sư được Thiên Chúa sai đến. Quả vậy, chẳng ai làm được những dấu lạ Thầy làm, nếu Thiên Chúa không ở cùng người ấy] (Ga 3:2.) Ông không phán đoán các phép lạ bằng tín lý, nhưng phán đoán tín lý

bằng các phép lạ. Ngay cả khi tín lý có vẻ đáng nghi, như trường hợp của Nicôđêmo đối với Chúa Giêsu Kitô, do sự chống đối trong các giới điều của Người chống lại truyền thống của người Pharisiêu; nếu có những phép lạ rõ ràng và hiển nhiên để hỗ trợ tín lý, thì bằng chứng của phép lạ phải vượt thắng bất cứ khó khăn nào có thể có trong tín lý: một điều vốn dựa trên nguyên tắc bất di bất dịch này là Thiên Chúa không thể dẫn con người tới sai lạc được.

Có một bản phận hổ tương giữa Thiên Chúa và con người. Thiên Chúa nói trong Isaia, hãy buộc tội Ta (*Is.* 1:18) (1) Và ở một nơi khác: Có gì đáng lẽ tôi đã phải làm cho vườn nho của tôi, mà tôi đã chẳng làm? (*Ibid.* 5:4) (2)

Với Thiên Chúa, con người có bản phận tiếp nhận tôn giáo được Người gửi đến cho họ. Với loài người, Thiên Chúa có bản phận không dẫn họ tới sai lầm. Nhưng, họ sẽ bị dẫn đến sai lầm, nếu những kẻ làm phép lạ công bố một tín lý sai lầm nhưng không có vẻ sai lầm một cách tỏ tường dưới ánh sáng lương tri, và nếu một người làm phép lạ lớn hơn đã không cảnh báo đừng tin chúng. Như thế, trong trường hợp có sự chia rẽ trong Giáo hội, và giả sử phái Ariô, chẳng hạn, nghĩa là những người, như người Công Giáo, quả quyết Kinh thánh đứng về phía họ, đã làm các phép lạ, chứ người Công Giáo không làm phép lạ nào, thì con người có thể bị dẫn vào sai lầm. Vì, một người công bố các bí nhiệm của Thiên Chúa cho chúng ta, không đáng được tin nhờ thế giá riêng của họ; nên một ai đó, muốn chứng tỏ họ được chỉ giáo bằng sự hiệp thông với Thiên Chúa, đã làm cho người chết sống lại, tiên đoán tương lai, rời núi rời non, chữa lành bệnh tật; thì người ta sẽ nghịch đạo nếu không tin họ, trừ khi họ bị bác bỏ bởi một người khác làm các phép lạ vĩ đại hơn.

Nhưng há đã không có lời chép rằng Thiên Chúa cảm dỗ chúng ta sao? Và vì vậy, há Người không thể cảm dỗ chúng ta bằng những phép lạ dường như dẫn đến sự sai lầm sao?

Có sự khác biệt lớn lao giữa cảm dỗ và lừa phỉnh. Thiên Chúa cảm dỗ, nhưng Người không lừa phỉnh. Cảm dỗ là cung cấp các cơ hội không áp đặt sự tất yếu phải làm điều sai. Phỉnh lừa là đặt con người vào thế tất yếu phải kết luận và tuân theo sự sai lầm. Đây là điều mà Thiên Chúa không thể làm, và tuy nhiên, có lẽ Người chỉ có thể làm, nếu như trong một vấn đề hoài nghi, Người cho phép các phép lạ được thực hiện ở phía sai lầm.

Như thế, ta có thể suy diễn rằng không thể có chuyện một người che giấu học thuyết xấu xa của mình, và chỉ làm ra vẻ có một học thuyết tốt, và tự tuyên bố là mình phù hợp với Thiên Chúa và với Giáo hội, làm được các phép lạ để du nhập một học thuyết sai lầm và tinh tế: điều đó không thể có được. Và càng ít có việc Thiên Chúa, Đáng biết rõ lòng người, lại làm phép lạ ủng hộ một người thuộc loại này.



V. Có khác biệt lớn lao giữa việc không theo Chúa Giêsu Kitô và nói ra điều đó; và không theo Chúa Giêsu Kitô, nhưng giả vờ theo Người. Những người đầu có lẽ có thể làm các phép lạ, chứ không phải những người sau; vì điều rõ ràng là những người sau chống lại sự thật, chứ không phải những người đầu; và vì vậy việc thiếu thể giá trong các phép lạ của họ được tri nhận ngay lập tức.

Do đó, các phép lạ phân biệt các điều đáng ngờ: giữa các dân tộc Do Thái và ngoại giáo, người Do Thái và Kitô hữu; Công Giáo, dị giáo; những người bị vu khống, những người vu khống; giữa ba cây thánh giá (3).

Đó là điều người ta thấy trong mọi trận chiến của sự thật chống lại sai lầm, của Abel chống lại Cain, của Môsê chống lại các pháp sư của Pharaô, của Êlia chống lại các tiên tri giả, của Chúa Giêsu Kitô chống lại người Pharisai, của Thánh Phaolô chống lại Bagiêsu, của các tông đồ chống lại những kẻ trừ quỷ, của các Kitô hữu chống lại những kẻ ngoại đạo, của những người Công Giáo chống lại những kẻ dị giáo; và điều này cũng sẽ được thấy trong cuộc chiến của Êlia và Kha-nôc chống lại Phản Kitô. Sự thật luôn chiếm ưu thế bằng các phép lạ.

Cuối cùng, chưa bao giờ trong cuộc tranh cãi về Thiên Chúa chân thật, hay chân lý tôn giáo, có phép lạ ở phía sai lầm, mà lại không có phép lạ vĩ đại hơn ở phía chân lý.

Theo quy tắc này, rõ ràng là người Do Thái buộc phải tin Chúa Giêsu Kitô. Chúa Giêsu Kitô bị họ nghi ngờ: nhưng các phép lạ của Người vô cùng rõ ràng hơn các nghi ngờ chống lại Người. Vì vậy, phải tin vào Người.

Vào thời Chúa Giêsu Kitô, một số người tin vào Người, nhiều người khác không tin vào Người, do các lời tiên tri nói rằng Đấng Mêxia phải sinh ra ở Bêlem, trong khi họ cho rằng Chúa Giêsu Kitô sinh ra ở Nadarét. Nhưng đáng lẽ họ phải xem xét cẩn trọng hơn liệu Người có thực sự sinh ra ở Bêlem không; vì các phép lạ của Người có sức thuyết phục đến nỗi những điều bị coi là mâu thuẫn giữa tín lý của Người với Kinh thánh, và sự tối tăm về gốc gác của Người không bào chữa cho họ mà còn làm họ ra mù quáng.

Chúa Giêsu Kitô đã chữa lành người mù bẩm sinh, và làm nhiều phép lạ trong ngày Sabát. Điều này làm mù quáng những người Pharisai, những người vốn cho rằng các phép lạ phải được đánh giá bằng tín lý.

Nhưng, theo cùng một quy tắc người ta phải tin Chúa Giêsu Kitô, người ta không nên tin Phản Kitô.

Chúa Giêsu Kitô không nói chống lại Thiên Chúa, cũng không chống lại Môsê. Phản Kitô và các tiên tri giả, được cả hai Cựu và Tân Ước tiên báo, công khai nói chống lại Thiên Chúa và chống lại Chúa Giêsu Kitô. Một kẻ thù che đậy, Thiên Chúa sẽ không cho phép họ làm phép lạ một cách công khai.

Môsê đã tiên đoán về Chúa Giêsu Kitô, và ra lệnh đi theo Người. Chúa Giêsu Kitô đã tiên báo Phản Kitô, và cấm đi theo hắn.

Các phép lạ của Chúa Giêsu Kitô không được Phản Kitô tiên báo; nhưng các phép lạ của Phản Kitô đã được Chúa Giêsu Kitô tiên báo. Nếu Chúa Giêsu Kitô không phải là Đấng Mêxia, thì hẳn người ta đã bị phỉnh lừa; nhưng họ không thể bị phỉnh lừa bởi các phép lạ của Phản Kitô. Và vì thế các phép lạ của Phản Kitô không làm giảm thế giá các phép lạ của Chúa Giêsu Kitô. Tóm lại, khi Chúa Giêsu Kitô tiên đoán các phép lạ của Phản Kitô, Người có nghĩ đến việc hủy hoại đức tin vào các phép lạ của chính Người không?

Không có lý do gì để tin Phản Kitô, mà lại không phải là lý do để tin Chúa Giêsu Kitô; nhưng có những lý do để tin Chúa Kitô mà không phải là lý do để tin Phản Kitô.

VI. Các phép lạ đã được dùng đặt nền tảng cho Giáo Hội Kitô và sẽ được dùng để duy trì Giáo hội cho đến ngày của Phản Kitô và cho đến ngày tận thế. Đó là lý do tại sao, để bảo tồn bằng chứng này cho Giáo hội của Người, Thiên Chúa hoặc đã vạch trần các phép lạ giả mạo, hoặc Người đã tiên báo chúng; và trong cả hai cách, Người đã nâng Người lên trên điều siêu nhiên đối với chúng ta, và nâng chính chúng ta lên đó. Điều tương tự cũng sẽ xảy ra trong tương lai: hoặc Thiên Chúa sẽ không cho phép các phép lạ giả mạo, hoặc Người cung cấp các phép lạ lớn hơn; vì các phép lạ có sức mạnh đến nỗi Thiên Chúa nên cảnh cáo chúng ta đừng nghĩ đến chúng khi chúng chống lại Người, bất luận chúng có sự hiện hữu của Người rõ ràng đến đâu; hoặc chúng ta nên sa vào bối rối hoàn toàn.

Do đó, khác xa là các đoạn trong chương 13 của Đệ nhị luật, trong đó nói rằng chúng ta không được tin hoặc nghe những người làm phép lạ nhưng quay lưng lại với việc phụng sự Thiên Chúa; và đoạn của Thánh Máccô: Sẽ xuất hiện các Kitô giả và tiên tri giả, những người sẽ làm những điều kỳ diệu và kinh ngạc, đến độ, nếu có thể, dụ dỗ được cả những người được tuyển chọn (Mc 13: 22), các đoạn này và một số đoạn khác giống như thế không hề có xu hướng làm giảm thế giá các phép lạ đến nỗi không điều gì cho ta cảm tưởng mạnh mẽ hơn về tầm quan trọng của chúng.

VII. Điều khiến chúng ta không tin vào các phép lạ đích thực chính là việc thiếu lòng bác ái. Chúa Giêsu Kitô đã nói với người Do Thái, các ông không tin, bởi vì các ông không phải là chiên của tôi (Ga 10:26.) Điều khiến người ta tin các điều sai lầm cũng là việc thiếu lòng bác ái: *Eo quod charitatem veritatis non receperunt ut salvi fierent, ideo mittet illis Deus operationem erroris, ut credant mendatio* [vì đã không đón nhận lòng yêu mến chân lý để được cứu độ. Vì thế Thiên Chúa gửi đến một sức mạnh mê hoặc làm cho chúng tin theo sự

dối trá) (2Tx 2:10-11)

Khi tôi xét xem từ đâu có việc người ta tin đến thế các kẻ mạo danh nói rằng chúng có các phương thuốc chữa trị, đến mức họ thường đặt mạng sống của họ trong tay chúng, đối với tôi, dường như nguyên nhân thực sự là có những phương thuốc đích thực; vì nếu không phải thế, thì không thể có việc có quá nhiều phương thuốc giả mạo như thế được người ta tin như thế. Nếu chưa từng có các phương thuốc chữa trị bệnh tật, và nếu mọi bệnh tật đều không thể chữa trị, thì không thể nào con người có thể tưởng tượng được rằng họ có thể làm điều ngược lại; và còn hơn thế nữa, không thể có việc rất nhiều người khác đã dành niềm tin cho những kẻ tự cho mình có các phương thuốc. Cũng như nếu một người khoác lác có thể ngăn chặn cái chết, thì sẽ không có ai tin điều đó, bởi vì không có điển hình nào về điều đó cả. Nhưng vì đã có nhiều phương thuốc được phát hiện là đích thực bởi sự hiểu biết của những con người vĩ đại nhất, nên người ta có thể tin người này có thể làm được điều đó; và như thế, người ta không thể bác bỏ sự việc cách tổng quát, vì có những hiệu quả đặc thù đích thực, nên người ta, những người không thể biện phân được hiệu quả đặc thù nào trong số này là đích thực, đã tin tất cả. Cũng vậy, điều khiến người ta tin rất nhiều hiệu quả giả mạo của mặt trăng, là vì có những hiệu quả đích thực ở đó, giống như thủy triều chẳng hạn.

Và đối với tôi, điều dường như cũng hiển nhiên như thế là sẽ không bao giờ có quá nhiều phép lạ giả, mạo khái giả, phù phép, v.v., nếu không thực sự có một số điều đích thực; vì không thể có quá nhiều phép lạ giả, nếu không có phép lạ nào thật cả, cũng không có quá nhiều mạo khái giả, nếu không có mạo khái nào thật cả, cũng không có quá nhiều tôn giáo giả, nếu không có một tôn giáo nào thật. Vì nếu không bao giờ có tất cả những điều này, thì gần như không thể nào con người có thể tưởng tượng ra được, và càng không thể khiến nhiều người khác tin vào điều đó. Nhưng vì đã có những điều rất vĩ đại có thật, và chúng đã được những người vĩ đại tin tưởng, ấn tượng này là nguyên nhân khiến gần như mọi người đều có khả năng tin cả những điều giả mạo. Và do đó, thay vì kết luận rằng không có phép lạ thật, vì có quá nhiều phép lạ giả, thì đúng hơn, phải nói rằng có những phép lạ đích thực, vì có quá nhiều phép lạ giả; và có những phép lạ giả chỉ vì có những phép lạ đích thực; và theo cùng một cách, có các tôn giáo giả vì có một tôn giáo đích thực. — Phản bác điều này: những kẻ man rợ cũng có một tôn giáo. Nhưng điều này là bởi vì họ đã nghe nói về tôn giáo đích thực, như đã xuất hiện rõ trên thánh giá của Thánh Anrê, trận đại hồng thủy, phép cắt bì, v.v. — Điều này phát sinh từ sự kiện tâm trí con người, từng rành rẽ với các điển hình đích thực của tác nhân siêu nhiên, nên dễ dàng sa vào lầm lẫn thừa nhận hàng loạt các điển hình khác dù không có bằng chứng.



VIII. Người ta nói, Hãy tin vào Giáo hội; nhưng họ không nói: Hãy tin vào các phép lạ; bởi vì tâm trí tự nhiên có thiên hướng đối với phép lạ, chứ không phải Giáo Hội. Một điều cần được ghi khắc, chứ không phải điều kia.

Có rất ít người được Thiên Chúa tỏ mình ra bằng các biến cố phi thường này, mà người ta nên tận dụng những dịp này, vì Người chỉ tỏ bí mật của thiên nhiên là thứ vốn che phủ Người để kích thích đức tin của chúng ta mà phụng sự Người với tất cả nhiệt tình hơn khi chúng ta biết Người cách chắc chắn hơn.

Nếu Thiên Chúa liên tục tự tỏ mình ra với loài người, thì việc tin Người sẽ chẳng đáng khen gì; và, nếu Người không bao giờ tỏ mình ra, thì sẽ có rất ít niềm tin. Nhưng Người thường ẩn mình, và hiếm khi tỏ mình ra với những kẻ muốn dẫn thân phụng sự Người. Sự bí nhiệm kỳ lạ này, trong đó Thiên Chúa ẩn mình, con mắt loài người không thể thông suốt, là một bài học lớn lao khiến chúng ta phải vào nơi cô tịch, xa tầm nhìn của mọi người. Người vẫn ẩn mình dưới bức màn thiên nhiên che phủ Người khỏi chúng ta, cho đến lúc Nhập thể; và khi phải xuất hiện, Người càng giấu mình hơn nữa bằng cách che đậy bản thân bằng nhân tính. Người dễ nhận biết hơn nhiều khi Người vô hình hơn là khi Người hữu hình. Và cuối cùng, khi muốn thực hiện lời hứa với các tông đồ là ở lại với loài người cho đến lúc Người đến lần chót, Người đã chọn ở lại đó trong một bí mật lạ lùng và khó hiểu nhất, đó là dưới các hình Thánh Thể. Đây là bí tích, mà trong sách Khải huyền, Thánh Gioan gọi là một manna dầu ẩn (Kh 2:17); và tôi tin rằng tiên tri Isaia đã nhìn thấy Người trong tình trạng này, khi ngài nói theo tinh thần tiên tri: Ngài quả thật là Thiên Chúa ẩn mình (Is 45:15). Đây là giấu ẩn vĩ đại nhất có thể có của Người. Bức màn thiên nhiên che phủ Thiên Chúa đã bị nhiều kẻ ngoại đạo chọc thủng, những kẻ, như Thánh Phaolô từng nói (Rm 1:20), đã nhận ra một Thiên Chúa vô hình nhờ thiên nhiên hữu hình. Nhiều Kitô hữu dị giáo đã nhận biết Người nhờ nhân tính của Người, và thờ phượng Chúa Giêsu Kitô, vừa là Thiên Chúa vừa là con người. Nhưng, đối với chúng ta, chúng ta phải tự coi mình là người hạnh phúc được Thiên Chúa soi sáng để chúng ta tiến đến chỗ nhận biết Người dưới các hình bánh và rượu. Người ta có thể thêm vào những xem xét này màu nhiệm Thần Trí Thiên Chúa ẩn mình cả trong Kinh thánh. Vì có hai nghĩa hoàn hảo, nghĩa đen và nghĩa huyền nhiệm; và người Do Thái, chỉ dừng lại ở nghĩa đầu, không nghĩ rằng có một nghĩa khác, và không nghĩ đến việc tìm kiếm nó: cũng như những kẻ vô đạo, nhìn thấy những tác động tự nhiên, gán chúng cho thiên nhiên, mà không nghĩ rằng có một tác giả khác: và như người Do Thái, khi nhìn thấy một con người hoàn hảo trong Chúa Giêsu Kitô, đã không nghĩ đến việc tìm kiếm một bản tính khác của Người.

Tiên tri Isaia còn nói rằng chúng ta không nghĩ rằng đó là chính Người (Is. 53:3); và cuối cùng cũng vậy, những kẻ dị giáo, khi thấy vẻ bề ngoài hoàn hảo của bánh trong Phép Thánh Thể, không nghĩ đến việc tìm ở đó một bản thể khác. Tất cả những điều này đều che đậy một màu nhiệm nào đó; vạn vật đều là bức màn che phủ Thiên Chúa. Các Kitô hữu phải nhận ra Người trong mọi sự. Các phiền não nhất thời bao phủ các ơn phúc vĩnh cửu mà chúng dẫn đến. Những niềm vui nhất thời bao phủ các sự ác đời đời mà chúng gây ra. Chúng ta hãy cầu xin Thiên Chúa làm cho chúng ta nhận ra và phụng sự Người trong mọi sự; và chúng ta hãy cảm tạ Người vô vàn vì đã tự giấu ẩn trong mọi sự vật đối với rất nhiều người khác, nhưng đối với chúng ta, Người đã tỏ mình ra trong mọi sự và bằng rất nhiều cách.

IX. Các nữ tử của Port-Royal, ngạc nhiên trước điều người ta nói rằng họ đang trên đường

trầm luân; các vị giải tội của họ dẫn họ tới Genève; các vị này gọi hững cho họ rằng Chúa Giêsu Kitô không ở trong Bí tích Thánh Thể, cũng không ở bên hữu Chúa Cha: biết rằng tất cả những điều này đều sai trái, vẫn đã dâng mình cho Thiên Chúa trong tình trạng này, và cùng Vị Tiên Tri nói với Người rằng : *Vide si via iniquitatis in me est* [Xin Ngài xem con có lạc vào đường gian ác] (Tv 139:24). Đây là các hậu quả? Nơi người ta bảo là đền thờ ma quỷ, Thiên Chúa đã lập đền thờ của Người ở đó. Người ta nói phải lấy những đứa trẻ ra khỏi đó; người ta bảo đó là vườn ươm của địa ngục: Thiên Chúa biến nó thành cung thánh các ân sủng của Người. Cuối cùng, người ta đe dọa họ sẽ nhận đủ mọi thịnh nộ và mọi báo thù của trời; và Thiên Chúa ban cho họ tràn trề các ân huệ của Người. Cần phải mất cảm thức mới kết luận rằng họ đang trên đường trầm luân.

Tuy nhiên, các tu sĩ Dòng Tên đã không để họ rút ra kết luận ấy; vì các tu sĩ này kết luận từ mọi điều rằng kẻ thù của họ là dị giáo. Nếu họ trách các tu sĩ này về những điều quá trớn của họ, các tu sĩ này bảo rằng họ nói như những kẻ dị giáo. Nếu họ nói rằng ơn thánh của Chúa Giêsu phân biệt chúng ta, và rằng ơn cứu rỗi của chúng ta lệ thuộc Thiên Chúa, thì đó là ngôn ngữ của những kẻ dị giáo. Nếu họ nói rằng phải phục tùng Đức Giáo Hoàng; các tu sĩ này bảo, đó là lỗi những kẻ dị giáo đầu mặt và nguy trang. Nếu họ nói bạn không nên giết người vì một quả táo; các tu sĩ dòng Tên bảo họ đấu tranh chống luân lý Công Giáo. Cuối cùng, nếu các phép lạ được thực hiện nơi họ, thì đó không phải là dấu chỉ sự thánh thiện; trái lại, việc đó đáng nghi ngờ là dị giáo.

Đó là sự quá trớn kỳ lạ mà niềm đam mê của các tu sĩ Dòng Tên đã mang họ tới; và không còn điều gì hơn điều đó để phá hủy các nền tảng chính yếu của Kitô giáo. Vì ba dấu hiệu của tôn giáo chân chính là, tính vĩnh viễn, cuộc sống tốt lành và phép lạ. Họ đã phá hủy tính vĩnh viễn bằng điều cái nhiên, một điều du nhập các ý kiến mới của họ thay cho những sự thật cổ xưa; họ đã phá hủy cuộc sống tốt lành bằng thứ luân lý đòi bại của họ; và bây giờ họ muốn phá hủy các phép lạ, bằng cách phá hủy sự thật của chúng, hoặc hậu quả của chúng.

Những kẻ thù nghịch của Giáo hội phủ nhận các phép lạ của Giáo Hội, hoặc phủ nhận hậu quả của chúng: các tu sĩ Dòng Tên cũng làm như vậy. Vì vậy, để làm suy yếu kẻ thù của họ, họ đã tước vũ khí của Giáo hội, và tham gia với mọi kẻ thù của Giáo hội, bằng cách mượn của họ mọi lý lẽ để chống lại các phép lạ. Vì Giáo Hội có ba loại kẻ thù: người Do Thái, những kẻ không hề thuộc về thân thể của Giáo Hội; những kẻ dị giáo, những người đã rút lui khỏi Giáo Hội; và các Kitô hữu xấu xa, những người xé nát Giáo Hội từ bên trong.

Ba loại thù địch khác nhau này thường chống lại Giáo Hội theo những cách khác nhau. Nhưng ở đây họ đang chiến đấu chống Giáo Hội cùng một cách. Vì tất cả đều không có phép lạ, và Giáo hội luôn có phép lạ chống lại họ, nên họ đều có chung sở thích xa tránh chúng, và đều phục vụ sự lẫn tránh này: nghĩa là, không được phán đoán tín lý bằng phép lạ, nhưng phán đoán phép lạ bằng tín lý. Có hai phe trong số những người nghe Chúa Giêsu Kitô: một số người theo học thuyết của Người bằng các phép lạ của Người; những người khác nói: Người nhân danh Beelzebub trừ quỷ. Vào thời Calvin, có hai phe phái: phe phái của Giáo Hội, và phe phái phủ nhận thánh lễ (sacramentaires), những người chống đối Giáo Hội. Bây giờ có các tu sĩ Dòng Tên, và những người họ gọi là Jansenistes, những người thách thức. Nhưng vì các phép lạ đứng về phía Jansenistes, nên các tu sĩ Dòng Tên đã nhờ đến chiến thuật lẫn tránh chung này của người Do Thái và dị giáo, đó là phải phán đoán phép lạ bằng

tín lý.

Nhưng thế giới này không phải là xứ sở của sự thật: sự thật vốn không được con người biết đến. Thiên Chúa đã che phủ sự thật ấy bằng một tấm màn để những người không nghe tiếng nói của nó có thể hiểu lầm nó. Cánh cửa mở ra cho những kẻ phạm thượng, những kẻ đang tấn công cả các nguyên lý đạo đức chắc chắn nhất. Nếu người ta công bố các sự thật của Tin Mừng, họ công bố những điều ngược lại, và họ che khuất các vấn đề: đến nỗi mọi người không thể biện phân được. Người ta cũng hỏi: Bạn có gì để làm bạn được tin hơn những người khác? Bạn đang làm dấu lạ gì? Bạn chỉ có lời nói, và chúng tôi cũng thế. Nếu bạn không có phép lạ, người ta nói rằng tín lý phải được nâng đỡ bằng các phép lạ: đây là một sự thật bị lạm dụng để phạm thượng tín lý. Và nếu bạn có phép lạ, họ nói phép lạ không đủ nếu không có tín lý; và như thế một sự thật đã bị hủ hóa để làm mất giá trị của của phép lạ; còn nếu bạn không có phép lạ, họ bảo tín lý phải được thiết lập bằng phép lạ; và như thế, một sự thật khác bị hủ hóa để làm mất giá trị của tín lý.

Thưa các cha, các cha thoải mái biết bao khi biết các quy tắc tổng quát, nghĩ rằng nhờ đó vút bỏ được rắc rối, và làm cho mọi thứ trở nên vô ích! Thưa các cha, người ta sẽ ngăn cản các cha điều đó: sự thật chỉ có một và rất vững chắc.

X. Nếu ma quỷ ủng hộ học thuyết hủy diệt nó, nó sẽ bị chia rẽ, *omne regnum divisum* [mọi vương quốc chia rẽ], v.v. Vì Chúa Giêsu Kitô đã hành động chống lại ma quỷ, và phá hủy đế chế của nó trên các tâm hồn, mà việc trừ quỷ vốn là hình bóng, để thiết lập vương quốc Thiên Chúa. Và vì vậy Người nói thêm: *In digito Dei*, v.v., *regnum Dei ad vos*, v.v. [nếu tôi dùng ngón tay Thiên Chúa mà trừ quỷ, thì quả là Triều Đại Thiên Chúa đã đến giữa các ông] (Lc 11: 17, 20).

Không thể có chuyện vào thời Môsê, người ta lại dành niềm tin của họ cho Phán Kitô, kẻ mà họ không hề biết đến. Nhưng trong thời Phán Kitô thì rất dễ tin vào Chúa Giêsu Kitô, vị đã được biết đến.

Khi các kẻ ly giáo thực hiện các phép lạ, họ sẽ không thể phỉnh lừa. Và vì vậy không chắc gì họ được phép làm. Ly giáo là điều hiển hiện; phép lạ cũng hiển hiện. Nhưng ly giáo là dấu chỉ sai lầm hơn phép lạ là dấu chỉ sự thật. Vì vậy, phép lạ của người ly giáo không thể dẫn đến sai lầm. Nhưng, khi không có ly giáo, sai lầm không hiển hiện như phép lạ. Đến nỗi, phép lạ nơi những người ly giáo không quá đáng sợ; vì ly giáo, một điều vốn hiển hiện hơn phép lạ, rõ ràng cho thấy sự sai lầm của họ. Nhưng khi không có ly giáo, và sai lầm còn đang được tranh luận, thì phép lạ là tiêu chuẩn của sự thật.

Điều trên cũng như thế với các người dị giáo. Phép lạ sẽ vô ích đối với họ; vì Giáo Hội, có thẩm quyền nhờ các phép lạ, những điều vốn quan tâm đến niềm tin, nói với chúng ta rằng họ không có đức tin đích thực. Chắc chắn là họ không có đức tin, vì các phép lạ đầu tiên của Giáo hội đã loại bỏ đức tin của họ, khi họ có thể có nó. Như thế, sẽ có những phép lạ chống lại những phép lạ, nhưng các phép lạ trước nhất và vĩ đại nhất là của Giáo hội; do đó, luôn có các lý lẽ để tin Giáo Hội chống lại các phép lạ của họ.

Vì thế, chúng ta hãy xem điều chúng ta phải kết luận về các phép lạ của Port-Royal. Người

Pharisêu nói: *No est hic homo a Deo, qui sabbatum non custodit* [Người này không thể là người của Thiên Chúa được, vì không giữ ngày sa-bát] (Ga 9:16). Những người khác nói: *Quomodo potest homo peccator hæc signa facere?* [Một người tội lỗi sao có thể làm được những dấu lạ như vậy?] Điều nào rõ ràng hơn?

Trong cuộc tranh cãi hiện nay, một số người nói: nhà này không phải của Thiên Chúa; vì các thành viên của nó không tin rằng năm mệnh đề có trong Jansenius. Những người khác: nhà này là của Thiên Chúa; vì các phép lạ vĩ đại được thực hiện ở đó. Điều nào rõ ràng nhất?

Như thế, cùng một lý lẽ khiến người Do Thái có tội vì không tin vào Chúa Giêsu Kitô cũng làm các tu sĩ Dòng Tên có tội vì đã tiếp tục bách hại Nhà Port-Royal.

Đã có lời khuyên người Do Thái, cũng như các Kitô hữu rằng không phải lúc nào cũng nên tin mọi tiên tri. Nhưng, những người Pharisêu và kinh sư rất hay nhấn mạnh đến các phép lạ của Chúa Giêsu Kitô, và cố gắng chứng tỏ rằng chúng là giả mạo, hoặc do ma quỷ tạo ra: vì nếu họ nhìn nhận rằng chúng phát xuất từ Thiên Chúa, thì hẳn họ phải tin vào sứ mệnh của Người.

Ngày nay chúng ta không cần phải thực hiện một phân biệt như thế; tuy nhiên, nó là một phân biệt rất dễ làm. Những ai không phủ nhận cả Thiên Chúa lẫn Chúa Giêsu Kitô không làm các phép lạ mà chỉ làm những gì chắc chắn. Nhưng chúng ta không cần phải thực hiện việc phân biệt này. Đây là một thánh tích thánh thiêng. Đây là một chiếc gai trên mào gai của Đấng Cứu Rỗi thế giới, mà nơi Người, hoàng tử của thế giới này không có quyền lực chi, Người đã làm các phép lạ bằng chính sức mạnh của máu đã đổ ra cho chúng ta này. Chính Thiên Chúa đã chọn nhà này để phô trương sức mạnh của Người.

Không phải những con người thực hiện các phép lạ này bằng một tính năng không rõ ràng và đáng nghi ngờ, mà chúng ta phải biện phân khó khăn. Mà là chính Thiên Chúa; đó là khí cụ của cuộc khổ nạn của Con độc nhất của Người, Đấng, ở nhiều nơi, đã chọn khí cụ này, và làm nhiều người từ mọi phía đến để nhận ở đó những ủi an lạ lùng trong cảnh mòn mỏi của họ.

Do đó, sự cứng lòng của các tu sĩ Dòng Tên trở vượt hơn sự cứng lòng của người Do Thái, vì họ từ chối tin Chúa Giêsu Kitô vô tội chỉ vì họ nghi ngờ liệu phép lạ của Người có phát xuất từ Thiên Chúa hay không. Nhưng các tu sĩ Dòng Tên, dù không thể nghi ngờ các phép lạ của Port-Royal phát xuất từ Thiên Chúa, vẫn không ngừng hoài nghi sự vô tội của nhà này.

Nhưng, họ nói, các phép lạ không cần thiết nữa, vì chúng ta đã có chúng rồi; và do đó chúng không còn là bằng chứng của chân lý tín lý nữa. Rất đúng: nhưng khi người ta không còn nghe truyền thống nữa; và người ta bị phỉnh lừa và do đó, nguồn gốc đích thực của sự thật, tức truyền thống, bị đóng cửa; khi Đức Giáo Hoàng, người duy trì nó, bị loại bỏ, thì sự thật không còn tự do để xuất hiện nữa: tóm lại, lúc đó, con người không nói về sự thật nữa, nên sự thật phải tự nói với con người. Đó là điều đã xảy ra thời Ariô.



Những ai theo Chúa Giêsu Kitô vì các phép lạ của Người thì tôn vinh quyền năng của Người trong tất cả các phép lạ mà Người tạo ra; nhưng những ai tuyên bố theo Người vì các phép lạ của Người, mà thật ra chỉ theo Người vì Người an ủi họ và làm hài lòng họ với cái của thế gian, họ hạ giá các phép lạ của Người, khi chúng trái với sự thuận lợi của họ.

Đó là điều các tu sĩ Dòng Tên làm. Họ đề cao các phép lạ: họ bác bỏ những người thuyết phục về chúng. Các thẩm phán bất chính ơi, đừng tạo luật thuận tiện cho quý vị; hãy phán xét bằng những luật do chính quý vị thiết lập: *Vos qui conditis leges iniquas.*

Cách trong đó Giáo hội đã tồn tại luôn là sự thật có trong đó không bị thách thức; hoặc nếu bị tranh cãi, thì đã có Giáo hoàng, và nếu không, đã có Giáo hội.

Phép lạ là một hiệu quả vượt quá lực tự nhiên của phương tiện được sử dụng, và hiệu quả nào không lạ lùng đều là một hiệu quả không vượt quá lực tự nhiên của ma quỷ. Vì vậy, những người chữa bệnh bằng cách cầu khẩn ma quỷ không thực hiện một phép lạ; vì nó không vượt quá sức mạnh tự nhiên của ma quỷ.

Phép lạ chứng minh quyền năng Thiên Chúa trên trái tim con người bằng cách chứng tỏ Người có thể thực hiện quyền lực nào trên thân xác họ.

Điều quan trọng đối với các vị vua chúa và hoàng tử là có lòng đạo hạnh; và vì thế, họ đã xung tột với quý vị, thưa các tu sĩ Dòng Tên.

Những người theo đạo Jansenius giống như những kẻ dị giáo trong việc cải cách phong hóa; nhưng quý vị giống các dị giáo trong điều ác.

Ghi chú

- (1) Bản Phổ Thông chép là “Arguite me” (Hãy tranh luận với Ta)!
- (2) Bản Phổ Thông chép: “quod debui” (Điều gì Ta mắc nợ)
- (3) Pascal có ý nói đến 3 cây thánh giá trong câu truyện Thánh Nữ Helena, mẹ hoàng đế Constantinô, dùng để thử xem thánh giá nào là thánh giá của Chúa Giêsu.

MỤC XVII. Những suy nghĩ khác nhau về tôn giáo.

I. Chủ nghĩa Pyrrhon từng phục vụ chính nghĩa tôn giáo; vì xét cho cùng, con người, trước

khi Chúa Giê-su Ki-tô xuất hiện, không biết họ từ đâu, vĩ đại hay nhỏ nhoi. Và những người nói điều này hay điều nọ không biết gì về điều đó, và suy đoán một cách vô cơ và ngẫu nhiên: và tuy nhiên họ vẫn luôn luôn tin, bằng cách loại trừ điều này hay điều nọ.

II. Ai sẽ qui lỗi cho các Ki-tô hữu đã không thể đưa ra lý do cho niềm tin của họ, khi chính họ tuyên xưng một tôn giáo mà họ không thể đưa ra lý do? Họ tuyên bố ngược lại, bằng cách trình bày nó cho dân ngoại rằng đó là sự ngu xuẩn, *stultitiam*, v.v.; và sau đó nếu bạn phản nản rằng tôn giáo của họ là như thế, thì họ sẽ không chứng minh! Nếu họ có chứng minh điều đó đi nữa, họ cũng sẽ làm sai lạc điều họ quả quyết: chính việc thiếu bằng chứng này làm điều họ nói không thể hiểu được. Đúng; nhưng mặc dù điều này bào chữa cho họ trong việc họ trình bày nó như họ đã trình bày và cho việc công bố nó mà không có bằng chứng, nhưng không bào chữa cho những người, dựa vào trình bày học lý của họ, từ chối tin học lý này.

III. Bạn có tin rằng không thể có việc Thượng đế là vô hạn, không có các bộ phận? Đúng. Do đó, tôi muốn cho bạn thấy một điều vô hạn và không thể phân chia: đó là một điểm di chuyển khắp mọi nơi với một tốc độ vô hạn; vì nó ở khắp mọi nơi, và hoàn toàn ở mỗi một nơi. Hãy để hiện tượng tự nhiên, điều mà thoát đầu có thể xem ra như không thể, sẽ dẫn bạn đến chỗ nghi ngờ rằng có thể có những chân lý khác mà bạn chưa biết. Trong giai đoạn tập sự của mình, bạn đừng suy diễn cho rằng không còn gì để bạn học biết; nhưng đúng hơn hãy suy diễn rằng có vô số điều để bạn học biết.

IV. Sự ứng xử của Thiên Chúa, Đấng giải quyết mọi sự một cách nhân từ dịu dàng, là uơm đặt tôn giáo vào trí hiểu nhờ lý luận, và vào trái tim nhờ ơn thánh của Người. Nhưng muốn đặt nó vào trái tim và trí hiểu bằng vũ lực và đe dọa, thì không phải là uơm đặt tôn giáo, mà là uơm đặt khủng bố. Hãy bắt đầu bằng cách thương hại những người không tin: họ đã đủ bất hạnh rồi. Họ chỉ nên bị xúc phạm nếu điều đó hữu ích; nhưng thực ra, điều này luôn làm hại họ. Tất cả đức tin đều bao gồm trong Chúa Giê-su Ki-tô và A-đam; và tất cả nền luân lý bao gồm trong tư dục và ơn thánh.

V. Trái tim có các lý lẽ của nó mà lý lẽ không biết; người ta cảm nhận điều này theo hàng nghìn cách. Nó yêu hữu thể phổ quát một cách tự nhiên; và yêu bản thân một cách tự nhiên, khi nó muốn; nhưng nó tùy hứng chống lại cả hai một cách cứng rắn. Bạn bác bỏ điều này và duy trì điều kia: điều ấy có phù hợp với lý lẽ không?

VI. Thế giới tồn tại để thực thi lòng thương xót và sự phán xét: con người không bị cư xử như họ đang bị cư xử nếu họ vẫn y như lúc họ phát xuất từ bàn tay của Thiên Chúa, nhưng như kẻ thù của Người, Thiên Chúa, vì lòng thương xót, ban cho họ ánh sáng đủ để trở lại với Người, nếu họ sẵn sàng muốn tìm kiếm và tuân theo Người; nhưng đủ để trừng phạt họ, nếu họ từ chối tìm kiếm và tuân theo theo Người.

VII. Hãy để con người muốn nói gì thì nói, nhưng tôi phải thú nhận rằng có một điều gì đó đáng kinh ngạc trong Ki-tô giáo! Một số người cho rằng “ông có thiên kiến đề cao tôn giáo này vì ông sinh ra trong đó”. Không, trái lại; tôi khảo sát nó rất kỹ, kéo thiên kiến sẽ dẫn tôi vào sai lầm. Nhưng, mặc dù tôi sinh ra trong đó, tôi không thể không thấy nó như tôi khẳng định.

VIII. Có hai cách thuyết phục người ta để họ tin sự thật của tôn giáo chúng ta: một bằng sức

manh của lý lẽ, cách khác bằng thẩm quyền của người nói. Chúng ta không sử dụng cách thứ hai, nhưng cách đầu tiên. Chúng ta không nói: phải tin điều đó vì Kinh thánh, tức Kinh nói điều đó, là lời Thiên Chúa. Nhưng chúng ta nói: phải tin điều đó bởi lý lẽ này hoặc lý lẽ nọ. Đây là lý luận yếu ớt, vì lý lẽ có thể bị lèo lái đủ cách.

Dường như những người phản đối vinh quang của tôn giáo nhiều nhất sẽ không vô dụng đối với người khác. Chúng ta sẽ đưa ra lập luận đầu tiên cho rằng có một điều gì siêu nhiên trong tác phong của họ; vì sự mù quáng loại này không phải là điều tự nhiên; và nếu sự điên rồ của họ khiến họ trở nên trái ngược với lợi ích của chính họ, nó sẽ giúp bảo vệ người khác khỏi điều đó bằng cách kích thích sự kinh hoàng đối với một tấm gương đáng trách và một sự điên rồ đáng thương hại như thế.

IX. Nếu không có Chúa Giêsu Kitô, thế giới sẽ không tiếp tục hiện hữu; vì nhất thiết nó sẽ bị phá hủy hoặc giống như địa ngục.

Có phải kẻ duy nhất biết bản chất của mình sẽ chỉ biết nó khôn cùng? Có phải kẻ duy nhất biết bản chất của mình là người duy nhất bất hạnh?

Con người không cần thấy điều gì cả; họ cũng không cần thấy đủ để tin rằng họ sở hữu sự thật; nhưng họ nên thấy đủ để biết mình đã đánh mất nó; vì biết điều mình đã mất, người ta phải thấy và không thấy cùng một lúc; và đấy chính là thân phận của bản chất ta.

Tôn giáo đích thực phải dạy con người về sự vĩ đại và khôn cùng của họ; nó phải dẫn họ đến lòng tự trọng và sự khinh miệt chính họ, đến tình yêu và lòng thù hận chính họ.

Tôi thấy Kitô giáo được xây dựng trên một tôn giáo trước đây, và đó là bằng chứng nó có sự thật.

Ở đây tôi không nói về những phép lạ của Môsê, của Chúa Giêsu Kitô và của các Tông đồ; bởi vì thoát nhìn, xem ra chúng không có tính thuyết phục, và tôi chỉ muốn đề nghị trình bày ở đây mọi chứng cứ nền tảng của Kitô giáo mà không ai có thể nghi ngờ.

X, Tôn giáo là một đối tượng có tính vĩ đại đến nỗi những ai không chịu khó tìm kiếm nó, nếu thấy nó mờ mịt, đáng bị lấy mất nó. Vậy thì, chúng ta phàn nàn điều gì, nếu nó là một đối tượng chỉ có thể tìm thấy bằng cách đi tìm nó?

Kiều căng đòi trọng và nâng đỡ chúng ta chống lại mọi khôn cùng của ta. Con người quả là một loài kỳ lạ, và là một sai lầm tỏ tường xiết bao! Quả họ đã rơi khỏi vị trí cao cả của mình, và hốt hoảng tìm kiếm nó trở lại!

Vì nhân loại sống trong sự sa đọa, nên đứng ra mọi người phải biết điều đó; cả những người bằng lòng với nó, lẫn những người không bằng lòng với nó. Nhưng không phải là chuyện công bằng khi ai cũng thấy ơn cứu chuộc.

Khi nói rằng Chúa Giêsu Kitô không chết cho mọi người, bạn đang ủng hộ một nguy biện của những người ngay lập tức biến họ thành một ngoại lệ; điều này chỉ thúc đẩy sự thất vọng, thay vì chuyển hướng họ hướng tới hy vọng.

XI. Những người vô đạo, những người mù quáng phó mình cho các đam mê của họ mà không biết Thiên Chúa và không thêm tìm kiếm Người, hãy tự mình kiểm chứng nền tảng đức tin

mà họ chống lại này: đó là bản chất con người là sống trong trạng thái sa đọa. Và những người Do Thái, những người cố chấp chống lại Kitô giáo, xác minh thêm một nền tảng khác của cùng một đức tin mà họ tấn công: đó là Chúa Giêsu Kitô là Đấng Mêxia thật, và Người đã đến để cứu chuộc loài người, và kéo họ ra khỏi sự sa đọa và nỗi khốn cùng họ mắc phải, bởi cả thân phận hiện nay của họ, từng được tiên đoán trong các lời tiên tri, lẫn bởi những lời tiên tri hiện họ nắm giữ, và được họ gìn giữ một cách bất khả xâm phạm và bao gồm các dấu ấn để nhận ra Đấng Mêxia. Như thế, các bằng chứng về sự sa đọa của con người và về sự cứu chuộc của Chúa Giêsu Kitô, là hai chân lý chính mà Kitô giáo đã thiết lập, được rút ra từ những kẻ vô đạo sống thờ ơ với tôn giáo, và từ những người Do Thái vốn là các kẻ thù không thể hòa giải của nó.

XII. Trong tình trạng vô tội của họ, phẩm giá con người hệ ở việc thống trị các tạo vật, và trong việc sử dụng chúng; nhưng ngày nay nó hệ ở việc tách khỏi chúng và khuất phục chúng.

XIII. Có nhiều người còn sai lầm một cách nguy hiểm hơn nữa đến nỗi lấy một sự thật làm nguyên tắc cho sai lầm của họ. Lỗi của họ không phải là theo sự giả mạo, mà là theo một sự thật để loại trừ sự thật khác. Có rất nhiều chân lý cả trong đức tin lẫn luân lý, có vẻ đáng ghét và mâu thuẫn, nhưng tất cả đều tồn tại một cách hòa hợp đáng ngưỡng mộ. Nguồn gốc của tất cả các dị giáo là việc loại trừ một số trong các sự thật này; và nguồn gốc của tất cả những phản bác mà những kẻ dị giáo gây ra cho chúng ta là sự thiếu hiểu biết một số trong các chân lý của chúng ta. Và thường xảy ra là, vì không thể quan niệm được mối liên hệ giữa hai chân lý đối lập, và vì tin rằng việc chấp nhận chân lý này bao hàm phải loại trừ chân lý kia, họ trở nên gắn bó với chân lý này, và loại trừ chân lý kia. Phái Nestoriô muốn có hai ngôi trong Chúa Giêsu Kitô, bởi vì Người có hai bản tính; và người Eutychiô, ngược lại, cho rằng chỉ có một bản tính duy nhất, bởi vì chỉ có một ngôi duy nhất. Người Công Giáo là Chính thống vì họ hợp hai chân lý về hai bản tính và một ngôi vị lại với nhau. Chúng ta tin rằng bản thể của bánh biến đổi thành bản thể của thân thể Chúa chúng ta là Chúa Giêsu Kitô, nó hiện diện thực sự trong Bí Tích Thánh. Đây là một trong các sự thật. Một sự thật khác nữa là, bí tích này cũng là hình bóng của thập giá và vinh quang, và là một tưởng niệm của cả hai. Đó là đức tin Công Giáo, bao gồm hai chân lý xem ra đối lập nhau. Phe lạc giáo ngày nay, vì không quan niệm rằng bí tích này chứa đựng tất cả mọi sự với nhau, cả sự hiện diện của Chúa Giêsu Kitô, lẫn hình bóng của Người, nghĩa là cùng một lúc cả sự hy sinh lẫn việc tưởng niệm sự hy sinh ấy, nên tin rằng người ta không thể thừa nhận một trong những chân lý này mà không loại trừ chân lý kia.

Vì lý do này, họ gắn bó với điểm này, là Bí tích chỉ có nghĩa bóng; và về điều này họ không phải là dị giáo. Họ nghĩ rằng chúng ta nên loại trừ sự thật này; và do đó, họ phản đối chúng ta rất nhiều về những đoạn văn của các Giáo phụ nói điều đó. Cuối cùng họ phủ nhận sự hiện diện thực sự; và trong điều này họ là những kẻ dị giáo.

Đó là lý do tại sao cách ngăn nhất để ngăn chặn dị giáo là giáo huấn về mọi sự thật; và cách chắc chắn nhất để phản bác họ là tuyên bố mọi sự thật. Ông thánh sẽ luôn hiện hữu trong thế giới, và thiên nhiên cũng vậy. Sẽ luôn có người Pelagiô và luôn luôn có người Công Giáo, vì lần sinh thứ nhất tạo nên những người đầu, và lần sinh thứ hai tạo nên những người sau.

Đây là Giáo Hội, cùng với Chúa Giêsu Kitô, Đấng không thể tách biệt khỏi Giáo Hội, đáng được sự hoán cải của tất cả những người hiện không ở trong tôn giáo đích thực; và rồi chính những người trở lại đạo này sẽ giúp đỡ người mẹ đã sinh ra họ. Thân thể không thể sống động nếu không có đầu, giống như đầu không thể sống động mà không có thân thể. Ai tách

khỏi điều này hay điều kia thì không còn thuộc về thân thể, và không còn thuộc về Chúa Giêsu Kitô. Tất cả các nhân đức, ơn tử đạo, các tu hành nhiệm nhặt, và mọi việc lành, đều vô ích nếu ở bên ngoài Giáo hội, và ở bên ngoài sự hiệp thông với vị đứng đầu Giáo hội, là Đức Giáo Hoàng.

Một trong những sự khiếp đảm của những kẻ bị trầm luân là bị lên án bởi lý lẽ của chính họ, lý lẽ qua đó, họ có cao ngạo kết án Kitô giáo.

XIV. Có một điểm chung giữa cuộc sống bình thường của con người và của các thánh, đó là tất cả mọi người đều khao khát hạnh phúc; và họ chỉ khác nhau về đối tượng họ đặt nó vào. Cả hai đều gọi mọi sự là kẻ thù của họ khi ngăn cản họ đến được hạnh phúc.

Chúng ta phải xét đoán tốt hay xấu theo ý muốn của Thiên Chúa, Đấng không thể bất công cũng không mù quáng; chứ không theo ý riêng của chúng ta, những người luôn đầy rẫy những ác tâm và sai lầm.

XV. Trong Tin Mừng, Chúa Giêsu Kitô vốn đã cho ta dấu hiệu này để nhận ra những người có đức tin, đó là họ sẽ nói một ngôn ngữ mới; và quả thực, sự đổi mới các suy nghĩ và mong muốn tự nhiên tạo ra việc canh tân ngôn ngữ. Vì những điều mới lạ này, những điều làm nó không thể làm mất lòng Thiên Chúa, cũng như con người cũ không thể làm hài lòng Người, những điều mới lạ ấy khác với những điều mới lạ của trái đất, ở chỗ mọi sự trong thế giới, dù có mới đến đâu, cũng cũ đi theo thời gian: trong khi tinh thần được canh tân này càng tiếp tục hiện hữu thì càng được đổi mới. Thánh Phaolô nói: Con người bên ngoài bị hủy diệt (2 Cr 4:16), còn con người bên trong được đổi mới hàng ngày; nhưng nó sẽ chỉ hoàn toàn đổi mới trong cõi vĩnh cửu mà thôi, nơi chúng ta sẽ không ngừng hát bài ca mới này mà Đavít từng nói đến trong các thánh vịnh của ngài (Tv 32:3), nghĩa là bài hát khởi đi từ tinh thần bác ái mới.

XVI. Khi Thánh Phêrô và các tông đồ (Cv 15) nghị bàn việc bỏ phép cắt bì, và liệu nó có trái với lề luật Thiên Chúa hay không, các vị đã không hỏi ý kiến các tiên tri, mà chỉ đơn giản căn cứ vào việc tiếp nhận Chúa Thánh Thần trong con người của người không cắt bì. Các vị phán đoán một cách chắc chắn hơn rằng Thiên Chúa chấp thuận những người được Người đổ đầy Chúa Thánh Thần chứ không phải những người tuân giữ lề luật; các vị biết rằng cùng đích của lề luật chỉ là Chúa Thánh Thần; và do đó, vì người ta đã có Người mà không cần cắt bì, nên cắt bì không cần thiết.

XVII. Hai luật đủ để điều hành toàn bộ nền cộng đồng Kitô giáo, tốt hơn mọi đạo luật chính trị: tình yêu Thiên Chúa, và tình yêu người lân cận. Kitô giáo được thích ứng với mọi loại tâm trí. Điểm chung của con người là hài lòng với tình trạng và định chế (établissement) hiện tại; và tôn giáo của chúng ta hay đến nỗi một mình định chế của nó đủ để chứng minh sự thật của nó. Nhiều người khác thấy nó có từ thời kỳ tông đồ. Những người thông sáng hơn thấy nó có từ lúc khởi đầu của thế giới. Các thiên thần còn thấy nó nhiều hơn thế, và từ xa hơn; vì các vị thấy nó trong chính Thiên Chúa. Những người được Thiên Chúa ban cho tôn giáo từ tâm tình của trái tim là những người rất hạnh phúc và rất được thuyết phục. Nhưng đối với những người không được điểm phúc này, chúng ta chỉ có thể cung cấp nó cho họ qua lý luận, tin tưởng rằng chính Thiên Chúa sẽ in nó vào lòng họ; nếu không, đức tin sẽ vô ích cho ơn cứu rỗi.

Để dành cho mình quyền dạy dỗ chúng ta, và để làm cho mầu nhiệm về thân phận chúng ta trở nên khó hiểu, Thiên Chúa đã giấu chúng ta cái nút thắt này cao đến mức, hay nói tốt hơn,

thấp đến mức chúng ta không thể với tới được. Đến nỗi, không phải bởi sự kích động của lý trí của chúng ta, nhưng bằng sự phục tùng đơn thuần của lý trí, chúng ta mới có thể thực sự biết chính mình.

XVIII. Những người vô đạo tức những người tuyên bố tuân theo lý trí hẳn phải là những người mạnh mẽ một cách kỳ lạ về lý trí. Vậy họ muốn nói gì? Họ nói, há chúng ta không thấy, động vật cũng như con người, người Thổ Nhĩ Kỳ cũng như Kitô hữu đều chết và sống đó sao? Họ cũng có các nghi lễ riêng, các tiên tri riêng, các tiến sĩ riêng, các thánh riêng, tôn giáo riêng, như chúng ta, v.v. Điều này có chống lại Kinh thánh không? Há Kinh Thánh đã không nói tất cả những điều này sao? Nếu bạn không quan tâm chi đến việc biết sự thật, thì điều đó đủ để bạn nghỉ ngơi. Nhưng nếu bạn hết lòng muốn biết sự thật, thì điều đó chưa đủ; bạn phải đi vào chi tiết. Có lẽ sẽ đủ đối với một suy diễn triết học viển vông; nhưng ở đây, liên quan đến mọi điều... Và tuy nhiên, sau một suy tư hời hợt kiểu này, người ta lại vui chơi trở lại, v.v. Thật là một điều kinh khủng khi cảm thấy tất cả những gì người ta có đều đã trôi đi; nhưng chúng ta vẫn gắn bó với chúng, mà không muốn tìm kiếm xem liệu có thứ gì đó vĩnh viễn hay không.

Phải sống cách khác trên thế giới này theo những giả định khác nhau này: Liệu chúng ta có thể luôn luôn ở đó; liệu có chắc chắn chúng ta sẽ không ở đó lâu; và không chắc liệu chúng ta có ở đó trong một giờ hay không. Giả định cuối cùng là giả định của chúng tôi.

XIX. Với giả thiết nào, bạn cũng phải chịu khó tìm kiếm sự thật: vì nếu bạn chết mà không tôn thờ nguyên lý đích thực, bạn sẽ hư mất. Nhưng bạn nói, nếu Người muốn tôi thờ lạy Người, hẳn Người phải để lại cho tôi những dấu hiệu của thánh ý Người chứ. Người đã làm như thế; nhưng bạn làm ngơ chúng. Ít nhất bạn hãy tìm kiếm chúng; điều này đáng làm lắm. Người vô thần hẳn phải có những lý do hoàn toàn rõ ràng cho các tâm tư của họ. Tuy nhiên, hẳn người đó phải đánh mất mọi lương tri mới dám quả quyết rằng hoàn toàn rõ ràng là linh hồn không bất tử. Tôi sẽ không bắt lỗi bất cứ ai vì đã không dò tìm tận đáy các ý kiến của Copernicus: nhưng điều quan trọng đối với trọn cuộc sống là phải biết linh hồn tử sinh hay bất tử.

XX. Những lời tiên tri, cả những phép lạ, và những bằng chứng khác của tôn giáo chúng ta, không thuộc loại mà người ta có thể nói chúng có sức thuyết phục về mặt hình học. Nhưng hiện nay, tôi hài lòng nếu bạn chịu cho rằng việc tin chúng không phải là tội phạm đến lý trí. Chúng có cả ánh sáng lẫn bóng tối, để soi sáng những người này và làm tối tăm những người khác. Nhưng sự rõ ràng của chúng ở mức vượt qua, hoặc ít nhất là ngang bằng bất cứ sự rõ ràng nào ở phía đối nghịch; để lý trí không thể quyết định không chấp nhận chúng; và quả thực, có lẽ việc họ bác bỏ chỉ là vì tư dục và ác tâm của trái tim. Vì vậy, có đủ sự rõ ràng để lên án những người không chịu tin, và không đủ để thu phục họ; để chứng tỏ rằng nơi những người theo ánh sáng, chính ơn thánh, chứ không phải lý trí, đã khiến họ tuân theo nó; và nơi những người trốn chạy ánh sáng, chính tư dục, chứ không phải lý trí khiến họ trốn chạy.

Ai có thể không ngưỡng mộ và đón nhận một tôn giáo biết giải thích trọn vẹn các điều mà chúng ta phân được thực tại của chúng, theo tỷ lệ thuận với việc gia tăng soi sáng của chúng ta?

Người nào tìm thấy bằng chứng của Kitô giáo cũng giống như người thừa kế tìm thấy các văn tự của di sản mình. Liệu anh ta có nói rằng chúng là giả mạo không? và liệu anh ta có làm ngơ việc khảo sát chúng không?

XXI. Có hai hạng người biết Thiên Chúa: những người có tấm lòng khiêm nhường, và những người ưa khinh miệt và bị hạ thấp, bất chấp họ có mức độ hiểu biết nào, thấp hay cao; hoặc những người có đủ thông minh để nhìn ra sự thật, bất chấp họ có thể bị phản đối. Các nhà hiền triết trong các dân ngoại, những người nói rằng chỉ có một Thiên Chúa, đã bị bách hại, người Do Thái bị ghét bỏ, các Kitô hữu thậm chí còn bị ghét bỏ nhiều hơn thế.

XXII. Tôi không thấy có khó khăn nào trong việc tin vào sự phục sinh của thân xác và việc vừa thụ thai lạ lùng vừa trinh khiết của Đức Trinh Nữ lớn hơn là sự khó khăn tin vào việc sáng thế. Tái tạo một người có khó khăn hơn là sản sinh ra họ không? Và nếu chúng ta không biết cách thế sinh đẻ thông thường, liệu chúng ta có thấy lạ khi một đứa trẻ sinh từ một mình cô gái, hơn là từ một người nam và một người nữ?

XXIII. Có một sự khác biệt lớn giữa sự nghỉ ngơi và lương tâm an ổn. Không có gì có thể cho ta sự yên nghỉ ngoại trừ sự chân thành tìm kiếm sự thật, và không có gì có thể đảm bảo ngoài việc sở hữu được sự thật.

Có hai chân lý đức tin không thể thay đổi như nhau: một là con người, trong tình trạng sáng thế, hoặc trong tình trạng ơn thánh, được nâng cao hơn mọi tạo vật, được tạo dựng giống như Thiên Chúa, và được tham dự vào Thần tính; hai là con người trong tình trạng sa đọa và tội lỗi, họ bị rơi khỏi tình trạng trên, và bị biến thành tương tự như loài thú. Hai mệnh đề này đều vững vàng và chắc chắn. Kinh thánh tuyên bố chúng rõ ràng với chúng ta, khi nó nói ở một vài nơi: *Deliciae meae, esse cum filiis hominum* [ta đùa vui với con cái loài người] (*Cn* 8:31). *Effundam Spiritum meum super omnem carnem* [Ta sẽ đổ thần khí Ta trên hết thảy người phàm] (*St*, 3:1). *Dii estis*, [các người đây đều là bậc thần linh] v.v. (*Tv* 82: 6.) Và nó nói ở những chỗ khác: *Omnis caro foenum* [Người phàm nào cũng đều là cỏ] (*Is*. 40:6). *Homo comparatus est jumentis insipientibus, et similis factus est illis* [con người giống như những thú vật không có lương tri, và trở nên giống như chúng] (*Tv* 48:13). *Dixi in corde meo de filiis hominum, ut probaret eos Deus, et ostenderet smiles esse bestiis* [Về con cái loài người, tôi tự nhủ: Thiên Chúa muốn thử thách họ và cho họ thấy chính họ chỉ là thú vật mà thôi v.v. (*Gv* 3: 18)].

XXIV. Những điển hình về cái chết đại lượng của những người Laconie và những người khác hầu như không làm chúng ta cảm động; bởi vì tất cả những điều ấy là những gì đối với chúng ta? Nhưng tấm gương về cái chết của các thánh tử đạo làm chúng ta cảm động; bởi vì họ là thành viên của chúng ta. Chúng ta có một mối liên kết chung với họ: sự quyết tâm của họ có thể tạo nên sự quyết tâm của riêng chúng ta. Điển hình về những người ngoại đạo không có gì là như vậy cả: chúng ta không có mối liên hệ nào với họ; như sự giàu có của một người xa lạ không làm nên sự giàu có của chúng ta, mà là sự giàu có của một người cha hoặc một người chồng.

XXV. Người ta không bao giờ xa cách nhau mà không đau đớn. Người ta không cảm thấy mối ràng buộc của mình, khi họ tự nguyện đi theo người dẫn dắt, như Thánh Augustinô nói; nhưng khi người ta bắt đầu chống cự và bỏ đi, người ta đau khổ rất nhiều; mối liên kết bị căng thẳng, và phải chịu bạo lực; và liên kết này chính là thân xác của chính chúng ta, không bị tan nát vào lúc chết. Chúa chúng ta từng nói rằng, Từ thời ông Gioan Tẩy Giả cho đến bây giờ, nghĩa là từ lúc Người hiện diện trong mỗi tín hữu, Nước Trời phải đương đầu với sức mạnh, ai mạnh sức thì chiếm được (*Mt* 11: 12.) Trước khi được ơn thánh đánh động, linh hồn chỉ có sức mạnh của dục vọng đè nặng, giữ nó bám lấy trái đất. Nhưng khi Thiên Chúa kéo nó lên, hai nỗ lực đối lập tạo nên bạo lực này mà chỉ có Thiên Chúa mới có thể làm nó bị vượt qua. Nhưng, Thánh Lêô nói, chúng ta có thể làm bất cứ điều gì với Đấng mà không có

Người chúng ta không thể làm gì được. Do đó, phải quyết tâm gánh chịu cuộc chiến này suốt đời; vì không hề có hòa bình ở đây. Chúa Giêsu Kitô đến để mang theo guom đao, không phải là sự bình an (*Đã dẫn* 10:34.) Nhưng dù sao cũng phải thừa nhận, như Kinh Thánh, rằng sự khôn ngoan của loài người chỉ là sự ngu xuẩn trước mặt Thiên Chúa (*1 Cr* 3, 19), nên chúng ta có thể nói rằng cuộc chiến này, một cuộc chiến dường như gay gắt đối với loài người, là sự bình an trước mặt Thiên Chúa; vì chính sự bình an này cũng đã được Chúa Giêsu Kitô mang lại. Tuy nhiên, nó sẽ không hoàn hảo cho đến khi thân xác bị phá hủy; và đây chính là điều khiến sự chết trở thành điều đáng muốn có, trong khi đó, chúng ta hân hoan chịu sống vì tình yêu của Đấng, vì chúng ta, đã chịu đựng cả sự sống lẫn sự chết, và là “Đấng có thể làm gấp ngàn lần điều chúng ta dám cầu xin hay nghĩ tới” như Thánh Phaolô nói (*Êp* 3: 20.)

XXVI. Phải cố gắng đừng đau buồn về bất cứ điều gì, và phải coi mọi sự xảy ra là tốt nhất. Tôi tin rằng đó là một nghĩa vụ, và chúng ta phạm tội nếu không làm điều đó. Vì xét cho cùng, lý do tại sao tội lỗi là tội lỗi chỉ là vì chúng trái với ý muốn của Thiên Chúa: và do đó, yếu tính của tội lỗi hệ ở việc có một ý chí chống lại ý chí mà chúng ta biết nơi Thiên Chúa, đối với tôi, điều hiển hiện là khi Người dùng các biến cố biểu lộ ý muốn của Người cho chúng ta, nếu chúng ta không thuận theo, thì đó là một tội lỗi.

XXVII. Khi sự thật bị bác bỏ và bị bách hại, dường như đó là lúc việc chúng ta phục vụ Thiên Chúa bằng cách bênh vực Người làm đẹp lòng Người. Người muốn chúng ta dùng thiên nhiên để phán đoán ơn thánh, và do đó Người cho phép chúng ta xem xét rằng, như một hoàng tử, bị thần dân đuổi ra khỏi đất nước của mình, có sự dửng dưng cực độ đối với những người vẫn trung thành với mình trong cuộc nổi dậy công khai, thì cũng vậy, dường như Thiên Chúa nhân từ coi trọng những người bảo vệ sự tinh ròng của tôn giáo khi nó bị tấn công. Nhưng có sự khác biệt giữa các vua trên trái đất và Vua các vua, đó là các hoàng tử không làm cho thần dân của mình trung thành, nhưng thấy họ như vậy: trong khi Thiên Chúa luôn tìm thấy những người không có đức tin nếu không có ơn thánh của Người, và Người làm cho họ thành người có đức tin khi họ trở nên như thế. Vì vậy, trong khi các vị vua thường nhìn nhận họ có nghĩa vụ đối với những người trung thành với bổn phận và sự vâng lời, thì ngược lại, việc người ta vẫn tiếp tục phục vụ Thiên Chúa đều là do ơn Người vô tận.

XXVIII. Không phải sự khắc khổ của thể xác, cũng không phải các nỗ lực của tinh thần, mà là các chuyển động tốt của trái tim, mới là điều đáng khen và giúp ta chịu đựng các đau đớn của thể xác và tinh thần. Vì suy cho cùng, hai thứ này đều cần thiết để thánh hóa: đau đớn và thú vui. Thánh Phaolô nói rằng những ai bước vào cuộc sống tốt đẹp đều sẽ thấy nhiều phiền muộn và lo lắng (*Cv* 14:21). Điều này hẳn an ủi những ai cảm thấy phiền muộn, vì được cảnh báo rằng dường như lên trời mà họ tìm kiếm thì đây rầy phiền muộn, họ nên vui mừng khi gặp được những dấu hiệu cho thấy họ đang đi theo con đường đích thực. Nhưng những nỗi đau đớn này không phải là không có thú vui, và không bao giờ vượt qua được ngoại trừ nhờ niềm vui. Vì những kẻ lìa bỏ Thiên Chúa để trở lại thế gian, họ làm vậy chỉ vì họ tìm thấy sự ngọt ngào trong các thú vui của trái đất hơn là các thú vui được kết hợp với Thiên Chúa, và họ bị quyến rũ bởi sức lôi cuốn lẫn át của chúng, một điều khiến họ hối hận về chọn lựa đầu tiên và làm họ trở thành *các hỡi nhân của ma quỷ*, như lời Tertullianô: cũng thế, người ta sẽ không bao giờ rời bỏ thú vui của thế gian để ôm lấy thập giá của Chúa Giêsu Kitô, nếu họ không tìm thấy vị ngọt ngào nào trong sự khinh miệt, trong nghèo khó, trong sự túng quẫn và trong việc bị mọi người bác bỏ, hơn là trong thú vui của tội lỗi. Và vì vậy, như Tertullianô đã nói, *không nên tin rằng cuộc đời của các Kitô hữu là một cuộc đời buồn rầu. Người ta chỉ bỏ các thú vui để tìm các thú vui khác lớn hơn mà thôi.* Thánh Phaolô nói, *hãy luôn cầu nguyện, hãy luôn cảm tạ, hãy luôn hân hoan* (*1 Tx* 5:16, 17, 18). Chính niềm vui tìm được Thiên Chúa là

nguyên lý của nỗi buồn đã xúc phạm đến Người, và của mọi thay đổi cuộc sống. Theo Chúa Giêsu Kitô, ai đã tìm được của châu báu trong một thửa vườn thì vui mừng đến mức khiến người ấy phải bán tất cả những gì mình có để mua lấy thửa vườn đó (Mt 13: 44.) Người của thế gian có nỗi buồn của họ; nhưng họ không có niềm vui mà thế gian không thể ban cho cũng như không lấy đi, chính Chúa Giêsu Kitô nói như thế (Ga 14: 27, và 16: 22.) Các chân phúc có được niềm vui này mà không có nỗi buồn nào cả; còn các Kitô hữu có niềm vui 'trộn lẫn với nỗi buồn đã chạy theo những thú vui khác, và nỗi sợ bị mất niềm vui này bởi sự lôi cuốn của các thú vui khác luôn cám dỗ chúng ta không ngừng. Vì vậy, chúng ta phải cố gắng không ngừng để duy trì nỗi sợ hãi này, vốn duy trì và điều hòa niềm vui của chúng ta; và, bất cứ khi nào cảm thấy bị lôi cuốn theo điều này, ta nên bắt tâm trí ta hướng về điều kia để có thể đứng vững. Kinh Thánh dạy (Gv 11:27), hãy nhớ những điều tốt lành trong những ngày đau buồn, và hãy nhớ những điều đau buồn trong những ngày hân hoan, cho đến khi lời hứa Chúa Giêsu Kitô đã ngỏ cùng chúng ta rằng Người sẽ làm cho niềm vui của Người tràn đầy trong chúng ta, được hoàn thành. Vì vậy, chúng ta đừng để mình bị khuất phục bởi nỗi buồn, và đừng tin rằng lòng đạo đức chỉ bao gồm những cay đắng mà không có sự an ủi. Lòng đạo đức chân chính, một điều chỉ trở nên hoàn hảo trên thiên đàng, đầy những thỏa mãn đến mức lấp đầy linh hồn ta cả lúc vó mới bước vào, lúc nó diễn tiến và lúc nó hoàn thành. Đó là một thứ ánh sáng chói lọi đến nỗi nó chiếu dõi mọi điều thuộc về nó. Nếu có bất cứ nỗi buồn pha trộn nào, nhất là lúc bắt đầu, thì nó phát xuất từ chúng ta, chứ không phải từ nhân đức; vì không phải là hiệu quả của lòng đạo đức bắt đầu có trong ta, nhưng là lòng vô đạo đức vẫn tồn tại ở đó. Chúng ta hãy loại bỏ sự vô đạo đức, thì niềm vui sẽ không thể bị pha trộn. Vì vậy, chúng ta đừng gán sự buồn sầu cho lòng đạo đức sùng kính mà là cho chính chúng ta, và tìm cách giảm nhẹ nó qua việc tu sửa chính chúng ta.

XXIX. Quá khứ không nên làm chúng ta bối rối, vì chúng ta chỉ biết hối tiếc về các lỗi lầm của mình; nhưng tương lai càng ít tác động đến chúng ta hơn nữa, vì đối với chúng ta, nó không hiện hữu chút nào, và có lẽ chúng ta sẽ không bao giờ đến được đó. Hiện tại là thời gian duy nhất thực sự là của chúng ta, và chúng ta phải sử dụng nó theo ý Thiên Chúa. Chính trong thời khắc hiện sinh đó, các tư tưởng của chúng ta chủ yếu phải bận tâm. Tuy nhiên thế giới này bất an đến nỗi người ta không bao giờ nghĩ đến cuộc sống hiện tại và khoảnh khắc họ đang sống, nhưng nghĩ tới khoảnh khắc họ sẽ sống. Đến nỗi, họ luôn ở trong trạng thái sống cho tương lai, chứ không bao giờ sống cho hiện tại. Chúa chúng ta không muốn việc nhìn xa của chúng ta trải dài quá ngày chúng ta đang sống. Đó là những giới hạn mà Người muốn chúng ta tuân giữ, cho cả ơn cứu rỗi của chúng ta lẫn sự an nghỉ của chính chúng ta.

XXX, Đôi khi, người ta tự sửa mình tốt hơn nhờ thấy điều ác hơn là nhờ thấy điều thiện; và điều rất tốt là làm quen với việc lợi dụng điều ác, vì nó là điều rất thông thường, trong khi điều tốt là điều rất hiếm hoi.

XXXI. Trong chương thứ mười ba của Thánh Máccô, Chúa Giêsu Kitô đã có một diễn từ tuyệt vời cho các tông đồ về biến cố cuối cùng của Người: và vì mọi điều xảy ra cho Giáo hội cũng xảy ra cho mỗi Kitô hữu nói riêng, nên chắc chắn là toàn bộ chương này cũng tiên đoán tốt về trạng thái của mỗi người, nhờ tự hoán cải, sẽ tiêu diệt con người cũ trong họ, trạng thái của toàn thể vũ trụ sẽ bị hủy diệt để nhường chỗ cho một trời mới và một đất mới, như Kinh Thánh đã từng viết (2Pr 3:13). Lời tiên đoán ở đó nói đến sự đổ nát của đền thờ bị ruồng bỏ, điều này là hình ảnh muốn nói đến sự đổ nát của con người bị ruồng bỏ nơi mỗi người chúng ta, và về đền thờ này có lời chép rằng sẽ không còn hòn đá nào trên hòn đá nào, một hình bóng muốn nói không được duy trì bất cứ đam mê nào của con người cũ; và những cuộc chiến tranh dân sự và nội chiến kinh hoàng này tượng trưng rất rõ sự bất ổn nội tâm mà những người đã dâng mình cho Thiên Chúa cảm nhận được, không có gì được tỏ vẽ rõ hơn,

V.V.

XXXII. Chúa Thánh Thần ngự nột cách vô hình trong hài cốt của những người đã chết trong ơn thánh Thiên Chúa, cho đến khi Người tỏ mình ra cho họ một cách hiển nhiên trong biến cố phục sinh, và đó là điều làm cho hài cốt của các thánh rất đáng được tôn kính. Vì Thiên Chúa không bao giờ bỏ rơi những kẻ thuộc về Người, cả trong ngôi mộ, nơi thân xác họ, mặc dù đã chết trước mắt loài người, nhưng trước mặt Thiên Chúa lại sống động hơn, vì tội lỗi không còn ở đó nữa: trong khi tội lỗi luôn luôn cư ngụ ở đó suốt đời này, ít nhất ở gốc rễ của họ; vì hoa trái của tội lỗi không phải lúc nào cũng ở đó; và cái gốc rễ bất hạnh này, vì không thể tách rời khỏi họ trong trong lúc còn sống, nên làm cho chúng ta không được phép tôn vinh chúng lúc đó, vì chúng đáng bị ghét bỏ. Đây là lý do tại sao cái chết cần thiết để khắc phục hoàn toàn cái gốc rễ bất hạnh này; và đó là điều khiến nó trở nên đáng ước ao.

XXXIII. Những người được chọn không ý thức các nhân đức của họ, và những kẻ bị loại trừ không ý thức các tội ác của họ. Cả hai loại người này cùng nói, *Lạy Chúa, có khi nào chúng con thấy Chúa đòi đâu?* v.v... (Mt 25: 37, 44). Chúa Giêsu Kitô không muốn chứng tử của ma quỷ, cũng như của những người không có ơn gọi; nhưng là chứng tử của Thiên Chúa và của Thánh Gioan Tẩy Giả.

XXXIV. Lỗi của Montaigne rất lớn. Ông ta đầy những lời bản thiêu và không trung thực, điều này vô giá trị. Các tình cảm của ông ta về việc cố ý giết người và về sự chết thật kinh hoàng. Ông gợi ý một sự bất cần ơn cứu rỗi, không sợ hãi, không ăn năn. Sách của ông không được viết ra để quảng bá lòng đạo đức, ông cho mình không có nghĩa vụ phải làm như vậy: nhưng người ta luôn có nghĩa vụ không được quay lưng lại với nghĩa vụ này. Mặc dù người ta có thể nói để bào chữa các tâm tư quá tự do của mình về một số điều, người ta vẫn không thể bào chữa cách nào cho các tâm tư hoàn toàn ngoại giáo của mình về sự chết; vì người ta phải từ bỏ tất cả lòng đạo đức nếu ít nhất họ không muốn chết trong tư cách Kitô hữu: nhưng qua các trước tác của mình, ông chỉ nghĩ đến chết một cách hèn nhát và êm ái.

XXXV. Điều đánh lừa chúng ta, khi so sánh những gì đã xảy ra ngày xưa trong Giáo Hội với những gì được thấy ở đó bây giờ, chúng ta thường coi Thánh Athanaxiô, Thánh Têrêxa và các vị thánh khác, là những người được tưởng thưởng vinh quang. Bây giờ thời gian đã làm sáng tỏ mọi sự, nó thực sự có vẻ như vậy. Nhưng vào lúc vị thánh vĩ đại này bị bách hại, ngài là một người có tên là Athanasiô; và Thánh Têrêxa, ở thời ngài, là một nữ tu giống như những nữ tu khác. *Élia là một người giống như chúng ta, cũng chịu cùng những đam mê như chúng ta*, Thánh Tông đồ Giacôbê (Ga 5:17) cho biết như thế để làm các Kitô hữu tỉnh ngộ khỏi ý tưởng sai lầm từng khiến chúng ta bác bỏ gương của các thánh, bị coi như bất tương xứng với tình trạng của chúng ta: chúng ta bảo, họ là các vị thánh, không giống như chúng ta.

XXXVI. Đối với những người ghê tởm tôn giáo, cần phải bắt đầu bằng cách cho họ thấy rằng tôn giáo không trái với lý trí; rồi cho họ thấy, nó đáng kính, và tôn trọng lý trí; sau đó, làm cho nó nên đáng yêu và làm cho người ta mong ước nó đúng sự thật: và sau đó chứng minh bằng các bằng chứng không bị thách thức rằng nó đúng sự thật; làm người ta thấy sự cổ kính và thánh thiện của nó bằng sự vĩ đại và sự cao nhã của nó; và cuối cùng chứng minh nó đáng yêu, vì nó hứa hẹn điều tốt lành thực sự.

Một lời từ miệng Đavít, hoặc từ Môsê, như câu: *Thiên Chúa sẽ cắt bì các tâm hồn* (Đnl 30: 6), làm ta xét đoán được tâm trí họ. Giả sử mọi điều họ viết từ xưa đều hàm hồ lưỡng nghĩa, và không chắc họ là triết gia hay Kitô hữu: một câu như thế đủ xác định trọng điểm. Cho đến lúc đó sự mơ hồ còn kéo dài, nhưng sau đó nó không còn nữa.

Nếu chúng ta bị đánh lừa mà tin vào Kitô giáo, thì đâu có mất mát bao nhiêu. Nhưng quả là bất hạnh khi lầm tưởng tin rằng nó sai sự thật!

XXXVII. Các điều kiện dễ nhất để sống theo thế gian đều khó nhất để sống theo Thiên Chúa; và ngược lại, theo thế gian, không có gì khó khăn bằng đời sống tôn giáo; sống nó theo Thiên Chúa không còn dễ dàng gì nữa; theo thế gian, không có gì dễ dàng hơn là sống trong hào quang và giàu có; theo Thiên Chúa, không gì khó hơn là sống trong những điều kiện như thế, mà không tham dự vào chúng và thường thức chúng.

XXXVIII. Cự ước chứa đựng những hình bóng về niềm vui trong tương lai, và Tân ước chứa đựng những phương tiện để đạt được điều đó. Các hình bóng là niềm vui, các phương tiện là sám hối; và tuy nhiên, chiến vượt qua được ăn với rau diếp dại, *cum amaritudinibus* (cùng rau diếp đắng) (Xh. 12: 8, bản Hípri), để luôn nhấn mạnh rằng người ta chỉ có thể tìm thấy niềm vui qua sự cay đắng mà thôi. Chữ *Galilê*, được phát âm tình cờ bởi đám đông người Do Thái, khi tố cáo Chúa Giêsu Kitô trước Philatô (Lc 23:5), đã cho Philatô lý do để giải Chúa Giêsu Kitô cho Hêrôđê; trong đó đã ứng nghiệm mâu nhiệm nói rằng Người phải bị phán xử bởi người Do Thái và dân ngoại. Tình cờ bề ngoài đã là nguyên nhân tạo nên việc ứng nghiệm mâu nhiệm.

XL. Có người một ngày kia nói với tôi rằng ông ta rất vui và tự tin khi rời khỏi tòa giải tội: một người khác nói với tôi rằng ông ta rất sợ hãi. Vì vậy, tôi nghĩ rằng nếu tâm tư của hai người này được hòa lẫn, có lẽ chúng sẽ tạo nên một tâm tư đúng, và mỗi người đều bất cập ở chỗ không có tâm tư của người kia.

XLI. Thật là vui khi ở trong một con tàu bị bão tố, mà được bảo đảm rằng mình sẽ không chết. Các cuộc bách hại đang áp đặt lên Giáo hội có bản chất như vậy. Lịch sử của Giáo hội phải được gọi một cách đúng đắn là lịch sử của sự thật.

XLII. Vì hai nguồn gốc của tội lỗi của chúng ta là kiêu ngạo và lười biếng, Thiên Chúa đã tỏ cho chúng ta thấy nơi Người có hai đức tính để chữa lành chúng: lòng nhân từ và đức công chính của Người. Đặc tính của công chính là triệt hạ lòng kiêu ngạo; và đặc tính của lòng thương xót là chống lại sự lười biếng bằng cách mời gọi làm các việc lành, theo lời đoạn văn sau: *Lòng thương xót của Thiên Chúa mời gọi việc thống hối* (Rm 2:4); và đoạn khác nói về người Ninivê: *Chúng ta hãy thống hối, để xem liệu Người có thương xót chúng ta hay không* (St 3:9). Như thế, thay vì lòng thương xót của Thiên Chúa cho phép việc ở nhưng không, trái lại mới đúng, không điều gì chống thói lười biếng nhiều hơn thế; và thay vì nói rằng: vì Thiên Chúa không tỏ lòng thương xót, ta phải nỗ lực hết sức để chu toàn các giới luật của Người; trái lại, cần phải nói rằng chính vì Người là Thiên Chúa của lòng thương xót nên chúng ta phải làm tất cả những gì có thể làm để chu toàn chúng.

XLIII. Tất cả những gì trên thế giới đều chỉ là tư dục của xác thịt, hoặc tư dục của đôi mắt, hoặc sự kiêu ngạo trong cuộc sống: *libido sentiendi, libido sciendi, libido dominandi* (1 Ga 2:16.) Khôn thay cho vùng đất bị nguyên rửa khi ba con sông lửa này thiêu đốt thay vì tưới tắm! Phúc thay những ai, ở trên những dòng sông này, không bị đắm chìm, không bị cuốn đi, nhưng vững như bàn thạch; không đứng, nhưng ngồi trong một cái đĩa thấp và chắc chắn, từ đó họ không đứng lên trước khi ánh sáng xuất hiện, nhưng sau khi đã yên nghỉ ở đó, đưa tay cho người có nhiệm vụ nâng họ lên, để làm cho họ đứng thẳng và đứng vững trong cánh công Giêrusalem linh thiêng, nơi họ sẽ không còn phải sợ hãi những cuộc tấn công của lòng kiêu ngạo; tuy nhiên, họ khóc, không phải vì thấy mọi sự mau hư đã trôi đi, nhưng vì ký ức về quê

huong thân yêu của họ, về Giêrusalem trên trời, mà họ hằng mơ ước đêm ngày trong cảnh mòn mỏi lưu đày!

XLIV. Người ta nói rằng phép lạ sẽ củng cố niềm tin của tôi. Họ nói như thế khi chúng ta không thấy phép lạ. Các lý do, nhìn từ xa, dường như hạn chế tầm nhìn của chúng ta, nhưng khi chúng ta đến đó, chúng không còn giới hạn nữa. Chúng ta bắt đầu thấy quá bên kia. Không có điều gì ngăn cản được sự liên tưởng của tâm trí chúng ta. Người ta nói rằng không có quy tắc nào, mà lại không có luật trừ, cũng không có bất cứ sự thật nào dù tổng quát đến đâu mà lại không có phương diện thiếu sót. Đủ để nó không tuyệt đối phổ quát, đủ để cho chúng ta một cái cớ giúp áp dụng ngoại lệ vào chủ đề hiện bàn, và để nói rằng: Điều này không luôn luôn đúng; vì vậy có những trường hợp nó không phải vậy. Chỉ còn cần cho thấy trường hợp này là một; và chúng ta chắc chắn sẽ rất khờ dại nếu một ngày nào đó, không thấy ra điều đó.

XLV. Bác ái không phải là một giới luật theo nghĩa bóng. Nói rằng Chúa Giêsu Kitô, Đấng đến để loại bỏ các hình bóng hòng đặt để sự thật, thực ra chỉ đến để đặt để hình bóng bác ái, và để loại bỏ thực tại đã có trước đó; nói như thế thật là kinh hoàng.

XLVI. Biết bao vọng kính đã khám phá cho chúng ta những vật chưa hề thấy đối với các triết gia của chúng ta trước đây! Người ta từng xác xược tấn công Kinh thánh vì thấy ở đó, ở rất nhiều nơi, nói đến vô số các vì sao. Họ bảo chỉ có một nghìn hai mươi hai vì sao mà thôi: chúng ta biết điều đó.

XLVII. Con người được tạo ra như thế, để khi nói với họ rằng họ là một kẻ ngốc, họ tin ngay; và, càng tự nói với mình điều đó, họ càng tự tin điều đó. Vì một mình con người mới biết trò chuyện với chính mình, nên điều quan trọng là phải điều chỉnh nó cho tốt: *Corrum punt mores bonos colloquia mala* [Chơi với kẻ xấu, người tốt cũng ra xấu] (1 Cr 15:33). Phải giữ im lặng bao nhiêu có thể, và chỉ đàm đạo về Thiên Chúa mà thôi; và nhờ vậy chúng ta sẽ tự thuyết phục mình tin có Thiên Chúa.

XLVIII. Đây là sự khác biệt giữa một người lính và một tu sĩ Chartreux (dòng Thánh Brunô) về sự vâng lời? Vì họ đều vâng lời và từng phục như nhau, và trong những nhiệm vụ nặng nề như nhau. Nhưng người lính luôn hy vọng trở nên người chỉ huy mà không bao giờ trở nên được (vì các đại úy và các các ông hoàng nữa luôn luôn là các nô lệ và người tùy thuộc); nhưng họ luôn hy vọng được độc lập và luôn cố gắng đạt được điều này; còn các tu sĩ Chartreux có lời khấn không bao giờ sống độc lập. Họ không khác nhau về sự phục vụ vĩnh viễn mà cả hai cùng có, nhưng lòng hy vọng được độc lập thì người này luôn luôn có còn người kia thì không.

XLIX. Ý chí riêng sẽ không bao giờ được thỏa mãn, cả khi nó có mọi thứ nó mong muốn; nhưng chúng ta sẽ thỏa mãn ngay khi từ bỏ ý chí riêng. Với nó, người ta chỉ có thể không hài lòng; không có nó, người ta chỉ có thể hài lòng. Nhân đức đích thực và độc đáo là ghét chính mình, vì người ta đáng ghét bởi tự dục của mình; và tìm kiếm một con người thực sự đáng yêu, để yêu nó. Nhưng, vì chúng ta không thể yêu điều gì ở bên ngoài chúng ta, nên phải yêu một đối tượng ở bên trong chúng ta, nhưng không phải là chúng ta. Thế mà, chỉ có Đấng Phổ Quát mới như vậy mà thôi. Vương quốc Thiên Chúa ở trong chúng ta (Lc 17:21); sự thiện phổ quát ở trong chúng ta, nhưng không phải là chúng ta.

Nên quả không chính đáng khi người ta quyến luyến chúng ta, mặc dù họ làm điều đó một cách vui vẻ và tự nguyện. Chúng ta sẽ lừa dối những người mà chúng ta sẽ tạo ra sự quyến

luyện đó nơi chúng ta; vì chúng ta không phải là cùng đích của bất cứ ai cả, và chúng ta không có gì để thỏa mãn họ. Há chúng ta không sẵn sàng chết đó sao? Và như vậy đối tượng của sự quyến luyến của họ sẽ chết theo. Vì chúng ta sẽ có tội khi làm cho người ta tin một điều sai sự thật, mặc dù chúng ta thuyết phục họ một cách êm ái và họ vui lòng tin điều đó, và trong điều đó họ làm cho chúng ta vui: cũng thế chúng ta sẽ có tội, nếu chúng ta lôi cuốn người ta quyến luyến chúng ta. Chúng ta phải cảnh báo những người sẵn sàng đồng ý với một lời dối trá rằng họ không được tin vào điều đó, bất kể chúng ta thu được lợi ích gì từ việc này. Cũng thế, chúng ta phải cảnh báo họ rằng họ không nên quyến luyến với chúng ta; vì họ phải dành cả đời mình để làm đẹp lòng Thiên Chúa, hoặc tìm kiếm Người.

L. Sẽ là điều mê tín, khi đặt hy vọng vào các thể thức và nghi lễ; nhưng sẽ là điều tuyệt vời, khi không từng phục chúng.

LI. Tất cả các tôn giáo và tất cả các giáo phái trên thế giới đều lấy lý lẽ tự nhiên làm kim chỉ nam. Chỉ riêng các Kitô hữu buộc phải lấy các quy tắc của họ từ bên ngoài chính họ, và tự thông tri cho mình những quy tắc mà Chúa Giêsu Kitô đã để lại cho người xưa để họ truyền lại cho chúng ta. Có những người cảm thấy chán ngán với sự ràng buộc này. Giống các dân tộc khác, họ muốn được tự do làm theo trí tưởng tượng của họ. Chúng ta kêu to vào tai họ cũng vô ích, như các tiên tri đã từng làm với dân Do Thái ngày xưa: Hãy vào giữa lòng Giáo Hội; học hỏi các luật lệ mà các vị ngày xưa đã để lại cho Giáo Hội, và đi theo các nẻo đường của Giáo Hội. Họ trả lời như những người Do Thái: Chúng tôi sẽ không bước đến đó: chúng tôi muốn làm theo suy nghĩ của trái tim mình, và sống như các dân tộc khác.

LII. Có ba cách để tin: lý lẽ, phong tục và linh hứng. Kitô giáo, tôn giáo duy nhất có lý lẽ, không nhận làm con cái đích thực của mình những người tin mà không có linh hứng: không phải là nó loại trừ lý lẽ và phong tục; ngược lại, phải mở rộng tinh thần của mình đón nhận các chứng cứ của lý trí, và củng cố chúng bằng phong tục; nhưng tôn giáo này muốn chúng ta khiêm hạ tuân theo sự linh hứng, là điều duy nhất có thể mang lại hiệu quả đích thực và có tính cứu rỗi: *Ut non evacuetur crux Christi* [để thập giá Chúa Kitô khỏi trở nên vô hiệu] (*1Cr* 1:17).

LIII. Không bao giờ chúng ta làm điều ác một cách trọn vẹn và vui vẻ như khi chúng ta làm điều đó do một nguyên tắc sai lầm của lương tâm.

LIV. Người Do Thái, tức những người được kêu gọi khuất phục các quốc gia và các vua chúa, đã từng là nô lệ của tội lỗi; còn các Kitô hữu, mà ơn gọi là phục vụ và trở thành thần dân, là con cái tự do.

LV. Có phải là can đảm không khi một người sắp chết, trong sự yếu đuối và đau đớn, lại đi đối đầu với một Thiên Chúa toàn năng và vĩnh cửu?

LVI. Tôi sẵn lòng tin những câu chuyện mà nhân chứng của chúng sẵn sàng hy sinh mạng sống để làm chứng cho chúng.

LVII. Sự kính sợ tốt lành phát xuất từ đức tin; sự kính sợ giả tạo phát xuất từ sự nghi ngờ. Sự kính sợ tốt lành dẫn đến hy vọng, bởi vì nó phát sinh từ đức tin, và vì chúng ta hy vọng vào Thiên Chúa nên chúng ta tin: Sự kính sợ xấu dẫn đến tuyệt vọng, vì người ta sợ vị Thiên Chúa mà họ không tin. Kẻ thì sợ mất Người, kẻ thì sợ tìm thấy Người.

LVIII. Salômôn và Gióp biết rõ nhất nỗi khốn cùng của con người, và đã nói về nó tốt nhất:

người thì hạnh phúc nhất loài người, người thì bất hạnh nhất; người thì biết sự phù phiếm của các thú vui bằng kinh nghiệm, người thì biết thực tại của các điều xấu.

LIX. Kẻ ngoại đạo nói xấu Israel, và vị Tiên tri cũng thế; và vì dân Israel không có quyền nói với vị tiên tri rằng: Ông nói như kẻ ngoại đạo; nên ông tạo sức mạnh lớn lao nhất từ điều kẻ ngoại đạo nói như ông (Êdêkien).

LX. Thiên Chúa không có ý định để chúng ta phải phục tùng niềm tin của chúng ta vào Người mà không có lý lẽ, cũng như không muốn chúng ta chịu khuất phục quyền; nhưng Người cũng không có ý giải thích cho chúng ta lý lẽ của mọi sự; và, để hòa hợp các mâu thuẫn này, Người có ý định làm cho chúng ta thấy rõ các dấu ấn thần thiêng nơi Người, các dấu ấn thuyết phục chúng ta về bản tính của Người, và thiết lập thẩm quyền của Người bằng các điều kỳ diệu và chứng cứ mà chúng ta không thể bác bỏ; và sau đó chúng ta tin tưởng không do dự những điều Người dạy dỗ chúng ta, khi chúng ta thấy không còn lý do nào khác để bác bỏ chúng, ngoại trừ, tự chúng ta, chúng ta không thể biết chúng có thật hay không.

LXI. Chỉ có ba loại người: một số phụng sự Thiên Chúa, sau khi tìm thấy Người; số khác đang cố gắng tìm kiếm Người, vì vẫn chưa tìm thấy Người; và cuối cùng số người khác nữa sống mà không tìm kiếm Người, cũng không tìm thấy Người. Những người đầu tiên hợp lý và hạnh phúc; những người cuối cùng khờ dại và bất hạnh; những người ở giữa thì bất hạnh nhưng hợp lý.

LXII. Con người thường lẫn lộn trí tưởng tượng của họ với trái tim; và họ tin rằng họ đã trở lại ngay khi họ nghĩ đến việc trở lại.

Lý trí hoạt động chậm chạp, và nó cần rất nhiều quan điểm và nguyên tắc khác nhau phải hiện diện trước nó, đến nỗi lúc nào nó cũng thiếp ngủ hay lạc đường, không thấy chúng cùng một lúc. Tâm tư thì không phải như vậy; nó hành động ngay lập tức, và luôn sẵn sàng hành động. Vì vậy, sau khi biết sự thật nhờ lý lẽ, cần phải cố gắng cảm nhận được nó, và đặt đức tin của chúng ta vào tâm tình của trái tim; nếu không, nó sẽ luôn không chắc chắn và lung lay. Trái tim có lý lẽ của nó, mà lý trí không biết được: người ta cảm nhận nó trong cả ngàn sự vật. Chính trái tim cảm nhận được Thiên Chúa, chứ không phải lý trí. Thiên Chúa nhạy cảm đối với trái tim, đó là đức tin hoàn hảo.

LXIII. Điều chủ yếu đối với bản tính Thiên Chúa là đức công chính của Người cũng vô hạn như lòng thương xót của Người: tuy nhiên đức công chính và sự nghiêm khắc của Người đối với kẻ bị ruồng bỏ thậm chí còn ít đáng kinh ngạc hơn lòng thương xót của Người đối với người được chọn.

LXIV. Con người rõ ràng được tạo ra để suy nghĩ; đó là tất cả phẩm giá và tất cả công lao của họ. Toàn bộ nhiệm vụ của họ là suy nghĩ đúng đắn; và trật tự của tư tưởng là bắt đầu với chính nó, với tác giả của nó và cùng đích của nó. Tuy nhiên, chúng ta nghĩ gì khi sống trên đời? Không bao giờ có điều gì khác mà chỉ để giải khuây, để trở nên giàu có, để có được danh tiếng, để trở thành vua, mà không nghĩ đến việc làm vua và làm người có nghĩa gì.

Tư tưởng của con người là một điều đáng ngưỡng mộ bởi chính bản chất của nó. Cần phải có một số khuyết điểm kỳ lạ nó mới đáng khinh. Nhưng nó có những khuyết điểm lớn đến nỗi không có gì đáng chê cười hơn. Do bản chất, nó cao cả xiết bao, nhưng do khuyết điểm, nó thấp hèn biết chừng nào!

LXV. Nếu có một Thiên Chúa, chỉ phải yêu một mình Người, chứ không phải các tạo vật. Lý luận của kẻ vô đạo, trong sách Khôn ngoan, chỉ dựa trên những gì họ tự xác tín là không hề có Thiên Chúa. Họ nói rằng, giả định như thế, thì ta hãy tận hưởng các tạo vật. Nhưng nếu họ biết rằng có một vị Thiên Chúa, họ sẽ kết luận ngược lại. Và đây là kết luận của người khôn ngoan: Có một Thiên Chúa, vì vậy chúng ta đừng tận hưởng các tạo vật. Vì vậy, bất cứ điều gì khiến chúng ta gắn bó với tạo vật đều xấu, vì nó ngăn cản chúng ta, một là phụng sự Thiên Chúa, nếu chúng ta biết Người, hai là tìm kiếm Người, nếu chúng ta không biết Người. Bây giờ chúng ta đây tự dục: do đó chúng ta đây rầy điều ác; vì vậy chúng ta phải ghét chính mình, và tất cả những điều gắn bó chúng ta vào bất cứ thứ gì khác ngoài một mình Thiên Chúa.

LXVI. Khi muốn nghĩ về Thiên Chúa, chúng ta cảm thấy có bao nhiêu điều khiến chúng ta quay lưng lại với Người, và cảm dỗ chúng ta suy nghĩ đi nơi khác? Tất cả những điều này đều xấu xa, và thậm chí vốn bẩm sinh với chúng ta.

LXVII. Thật sai lầm khi chúng ta chỉ xứng đáng được người khác yêu thương chúng ta: thật bất chính khi chúng ta muốn như thế. Nếu chúng ta sinh ra là người hữu lý, và với một số hiểu biết về bản thân và những người khác, chúng ta sẽ không có khuynh hướng này.

Tuy nhiên, chúng ta được sinh ra với nó: do đó chúng ta được sinh ra là người bất chính, vì ai cũng hướng về bản thân mình. Điều này chống lại mọi trật tự: phải hướng tới cái chung; và việc hướng vào bản thân là khởi đầu của mọi rối loạn, chiến tranh, cảnh sát, kinh tế, v.v. Nếu các thành viên của các cộng đồng tự nhiên và dân sự hướng về lợi ích của tập thể, thì bản thân các cộng đồng phải phấn đấu cho một tập thể khác tổng quát hơn. Bất cứ ai không ghét nơi mình lòng tự ái và bản năng khiến họ đặt mình lên trên tất cả, đều là kẻ rất mù quáng, vì không còn gì đối lập với công lý và sự thật đến thế. Vì thật sai lầm khi chúng ta đáng được sự đối xử ấy; và lại, vừa bất chính vừa không thể đạt được điều đó, vì nó là đối tượng được mọi người theo đuổi. Do đó, rõ ràng chúng ta được sinh ra trong một sự bất chính, điều mà chúng ta không thể loại bỏ, nhưng chúng ta phải loại bỏ. Tuy nhiên, không tôn giáo nào khác ngoài Kitô giáo nhận thấy rằng đó là một tội lỗi, chúng ta cũng sinh ra trong đó, chúng ta cũng buộc phải chống lại nó, chúng ta cũng nghĩ đến việc chúng ta được ban cho các phương thuốc chữa trị.

LXVIII. Có một cuộc chiến nội bộ trong con người giữa lý trí và các đam mê. Họ có thể được hưởng một chút an bình, nếu họ chỉ có lý trí mà không có đam mê, hoặc nếu họ chỉ có đam mê mà không có lý trí. Nhưng vì có cả hai, nên họ không thể không có chiến tranh, không thể có hòa bình với bên này mà không có chiến tranh với bên kia. Vì vậy, họ luôn chia rẽ và mâu thuẫn với chính mình.

Nếu sống mà không tìm xem người ta là gì là một sự mù quáng không tự nhiên, thì càng kinh khủng hơn khi sống tồi tệ trong lúc tin Thiên Chúa. Tất cả mọi người hầu như đều nằm ở một trong hai sự mù quáng này.

LXIX. Điều không thể nghi ngờ là linh hồn có thể chết hay bất tử. Điều này hẳn phải tạo ra sự khác biệt hoàn toàn về luân lý; tuy nhiên, các triết gia đã tiến hành luân lý một cách độc lập với điều này. Thật là một sự mù quáng kỳ lạ!

Màn cuối cùng luôn đẫm máu, bất chấp phần còn lại của vở kịch có tính giải trí ra sao. Cuối cùng chúng ta chỉ còn biết phủ xác chết và mọi chuyện kết thúc.

LXX. Thiên Chúa, sau khi đã tạo dựng trời và đất, những vật thể vốn không cảm thấy hạnh phúc của hữu thể mình, muốn tạo ra những sinh vật nhận biết Người và tạo ra một tập thể gồm các thành phần biết suy nghĩ. Mọi con người đều là thành viên của tập thể này; và để được hạnh phúc, họ phải bắt ý chí đặc thù của họ phù hợp với ý chí phổ quát vốn điều khiển toàn bộ tập thể. Tuy nhiên, thường xảy ra việc chúng ta tin rằng chúng ta là một chính thể, và không thấy mình thuộc một tập thể mà chúng ta vốn phụ thuộc, chúng ta tin rằng chúng ta chỉ phụ thuộc chính mình, và chúng ta muốn trở thành trung tâm và là chính tập thể. Nhưng thực ra, chúng ta thấy mình trong trạng thái giống như một thành viên bị tách khỏi tập thể của mình, và vì không có nguyên tắc sống nơi chính mình, nên đã lạc lõng và bối ngỡ trước sự không chắc chắn của hữu thể mình. Cuối cùng, khi bắt đầu tự biết mình, chúng ta như trở về nhà mình; chúng ta cảm thấy chúng ta không phải là tập thể; chúng ta hiểu chúng ta chỉ là một thành viên của tập thể vũ trụ; là thành viên nghĩa là chỉ có hữu thể, sự sống, chỉ có chuyển động nhờ tinh thần của tập thể và vì tập thể; một thành viên bị tách khỏi tập thể mà nó thuộc về chỉ còn là một sinh vật bị diệt vong và đang chết; như thế, chúng ta chỉ nên yêu mình vì tập thể, hay đúng hơn chúng ta chỉ nên yêu tập thể, bởi vì khi yêu tập thể, là yêu chính mình, vì chúng ta chỉ hiện hữu trong nó, thông qua nó và vì nó.

Để điều chỉnh tình yêu mà chúng ta có với chính mình, chúng ta phải tưởng tượng ra một tập thể được tạo thành từ các thành viên có suy nghĩ, bởi vì chúng ta là thành viên của một toàn thể; và phải xét xem mỗi thành viên nên yêu thương nhau như thế nào. Cơ thể yêu bàn tay, và bàn tay, nếu nó có ý chí, nên yêu chính nó như cơ thể yêu nó. Tình yêu nào vượt quá điều đó đều là bất chính. Nếu bàn chân và bàn tay có một ý chí đặc thù, chúng sẽ không bao giờ có trật tự ngoại trừ bất ý chí đó phục tùng ý chí của cơ thể: ngoài điều đó, chúng sẽ rối loạn và bất hạnh; nhưng, khi chỉ muốn điều tốt của cơ thể, chúng tạo điều tốt cho riêng chúng.

Các thành viên trong tập thể của chúng ta không cảm nhận được hạnh phúc của sự kết hợp của họ, của trí thông minh tuyệt diệu của họ, của sự chăm sóc mà thiên nhiên dành để ảnh hưởng đến các tinh thần trong đó, để làm cho họ lớn lên và trường tồn. Nếu họ có khả năng biết điều đó, và lợi dụng sự hiểu biết này để duy trì nơi họ của nuôi dưỡng họ nhận được, không để nó chuyển sang các thành viên khác, họ sẽ không những bất chính mà còn đáng thương nữa; và sẽ ghét mình hơn là yêu mình: hạnh phúc của họ cũng như bổn phận của họ, hệ ở việc phục tùng sự hướng dẫn của linh hồn phổ quát mà họ thuộc về, linh hồn yêu họ hơn họ yêu chính họ. *Qui adhæret Domino, Spiritus est* [Ai đã kết hợp với Chúa, thì nên một tinh thần với Người] (1 Cr 6:17). Chúng ta yêu mình vì chúng ta là thành viên của Chúa Giêsu Kitô vì Người là đầu của thân thể mà chúng ta là chi thể: tất cả là một, người này ở trong người kia. Tư dục và sức mạnh là nguồn gốc của tất cả các hành động thuần túy nhân bản của chúng ta: tư dục phát sinh ra các hành động tự nguyện; sức mạnh phát sinh ra các hành động không tự nguyện.

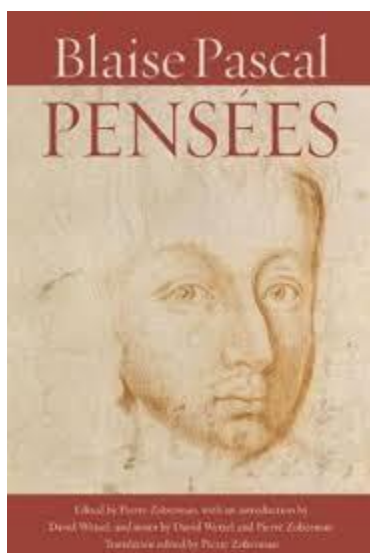
LXXI. Những người theo thuyết Platon, và thậm chí cả Épictète và những người theo ông ta, tin rằng chỉ một mình Chúa mới đáng được yêu mến và ngưỡng mộ; nhưng họ vẫn muốn được người ta yêu mến và ngưỡng mộ. Họ không biết sự đòi trụ của họ. Nếu họ cảm thấy được thúc đẩy yêu mến và tôn thờ Người, và tìm thấy niềm vui chính trong đó, họ có thể đã nghĩ tốt về chính họ, với lý do tốt đẹp. Nhưng nếu họ cảm thấy ác cảm với Thiên Chúa, nếu họ không có khuynh hướng nào khác mà chỉ muốn được người ta quý trọng, và nếu họ coi là hoàn hảo khi họ chỉ biết làm sao, tuy không áp đảo người ta, nhưng khiến người ta lấy làm hạnh phúc được yêu mến họ, thì tôi sẽ cho rằng sự hoàn hảo này đáng kinh tởm. Bạn nói gì! họ đã biết Thiên Chúa, thế mà lại không muốn người ta chỉ yêu mến Người; họ muốn người ta dừng lại ở họ; họ muốn trở thành đối tượng hạnh phúc tự nguyện của người ta!

LXXII. Đứng là có đau đớn khi thực hành lòng đạo đức. Nhưng nỗi đau này không phát xuất từ lòng đạo đức nhen nhóm trong chúng ta, mà từ lòng vô đạo đức vẫn còn tại đó. Nếu các giác quan của chúng ta không chống lại sự thống hối, và sự đòi trụ của chúng ta không chống lại sự trong sạch của Thiên Chúa, thì sẽ không có gì đau đớn trong việc này đối với chúng ta. Chúng ta chỉ chịu đau đớn tương ứng với việc thói hư, một điều rất tự nhiên đối với chúng ta, chống lại ơn thánh siêu nhiên. Trái tim chúng ta cảm thấy bị giằng xé giữa các cố gắng mâu thuẫn nhau này. Nhưng sẽ rất bất chính nếu qui bạo lực này cho Thiên Chúa, Đấng lôi kéo chúng ta, thay vì qui nó cho thế giới đang kìm hãm chúng ta. Giống như đứa trẻ được mẹ mình giặt khỏi vòng tay của những tên cướp, và trong nỗi đau nó phải chịu, nó phải yêu sức mạnh đầy âu yếm và chính đáng đã đem lại tự do cho nó, và chỉ ghét thứ bạo lực tàn ác và chuyên chế của những kẻ giam giữ em cách bất chính. Cuộc chiến dữ dội nhất mà Thiên Chúa có thể gây ra cho con người ở đời này là để họ không có cuộc chiến mà Người đã đến để mang tới. Người từng nói, *Thầy đến để mang lại chiến tranh; và, để dạy về cuộc chiến này, Thầy đã đến để mang theo sắt và lửa (Mt 10:34; Lc 12:49)*. Trước Người, thế giới sống trong hòa bình giả tạo.

LXXIII. Thiên Chúa chỉ nhìn bên trong: Giáo hội chỉ xét đoán từ bên ngoài. Thiên Chúa tha thứ ngay khi Người thấy sự thống hối ở trong lòng; Giáo hội tha thứ, khi thấy sự thống hối trong các việc làm. Thiên Chúa sẽ làm ra một Giáo hội tinh khiết ở bên trong, điều này, do sự thánh thiện bên trong và hoàn toàn thiêng liêng của Giáo hội, làm bối rối sự vô đạo đức bên ngoài của các nhà hiền triết siêu việt và của những người Pharisai; và Giáo hội sẽ tạo ra một cộng đoàn gồm những người có các phong hóa bên ngoài thuần khiết đến mức họ làm bối rối các phong hóa của người ngoại đạo. Nếu có những kẻ đạo đức giả nguy trang khéo đến mức Giáo Hội không biết nọc độc của họ, Giáo Hội sẽ chịu đựng họ; vì dù họ bị Thiên Chúa bác bỏ, Đấng mà họ không thể lừa dối, nhưng họ được tiếp nhận bởi con người, là những người họ có thể lừa dối. Vì vậy, Giáo Hội không bị sỉ nhục bởi tác phong của họ, ít nhất cũng có bề ngoài thánh thiện.

LXXIV. Luật pháp không phá hủy bản nhiên; nhưng nó hướng dẫn bản nhiên: ơn thánh không phá hủy luật pháp; nhưng nó làm cho luật pháp thực thi. Chúng ta tự làm cho mình trở thành thân tượng của chính sự thật: vì sự thật mà không có đức ái không phải là Thiên Chúa; nó là hình ảnh của Người, và là một thân tượng không nên được yêu thích hoặc tôn thờ; và càng không nên yêu mến và tôn thờ điều ngược lại của nó, đó là việc nói dối.

LXXV. Mọi trò giải trí lớn đều nguy hiểm cho đời sống Kitô hữu; nhưng, trong số tất cả những trò giải trí mà thế giới đã phát minh ra, không có thứ nào đáng sợ hơn là hài kịch. Đó là việc trình bày tự nhiên và tinh tế các đam mê đến mức nó lay động chúng và phát sinh chúng trong trái tim chúng ta, và đặc biệt là đam mê yêu đương: nhất là khi nó được trình bày dưới các hình thức rất trong trắng và rất trung thực. Càng xuất hiện vô tội với những linh hồn vô tội thì các linh hồn này càng có khả năng bị nó đánh động. Bạo lực của nó làm lòng tự ái của chúng ta hài lòng, một lòng tự ái ngay lập tức hình thành mong muốn gây ra cùng những hiệu quả mà chúng ta thấy được trình bày hết sức tuyệt hảo; đồng thời người ta tạo ra cho mình một lương tâm dựa trên sự trung thực của những cảm giác mà họ nhìn thấy ở đó, lương tâm này dập tắt nỗi sợ hãi của những tâm hồn trong trắng, những người này tưởng tượng rằng yêu một tình yêu dường như rất khôn ngoan như thế đâu có hại gì đến sự trong sạch. Vì vậy, khi rời khỏi vở hài kịch với trái tim đầy những vẻ đẹp và dịu dàng, linh hồn và tinh thần xác tín về sự trong trắng của họ đến nỗi người ta ai cũng đều sẵn sàng để đón nhận những ấn tượng đầu tiên của nó, hay đúng hơn là tìm kiếm cơ hội để khiến các ấn tượng này nảy sinh trong trái tim của một ai đó, để họ cũng nhận được cùng những niềm vui và cùng những hy sinh mà họ đã thấy mô tả rất khéo trong vở hài kịch.



LXXVI. Các ý kiến lỏng lẻo làm con người vui thích một cách tự nhiên đến mức thật kỳ lạ khi chúng làm họ không hài lòng. Điều này xảy ra khi họ đã vượt quá mọi giới hạn. Và lại, có rất nhiều người nhìn thấy sự thực, nhưng không vươn tới nó. Nhưng có rất ít người không biết rằng sự tinh tuyền của tôn giáo đi ngược lại với những ý kiến quá lỏng lẻo, và thật nực cười khi nói rằng một phần thưởng đời đời được dành cho những phong hóa buông thả.

LXXVII. Tôi sợ rằng tôi đã viết sai, khi thấy tôi bị kết án; nhưng điển hình của rất nhiều bài viết đạo hạnh khiến tôi tin ngược lại. Không được phép viết khéo nữa. Toàn bộ Tòa án dị giáo là đòi truy hoặc thiếu hiểu biết. Vâng lời Thiên Chúa hơn là vâng lời con người. Tôi không sợ gì cả, tôi không hy vọng gì cả: Port-Royal sợ hãi, và việc phân ly với họ là một thứ chính trị tồi tệ; vì khi họ không còn sợ hãi nữa, họ sẽ tự làm cho mình sợ hãi nhiều hơn. Im lặng là sự bách hại lớn nhất. Các thánh chưa bao giờ im lặng. Đúng là chúng ta cần một ơn gọi; nhưng không phải do các phán quyết của hội đồng mà các ngài mới biết liệu các ngài có được kêu gọi hay không; nó là về nhu cầu nói. Nếu các Thư của tôi bị kết án ở Rôma, thì những gì tôi lên án ở đó sẽ bị lên án ở trên trời. Tòa án Dị giáo và Dòng Tên là hai tai họa của sự thật.

LXXVIII. Trước hết, tôi được hỏi, liệu tôi có hối hận vì đã viết *Các Lá Thư Gửi Người Ở Tỉnh* hay không. Tôi trả lời rằng, còn lâu mới ăn năn, nếu tôi phải viết lại chúng, tôi sẽ viết chúng mạnh mẽ hơn nữa. Thứ hai, tôi được hỏi tại sao tôi lại nói tên tác giả được tôi lấy tất cả những đề xuất ghê tởm mà tôi đã trích dẫn ở đó. Tôi trả lời rằng, nếu tôi ở một thành phố có mười hai đài phun nước, và nếu tôi biết một đài bị đầu độc, tôi buộc phải cảnh báo mọi người không nên đi lấy nước từ đài phun nước này; và như người ta có thể nghĩ rằng đó chỉ là trí tưởng tượng thuần túy của tôi, tôi buộc phải nêu tên kẻ đã đầu độc nó, thay vì để cả một thị trấn bị đầu độc. Thứ ba, tôi được hỏi tại sao lại sử dụng phong cách dễ chịu, châm biếm và giải trí. Tôi trả lời rằng, nếu tôi viết theo kiểu giáo điều, thì chỉ có các học giả mới đọc được; và những người đó không cần nó, ít nhất họ cũng biết nhiều như tôi đã biết về nó. Vì vậy, tôi tin rằng cần phải viết theo cách thích hợp khiến phụ nữ và người đời đọc được *Các Lá Thư* của tôi, để họ biết mối nguy hiểm của tất cả những câu châm ngôn và mệnh đề đang lan truyền lúc bấy giờ, và người ta rất dễ dàng bị thuyết phục.

Cuối cùng, tôi được hỏi liệu tôi có đọc hết những cuốn sách mà chính tôi đã trích dẫn chưa. Tôi nói là không. Chắc chắn, tôi phải dành phần lớn đời mình để đọc những cuốn sách rất tệ;

nhưng tôi đã đọc toàn bộ Escobar hai lần; còn với những tác giả khác, tôi đã nhờ một số bạn bè của tôi đọc chúng; nhưng tôi đã không sử dụng một đoạn văn nào của họ mà không tự đọc nó trong cuốn sách được trích dẫn, và không khảo sát tài liệu được khai triển ở đó, và không đọc những gì đi trước và đi sau, để tránh mọi nguy trích dẫn một phản biện thay vì một câu trả lời; điều này vừa đáng trách vừa bất chính.

LXXIX. Cổ máy số học tạo ra những hiệu quả gần với suy nghĩ hơn bất cứ thứ gì động vật làm; nhưng nó không làm bất cứ điều gì khiến ta có thể nói rằng nó có ý chí, giống như động vật.

LXXX. Một số tác giả, khi nói về tác phẩm của họ, nói rằng: Cuốn sách của tôi, bài bình luận của tôi, câu chuyện của tôi, v.v. Họ cảm thấy những người tư sản của họ có riêng nhà ở, và luôn miệng nói ngôi nhà của tôi. Tốt hơn họ nên nói: Cuốn sách của chúng tôi, bài bình luận của chúng tôi, câu chuyện của chúng tôi, v.v., vì thông thường trong những công trình ấy có nhiều điều của người khác hơn là của chính họ.

LXXXI. Lòng đạo đức Kitô giáo phá hủy cái tôi con người, và phép lịch sự của con người che giấu và ngăn chặn nó.

LXXXII. Nếu tôi có một trái tim cũng nghèo nàn như tinh thần, có lẽ tôi sẽ hạnh phúc; vì tôi xác tín một cách tuyệt diệu rằng nghèo khó là một phương thế tuyệt vời để đạt được sự cứu rỗi.

LXXXIII. Tôi nhận thấy một điều, là, dù bạn có nghèo đến đâu, bạn vẫn luôn để lại một điều gì đó khi chết.

LXXXIV. Tôi yêu sự nghèo khó, vì Chúa Giêsu Kitô đã yêu nó. Tôi yêu của cải, bởi vì chúng cung cấp phương thế để giúp đỡ những người khốn khổ. Tôi giữ lòng trung thành với mọi người. Tôi không báo oán những người gây oán cho tôi; nhưng tôi ước họ được điều kiện tương tự như của tôi, trong đó, người ta không nhận được điều xấu cũng như điều tốt của đa số người ta. Tôi cố gắng luôn chân thật, chân thành và trung thành với tất cả mọi người. Tôi có một tấm lòng dịu dàng đối với những người mà Thiên Chúa đã kết hợp tôi chặt chẽ hơn với họ. Dù tôi ở một mình, hay trước mắt người ta, trong mọi hành động của tôi, tôi đều nhìn thấy Thiên Chúa, Đáng phải phán xét chúng, và là Đáng tôi đã dâng hiến chúng tất cả cho Người. Đó là những tâm tư của tôi; và suốt năm tháng đời tôi, tôi đều chúc tụng Đáng Cứu Chuộc của tôi, Đáng đã đặt chúng trong tôi, và từ một người đầy yếu đuối, khốn cùng, tư dục, kiêu ngạo và tham vọng, Người đã làm thành một người được miễn trừ khỏi tất cả những điều xấu xa này nhờ sức mạnh của ơn thánh, nhờ đó, tôi có mọi sự, chứ từ tôi, chỉ có khốn cùng và kinh tởm.

LXXXV. Đau ốm là tình trạng tự nhiên của Kitô hữu, vì chúng ta vốn như thế, như chúng ta luôn phải chịu các điều xấu, mất mọi của cải và mọi thú vui của giác quan, mất mọi đam mê vốn có trong suốt cuộc đời, không có tham vọng, không háms lợi, liên tục mong đợi cái chết. Há chẳng phải đó là cách các Kitô hữu phải sống cuộc sống của họ hay sao? Và há chẳng phải là một ơn phúc lớn lao khi ta thấy mình tất yếu ở trong tình trạng mà ta bắt buộc phải ở, và ta không thể làm gì khác ngoài việc phục tùng một cách khiêm nhường và bình an hay sao? Đó là lý do tại sao tôi không cầu xin gì khác hơn là cầu xin Thiên Chúa ban cho tôi ơn này.

LXXXVI. Điều kỳ lạ là con người muốn hiểu các nguyên tắc của sự vật, và tiến tới việc biết

mọi sự! Vì hiển nhiên là ta không thể hình thành kế sách này nếu không có tính tự phụ hoặc không có một năng lực vô hạn như thiên nhiên.

LXXXVII. Thiên nhiên có những sự hoàn hảo, để chứng tỏ rằng nó là hình ảnh của Thiên Chúa; nó cũng có các khuyết điểm để chứng tỏ nó chỉ là hình ảnh của Người mà thôi.

LXXXVIII. Con người nhất thiết phải điên rồ đến nỗi nếu họ không điên rồ thì đó sẽ là một con điên rồ khác.

LXXXIX. Lấy xác suất đi, chúng ta không thể làm hài lòng thế giới nữa: đặt để xác suất, chúng ta không thể làm nó mất lòng nữa.

XC. Lòng nhiệt thành của các thánh trong việc tìm kiếm và thực hành điều tốt sẽ vô ích, nếu xác suất là điều chắc chắn.

XCI. Để làm cho một người thành một vị thánh, cần phải có ơn thánh; còn ai nghi ngờ điều này thì quả không biết thánh và người là gì.

XCII. Chúng ta thích sự an toàn. Chúng ta thích thấy Đức Giáo Hoàng không thể sai lầm trong đức tin, và các Tiến sĩ nghiêm túc không lầm lẫn trong các thực hành của họ, để có được sự bảo đảm của ngài.

XCIII. Chúng ta không được phán đoán Đức Giáo Hoàng ra sao qua một vài lời của các Giáo phụ, như người Hy Lạp thường nói trong một công đồng (quy tắc quan trọng!), nhưng qua hành động của Giáo hội và các Giáo phụ, và qua giáo luật.

XCIV. Đức Giáo Hoàng là người trước hết. Ai khác được mọi người biết đến? Ai khác được mọi người công nhận là có quyền ảnh hưởng tới toàn tập thể vì ngài nắm giữ nhánh chính gây ảnh hưởng khắp nơi?

XCV. Sẽ là dị giáo khi luôn giải thích chữ “omnes” là mọi người, và cũng sẽ là dị giáo khi đôi khi không giải thích nó là mọi người. *Bibite ex hoc omnes* [mọi người hãy uống từ chén này]: dị giáo Huguenots giải thích nó là mọi người. “*In quo omnes peccaverunt*” [mọi người đều phạm tội trong điều này]: dị giáo Huguenot loại trừ con cái của các tín hữu. Do đó, cần phải tuân theo các Giáo phụ và truyền thống để biết khi nào, vì có dị giáo mà ta phải sợ hãi ở cả hai phía.

XCVI. Sự chuyển động ít nhất cũng tác động đến trọn thiên nhiên; vì một viên đá, toàn bộ biển khơi thay đổi. Cũng thế, trong ơn thánh, hành động nhỏ nhất, qua hiệu quả của nó, cũng tác động lên mọi sự. Vì vậy, mọi sự đều quan trọng.

XCVII. Mọi người tự nhiên đều ghét mình. Người ta đã sử dụng tư duy bao nhiêu có thể để làm nó phục vụ lợi ích công cộng. Nhưng đây chỉ là một sự giả vờ, và một hình ảnh giả dối của lòng bác ái; thực sự, nó chỉ là sự ghét bỏ. Cái bản chất xấu xa này của con người, *figmentum malum* [óc tưởng tượng xấu xa], chỉ có tính che đậy; nó không bị loại bỏ.

XCVIII. Nếu chúng ta muốn nói rằng con người quá bé nhỏ, không xứng đáng thông đạt với Thiên Chúa, thì họ phải cao cả đến đâu mới có thể phán đoán về việc ấy.

XCIX. Quả là điều bất xứng đối với Thiên Chúa khi phải kết hợp với con người khôn cùng;

nhưng không phải là không xứng đáng để Thiên Chúa lôi kéo họ khỏi sự khốn cùng của họ.

C. Không bao giờ có ai đã từng hiểu điều đó! Thật là vô lý.... Những người tội lỗi được thanh tẩy mà không cần thống hối, người công chính được công chính hóa mà không cần ơn thánh của Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa không có quyền lực trên ý chí con người, một tiền định mà không có màu nhiệm, một Đấng Cứu Chuộc mà không có sự chắc chắn.

CI. Hợp nhất, số đông. khi coi Giáo hội như một sự hợp nhất, Đức Giáo Hoàng là người đứng đầu Giáo hội như một toàn thể. Khi coi Giáo Hội như một số đông, Đức Giáo Hoàng chỉ là một thành phần trong đó. Số đông không thể giản lược thành sự hợp nhất là một sự lầm lẫn; sự hợp nhất mà không phải là số đông là một chế độ chuyên chế.

CII. Thiên Chúa không làm phép lạ trong việc quản trị thông thường Giáo hội của Người. Sẽ là một điều kỳ lạ nếu sự không thể sai lầm nằm nơi một người; nhưng nếu ở trong đám đông, dường như nó rất tự nhiên đến nỗi việc quản trị của Thiên Chúa được che giấu dưới thiên nhiên, giống như trong mọi công trình của Người.

CIII. Do việc Kitô giáo không phải là tôn giáo duy nhất, điều này không phải lý do để tin rằng tôn giáo này không phải là tôn giáo đích thực. Ngược lại, đó là điều làm người ta thấy nó là tôn giáo đích thực.

CIV. Trong một quốc gia được thành lập như một nước cộng hòa, như Venice chẳng hạn, sẽ là một tội ác rất lớn nếu giúp đặt đế ở đó một vị vua, và đàn áp quyền tự do của các người mà Thiên Chúa đã ban cho nó. Nhưng, trong một Quốc gia nơi quyền lực hoàng gia được thiết lập, người ta không thể vi phạm lòng tôn trọng người ta phải có đối với nó mà không phạm tội phạm thánh; bởi vì quyền lực mà Thiên Chúa đã gắn kết vào đó không phải chỉ là một hình ảnh, mà còn là sự tham dự vào quyền lực của chính Thiên Chúa, nên người ta không thể chống lại nó mà không minh nhiên chống lại mệnh lệnh của Thiên Chúa. Hơn nữa, cuộc nội chiến, vốn là hậu quả của việc chống đối này, vì là một trong những tệ nạn lớn nhất mà người ta có thể phạm chống lại lòng yêu người láng giềng, nên người ta không thể phóng đại đủ sự lớn lao của lỗi lầm này. Các Kitô hữu đầu tiên không dạy chúng ta sự nổi loạn, nhưng sự kiên nhẫn, khi các vua chúa không làm tốt nhiệm vụ của họ.

Ông Pascal nói thêm: Tôi tránh xa tội lỗi này cũng như tránh xa việc giết người và trộm cắp trên các lộ đường lớn: không có gì trái với bản chất của tôi hơn, và vì nó tôi ít bị cám dỗ hơn.

CV. Hùng biện là một nghệ thuật trình bày sự việc một cách 1. Khiến người nghe hiểu chúng một cách dễ dàng và thích thú; 2. họ cảm thấy hứng thú với nó, đến nỗi lòng tự ái cũng khiến họ sẵn sàng suy gẫm về nó hơn. Do đó, nó hệ ở một sự tương ứng mà người ta cố gắng thiết lập giữa tinh thần và trái tim của người nghe một bên, và bên kia là những suy nghĩ và phát biểu được người ta sử dụng; điều này giả thiết người ta phải nghiên cứu kỹ trái tim con người để biết mọi động lực hành động của nó, và sau đó tìm ra tỷ lệ thích đáng của bài phát biểu mà người ta muốn trình bày ăn khớp với nó. Phải đặt mình vào vị trí của những người nghe chúng ta, và thử nghiệm, trên chính trái tim mình, lợi thế của bài phát biểu, để xem liệu cái này có được làm cho cái kia không và liệu người ta có thể bảo đảm chắc chắn rằng người nghe như buộc phải đầu hàng hay không. Phải tự khép mình, càng nhiều càng tốt, vào tính tự nhiên đơn giản; đừng làm lớn những gì vốn nhỏ, cũng đừng làm nhỏ những gì vốn lớn.

Một sự vật đẹp thôi chưa đủ, mà nó còn phải thích hợp về chủ đề, không có gì quá đáng cũng như không có gì thiếu sót. Hùng biện là một bức tranh của tư tưởng; và do đó, những người,

sau khi vẽ xong các tư tưởng, còn phải thêm một điều gì nữa mới thực hiện được một bức tranh, thay vì một bức chân dung.

CVI. Sách Thánh không phải là một môn khoa học của tinh thần, mà là của trái tim. Điều này chỉ có thể hiểu được đối với những người có tấm lòng ngay thẳng. Bức màn che Kinh thánh đối với người Do Thái cũng có đó đối với các Kitô hữu. Đức ái không phải chỉ là đối tượng của Sách Thánh, mà nó còn là cánh cửa của nó.

CVII. Nếu không phải làm gì ngoại trừ điều chắc chắn, thì người ta thực sự không cần phải làm gì cho tôn giáo; vì nó vốn không chắc chắn. Nhưng có biết bao điều người ta đang làm cho điều không chắc chắn: các chuyến hải hành, các trận chiến! Vì vậy, tôi nói rằng không nên làm gì cả, bởi vì không có gì là chắc chắn hết; nhưng có nhiều điều chắc chắn trong tôn giáo hơn là hy vọng rằng chúng ta sẽ thấy ngày mai: vì đâu có chắc gì chúng ta sẽ thấy ngày mai, nhưng điều chắc chắn có thể có là chúng ta sẽ không thấy nó. Người ta cũng không thể nói như thế về tôn giáo. Không chắc chắn gì tôn giáo là như thế; nhưng ai dám nói rằng chắc chắn tôn giáo không như thế? Tuy nhiên, khi chúng ta làm việc cho ngày mai và cho những điều không chắc chắn, chúng ta hành động có lý lẽ.

CVIII. Những phát minh của con người cứ thẳng tiến hết thế kỷ này qua thế kỷ nọ. Nhưng lòng tốt và ác tâm của thế gian nói chung vẫn như cũ.

CIX. Cần phải có suy nghĩ từ phía sau, và đánh giá tổng thể từ đó: tuy nhiên phải nói năng như dân già.

CX. Sức mạnh là nữ hoàng của thế giới, chứ không phải ý kiến; nhưng ý kiến là nữ hoàng của việc sử dụng sức mạnh.

CXI. Tình cờ mang lại suy nghĩ, tình cờ cũng lấy mất chúng đi; không có nghệ thuật nào để bảo tồn hoặc để có được.

CXII. Bạn muốn Giáo hội không phán xét cả từ bên trong, vì điều này chỉ thuộc về Thiên Chúa, lẫn từ bên ngoài, vì Thiên Chúa chỉ dừng lại ở bên trong; và do đó, khi tước bỏ mọi lựa chọn của con người khỏi Người, bạn giữ lại trong Giáo hội những người bị bỏ rơi nhất, và những người làm mất uy tín của Giáo Hội đến mức các hội đường của người Do Thái và các phái triết gia đã lưu đày họ như những kẻ bất xứng, và ghê tởm họ.

CXIII. Bây giờ ai muốn làm tư tế, như trong thời Giê rô bo am.

CXIV. Số đông không tự giản lược thành hợp nhất là làm lẫn; sự thống nhất không phụ thuộc số đông là chế độ chuyên chế.

CXV. Chúng ta chỉ tham khảo lỗ tai, vì chúng ta thiếu trái tim.

CXVI. Trong tất cả các cuộc đối thoại và bài phát biểu, chúng ta phải có khả năng nói với những người bị xúc phạm: Bạn đang phàn nàn về điều gì?

CXVII. Những đứa trẻ sợ hãi trước khuôn mặt mà chúng đã bôi nhọ hành động như trẻ em; nhưng làm thế nào có chuyện người ta rất yếu khi còn là một đứa trẻ, lúc tuổi cao hơn họ lại rất mạnh mẽ! Người ta chỉ cần thay đổi điểm yếu.

CXVIII. Điều không thể hiểu được là Thiên Chúa hiện hữu, và điều không thể hiểu được là Người không hiện hữu; điều không thể hiểu được là linh hồn kết hợp với thể xác, điều không thể hiểu được là chúng ta không có linh hồn; điều không thể hiểu được là thế giới được tạo ra, điều không thể hiểu được là nó không được tạo ra, v.v.; điều không thể hiểu được là có tội nguyên tội, và điều không thể hiểu được là nó không hiện hữu.

CXIX. Các người không tin phải nói những chuyện hoàn toàn rõ ràng; thế mà, điều không hề hoàn toàn rõ ràng là linh hồn có tính vật chất

CXX. Những người không tin là những người dễ tin nhất. Họ tin các phép lạ của Vespasian, để không tin các phép lạ của Môsê.

Về triết lý của Descartes

Phải nói một cách đại khái: Nó được thực hiện bằng hình và chuyển động, vì đây là sự thật. Nhưng nói về con số và chuyển động nào, và sáng tác một chiếc máy, điều đó thật nực cười; vì nó không cần thiết, không chắc chắn và nặng nhọc. Và khi điều này đúng sự thật, chúng ta không nên cho rằng toàn bộ triết học chỉ đáng giá một giờ lo âu.

MỤC XVIII. Các suy nghĩ về cái chết, lấy từ một bức thư do Pascal viết về cái chết của cha ông.

I. Khi chúng ta sầu buồn vì cái chết của một người được chúng ta thương mến hoặc vì một số bất hạnh khác xảy ra với chúng ta, chúng ta không nên tìm an ủi nơi chính mình cũng như nơi con người, hay bất cứ tạo vật nào; nhưng chúng ta phải tìm an ủi trong một mình Thiên Chúa mà thôi.

Và lý do của việc trên là: tất cả mọi tạo vật không phải là nguyên nhân đệ nhất của các tai nạn mà chúng ta gọi là tệ nạn; nhưng ơn quan phòng của Thiên Chúa, vì là nguyên nhân duy nhất và đích thực, là trọng tài và có toàn quyền, nên không còn nghi ngờ gì nữa là phải chạy thẳng đến nguồn, và tìm tới tận nguồn để được an ủi vững chắc.



Nếu chúng ta làm theo giới điều này và nếu chúng ta coi cái chết làm khổ chúng ta, không phải do ngẫu nhiên, cũng không phải như một sự cần thiết tiền định của tự nhiên, cũng không như một đồ chơi của các yếu tố và bộ phận làm nên con người (bởi vì Thiên Chúa đã không để những kẻ được Người tuyển chọn cho ngẫu nhiên muốn làm gì thì làm), nhưng như một hiệu quả tất yếu, không thể tránh khỏi, công chính và thánh thiện, của phán quyết quan phòng

của Thiên Chúa, phải được thi hành trong thời kỳ viên mãn của nó; và cuối cùng, tất cả những điều xảy ra luôn luôn hiện hữu và được sắp đặt trước trong Thiên Chúa; tôi cho rằng, nếu, bởi một tác động của ơn thánh, chúng ta nhìn tai nạn này, không phải trong chính nó và bên ngoài Thiên Chúa, nhưng ngoài chính nó và trong ý muốn của Thiên Chúa, trong phán quyết công chính của Người, trong sắp đặt quan phòng của Người, vốn là nguyên nhân đích thực của nó, vì nếu không có ơn quan phòng này, nó sẽ không xảy đến, chỉ nhờ một mình ơn này mà nó đã xảy đến, và đã xảy đến cách đó; chúng ta sẽ thờ lạy trong im lặng khiêm tốn chiều cao không thể hiểu thấu của các mầu nhiệm của Người, chúng ta sẽ tôn kính sự thánh thiện trong các phán quyết của Người, chúng ta sẽ chúc tụng việc tiến hành ơn quan phòng của Người; và, hợp nhất ý chí của chúng ta với ý chí của chính Thiên Chúa, chúng ta, cùng với Người, trong Người, và vì Người, muốn những điều chính Người muốn nơi chúng ta và cho chúng ta từ thuở đời đời.

II. Chỉ có sự an ủi trong sự thật mà thôi. Hiển nhiên là Socrates và Seneca đều không có gì có thể thuyết phục và an ủi chúng ta trong những dịp này. Họ vốn sống trong lỗi lầm từng làm mù quáng mọi người từ khởi nguyên: họ đều coi cái chết là lẽ tự nhiên đối với con người; và mọi ngôn từ được họ dựa trên nguyên tắc sai lầm này đều vô hiệu và không vững đến nỗi chúng chỉ dùng để chứng tỏ, bằng sự vô dụng của chúng, con người nói chung yếu ớt như thế nào, vì sản phẩm cao nhất của những con người tuyệt vời nhất đều thấp hèn và quá trẻ con.

Không như Chúa Giêsu Kitô, không như các sách thánh qui điển: sự thật được biểu lộ ở đó, và sự an ủi được gắn liền với nó một cách cũng không thể sai lầm vì được tách biệt khỏi sai lầm một cách không thể sai lầm. Do đó, chúng ta nên xem xét sự chết trong sự thật mà Chúa Thánh Thần vốn dạy chúng ta.

Chúng ta có lợi thế đáng ngưỡng mộ được biết một cách đích thực và hữu hiệu rằng, sự chết là một hình phạt do tội lỗi, áp đặt lên con người để đền tội ác của họ, cần thiết để con người thanh tẩy tội lỗi của họ; chỉ có hình phạt này mới có thể giải thoát linh hồn khỏi tư dục của tứ chi, mà không có nó, các thánh không sống trên thế giới này.

Chúng ta biết rằng sự sống, và sự sống của các Kitô hữu, là một cửa lễ hy sinh liên tục mà chỉ có thể được hoàn tất bằng sự chết: chúng ta biết rằng Chúa Giêsu Kitô, khi bước vào thế giới, đã tự coi mình và dâng mình cho Thiên Chúa như cửa lễ toàn thiêu và cửa lễ đích thực; sự ra đời của Người, cuộc sống của Người, cái chết của Người, sự phục sinh, sự thăng thiên của Người, việc vĩnh viễn ngồi bên phải Chúa Cha của Người, và việc hiện diện của Người trong Phép Thánh Thể, chỉ là lễ hy sinh duy nhất và độc đáo: chúng ta biết điều gì xảy đến cho Chúa Giêsu Kitô cũng sẽ xảy đến cho mọi chi thể của Người.

Vì vậy, chúng ta hãy coi sự sống như một lễ hy sinh; và các biến cố của cuộc sống chỉ tạo ấn tượng trong tâm trí các Kitô hữu theo tỷ lệ họ làm gián đoạn hoặc họ chu toàn lễ hy sinh này. Chúng ta chỉ gọi là xấu điều biến của lễ dâng cho Thiên Chúa trở thành của lễ dâng cho ma quỷ, nhưng chúng ta hãy kêu gọi là tốt điều gì làm cho của lễ dâng cho ma quỷ nơi Adam trở thành của lễ dâng cho Thiên Chúa; và theo quy tắc này, chúng ta hãy xem xét bản chất của sự chết.

Để làm điều này, chúng ta phải cậy vào con người của Chúa Giêsu Kitô; vì, như Thiên Chúa chỉ xem xét con người qua đấng trung gian là Chúa Giêsu Kitô, thì con người cũng chỉ nên xem xét cả người khác, lẫn chính họ, qua trung gian của Chúa Giêsu Kitô. Nếu chúng ta không qua trung gian này, chúng ta sẽ chỉ tìm thấy trong chúng ta những nỗi khổ cùng thực sự, hoặc những thú vui kinh tởm: nhưng nếu chúng ta xem xét mọi sự trong Chúa Giêsu Kitô,

chúng ta sẽ tìm được mọi an ủi, mọi thỏa mãn, mọi xây dựng.

Do đó, chúng ta hãy xem xét sự chết trong Chúa Giêsu Kitô, chứ không phải bất cần Chúa Giêsu Kitô. Không có Chúa Giêsu Kitô, cái chết thật là kinh khủng, đáng ghê tởm, và là nỗi kinh hoàng của thiên nhiên. Nơi Chúa Giêsu Kitô, sự chết khá khác biệt; nó đáng yêu, thánh thiện và là niềm vui của tín hữu. Mọi sự đều ngọt ngào trong Chúa Giêsu Kitô, cho đến khi chết; và đó là lý do tại sao Người đã chịu đau khổ và đã chết để thánh hóa sự chết và đau khổ; và, giống như Thiên Chúa và con người, Người là tất cả những gì cao cả và tất cả những gì thấp hèn; để thánh hóa mọi sự trong Người, ngoại trừ tội lỗi, và để trở thành kiểu mẫu cho mọi thân phận.

Để xem xét cái chết có nghĩa gì, và sự chết trong Chúa Giêsu Kitô, chúng ta phải xem nó có cương vị nào trong lễ hy sinh liên tục và không gián đoạn của Người, và vì điều này, phải nhận thấy rằng, trong các lễ hy sinh, phần chính là cái chết của vật tế. Sự dâng hiến và sự thánh hóa trước đó là các chuẩn bị; nhưng hoàn tất là sự chết, trong đó, qua việc hủy sự sống, tạo vật dâng lên Thiên Chúa lòng kính trọng nó có thể có, bằng cách tự hủy trước uy danh Người, và bằng cách thờ lạy thánh nhan cao cả của Người, thánh nhan duy nhất hiện hữu bằng yếu tính. Đúng là vẫn có phần khác sau cái chết của vật tế, mà nếu không, cái chết của vật tế sẽ vô ích; đó là việc chấp nhận mà Thiên Chúa thực hiện với của lễ. Đó là điều đã được nói trong Kinh thánh: *Et odoratus est Dominus odorem suavitatis (St 8:21)*: Và Thiên Chúa đã nhận được mùi của lễ hy sinh. Đích thực điều ấy đã tôn vinh việc dâng lễ; nhưng đó là một hành động của Thiên Chúa đối với tạo vật, chứ không phải hành động của tạo vật đối với Thiên Chúa; và nó không ngăn cản hành động cuối cùng của tạo vật là cái chết. Tất cả những điều này đã được hoàn tất trong Chúa Giêsu Kitô. Khi bước vào thế giới, Người đã tự hiến dâng: *Obtulit semetipsum per Spiritum (Dt 9:14)*. *Ingrediens mundum, dixit: Hostiam et oblationem noluit: corpus autem aptasti mihi (Dt 10: 5, 7)*. *Tunc dixi, Ecce venio. In capile libri scriptum est de me, ut facerem voluntatem tuam: Deus meus volui, et legem tuam in medio cordis mei* " (Tv 39). (Nghĩa là) Người đã tự hiến dâng bởi Chúa Thánh Thần. Bước vào thế giới Người nói: Lạy Chúa, lễ hy sinh không làm vui lòng Chúa; Nhưng Chúa đã tạo cho con một thân thể. Vì vậy, con thưa: con đây, con đến như đã được viết về con trong sách, để thực hiện, lạy Chúa, thánh ý Chúa: đó cũng là, lạy Thiên Chúa của con, điều con muốn, và luật pháp của Chúa ở giữa trái tim con.

Đó là lễ dâng của Người. Sự thánh hóa của Người theo ngay sau lễ dâng của Người. Lễ hy sinh này kéo dài suốt cuộc đời Người, và được hoàn tất bằng cái chết của Người. *Người cần phải trải qua nhiều đau khổ, để bước vào vinh quang của Người (Lc 24:26)*. *Trong những ngày mang xác thịt của Người, sau khi, bằng một tiếng la lớn và khóc lóc, đã dâng hiến những lời cầu nguyện và khẩn cầu của Người lên Đấng có thể cứu Người khỏi cái chết, Người đã được khứng nhận vì lòng khiêm tốn kính trọng Cha Người; và, mặc dù Người là con Thiên Chúa, Người đã học vâng lời bằng mọi điều Người phải chịu (Dt 5: 7, 8)*. Và Thiên Chúa đã cho Người sống lại, và tôn vinh Người, một điều mà ngày xưa được tượng trưng bằng lửa trời sa xuống của lễ, để thiêu đốt và thiêu hủy thân xác của nó, và làm cho nó sống đời sống vinh quang. Đó là điều Chúa Giêsu Kitô đã nhận được, và điều đó đã được hoàn thành bởi sự phục sinh của Người.

Như thế, sau khi lễ hy sinh này được hoàn hảo bởi cái chết của Chúa Giêsu Kitô, và thậm chí được hoàn tất trong thân xác Người bằng việc phục sinh của Người, trong đó, hình ảnh xác thịt tội lỗi đã được tiêu hủy bởi vinh quang, Chúa Giêsu Kitô đã hoàn thành trọn phần của Người; và không còn gì khác ngoại trừ lễ hy sinh được Thiên Chúa chấp nhận, và, như khói bốc lên, và mang mùi thơm lên ngai Thiên Chúa thế nào, Chúa Giêsu Kitô cũng ở trong tình

trạng dâng hiến hoàn hảo dâng lên, được mang tới và tiếp nhận nơi ngai Thiên Chúa như vậy: và đó cũng là điều đã hoàn tất trong biến cố Thăng thiên, trong đó, Người lên cao, vừa bằng sức mạnh của chính Người, vừa bằng sức mạnh của Chúa Thánh Thần, Đấng luôn bao quanh Người mọi phía. Người được nâng cao như khói của của lễ vật, vốn là hình bóng của Chúa Giêsu Kitô, được đưa lên cao bởi không khí vốn trợ lực nó, vốn là hình bóng của Chúa Thánh Thần: và sách Tông đồ Công vụ nói với chúng ta một cách rõ ràng rằng Người đã được nhận vào thiên đàng, để bào đảm với chúng ta rằng lễ tế thánh thiện được thực hiện trên trái đất này đã được chấp nhận và tiếp nhận được trong lòng Thiên Chúa. Đó là tình trạng của mọi sự trong Chúa cao cả của chúng ta.

Bây giờ chúng ta hãy xem xét chúng trong chúng ta. Khi chúng ta gia nhập Giáo Hội, vốn là thế giới của các tín hữu, đặc biệt là của những người được chọn, nơi Chúa Giêsu Kitô đã bước vào từ lúc nhập thể, bởi một đặc ân đặc biệt dành cho Con Một Thiên Chúa, chúng ta được hiến dâng và được thánh hóa.

Lễ hy sinh này được tiếp tục bằng cuộc sống, và được hoàn thành lúc chết, trong đó linh hồn, sau khi thực sự từ bỏ mọi thói hư và lòng yêu mến thế gian, mà sự lây nhiễm của nó đã luôn lây nhiễm linh hồn trong suốt cuộc đời này, linh hồn hoàn tất lễ dâng của nó, và được nhận vào lòng Thiên Chúa.

Vì vậy, chúng ta không đau buồn về cái chết của các tín hữu, như những người ngoại đạo vốn không có niềm hy vọng. Chúng ta không mất họ vào thời điểm họ chết. Chúng ta đã mất họ, có thể nói như thế, ngay khi họ gia nhập Giáo Hội qua phép rửa tội. Từ đó họ đã thuộc về Thiên Chúa rồi. Cuộc sống của họ đã được hiến dâng cho Thiên Chúa; hành động của họ chỉ xem xét thế giới vì Thiên Chúa mà thôi. Trong cái chết của họ, họ hoàn toàn xa rời khỏi tội lỗi; và chính lúc đó, họ đã được Thiên Chúa tiếp nhận, và lễ hy sinh của họ đã nhận được sự thành toàn và hiển vinh của nó.

Họ đã làm những gì họ đoan hứa: họ đã hoàn thành công trình mà Thiên Chúa đã trao cho họ làm: họ đã hoàn thành điều duy nhất mà vì nó họ đã được tạo dựng. Thánh ý Thiên Chúa được hoàn thành trong họ, và ý chí của họ được tan hòa trong Thiên Chúa. Do đó, ước chi ý chí của chúng ta không tách biệt điều Thiên Chúa đã kết hợp; và chúng ta hãy bóp nghẹt hoặc điều chỉnh bằng nhận thức chân lý các tình cảm về bản chất hư hỏng và lừa dối, một bản chất chỉ có những hình ảnh sai lệch, và gây rắc rối, bằng các ảo tưởng của nó, cho sự thánh thiện của các tình cảm được sự thật của Tin Mừng đem lại cho chúng ta.

Vì vậy, chúng ta đừng coi cái chết như người ngoại đạo nhưng như Kitô hữu, nghĩa là với niềm hy vọng, như Thánh Phaolô ra lệnh, vì đó là đặc ân đặc biệt của các Kitô hữu.

Chúng ta đừng coi thân xác như đồ hôi thối nhiễm trùng, bởi vì bản nhiên lừa dối trình bày nó như thế với chúng ta; nhưng phải coi nó như đền thờ bất khả xâm phạm và vĩnh cửu của Chúa Thánh Thần, như đức tin truyền dạy. Vì chúng ta biết rằng thân xác các thánh là nơi cư ngụ của Chúa Thánh Thần cho đến khi phục sinh, một điều có được là do quyền lực của Chúa Thánh Thần, Đấng ngự trong họ để làm việc này.

Đó là tâm tình của các Giáo phụ. Chính vì lý do này mà chúng ta tôn kính hài cốt người chết, và chính dựa vào nguyên tắc đích thực này mà ngày xưa có thói quen ban Mình Thánh vào miệng người chết, vì, như người ta biết, họ là đền thờ của Chúa Thánh Thần, nên người ta tin rằng họ cũng xứng đáng được hợp nhất với bí tích thánh này. Nhưng Giáo hội đã thay đổi phong tục này; không phải vì Giáo Hội tin rằng những thân xác này không phải là thánh,

nhưng vì lý do này là Bí tích Thánh Thể là bánh của sự sống và của người sống, không nên ban phát cho người đã chết.

Chúng ta đừng coi các tín hữu chết trong ơn thánh Thiên Chúa như không còn sống nữa, mặc dù thiên nhiên gọi ý như vậy; nhưng như người bắt đầu sống, như sự thật vốn đòan chắc như thế. Chúng ta đừng coi linh hồn của họ như đã bị diệt vong và biến thành hư vô, nhưng như được lên sinh lực và hợp nhất với Đấng Tối cao Hằng sống: và do đó, bằng cách chú ý đến những sự thật này, phải chỉnh sửa cảm giác sai lầm vốn in sâu trong chính chúng ta, và những chuyển động kinh hoàng này vốn là điều rất tự nhiên đối với con người.

III. Thiên Chúa dựng nên con người có hai tình yêu, một dành cho Thiên Chúa, tình yêu kia dành cho chính mình; nhưng với định luật này là tình yêu dành cho Chúa là vô hạn, nghĩa là không có bất cứ cùng đích nào khác ngoài chính Thiên Chúa; và tình yêu dành cho bản thân là có hạn và qui về Thiên Chúa.

Con người trong trạng thái này, không những yêu mình mà không phạm tội, nhưng họ cũng không thể yêu mình mà không phạm tội.

Kể từ lúc tội lỗi xuất hiện, con người đã đánh mất tình yêu đầu trong hai tình yêu này; và tình yêu dành cho bản thân một mình còn lại trong tâm hồn vĩ đại có khả năng yêu thương vô hạn này, lòng yêu mình này mở rộng và tràn vào khoảng trống mà tình yêu Thiên Chúa đã để lại; và vì vậy họ tự yêu một mình mình, và mọi sự vì chính mình, nghĩa là một cách vô hạn.

Đó là nguồn gốc của tự ái. Nó là điều tự nhiên đối với Adam, và công chính trong sự ngây thơ của ông; nhưng ông đã trở thành vừa tội phạm vừa vô độ, do tội lỗi của ông. Đó là nguồn gốc của tình yêu này, và là nguyên nhân của tính hay thiếu sót và quá độ của ông.

Nó cũng là nguyên nhân của mong muốn thống trị, của lười biếng, và các thói hư khác. Và chúng ta dễ áp dụng chủ đề này vào nỗi kinh hoàng mà chúng ta có về sự chết. Nỗi kinh hoàng này là điều tự nhiên và chính đáng nơi Adam vô tội, vì đời sống ông rất đẹp lòng Thiên Chúa, nó cũng đẹp lòng người ta: còn cái chết thì rất kinh hãi, vì nó kết thúc một cuộc đời sống phù hợp với thánh ý Thiên Chúa.

Từ đó, sau khi con người phạm tội, cuộc sống của họ trở nên bại hoại, thể xác và linh hồn của họ là kẻ thù của nhau, và cả hai là kẻ thù của Thiên Chúa.

Sự thay đổi đó đã lây nhiễm một cuộc sống thánh thiện như vậy, tuy nhiên, tình yêu cuộc sống vẫn còn đó; và nỗi kinh hoàng đối với sự chết, vì vẫn như thế, nên điều gì chính đáng nơi Adam đều trở thành bất chính nơi chúng ta.

Đó là nguồn gốc của sự kinh hoàng đối với sự chết, và nguyên nhân của sự thiếu sót của họ.

Do đó, chúng ta hãy làm sáng tỏ sự sai lầm của tự nhiên bằng ánh sáng đức tin.

Sự kinh hoàng đối với sự chết là điều tự nhiên; nhưng nó chỉ là thế ở trạng thái vô tội, vì để vào thiên đàng, nó phải kết liễu một cuộc sống trong sạch. Điều chính đáng là ghét bỏ nó, khi nó chỉ có thể diễn ra bằng cách tách biệt một linh hồn thánh thiện khỏi một thân xác thánh thiện: nhưng yêu nó là đúng đắn, khi nó tách biệt một linh hồn thánh thiện khỏi một thân xác ô uế. Chạy trốn nó là điều chính đáng, khi nó phá vỡ sự bình an giữa linh hồn và thân xác; nhưng không chính đáng, khi nó làm dịu sự bất hòa không thể hòa giải.

Cuối cùng, khi nó gây đau khổ cho một thân xác vô tội, khi nó tước của thân xác sự tự do tôn vinh Thiên Chúa, khi nó tách biệt khỏi linh hồn một thân xác phục tùng và hợp tác với các ý muốn của linh hồn, khi nó kết liễu mọi điều tốt lành mà con người có khả năng thực hiện, ghe tởm nó là điều chính đáng: nhưng khi nó kết liễu một cuộc sống không trong sạch, khi nó tước của thân xác sự tự do phạm tội, khi nó giải thoát linh hồn khỏi một kẻ phản nghịch rất mạnh mẽ và mâu thuẫn với mọi động lực cho ơn cứu rỗi của linh hồn, thì duy trì cùng một tâm tư như thế là điều rất không chính đáng.

Vì vậy, chúng ta đừng rời bỏ tình yêu mà thiên nhiên đã đem lại cho chúng ta để sống này, vì chúng ta đã lãnh nhận nó từ Thiên Chúa; nhưng chỉ cho cuộc sống mà vì nó Thiên Chúa đã ban tình yêu kia cho chúng ta, chứ không cho một đối tượng trái ngược. Và bằng cách thuận tình với tình yêu mà Adam dành cho cuộc sống vô tội của ông, và Chúa Giêsu Kitô dành cho cuộc sống của Người, chúng ta hãy chán ghét một cuộc sống trái ngược với cuộc sống mà Chúa Giêsu Kitô đã yêu mến, và chỉ sợ cái chết mà Chúa Giêsu Kitô sợ hãi, tức cái chết xảy đến cho một thân xác đẹp lòng Thiên Chúa; nhưng không sợ một cái chết, khi trừng phạt một thân xác tội lỗi, và thanh tẩy một thân xác xấu xa, nên đem lại cho chúng ta các tình cảm hoàn toàn trái ngược, nếu chúng ta có một chút đức tin, đức cậy và đức ái.

Một trong những nguyên tắc lớn lao của Kitô giáo là mọi điều đã xảy ra với Chúa Giêsu Kitô phải xảy ra cả trong linh hồn lẫn thể xác của từng Kitô hữu: như Chúa Giêsu Kitô đã phải chịu đau khổ trong cuộc đời trần thế của Người, đã chết cho cuộc sống phàm trần này, đã sống lại cho một sự sống mới, và lên thiên đàng, nơi Người ngự bên hữu Thiên Chúa, Cha Người; thì thân xác và linh hồn cũng phải chịu đau khổ, chết chóc, sống lại, và lên trời như vậy.

Tất cả những điều ấy được hoàn thành trong linh hồn lúc ở đời này, chứ không phải trong thân xác.

Linh hồn đau khổ và chết cho tội lỗi trong bí tích thống hối và trong bí tích rửa tội; linh hồn được hồi sinh cho cuộc sống mới trong các bí tích này; và cuối cùng linh hồn rời khỏi trái đất và lên trời để sống một cuộc sống thiên giới; điều này khiến thánh Phaolô nói: *Nostra conversatio in coelis est* [quê hương của chúng ta ở trên trời] (Pl 3:20).

Không có điều nào trong số những điều này xảy ra trong thân xác ở đời này; nhưng cũng những điều này xảy ra sau đó. Vì, lúc chết, thân xác chết cho cuộc sống phàm trần của nó: khi phán xét, nó sẽ sống lại với cuộc sống mới: sau khi phán xét, nó sẽ lên trời, và ở đó mãi mãi. Như thế, cũng những điều này xảy ra với thân xác và linh hồn, nhưng trong các thời gian khác nhau; và các thay đổi trong thân xác chỉ xảy ra khi các thay đổi của linh hồn đã hoàn thành, nghĩa là sau khi chết: đến nỗi sự chết là vương miện phước hạnh của linh hồn, và là sự khởi đầu của phước hạnh thân xác.

Đó là những hành vi đáng ngưỡng mộ của đức khôn ngoan Thiên Chúa đối với phần rỗi của các linh hồn; và Thánh Augustinô dạy chúng ta về chủ đề này rằng Thiên Chúa đã xử lý theo cách đó vì sợ rằng, nếu thân xác của con người chết và sống lại mãi mãi trong phép rửa, người ta sẽ chỉ chịu vâng phục Tin Mừng vì tình yêu cuộc sống; thay vì sự vĩ đại của đức tin bùng nổ nhiều hơn khi họ hướng tới sự bất tử nhờ bóng tối của cái chết.

IV. Điều không chính đáng là chúng ta không còn oán giận và không đau đớn trong các phiên não và tai nạn đáng tiếc đến với chúng ta, giống như những thiên thần không có tâm tình tự

nhiên: Cũng không chính đáng khi chúng ta không có sự an ủi, giống như những người ngoại giáo không hề có cảm thức nào về ơn thánh: nhưng quả là chính đáng khi chúng ta đau buồn và được an ủi như các Kitô hữu, và sự an ủi của ơn thánh chiếm ưu thế hơn các tâm tình tự nhiên, để ơn thánh có thể không những ở trong chúng ta, nhưng còn chiến thắng trong chúng ta; như thế, khi tôn vinh thánh danh Cha của chúng ta, ý muốn của Người trở thành ý muốn của chúng ta; ơn thánh của Người cai trị và thống trị thiên nhiên, và các phiến não của chúng ta giống như vật phẩm lễ hy sinh mà ơn thánh của Người đã thiêu hủy và hủy diệt cho vinh quang Thiên Chúa; và các lễ hy sinh đặc biệt này tôn vinh báo trước lễ hy sinh phổ quát trong đó, toàn bộ thiên nhiên phải được thiêu hủy bằng quyền năng của Chúa Giêsu Kitô.

Như thế, chúng ta sẽ tận dụng các bất toàn của chính mình, vì chúng sẽ đóng vai trò là vấp phạm của lễ toàn thiêu này: vì mục tiêu của các Kitô hữu chân chính là tận dụng các bất toàn của riêng mình, vì mọi sự đều hợp tác vào điều tốt cho các kẻ được tuyển chọn.

Và nếu để ý kỹ, chúng ta sẽ phát hiện ra các lợi thế lớn để xây dựng chúng ta, bằng cách xem xét sự vật trong sự thật; vì, chính vì cái chết của thân xác quả chỉ là hình ảnh cái chết của linh hồn, và chúng ta xây dựng trên nguyên tắc này là chúng ta có lý do để hy vọng vào sự cứu rỗi của những người mà chúng ta khóc thương cái chết, nên chắc chắn là nếu chúng ta không thể ngăn chặn diễn trình buồn bã và không hài lòng, chúng ta phải từ đó rút ra lợi ích này: vì cái chết của thân xác là rất đáng sợ đến nỗi nó gây ra cho chúng ta những cơn xúc động như thế, thì cái chết của linh hồn còn gây cho chúng ta nhiều cơn xúc động không thể nào xoa dịu được. Thiên Chúa gửi cái chết đầu tiên cho những người chúng ta thương tiếc; nhưng chúng ta hy vọng Người đổi hướng cái chết thứ hai. Do đó, chúng ta hãy xem xét sự lớn lao của các điều thiện ta làm so với sự lớn lao của các điều ác ta phạm, và nỗi đau quá sức của chúng ta là thước đo cho niềm vui quá sức của chúng ta.

Không có gì có thể kiềm chế niềm vui của chúng ta, ngoại trừ nỗi sợ rằng linh hồn của chúng ta phải mòn mỏi một thời gian trong các hình phạt nhằm mục đích thanh tẩy phần còn lại của tội lỗi ở đời này: và chính để làm dịu cơn thịnh nộ của Thiên Chúa đối với họ mà chúng ta phải sống một cách thận trọng.

Cầu nguyện và hy sinh là phương thuốc tối cao đối với các hình phạt của họ. Nhưng một trong những việc bác ái vững chắc nhất và hữu ích nhất đối với người chết là làm những việc họ muốn chúng ta làm nếu họ còn ở trên thế gian, và, tự đặt chúng ta vào trạng thái, mà hiện nay, họ muốn chúng ta hiện diện.

Nhờ thực hành trên, chúng ta làm họ sống lại trong chúng ta một cách nào đó, vì các lời khuyên của họ vẫn sống động và hoạt động trong chúng ta; và như những lãnh tụ dị giáo bị trừng phạt ở đời sau vì những tội lỗi họ đã kéo những người theo họ vào, và nọc độc của chúng vẫn sống trong đó thế nào; thì các người chết cũng được thương, quá công lao của họ, vì những người đã bước theo chân họ qua lời khuyên và gương sáng của họ.



V. Con người chắc chắn là quá yếu đuối, không thể phán đoán một cách lành mạnh về trình tự của những điều sắp xảy ra. Do đó, chúng ta hãy hy vọng nơi Thiên Chúa, và đừng mệt mỏi bởi các dự ước thiếu thận trọng và liều lĩnh. Hãy phó thác cho Thiên Chúa trong việc sống cuộc sống của chúng ta, và đừng để cho việc phật lòng chiếm ưu thế trong chúng ta.

Thánh Augustinô dạy chúng ta rằng trong mỗi người đều có một con rắn, một Evà và một Adam. Con rắn là các giác quan và bản chất của chúng ta; Evà là sự thèm ăn do tự dục, còn Adam là lý trí.

Thiên nhiên liên tục cám dỗ chúng ta, sự thèm ăn do tự dục thường thèm muốn; nhưng tội lỗi vẫn chưa phạm, nếu lý trí không đồng ý.

Vì vậy, chúng ta hãy để con rắn này và Evà này hành động, nếu chúng ta không thể ngăn chặn chúng; nhưng hãy cầu xin Thiên Chúa để ơn thánh của Người sẽ tăng sức mạnh cho Adam của chúng ta một cách nào đó để ông chiến thắng; để Chúa Giêsu Kitô chiến thắng trong ông, và Người ngự trị đời đời trong chúng ta.

MỤC XIX. Xin Thiên Chúa ban ơn biết sử dụng tốt các bệnh tật.

I. Lạy Chúa, Đấng mà thần trí rất tốt lành và dịu dàng trong mọi sự, và là Đấng rất nhân từ, đến nỗi không những sự thịnh vượng, mà cả những thất sủng xảy đến với các người Chúa chọn đều là các hiệu quả của lòng Chúa thương xót, xin ban cho con ơn không hành động như một người ngoại giáo trong tình trạng mà đức công chính của Chúa đã đưa con vào; như một Kitô hữu đích thực, con nhìn nhận Chúa là Cha của con và là Thiên Chúa của con, trong bất cứ trạng thái nào của con, vì sự thay đổi trong thân phận con không mang lại sự thay đổi nào cho Chúa; Chúa vẫn vậy, mặc dù con chịu thay đổi; và Chúa không bớt là Thiên Chúa chút nào khi Chúa gây đau khổ và khi Chúa trừng phạt, cũng như khi Chúa an ủi và sử dụng lòng khoan dung.



II. Chúa đã cho con sức khỏe để phụng sự Chúa, và con đã sử dụng nó một cách hoàn toàn phạm tục. Bây giờ Chúa gửi cho con bệnh tật để sửa trị con; xin Chúa đừng để con sử dụng nó để chọc giận Chúa bằng sự thiếu kiên nhẫn của con. Con đã sử dụng sức khỏe của con một cách tội tệ, và Chúa đã trừng phạt con vì điều đó. Xin Chúa đừng đau khổ khi con sử dụng hình phạt của Chúa một cách tội tệ. Và vì sự hư hỏng của bản chất con tội tệ đến nỗi nó biến các ân huệ của Chúa thành độc hại cho con, lạy Thiên Chúa của con, xin ơn thánh toàn năng của Chúa làm cho các hình phạt của Chúa thành ơn cứu rỗi cho con. Nếu con có trái tim tràn đầy tình âu yếm thế gian trong khi nó còn sức sống nào, xin hãy tiêu diệt sức sống đó để con được cứu rỗi; và khiến con không có khả năng tận hưởng thế gian, bất kể do cơ thể yếu đuối, do lòng nhiệt thành bác ái, để chỉ biết vui hưởng một mình Chúa mà thôi.

III. Ôi lạy Thiên Chúa, Đáng mà trước Ngài con phải tính sổ chính xác mọi hành động của con vào lúc cuối đời và ngày tận thế! Ôi Lạy Thiên Chúa, Đáng chỉ để thế giới và tất cả mọi sự trên thế giới tồn tại để thử thách những người Chúa chọn, hoặc để trừng phạt những kẻ tội lỗi! Hỡi Đức Chúa Trời, Đáng đã bỏ mặc những tội nhân cứng lòng trong việc sử dụng ngon lành và tội ác trên thế giới! Ôi Lạy Thiên Chúa, Đáng đã làm thân xác chúng con chết, và là Đáng, vào giờ chết, tách linh hồn chúng con khỏi tất cả những gì nó yêu thương trên thế gian! Ôi Lạy Thiên Chúa, Đáng, vào giây phút cuối cùng của đời con, sẽ búng con khỏi tất cả những điều con gắn bó với chúng, và là nơi con đặt trọn trái tim của con! Ôi Lạy Thiên Chúa, Đáng, vào ngày cuối cùng, sẽ thiêu hủy trời và đất, và tất cả các tạo vật mà chúng chứa đựng, để cho mọi người thấy rằng không có gì còn tồn tại ngoài Chúa, và như thế, không có gì đáng yêu hơn Chúa, vì không có gì là bền vững ngoài Chúa! Ôi Lạy Thiên Chúa, Đáng phải tiêu diệt tất cả mọi ngẫu thần vô dụng này và tất cả những đối tượng tai hại của các niềm đam mê của chúng con! Con ngợi khen Chúa, lạy Thiên Chúa của con, và con sẽ chúc tụng Chúa trong mọi ngày suốt đời con, vì Chúa đã vui lòng dự ứng trước cái ngày khủng khiếp ấy khi, vì con, Chúa đã tiêu diệt mọi sự, trong sự yếu nhược Chúa đã rút gọn con vào.

Con ngợi khen Chúa, lạy Thiên Chúa của con, và con sẽ chúc tụng Chúa mọi ngày suốt cả đời con, vì Chúa đã vui lòng rút gọn con vào chỗ không còn khả năng tận hưởng sự ngọt ngào của sức khỏe và thú vui của thế gian; và vì lợi ích của con mà phần nào đó, Chúa đã tiêu diệt các ngẫu thần lừa dối, mà Chúa đã tiêu diệt một cách hữu hiệu để gây bối rối cho các kẻ ác trong ngày Chúa nổi giận.

Lạy Chúa, xin cho con tự xét đoán mình sau sự hủy diệt mà Chúa đã gây ra cho con này, để Chúa không phán xét con sau cuộc hủy diệt toàn bộ mà Chúa sẽ gây ra cho đời sống con và đời sống thế giới.

Vì Lạy Chúa, như lúc con chết, con thấy mình bị tách rời khỏi thế giới, bị tước hết mọi sự, một mình trước nhan Chúa, để trả lời công lý của Chúa đối với tất cả mọi chuyển động của

trái tim con, xin Chúa hãy làm cho con tự xem xét con trong căn bệnh này, giống như trong một loại chết, bị tách rời khỏi thế giới, bị tước bỏ mọi đối tượng con vốn gắn bó với, một mình trước nhan Chúa, để khẩn nài lòng thương xót Chúa ban cho con sự hoán cải tâm hồn; và như thế, con có được niềm an ủi tốt độ về việc, lúc này, Chúa gửi cho con một loại cái chết để thực thi lòng thương xót của Chúa, trước khi Chúa thực sự gửi cái chết cho con để thực thi sự phán xét của Chúa.

Vậy, lạy Thiên Chúa của con, như Chúa đã báo trước cái chết của con thế nào, con cũng dự ứng mức độ nghiêm khắc trong bản án của Chúa như thế, và con tự xét bản thân con trước sự phán xét của Chúa, để tìm lòng thương xót trước nhan Chúa.

IV. Lạy Thiên Chúa của con! Xin cho con biết thờ lạy trong im lặng mệnh lệnh quan phòng đáng tôn thờ của Chúa đối với việc sống cuộc sống của con; ngay tai họa của Chúa cũng an ủi con; và sau khi đã sống trong cay đắng vì tội lỗi của con trong lúc bình an, con biết nếm trải những ngọt ngào thiên giới của ơn thánh Chúa trong những lúc gặp điều xấu xa mang tính cứu rỗi mà Chúa đã giáng xuống trên con!

Nhưng, Lạy Thiên Chúa của con, con nhận thấy trái tim con rất cứng cõi và đầy những ý nghĩ, những quan tâm, lo lắng và quyến luyến thế gian, đến nỗi bệnh tật hay sức khỏe, bài diễn thuyết, sách vở, cả sách thánh của Chúa, Tin mừng của Chúa, cả các mầu nhiệm thánh thiêng nhất của Chúa, cả việc bố thí, ăn chay, ép xác, cả các phép lạ, cả việc dùng các bí tích, cả lễ hy sinh mình thánh Chúa, cả mọi cố gắng của con, cả mọi cố gắng của cả thế giới với nhau, không thể làm gì cả để khởi đầu việc hoán cải của con, nếu Chúa không kèm tất cả những điều ấy với ơn phù trợ phi thường của ơn thánh Chúa. Đó là lý do tại sao, lạy Thiên Chúa toàn năng, con ngỏ lời cùng Chúa để xin Chúa hồng ân mà mọi tạo vật họp nhau lại cũng không thể ban cho con.

Con sẽ không dám liều lĩnh ngỏ với Chúa các than van của con, nếu một ai khác có thể lắng nghe chúng. Nhưng, Lạy Thiên Chúa của con, vì việc hoán cải của trái tim con, mà con cầu xin Chúa, là một công việc vượt quá mọi cố gắng của thiên nhiên, nên con chỉ có thể ngỏ lời cùng tác giả và chúa tể toàn năng của thiên nhiên và của trái tim con mà thôi.



Lạy Chúa, con sẽ than van với ai, con sẽ chạy lại với ai nếu không phải là Chúa? Bất cứ điều gì không phải là Chúa đều không thể đáp ứng được sự mong đợi của con. Chính Thiên Chúa mà con cầu xin và tìm kiếm; và, Lạy Thiên Chúa của con, con chỉ ngỏ lời với một mình Chúa để có được Chúa. Lạy Chúa, hãy mở rộng lòng con; hãy vào nơi nỗi loạn này mà các thói hư đã chiếm giữ. Chúng đã giữ nó làm bầy tôi. Hãy vào trong nó như trong ngôi nhà của kẻ mạnh; nhưng trước tiên hãy trói kẻ thù mạnh mẽ và quyền lực vốn làm chủ nó, rồi hãy lấy

kho báu có trong đó. Lạy Chúa, xin hãy nhận các tình cảm âu yếm của con mà thế giới đã đánh cắp; Chúa hãy tự mình đánh cắp kho báu ấy, hay nói đúng hơn là lấy lại nó, vì nó vốn thuộc về Chúa, như một công vật con vốn nợ Chúa, vì hình ảnh của Chúa đã in sâu vào nó. Lạy Chúa, Chúa đã tạo dựng nó ở đó, vào lúc con chịu phép rửa, vốn là lần sinh thứ hai của con; nhưng nó đã bị hoàn toàn tẩy xóa. Ý niệm thế gian đã khắc sâu vào nó đến nỗi ý niệm về Chúa không còn có thể biết được nữa. Một mình Chúa đã có thể tạo ra linh hồn của con; chỉ Chúa mới có thể tái tạo nó; chỉ một mình Chúa mới có thể tạo hình ảnh của Chúa ở đó, một mình Chúa có thể cải tạo nó, và in lại bức chân dung của Chúa ở đó: nghĩa là, Chúa Giêsu Kitô, Đấng Cứu Rỗi của con, vốn là hình ảnh của Chúa và dấu ấn của bản thể Chúa.

V. Lạy Thiên Chúa của con! Trái tim hạnh phúc là trái tim có thể yêu một đối tượng quyền rũ như vậy, không hề làm mất lòng Người, và sự gắn bó với Người có ích cứu rỗi xiết bao! Con cảm thấy con không thể yêu thế gian mà không làm mất lòng Chúa, không làm hại bản thân và không làm nhục chính mình con; và tuy thế, thế gian vẫn là đối tượng cho mọi vui thích của con. Lạy Thiên Chúa của con! linh hồn hạnh phúc là linh hồn lấy Chúa làm niềm vui thích, vì nó có thể từ bỏ mình để yêu Chúa, không những không âu lo, mà còn được công phúc nữa! Hạnh phúc của nó vững chắc và lâu bền, vì hoài mong của nó sẽ không bị thất vọng, bởi vì Chúa sẽ không bao giờ bị hủy diệt, và cả sự sống lẫn cái chết sẽ không bao giờ tách nó ra khỏi đối tượng nó mong muốn; và ngay lúc các kẻ ác bị các thần tượng của họ lôi kéo vào một cuộc hủy hoại tập thể, lúc ấy cũng sẽ hợp nhất những người công chính với Chúa trong một vinh quang tập thể; nhóm người trước sẽ hư vong cùng với các đối tượng dễ hư vong mà họ vốn gắn bó với thế nào, thì nhóm người sau sẽ tồn tại vĩnh viễn trong đối tượng vĩnh cửu và tự tồn tại, Đấng mà họ kết hợp chặt chẽ với! Hạnh phúc thay những người, với sự tự do hoàn toàn và khuynh hướng ý chí kiên vững, yêu một cách trọn vẹn và tự do điều họ bắt buộc phải yêu một cách nhất thiết!

VI. Lạy Thiên Chúa của con, xin Chúa hãy hoàn tất các chuyển động tốt lành mà Chúa vốn ban cho con. Xin Chúa hãy là cùng đích của chúng cũng như Chúa vốn là nguyên lý của chúng. Xin Chúa hãy tôn vinh các hồng ân của chính Chúa; vì con nhìn nhận chúng là các hồng ân của Chúa. Vâng, lạy Thiên Chúa của con; và, thay vì cao ngạo cho rằng những lời cầu nguyện của con có giá trị buộc Chúa nhất thiết phải khứng nghe, con nhìn nhận một cách rất khiêm nhường rằng sau khi đã trao trái tim con cho tạo vật, trái tim mà Chúa đã tạo thành chỉ cho một mình Chúa, không cho thế gian, cũng không cho chính con, con không thể mong đợi ân sủng nào ngoại trừ ân sủng của lòng Chúa thương xót, vì con không có gì ở trong con có thể lôi cuốn Chúa vào đó và tất cả những chuyển động tự nhiên của trái tim con, vốn hướng về các tạo vật hay vào chính con, chỉ có thể làm Chúa bất bình. Vì vậy, con cảm ơn Chúa, lạy Thiên Chúa của con, về những chuyển động tốt lành mà Chúa ban cho con, và về chính chuyển động mà Chúa ban cho con để con tạ ơn Chúa.

VII. Xin Chúa hãy đánh động trái tim con bằng sự ăn năn về các lỗi lầm của con, bởi vì, nếu không có nỗi đau bên trong này, thì những tai họa bên ngoài mà Chúa dùng trừng phạt thân xác con sẽ là một dịp khác để con phạm tội. Xin làm cho con biết rõ rằng các tai họa của thể xác không là gì khác hơn sự trừng phạt và là hình bóng toàn bộ những điều xấu xa của linh hồn. Nhưng, lạy Chúa, xin Chúa hãy làm chúng thành phương thuốc, bằng cách làm cho con, trong những nỗi đau mà con cảm thấy, biết xem xét nỗi đau con không cảm thấy trong linh hồn, mặc dù toàn các bệnh tật và đầy các vết lở loét. Vì, lạy Chúa, căn bệnh lớn nhất của nó là sự vô cảm và sự yếu đuối cùng cực này, những thứ đã lấy khỏi nó mọi cảm thức về các khổ cùng của chính nó. Xin Chúa làm cho con cảm thấy chúng một cách sống động, và cho quăng đời còn lại của con là cuộc đền tội liên tục, để rửa sạch các tội con đã phạm.

VIII. Lạy Chúa, mặc dù cuộc đời đã qua của con không có những tội ác lớn lao, mà các dịp phạm chúng Chúa đã giữ cách xa con, tuy nhiên nó thật đáng ghê tởm đối với Chúa bởi sự sờ suất liên tục của nó, bởi việc lạm dụng các bí tích uy nghi nhất của Chúa, bởi sự khinh thường lời nói và linh hứng của Chúa, bởi sự nhàn rỗi và hoàn toàn vô ích trong các hành động và suy nghĩ của con, bởi sự lãng phí toàn bộ thời gian mà Chúa ban cho con chỉ để cho con tôn thờ Chúa, để tìm kiếm trong tất cả các nghề nghiệp của con những phương tiện làm hài lòng Chúa, và để đền các lỗi lầm đã phạm hàng ngày, và thậm chí, còn là những điều bình thường nhất đối với những người công chính; đến nỗi đời sống họ phải là một cuộc đền tội liên tục, không có nó, họ có nguy cơ làm giảm sút sự công chính của họ: như thế, lạy Thiên Chúa của con, con luôn đi ngược lại với Chúa.

IX. Vâng, lạy Chúa, cho đến bây giờ con luôn luôn điếc trước ơn linh hứng của Chúa, con đã khinh thường lời sấm của Chúa; con đã phán đoán ngược với phán đoán của Chúa; Con đã mâu thuẫn với những chiêm ngôn thánh thiêng mà Chúa đã mang vào thế giới từ trong lòng của Cha Vĩnh Hằng của Chúa, và theo đó Chúa sẽ phán xét thế giới. Chúa nói: Phúc cho những ai khóc lóc, và khôn cho những ai được an ủi! Còn con, thì con nói: Khôn thay cho những người khóc than, và rất phúc thay cho những người được an ủi! Con nói: phúc thay những người được hưởng một gia tài thuận lợi, một công danh vẻ vang và một sức khỏe dồi dào! Và tại sao con cho là họ hạnh phúc, nếu không phải vì tất cả những lợi điểm đó khiến họ rất dễ hưởng thụ các tạo vật, nghĩa là xúc phạm đến Chúa? Vâng, lạy Chúa, con thú nhận rằng con rất quý trọng sức khỏe như một sự thiện, không phải vì nó là một cách dễ dàng để phục vụ Chúa một cách hữu ích, để dành nhiều sự quan tâm và canh thức hơn cho việc phục vụ Chúa, và trợ giúp người lân cận; nhưng vì nhờ nó, con có thể buông thả bản thân với thật ít kiểm chế hơn trong việc tha hồ hưởng các thú vui của cuộc sống, và nhất là thưởng thức các khoái cảm tai hại. Lạy Chúa, xin ban cho con ơn biết sửa đổi lý trí hư hỏng của con, và điều chỉnh cảm xúc của con cho phù hợp với Chúa. Xin cho con biết mình hạnh phúc trong sâu khổ, và trong việc bất lực hành động ở bên ngoài, xin Chúa thanh lọc cảm xúc của con đến mức chúng không còn chán ghét các cảm xúc của Chúa nữa; và nhờ thế, con tìm thấy Chúa trong chính con, vì con không thể tìm Chúa ở bên ngoài, do sự yếu đuối của con. Vì, lạy Chúa, vương quốc Chúa ở trong các tín hữu của Chúa; và con sẽ tìm thấy nó trong chính con, nếu con tìm thấy thần trí và các cảm xúc của Chúa ở đó.

X. Nhưng lạy Chúa, con phải làm gì để Chúa buộc đổ trần thần trí Chúa xuống trái đất khôn khổ này? Tất cả mọi thứ mà con là đều đáng ghét đối với Chúa, và con không tìm thấy gì ở trong con để có thể làm vui lòng Chúa. Lạy Chúa, con không thấy gì ở đó, ngoại trừ những nỗi đau duy nhất của con, chúng vốn có một số điểm giống với các nỗi đau của Chúa. Vì vậy, xin Chúa xem xét các tai họa mà con đang phải chịu và là những thứ đang đe dọa con. Lạy Đấng Cứu Rỗi con, Đấng rất yêu các đau khổ của Chúa trong lúc qua đời, xin Chúa nhìn với con mắt thương xót các vết thương mà bàn tay Chúa đã gây ra cho con! Lạy Thiên Chúa, Đấng chỉ trở nên người phạm để chịu đau khổ hơn bất cứ người nào vì sự cứu rỗi của loài người! Lạy Thiên Chúa, Đấng đã nhập thể sau khi loài người phạm tội, và chỉ mặc lấy một thân xác chỉ để chịu đủ mọi tai họa mà tội lỗi của chúng con đáng gánh chịu! Lạy Thiên Chúa, Đấng yêu thương các thân xác đau khổ đến nỗi Chúa đã chọn cho Chúa thân xác trịu nặng các đau khổ chưa bao giờ có trên thế giới! Xin Chúa vui lòng với thân xác con, không phải vì chính nó, cũng không phải vì tất cả những gì nó chứa đựng, vì mọi sự trong đó đều đáng để Chúa nổi giận; nhưng vì những tai họa nó chịu đựng, chỉ có chúng mới có thể xứng đáng với tình yêu của Chúa mà thôi.

Lạy Chúa, xin Chúa yêu thương những đau khổ của con, và xin cho những tai họa của con mời được Chúa đến thăm con. Nhưng, lạy Đấng Cứu Rỗi của con, để hoàn tất việc chuẩn bị

nơi Chúa đến viếng thăm, xin Chúa hãy làm để nếu thân xác con có điếm chung với thân xác của Chúa, thì nó phải chịu đau khổ vì các lỗi phạm của con, linh hồn con cũng muốn có điếm chung với linh hồn của Chúa, thì nó phải buồn phiền vì cùng những lỗi phạm này; và như thế, con sẽ đau khổ với Chúa, và cũng như Chúa, đau khổ cả trong thân xác lẫn trong linh hồn con, vì những tội lỗi mà con đã xúc phạm.



XI. Lạy Chúa, xin ban cho con ơn biết nối kết các niềm an ủi của Chúa vào các đau khổ của con, để con có thể chịu đau khổ như một Kitô hữu. Con không xin được miễn đau khổ, vì đó là phần thưởng của các thánh; nhưng con xin đừng bị bỏ rơi cho các đau khổ của thiên nhiên mà không được các an ủi của thần trí Chúa; vì đó là sự trừng phạt dành cho người Do Thái và dân ngoại. Con không xin sự an ủi viên mãn mà không có bất cứ đau khổ nào; vì nó là cuộc sống vinh quang. Con cũng không xin được ở trong nhiều tai họa mà không có sự an ủi; vì đó là một tình trạng của Do Thái giáo. Nhưng, lạy Chúa, con xin được cảm nhận tất cả với nhau, cả các đau khổ của thiên nhiên vì tội lỗi của con, lẫn các an ủi của thần trí Chúa nhờ ơn thánh Chúa; vì đó là tình trạng đích thực của Kitô giáo. Xin cho con không cảm thấy đau đớn nếu không có sự an ủi; nhưng cho con cảm thấy đau đớn và an ủi tất cả với nhau, để cuối cùng con tiến tới chỗ chỉ cảm thấy các an ủi của Chúa mà không có bất cứ đau khổ nào. Vì, lạy Chúa, Chúa đã để thế giới mòn mỏi trong các đau khổ tự nhiên mà không được an ủi, trước khi Con một của Chúa giáng trần: bây giờ Chúa an ủi và xoa dịu các đau khổ của tín hữu Chúa nhờ ơn thánh của Con một Chúa; và Chúa tràn đổ cho các thánh của Chúa một hạnh phúc tinh khiết trong vinh quang của Con một Chúa. Đó là những cấp độ đáng ngưỡng mộ qua đó Chúa tiến hành các công trình của Chúa. Chúa đã kéo con ra khỏi điều thứ nhất: xin cho con bước qua điều thứ hai, để tiến vào điều thứ ba. Lạy Chúa, chính ơn thánh là điều con xin Chúa.

XII. Xin chớ để con bị xa cách Chúa đến nỗi con có thể xem xét linh hồn Chúa buồn rầu cho đến chết, và thân thể Chúa bị như tử vì tội lỗi của con, mà không được vui mừng vì đau khổ cả về thể xác lẫn linh hồn con. Vì còn có gì đáng xấu hổ hơn, mặc dù rất bình thường nơi các Kitô hữu và nơi bản thân con, cho bằng, trong khi Chúa đổ máu để chuộc tội chúng con, chúng con lại sống trong vui sướng; và cho bằng các Kitô hữu tuyên bố thuộc về Chúa; và là những người, qua phép rửa, đã từ bỏ thế gian để theo Chúa; là những người đã tuyên thệ long trọng trước Giáo Hội sẽ sống và chết với Chúa; những người tuyên bố mình tin rằng thế gian đã bắt bớ và đóng đinh Chúa; những người tin rằng Chúa đã tự phơi bày chính Chúa cho con thịnh nộ của Thiên Chúa và sự tàn ác của loài người để chuộc họ khỏi tội ác của họ; Con nói, những người tin tất cả những sự thật ấy, những người coi thân xác Chúa như vật tế hiến mình cho sự cứu rỗi của họ, những người coi những thú vui và tội lỗi của thế giới như lý do duy nhất gây đau khổ cho Chúa, và chính thế giới như đao phủ của Chúa, lại tìm cách vuốt ve thân xác họ bằng cùng các thú vui này, giữa cùng một thế giới này; và cho bằng những người không thể, mà không rùng mình kinh hãi khi thấy một người vuốt ve và quý mến kẻ đã giết

cha mình, người đã xả thân để ban sự sống cho họ, lại có thể sống, như con đã làm, với trọn niềm vui giữa thế gian, mà con biết đích thực là kẻ đã giết Đấng mà con nhìn nhận là Thiên Chúa của con và là cha của con, Đấng đã xả thân vì sự cứu rỗi riêng của con, và là Đấng, trong con người của Người đã gánh chịu hình phạt vì tội ác của con? Lạy Chúa, điều chính đáng là Chúa đã làm gián đoạn một niềm vui cũng tội lỗi như niềm vui trong đó, con yên nghỉ dưới bóng sự chết.

XIII. Vậy, lạy Chúa, xin hãy cất khỏi con những buồn phiền mà tình yêu chính con có thể mang lại cho con từ các đau khổ của chính con, và từ những điều của thế gian vốn không tương thích với các xu hướng của lòng con, và không lưu tâm gì đến vinh quang của Chúa; nhưng xin đặt trong con một nỗi buồn phù hợp với nỗi buồn của Chúa. Xin cho các đau khổ của con có thể xoa dịu cơn giận của Chúa. Hãy biến nó thành một cơ hội cho sự cứu rỗi và sự hoán cải của con. Xin cho con từ nay trở đi, chỉ ước mong có sức khỏe và sự sống để sử dụng chúng và kết thúc chúng cho Chúa, với Chúa và trong Chúa. Con không xin Chúa sức khỏe, bệnh tật, sự sống, hay cái chết; nhưng xin Chúa xếp đặt sức khỏe của con và bệnh tật của con, sự sống và cái chết của con, vì vinh quang của Chúa, vì sự cứu rỗi của con, và vì ích lợi của Giáo hội và của các thánh của Chúa, mà con hy vọng, nhờ ơn thánh của Chúa, được làm một thành phần. Chỉ một mình Chúa biết điều gì là thích hợp với con: Chúa là chủ nhân tối cao, xin Chúa hãy làm những gì Chúa muốn. Hãy cho con, hãy cất con đi; nhưng hãy làm cho ý muốn của con phù hợp với ý muốn của Chúa; và, trong một sự phục tùng khiêm nhường và hoàn toàn, và trong sự tin tưởng thánh thiện, con sẵn sàng tiếp nhận các mệnh lệnh của ơn quan phòng đời đời của Chúa, và con cũng tôn thờ mọi điều đến với con từ Chúa.

XIV. Lạy Thiên Chúa của con, trong sự đồng nhất tinh thần luôn không thay đổi, xin Chúa cho con tiếp nhận mọi loại biến cố, vì chính con không biết mình phải xin điều gì, và con không thể muốn điều này hơn điều khác mà không cao ngạo, và không làm cho con trở thành thẩm phán và chịu trách nhiệm về những hậu quả mà sự khôn ngoan của Chúa muốn che giấu con. Lạy Chúa, con biết rằng con chỉ biết một điều: theo Chúa là điều tốt, và xúc phạm đến Chúa là điều xấu. Sau đó, con không biết điều nào tốt nhất hay tệ nhất trong tất cả mọi sự; con không biết điều nào có lợi cho con, sức khỏe hay bệnh tật, của cải hay nghèo khó, cũng như tất cả mọi thứ trên thế giới. Đó là sự biện phân vượt quá sức lực của con người và các thiên thần, và được giấu ẩn trong những bí mật của ơn Chúa quan phòng mà con hằng tôn thờ, và không muốn đào sâu hơn.

XV. Vì vậy, lạy Chúa, con có thể nào, con xin được phù hợp với thánh ý Chúa; và bệnh hoạn như con, con tôn vinh Chúa trong các đau khổ của con. Không có chúng, con không thể đạt được vinh quang; và, lạy Đấng Cứu Rỗi của con, chính Chúa cũng chỉ muốn đạt được điều đó bằng các đau khổ mà thôi. Chính nhờ dấu vết đau khổ của Chúa mà Chúa đã được các môn đệ của Chúa nhận ra; và chính nhờ các đau khổ, Chúa cũng nhận ra những người là môn đệ của Chúa. Vì vậy, xin hãy nhìn nhận con là môn đệ của Chúa trong các tai họa con đang chịu đựng, cả trong thể xác lẫn tinh thần của con, vì những tội con đã phạm: và bởi vì không có gì đẹp lòng Thiên Chúa nếu nó không được Chúa dâng lên cho Người, xin hãy hiệp nhất ý muốn của con với ý muốn của Chúa, và nỗi đau của con với những nỗi đau Chúa đã phải chịu đựng. Xin làm cho các đau khổ của con thành các đau khổ của Chúa: xin kết hợp con với Chúa; xin hãy đổ đầy con bằng Chúa và Chúa Thánh Thần của Chúa. Xin Chúa đi vào trái tim và linh hồn con, để mang các đau khổ của con ở đó, và tiếp tục chịu đựng trong con những gì Chúa vẫn còn phải chịu từ cuộc khổ nạn của Chúa, mà Chúa hoàn thành trong các chi thể của Chúa cho đến khi tiêu thụ hết thân xác Chúa; hầu cho, lạy Đấng Cứu Rỗi của con, được đầy tràn Chúa, không phải con sống và đau khổ nữa, nhưng chính Chúa đang sống và đau khổ ở trong con! và như thế, được chia sẻ chút ít trong các đau khổ của Chúa, Chúa làm cho con hoàn

toàn tràn đầy vinh quang mà các đau khổ này đã giành được cho Chúa, trong vinh quang này, Chúa hằng sống với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, muôn đời. Amen.